



FACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

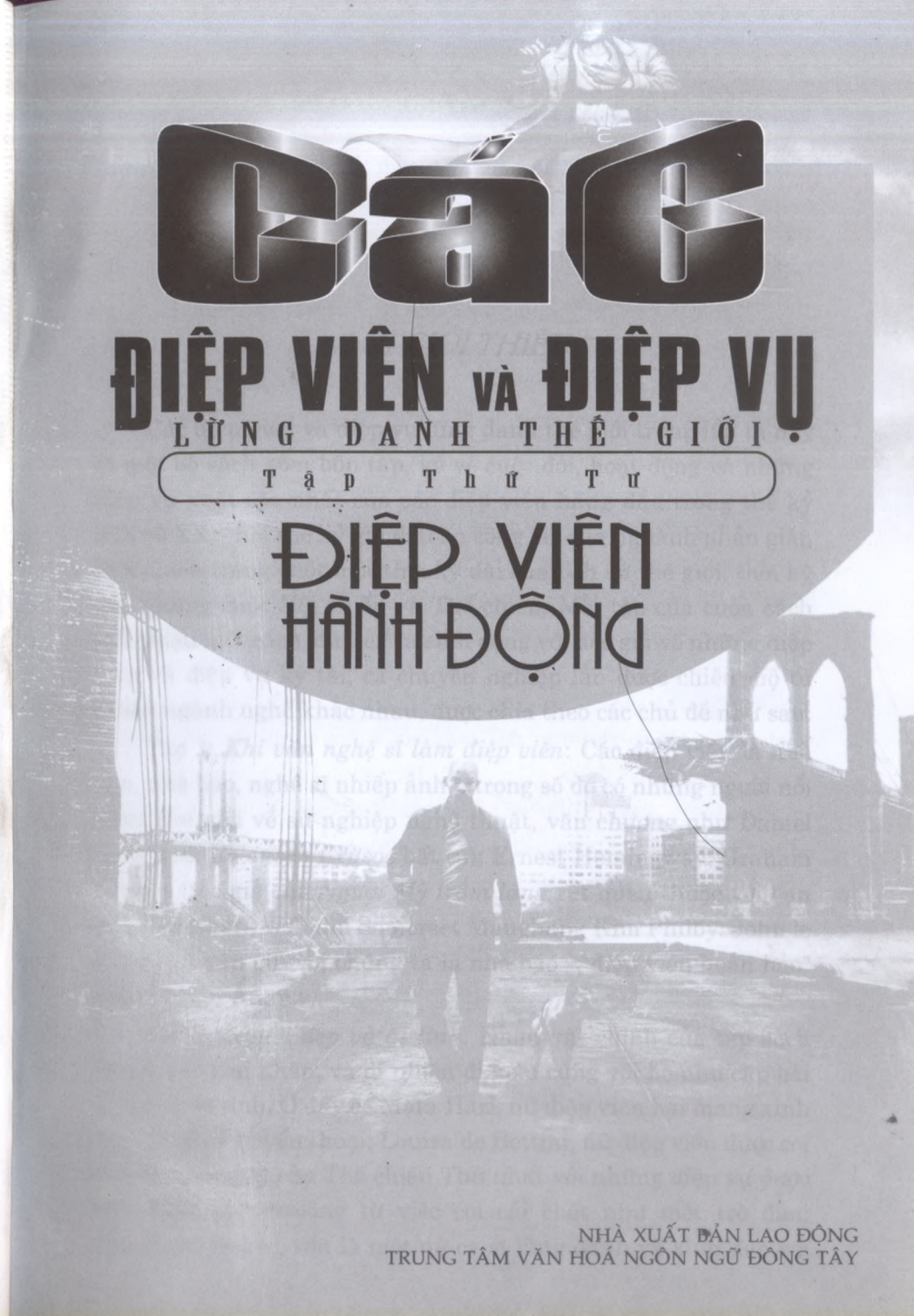
LỪNG DANH THẾ GIỚI

T ậ p T h ư T ư

ĐIỆP VIÊN HÀNH ĐỘNG



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



BACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

LỪNG DANH THỂ GIỚI

T ậ p T h ữ T ư

ĐIỆP VIÊN HÀNH ĐỘNG

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Các điệp viên và điệp vụ lừng danh thế giới trong lần in này là một bộ sách gồm bốn tập, kể về cuộc đời, hoạt động và những điệp vụ xuất sắc nhất của các điệp viên hàng đầu trong thế kỷ XIX và XX, - hai thế kỷ ghi dấu ấn công lao của ngành phản gián thời chiến trong suốt một thời kỳ dài của lịch sử thế giới, thời kỳ của những cuộc Nội chiến và Thế chiến. Mỗi tập của cuốn sách giới thiệu một cách chi tiết và sinh động với độc giả về những điệp viên và điệp vụ kỳ tài, cả chuyên nghiệp lẫn được chiêu mộ từ nhiều ngành nghề khác nhau, được chia theo các chủ đề như sau:

Tập 1: *Khi văn nghệ sĩ làm điệp viên*: Các điệp viên là nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh... trong số đó có những người nổi tiếng thế giới về sự nghiệp nghệ thuật, văn chương như Daniel Defoe (với *Robinson Crusoe* bất tử); Ernest Hemingway; Graham Greene (tác giả của *Người Mỹ trăm lạng* rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam); William Somerset Maugham; Kim Philby; John le Carre; và gần gũi với chúng ta là nhà báo - "điệp viên hoàn hảo" Phạm Xuân Ẩn, v.v...

Tập 2: *Người đẹp và ái tình*: Nhân vật chính của tập sách này là các giai nhân, và dĩ nhiên đi kèm cùng với họ như cặp bài trùng, là ái tình. Ở đây có Mata Hari, nữ điệp viên hai mang xinh đẹp với vô số huyền thoại; Louisa de Bettini, nữ điệp viên được coi là xuất sắc nhất của Thế chiến Thứ nhất với những điệp vụ được thực hiện thành công từ việc coi cái chết như một trò đùa; Josephine Baker, vốn là một nữ ca sĩ lừng danh và xinh đẹp với

những hoạt động góp phần tích cực vào thay đổi cục diện của Thế chiến Thứ hai; và nữ đại tá anh hùng tình báo Việt Nam Đinh Thị Vân suốt mấy chục năm âm thầm làm nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm trong lòng địch, v.v...

Tập 3: *Những điệp vụ và những ông trùm*: Tập này dành nói về những điệp vụ nổi tiếng trong lịch sử tình báo thế giới, và bên cạnh đó là những "ông trùm" mật vụ - những nhà tổ chức các mạng lưới điệp viên và các hoạt động tình báo, như Allen Dulles - giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ; Khang Sinh - "trùm mật vụ quái vật", "kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên" trong Cách mạng Văn hoá ở Trung Quốc; Valter Sellenberg - trùm AMT6 của Đức Quốc xã; và Mười Hương - người chỉ huy tình báo huyền thoại trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Tập 4: *Điệp viên hành động*: Trong tập sách này tập hợp đông đảo lực lượng chính làm nên sức mạnh của ngành tình báo, phản gián thế giới - các điệp viên trực tiếp hành động trong lòng địch, trên chiến trường, đối mặt với hiểm nguy và cái chết: từ Piotr Tolstoi - điệp viên quý tộc của Piotr Đại Đế, Carl Sulmaster - gián điệp vĩ đại của Napoleon; đến Frans fon Rintelen - điệp viên biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất; rồi Richard George - siêu điệp viên của tình báo Xô Viết; Otto Scorseni - điệp viên SS khát máu; và cả Vũ Ngọc Nhạ - vị cố vấn của ba đời Tổng thống nguy Sài Gòn; Nguyễn Thành Trung - điệp báo viên sau 20 năm ẩn tích ném bom Dinh Độc Lập, v.v...

Ở mỗi tập của bộ sách chúng tôi cố gắng cung cấp tư liệu một cách hệ thống, hy vọng có thể đáp ứng được cả nhu cầu tìm hiểu lẫn giải trí của đông đảo độc giả.

Người biên soạn

PIOT'R TOLSTOI

DIỆP VIÊN QUÝ TỘC CỦA PIOT'R ĐẠI ĐẾ

Được coi là người mở đầu cho ngành tình báo Nga, học thức hơn người, ăn nói sắc sảo, nghệ thuật hồi lộ điêu luyện, Piot'r Tolstoi (1645-1728) trở thành sứ thần tin cậy trong hoạt động gián điệp của Piot'r Đại đế khi đã bước sang cái tuổi tri thiên mệnh. Cuộc đời ông trải bao thăng trầm, lên cung xuống bậc, với một kết thúc đáng buồn nhưng cũng là cái gương để người đời sau biết.



* Ăn nói thông minh, đẹp lòng Nga hoàng

Dường như ở cái tuổi năm mươi hai, người ta khó có thể bắt đầu cuộc sống mới và lập nghiệp. Thế nhưng chính điều đó lại xảy ra với Piot'r Andreevitr Tolstoi, bá tước, con trai quan Nhị phẩm Vaxilievitr Tolstoi. Từ năm 1682, ông đã giữ chức quan thuộc hàng ngũ phẩm trong triều. Là hậu duệ của một dòng họ quý tộc lâu đời, gần gũi với gia đình Miloslavski, một thế lực chính trị lúc bấy giờ chống đối lại Nga hoàng Piot'r, trong thời gian xảy ra vụ bạo loạn của các xạ thủ ông đã đề nghị trưng trị thẳng tay đám nhà Nariskin là những họ hàng bên mẹ của Nga hoàng Piot'r. Do vậy Tolstoi bị đuổi đến Đại Ustiuk, nơi ông đã phục vụ trong thủy quân mười hai năm.

Nhưng về sau Tolstoi lại vớ được một dịp may hiếm có vì đột nhiên chính Nga hoàng lại thân chinh đến cái thành phố khi ho cò gáy đó. Tolstoi bắn pháo hoa chào mừng, mở tiệc thịnh soạn tiếp đãi và chuyện trò thật thông minh làm đẹp lòng Nga hoàng. “Hãy nói ta nghe ông muốn điều gì!” - Nga hoàng Piot'r hiền từ nói. Tolstoi không cầu xin điều gì nhiều nhận, mà chỉ mong Nga hoàng cho phép ông tuy tuổi cao vẫn được đi học khóa học hải quân. Vậy là ở tuổi năm mươi hai ông trở thành sinh viên ở Italia, miệt mài học tập và tốt nghiệp loại khá.

Nhưng ông không trở thành thủy thủ. Nga hoàng Piot'r quyết định dùng Tolstoi thông minh sắc sảo và có học thức, ăn mặc bảnh bao cho hoạt động ngoại giao và cử sang đế quốc Ottoman, Thổ Nhĩ Kỳ làm sứ thần. Ông đã sống ở đó mười bốn năm. Thời đó chức vụ sứ thần và đại diện của cơ quan tình báo thực ra chẳng phân biệt là mấy.

Đó là thời kỳ hết sức khó khăn của nước Nga: Chiến tranh với Thụy Điển chưa kết thúc thì Thổ Nhĩ Kỳ đã lăm le dọa tấn công từ miền Nam. Cần phải làm tất cả để ngăn chặn điều này.

Khi cử P. Tolstoi sang Thổ Nhĩ Kỳ, Nga hoàng Piot'r đã trao cho ông một nhiệm vụ rõ ràng mang tính chất của hoạt động tình báo: *“Cần thăm dò và miêu tả cư dân bản địa; tình trạng, cách cai trị ở đó; những nhân vật trong triều đình; những hành động nào từ phía họ trong quan hệ với các quốc gia khác sẽ được thực hiện trong quân sự và chính trị; việc tìm kiếm và gia tăng các lợi nhuận hoặc sự âm thầm chuẩn bị cho chiến tranh, chống lại ai, bằng đường bộ hay đường biển; họ coi trọng quốc gia nào hơn cả; họ ưu ái dân tộc nào hơn cả”*. Tóm lại là tất cả mọi tin tức. Còn đây là nhiệm vụ cụ thể về quân sự: *“Số lượng quân bao nhiêu, đóng sẵn ở đâu, ngân sách*

nhà nước chỉ cho quân đội là bao nhiêu; tình hình hạm đội tàu biển, có sự chuẩn bị gì đặc biệt trên biển Đen không; kỵ binh và bộ binh sau cuộc chiến tranh với Nga hoàng có được huấn luyện theo lối Châu Âu hay không; lính pháo thủ vẫn ở trong tình trạng cũ hay đã được huấn luyện lại, ai huấn luyện họ”.



Piot'r đại đế (1672-1725)

Nhưng Tolstoi làm sao có thể hoạt động ở một đất nước xa lạ nếu không có lấy một người làm chỗ dựa tin cậy? Và người ta đã tìm ra được một người. Đó chính là giáo chủ Dosifei ở Jeruzalem. Ông này có nhiều gián điệp của mình trong số tín đồ Chính thống giáo giữ các chức vụ khác nhau trong các lãnh sự quán Thổ Nhĩ Kỳ. Những người này có khả năng mua chuộc bằng hối lộ các quan chức Thổ Nhĩ Kỳ. Bản thân Dosifei là một đại diện ngầm của Nga hoàng Piot'r và vẫn thường xuyên duy trì liên lạc qua các tầng lũ tùy phái. Tolstoi tìm được tiếng nói chung với Dosifei và trở nên thân thiết với ông. Dosifei đã thực hiện nhiều yêu cầu và ủy thác của Tolstoi bất chấp nguy hiểm chết người - bởi ông không phải là nhà ngoại giao và Sultan (quốc vương) Thổ Nhĩ Kỳ có thể bắt và xử tội chết ông bất cứ khi nào.

*** Chiến công hay nghệ thuật hối lộ**

Một trong những thành tích đầu tiên trong hoạt động phối hợp của Tolstoi và Dosifei là việc lấy được bản sao bức thư mà Sultan gửi cho viên sứ thần của mình ở Moscva. Bản sao đó do

Dosifei sai một tùy phái viên mang đến Moscva, và Nga hoàng Piot'r đã biết trước cả sứ thần Thổ Nhĩ Kỳ về những dự định của Sultan. Nhưng nhiệm vụ chính của Tolstoi là ngăn chặn cuộc tiến công của người Thổ với sự trợ lực của dân Tatar vùng Crưm và những đối thủ khác của nước Nga là Pháp và Thụy Điển. Sultan không muốn chiến tranh, nhưng đại tể tướng Daltaban lại ủng hộ dân Tatar và thông đồng với nhau dàn xếp vụ bạo loạn chống lại Sultan. Quan đại tể tướng sẽ mang quân đi chinh phạt quân phản loạn. Nhưng khi đến Crưm ông ta sẽ không đánh nhau với người Tatar mà phối hợp cùng với chúng tiến thẳng đến Kiev hoặc Azov.

Khi đó P. Tolstoi có mấy gián điệp gài trong nhóm người thân cận của đại tể tướng. Biết được những kế hoạch này của ông ta, Tolstoi tìm cách tiếp cận thái hậu, mặt báo cho bà và viên mufti (giáo sĩ cao cấp trong đạo Hồi) về âm mưu này. Biết được âm mưu phản loạn đó, Sultan nổi giận, và theo lệnh của quốc vương, quan tể tướng lập tức bị bắt mang ra treo cổ.

Để “kết thân” với thái hậu, Tolstoi tặng bà vô số áo lông chồn bạc và hắc điều thủ, kim cương gắn mũ và dây lưng nạm nhiều ngọc quý. Cả mufti cũng nhận được nhiều quà giá trị. Ông này đã trở thành gián điệp của Tolstoi. Nói tóm lại Piot'r Andreevitx Tolstoi không hề dè sẻn quà tặng và những khoản hối lộ. Và ông quả thực là người hối lộ giỏi nhất. Một quan chức Thổ Nhĩ Kỳ có nhiệm vụ theo dõi sứ thần Nga đã cáo giác rằng Tolstoi “Vì mục đích kéo dài thời gian hòa bình đã vung vãi ở nhiều nơi và cho nhiều người tới triệu rưỡi đồng taler”.

Nhưng có nhiều người - đó là các tín đồ Cơ Đốc giáo - đã làm việc cho nước Nga không vì tiền bạc. Tolstoi nói: “Đó quả là những con người thực sự nhiệt thành và nhân hậu”.

Tuy nhiên, kẻ thù của Tolstoi vẫn luôn cảnh giác, và xung quanh ông bắt đầu tích tụ những đám mây giông. Sứ quán thường xuyên bị vây bọc bởi những kẻ thù địch, mỗi bước chân của Tolstoi đều bị theo dõi sát sao, một số nhân viên trong sứ quán bị mua chuộc. Một số kẻ trong số đó đã bị Tolstoi trừng trị thẳng tay: theo lệnh của ông người ta mang đến một chén thuốc độc và bắt kẻ mắc tội phải uống.

Tolstoi thường xuyên chuyển về Moscva những thông tin cụ thể về cơ cấu quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, việc bố trí và di chuyển quân, về hạm đội hải quân, về các kiểu tàu thuyền và vũ trang của chúng. Ông biết được rằng người Thổ Nhĩ Kỳ cũng đưa khá nhiều gián điệp sang Nga, trong đó có những người theo Cơ Đốc giáo và người Hy Lạp. Ông thông báo cho Nga hoàng biết điều này để nhà vua có những biện pháp đối phó thích hợp. Sử dụng các biện pháp mua chuộc, hối lộ và “kết bạn” với thái hậu và mufti, Tolstoi đã hoàn thành nhiệm vụ chính là kiềm chế không để Thổ Nhĩ Kỳ gây chiến với Nga. Nhưng để làm được điều này, Tolstoi đã phải vung vãi rất nhiều tiền của. Chỉ riêng năm 1706, mufti nhận từ tay Tolstoi tám mươi bộ áo hắc điều, tể tướng nhận bốn mươi áo hắc điều và vui vẻ treo cổ hai quan pasa (tổng trấn) thông tuệ nhất vốn là địch thủ đáng gờm của Tolstoi. Tolstoi phấn khích vì điều này đến độ kêu lên: “Ôn Chúa, giá như lũ còn lại cũng bị treo cổ nốt như vậy!”.

*** Lên cung xuống bậc**

Nhưng rốt cuộc vào cuối năm 1710, Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tuyên chiến với Nga, và nạn nhân đầu tiên của cuộc chiến này lại chính là Piot'r Andreevitr. Ông bị bắt giam vào hầm sâu trong pháo đài Semibasnia, nơi hết sức tăm tối và ẩm ướt. Nhà của

và tài sản của ông bị cướp sạch. Theo tục lệ của Thổ Nhĩ Kỳ thời đó thì đây là một điều bình thường - khi chiến tranh xảy ra họ bắt tất cả các nhà ngoại giao của quốc gia đối địch và giam vào nhà tù với điều kiện sống hết sức tồi tệ.

Tolstoi bị đe dọa hành hạ và tra tấn hàng ngày hòng buộc phải khai ra đã hối lộ những vị thượng thư nào và hối lộ bao nhiêu. Nhưng Tolstoi không chỉ không khai ra bất cứ người nào mà thậm chí còn bắt đầu đấu tranh tích cực đòi quyền được gặp gỡ với sứ thần của vua Moldavia là Kantemir và thông qua ông này tiến hành tiếp xúc với thế giới bên ngoài.

Gần một năm rưỡi Tolstoi ở trong nhà tù Thổ Nhĩ Kỳ, sau đó, trước khi hòa ước được ký kết, nhờ hối lộ lúc này (số tiền và lòng chôn bạc đút lót được các gián điệp khác giúp đỡ) ông được trả tự do. Nhưng người Thổ Nhĩ Kỳ không muốn thả cho ông về Nga, họ bao vây ông bằng một vòng dày đặc mật thám. Ngay cả trong những điều kiện đó, Tolstoi vẫn móc nối được với cơ sở của mình và chuyển thông tin về tình hình trong cung Sultan, về chính phủ và về ngoại giao đoàn Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong lúc đó chiến tranh giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tiếp diễn. Năm 1711, khi quân Nga lâm vào tình thế nguy kịch, Nga hoàng Piot'r giao cho pháp quan Piot'r Safirov nhiệm vụ mua chuộc các quan đại thần của kẻ thù. Nhưng kế hoạch lần này phá sản, bản thân Safirov và con trai đại nguyên soái Seremetev bị người Thổ Nhĩ Kỳ bắt giữ làm con tin.

Safirov đến Stambul và nhanh chóng nắm được tình hình, khôi phục một phần bộ máy tình báo của Tolstoi, tìm kiếm những cuộc làm quen mới và tuyển mộ thêm điệp viên. Ông ta cũng bắt đầu phân phát của hối lộ. Để mufti phản đối tiếp tục chiến tranh, ông ta đã chi một khoản tiền rất lớn. Sau đó

Safirov tiếp tục mua chuộc những người khác với cùng mục đích như vậy, trong đó có hai sứ thần Hà Lan và Anh. Chi phí cho mua chuộc, hối lộ và quà tặng lên đến tám mươi tư nghìn đồng vàng Thụy Sĩ và hai mươi hai nghìn rúp Nga.

Hòa bình thực sự được thiết lập với việc ký kết hòa ước tháng 4 năm 1712, và một trong các điều khoản của nó là trao trả các nhà ngoại giao bị bắt giữ trở về tổ quốc.

P. Tolstoi lại hoàn thành thêm một nhiệm vụ vẻ vang nữa do Nga hoàng giao phó là đưa kẻ bỏ trốn là hoàng tử Alecsei trở về Nga.

Nhưng cuộc đời của nhà tình báo già kết thúc một cách đáng buồn. Năm 1727, ông già tám mươi hai tuổi do nói năng bất cẩn về Nga hoàng Piot'r II (con trai của Alecsei) đã bị đày đến tu viện Soloveski cùng con trai mình. Không lâu sau họ qua đời tại đó.

ANDRÉ TIMOTE D'EON DE BOMON

HIỆP SĨ D'EON BÍ ẨN - ĐÀN ÔNG HAY ĐÀN BÀ?

Nói về những con người hoạt động trong ngành tình báo, chúng ta không thể không nhớ đến một nhân vật bí ẩn, nửa huyền thoại là hiệp sĩ D'Eon (1728-1810). Hiệp sĩ này là ai? Đàn ông hay đàn bà? Đó là điều người ta vẫn đang còn tranh cãi. Chúng ta sẽ không tham dự vào đó làm gì, mà chỉ tìm hiểu xem hiệp sĩ D'Eon nổi tiếng ở khía cạnh nào: nhà phiêu lưu, chiến binh, tên gián điệp, luật sư, kiếm thủ, nhà ngoại giao, kẻ đe dọa và người đóng các vai đàn bà (hay đàn ông) tài năng.

* Thời thế tạo anh hùng

Hiệp sĩ sinh ra trong một gia đình quý tộc và từ nhỏ đã có những kỳ vọng lớn. Người ta kể rằng khi hiệp sĩ lên bốn, bà mẹ không hiểu sao ưa diện cho con thành con gái nên cho đến khi bảy tuổi đứa bé vẫn thường xuyên mặc váy. Và điều này đã có ảnh hưởng đến lối sống và tư tưởng của cậu bé sau này. Nhưng thời niên thiếu D'Eon được giáo dục để trở thành một nhà quý tộc thực thụ. Đứa trẻ được học luật pháp và kiếm pháp, với vẻ ngoài mảnh khảnh yếu ớt nhưng tài đấu kiếm vào hàng cao thủ và được mọi người nhất trí chọn làm trưởng câu lạc bộ kiếm thủ. Dù còn rất trẻ, D'Eon đạt học vị tiến sĩ luật dân sự, luật nhà thờ và được tiếp nhận vào đoàn luật sư. Khi cảm thấy

thành phố quê hương Tonner trở nên quá chật hẹp đối với mình, D'Eon đã đi Paris. Ông hoàn toàn không để thời gian trôi qua một cách phí hoài. Trong tay không có tiền, ông đã bắt tay viết luận văn về tình hình tài chính nước Pháp dưới triều vua Louis XIV, khiến nhà vua phải chú ý. Vì quốc khố luôn eo hẹp, nhà vua hy vọng cải thiện tình hình nhờ vào những bộ óc thông minh mới mẻ. Hiệp sĩ D'Eon được tiến cử và gây ấn tượng tốt với nhà vua. Chàng thanh niên đã khởi nghiệp hoạt động tài chính một cách thành công. Nhưng khi đó trên lục địa Âu Châu đang diễn ra những sự kiện ảnh hưởng sâu sắc đến số phận của hiệp sĩ D'Eon.

Tình hình Châu Âu hết sức phức tạp. Kẻ khuấy động sự yên bình là vua Fridrich Đại đế II, lên ngôi năm 1740. Ông ta tấn công nước Áo và chiếm miền trù phú nhất của lãnh địa này là Silezia. Đứng về phe nước Phổ trong cuộc chiến tranh này là Pháp và Bavaria. Áo được Anh và Hà Lan ủng hộ. Mỗi một phe đối lập đương nhiên đều mong có đồng minh hùng mạnh như nước Nga. Nhưng chính phủ Nga thì lại dao động.



Vua Fridrich Đại đế II

Một mặt, Nga đã ký kết hiệp ước liên minh Nga-Anh trong những năm 1741-1742. Mặt khác, giữa Nga và Phổ cũng đã có những cuộc đàm phán kết thúc với cam kết vào năm 1743 lập liên minh phòng thủ. Nga lại còn đang vướng vào cuộc chiến tranh bắt đầu năm 1741 với Thụy Điển, lôi kéo cả các nước Pháp, Phổ, thậm chí cả Iran và Thổ Nhĩ Kỳ tham gia vào đó.

Triều đình của nữ hoàng Elizabeth chia đôi - một phái ủng hộ Anh và một phái ủng hộ Pháp, hay theo cách nói hiện nay là hai nhóm hành lang nghị viện. Thủ tướng Bestuzev-Rumin đại diện cho nhóm thứ nhất, phó thủ tướng Voronxov đại diện cho nhóm thứ hai. Số còn lại dao động giữa hai phe.

*** Sứ mạng của nàng Lia D'Eon xinh đẹp**

Đại sứ Anh Dickens đề nghị Bestuzev-Rumin năm trăm nghìn Funt Sterling nếu ông này đưa sáu trăm nghìn lính Nga ra tham chiến. Nhưng âm mưu bại lộ, Dickens phải từ chức. Đại sứ mới là ông William thành công hơn. Ông ta đã ký được hiệp định mà theo đó nước Nga có trách nhiệm điều ra mặt trận ba mươi nghìn lính để chi viện cho vua George và các đồng minh của Hannover đổi lấy một số vàng do người Anh cung cấp, con số này không được nêu rõ trong nội dung bản hiệp định. Hiệp định còn một điều khoản quan trọng là không lập tức có hiệu lực ngay mà phải đợi việc phê chuẩn phải xảy ra sau hai tháng nữa. Vua Louis XV biết điều đó nên quyết định bằng mọi cách cản trở việc phê chuẩn. Cần phải vội vã. Nhưng hành động ngoại giao của nhà vua kết thúc một cách thảm hại vì phái viên của nhà vua là hiệp sĩ De Valkruasan trong khi tìm cách tiếp cận nữ hoàng Elizabeth để đích thân bày tỏ lòng tôn kính và thay mặt vua Louis thảo luận với bà đã bị bắt, bị kết tội do thám và nhốt vào ngục. Các bức thư của nhà vua bị thám tử của Bestuzev - Rumin thu mất. Nói tóm lại là Louis không có khả năng chính thức nào để liên lạc với "bà chị" đội vương miện. Chính vào lúc đó Louis XV nảy ra ý định phái hiệp sĩ D'Eon đến Saint Peterburg.

Khi đó Louis XV đã được nghe kể về một vài mảnh khoe

của chàng hiệp sĩ trẻ khi giả làm phụ nữ để lừa những người xung quanh. Nhà vua chợt có ý nghĩ - một người đàn ông không thể tiếp cận nữ hoàng Elizabeth nhưng một phụ nữ thì lại rất có thể làm được điều này. Ông bèn cho vời D'Eon vào tiếp kiến, đề nghị chàng biểu diễn tài nghệ và hết sức hài lòng.

- Ta rất ngạc nhiên! - Nhà vua thốt lên, ngừng một lát và tiếp: - Hiệp sĩ, ta muốn giao cho nhà ngươi một nhiệm vụ mà việc hoàn thành nó có thể khiến thay đổi số phận nước Pháp.

- Thần sẵn sàng vì hoàng thượng và nước Pháp làm bất kỳ việc gì ở bất cứ đâu mà hoàng thượng sai khiến, - “nàng thiếu nữ” đáp bằng giọng êm ái.

Nhà vua ngạc nhiên nhìn “nàng”, nhưng rồi trấn tĩnh lại và nói:

- Vậy hãy nghe đây. Ta biết ngươi rất giỏi kiếm thuật, nhưng những thanh kiếm mà nhà ngươi buộc phải so với thủ tướng Nga Bestuzev-Rumin lại khác...

Năm 1755, với tư cách tùy viên mật của Louis XV, nàng thiếu nữ kiêu diễm Lia D'Eon cùng với “ông chú” Douglas nào đó đã có mặt ở Peterburg. Hai người nghỉ tại nhà một điệp viên - chủ ngân hàng người Pháp. Cần phải gấp rút vì đã sắp tới ngày phê chuẩn hiệp định. Douglas bút rút căng thẳng: tất cả mọi hoạt động của ông đều bị người của Bestuzev-Rumin có nhiệm vụ kiểm soát từng người Pháp đến kinh đô nước Nga



Vua Louis XV

ngăn cản. Và mặc dù Douglas thường xuyên mang theo bên mình chiếc hộp đựng thuốc lá bằng đồng mỗi có giấu trong ngăn đáy giải mật mã dành cho các bản mật báo của mình nhưng lại không thể sử dụng vì chẳng có gì để báo cáo ngoài những lời than phiền về đám do thám vây quanh. Nhưng thiếu nữ khả ái Lia thì lại chẳng bị ai chú ý, và không lâu sau nàng đã dễ dàng tìm cách gặp được người ủng hộ có ảnh hưởng lớn của nước Pháp là phó thủ tướng Voronxov.

Nhận thấy người phụ nữ Pháp khả ái này sẽ tạo được những ảnh hưởng có lợi cho mình đối với nữ hoàng, Voronxov vội vã đưa nàng vào triều.

Nữ hoàng già thích những người trẻ tuổi vây quanh mình, thích thư giãn bằng cách nằm dài khoan khoái nghe những câu chuyện hồi hộp về cuộc sống vui vẻ bổng bột trong triều đình nước Pháp. Bà cũng được biết ở đó có “vườn Hươu” nổi tiếng - thường xuyên bổ sung những cung nữ tuyệt vời cho hậu cung của nhà vua.

Và khi trước mặt bà xuất hiện cô thiếu nữ yêu kiều, vui vẻ, khả ái, nữ hoàng Elizabeth quyết định đã đến lúc có thể thỏa mãn mọi điều tò mò thú vị của mình. Và lập tức Lia D'Eon đã trở thành thị nữ, còn sau đó là người đọc sách cho nữ hoàng. Lúc này khó có thể nói suốt những đêm mùa đông dài nữ hoàng chí tôn của một cường quốc đã chuyện trò những gì với cô thị nữ đọc sách khiêm nhường của bà. Và trong số những cuốn sách đưa lên cho nữ hoàng đọc có cả cuốn *Tinh thần pháp luật* của Monteskie với lá thư của nhà vua mà Lia bí mật mang theo mình. Không lâu sau, ngài William đã buộc phải gửi về London cho huân tước Holderney thông báo: “*Rất tiếc buộc lòng thông báo rằng thủ tướng (Bestuzev-Rumin) không thể*

thuyết phục nữ hoàng ký vào bản hiệp định mà chúng ta nóng lòng chờ đợi”.

Bình yên trở về từ nước Nga xa xôi bí ẩn, hiệp sĩ D'Eon đã hoàn thành xuất sắc thêm một số nhiệm vụ ngoại giao quan trọng do vua Louis XV giao phó và được nhà vua cấp cho khoản thu nhập hàng năm là ba nghìn quan.

Nhưng nhiệm vụ vẫn nối nhau, và để thực hiện chúng, D'Eon lúc này cần đóng vai đàn ông, lúc kia lại phải đóng vai phụ nữ. Khi nước Pháp tham chiến, hiệp sĩ D'Eon gia nhập quân đội và trở thành sĩ quan tùy tùng của công tước De Broli, chỉ huy cơ quan mật vụ hoàng gia, đã nhiều lần thực hiện những nhiệm vụ tình báo do công tước giao phó. Đặc biệt chàng đã nổi bật xuất sắc trong một trận chiến đấu khi đưa được đoàn xe chở đạn dược đến tiếp ứng kịp vào đúng những phút kịch tính nhất dưới hỏa lực mạnh của kẻ thù. Đôi khi “Lia De Bomon” cũng phải trang điểm, uốn tóc quăn và diện váy.

Chiến tranh kết thúc, D'Eon được phái đến London và tỏ ra xuất sắc trong môi trường tình báo ngoại giao. Chàng đã lấy được bản sao chính xác các văn bản hướng dẫn của nhà ngoại giao Anh Bedford, người được ủy quyền tiến hành các cuộc đàm phán với bộ trưởng Pháp Suazel về hiệp định hòa bình. Để làm việc này chàng mời Bedford đến sứ quán, chuốc rượu cho say mềm rồi xách chiếc cặp của ông ta sang phòng bên và sao tài liệu. Bedford chán nản vì các cuộc đàm phán thất bại do tất cả các bước đi của ông ta đã bị đối phương nắm trước bèn xin từ chức, về sau ông ta cũng từ chối cương vị chủ tịch hội đồng bộ trưởng. D'Eon cũng tham gia vào các chiến dịch tình báo quân sự của kỹ sư, nhà chiến thuật, hầu tước De La Rozer.

Ông này nghiên cứu miền bờ biển La Manche để xác định vị trí đổ bộ tốt nhất cho quân Pháp.

*** Sự phiêu lưu hay là âm mưu bịp bợm của chàng hiệp sĩ**

Với hoạt động của mình tại Anh, D'Eon đạt nhiều thành tích và được phong chức quyền bộ trưởng. Nhưng chàng hiệp sĩ hóa ra lại bị cuốn hút vào những chuyện phiêu lưu đặc biệt thú vị cho một tiểu thuyết gia.

Thói hoang phí và si mê những thứ xa hoa lộng lẫy khiến hiệp sĩ nợ nần, mặc dù đã được nhà vua ban cho những khoản tiền rất lớn. Và tiếp tục những âm mưu... D'Eon bắt đầu dọa dẫm cáo giác bằng các bức thư của Louis XV. Đó là những bức thư bóc trần âm mưu chống Anh, là những kế hoạch quỷ quyết đổ bộ quân, là bằng chứng về hoạt động gián điệp của Rozer và D'Eon. Mặc dù khi đó nước Pháp đã do vua Louis XVI trị vì nhưng những bức thư này nếu rơi vào tay phe chống đối có khả năng sẽ kích động dân chúng Anh và làm bùng phát chiến tranh giữa Anh và Pháp. Vụ bê bối mang tính chất nghiêm trọng, thậm chí đã có âm mưu ám sát D'Eon khiến chàng phải thuê vệ sĩ bảo vệ.

Các nhà ngoại giao Pháp tìm mọi cách làm mất uy tín và hủy hoại hiệp sĩ. Những nhà báo được thuê viết bôi nhọ chàng. Đáp lại, hiệp sĩ cho đăng mấy bức thư chứa đựng những lời lẽ cụ thể không khiếm tốn chút nào của vua Louis XV. Chàng hành động khá thận trọng, bắt đầu từ những lá thư vô hại nhất và lưu ý còn có nhiều thư quan trọng hơn nhiều. Hiệp sĩ cũng hé mở cả bí mật về “khu vườn Hươu”, nơi vua Louis XV thường xuất hiện dưới lốt một bá tước Ba Lan tên là Lesinski. Mà đó mới chỉ là một phần bí mật mà chàng nắm trong tay. Để

đổi lấy tất cả các lá thư, D'Eon đòi mười hai nghìn quan thu nhập hàng năm và được hoạt động mật vụ ở nước ngoài.

Sau đó lại tiếp tục những câu chuyện gián điệp phiêu lưu và bịp bợm của “Lia D'Eon” trong xã hội London, và cuộc cạnh tranh ban đầu không thể dung hợp với thám tử hoàng gia mà về sau lại trở thành tình bạn với nhà soạn kịch vĩ đại nước Pháp này.

Những người đã được nhìn thấy Lia D'Eon đều miêu tả nàng là “một phụ nữ tầm vóc nhỏ bé thon thả, sắc mặt trắng hồng với những đường nét nhỏ nhắn và khả ái”, giọng nói du dương càng bổ sung thêm vẻ yêu kiều. Người ta đoán rằng D'Eon cố ý thủ vai cô gái kiều kỳ, đồng đánh và đẩy bí ẩn nhưng vẫn khiêm nhường, ý tứ và hay nhút nhát. Nếu Lia De Bomon quá hấp dẫn đàn ông thì mọi chuyện lại có thể hỏng bét, nên người ta thấy rằng nàng chỉ lợi dụng thiện cảm của họ mà thôi. Các họa sĩ cung đình nhiều lần đã vẽ chân dung Lia, nhờ vậy mà hình ảnh của nàng vẫn còn được lưu giữ và hoàn toàn gây ấn tượng như lời những người đã từng gặp mặt miêu tả.

Thực ra D'Eon là ai? Một người ăn mặc đổi giới tính, đàn ông đóng vai đàn bà, hay nàng thiếu nữ giả trai làm chàng hiệp sĩ can đảm? Nhiều người không hiểu sao lại nghiêng về giả thiết thứ hai, có lẽ bởi giả thiết ấy chừng như lãng mạn và hấp dẫn hơn.

Và mặc dù các bác sĩ Anh hình như đã đi đến kết luận rằng hiệp sĩ D'Eon là đàn ông, có vẻ họ cũng chẳng muốn hoàn toàn tin chắc vào điều này.

CARL SULMASTER

ĐIỆP VIÊN - GIÁN ĐIỆP VĨ ĐẠI CỦA NAPOLEON

Carl Sulmaster (1770-1853) được cửu đánh giá là “điệp viên - gián điệp vĩ đại của Hoàng đế Napoleon, người có thể được mệnh danh là “Napoleon của ngành tình báo”. Trong cuốn Ký sự mật vụ (London, 1938), sử gia tình báo R. Rouan đã viết: “Hơn 125 năm đã trôi qua kể từ khi hoạt động của Sulmaster chấm dứt, vẫn chưa xuất hiện thêm một điệp viên quả cảm và can đảm hơn Sulmaster. Hết sức bạo gan, như chính bản thân Bonaparte; con người ông là sự kết hợp của tính trí xảo, thói vô sỉ, đểu giả, với những phẩm chất đặc thù như sức bền bỉ của thể chất, sự năng động, dũng cảm, thông minh kèm tính cách hóm hỉnh, khôi hài”.

Carl Sulmaster sinh năm 1770 tại vùng Elzasa giáp biên giới Đức trong gia đình một mục sư giáo phái Luther. Do vậy tiếng Pháp và tiếng Đức với ông đều là tiếng mẹ đẻ, thậm chí cả tiếng Hungari. Điều này có được do ảnh hưởng của mẹ ông là người luôn coi mình là hậu duệ của một dòng họ danh tiếng và cổ xưa ở Hungari.

Carl thừa hưởng từ mẹ tính nhả nhặn, thanh lịch, phù hợp với “nguồn gốc quý tộc” của ông. Ông thích nổi bật ngoài xã hội, ầu dả rất hăng và lúc nào cũng phải là người đứng đầu. Cũng vì lẽ đó mà ông đã tìm những thầy dạy khiêu vũ giỏi

nhất Châu Âu để theo học. Tài khiêu vũ đã giúp ông sau này thành công trong xã hội thượng lưu.

Nhưng cuộc sống nơi tỉnh lẻ tuần tự trôi qua. Đến tuổi trưởng thành, cha mẹ tìm cho ông một cô vợ. Cũng trong thời gian này, ông bắt đầu kinh doanh thực phẩm, sắt thép. Thu nhập chủ yếu của Carl có được từ buôn lậu. Điều đó lý giải thái độ miệt thị của ông đối với pháp luật. Những đồng tiền đầu tiên ông kiếm được năm mười bảy tuổi là từ buôn lậu và ông không coi thường công việc này ngay cả khi đã trở nên giàu có, thành một quý ông sang trọng. Ông chẳng bao giờ hổ thẹn khi thú nhận điều này mà thậm chí còn nói thêm rằng công việc buôn lậu đòi hỏi lòng dũng cảm đặc biệt và tinh thần hết sức rần rỏi. Nó không chỉ mang lại cho ông sự thỏa mãn về vật chất mà cả những giá trị đạo đức tinh thần.

*** Bắt đầu cuộc đời điệp viên**

Cuộc Cách mạng 1789 đã thu hút không chỉ các chiến sĩ đấu tranh cho tự do đến Paris, mà còn rất nhiều những kẻ thích phiêu lưu, những tên đầu cơ, những hạng đểu giả vô lại khác. Trong số họ có Sulmaster.

Ban đầu, với một nghề phi pháp nào đó ông làm chỉ điểm của cảnh sát. Nhưng các “chiến công” thời kỳ này của ông không được lịch sử nhắc đến.

Chỉ biết rằng vào năm 1799, bằng cách nào đó ông làm quen được với đại tá Xavary, công tước Rovigo tương lai, viên tướng, nhà ngoại giao, người lãnh đạo cơ quan tình báo và Bộ trưởng Cảnh sát. Tình bạn kỳ lạ này đã đơm hoa kết trái.

Năm 1804, Xavary, lúc này đã lên tướng và là người thân cận với Napoleon, nhớ đến những biệt tài của “ông bạn”

Sulmaster đã quyết định giao cho ông tiến hành chiến dịch được coi là một trong những “chiến công” khả nghi và đáng ghê tởm nhất của cơ quan mật vụ của Napoleon.

Công tước Enghienski là một trong những đại diện cuối cùng của dòng tộc Kapenting (Bourbon là một nhánh đẳng ngoại của dòng tộc này). Sau Cách mạng Pháp ông này di cư sang Badena thuộc nước Đức. Mặc dù thời đó người Anh và phái Bảo hoàng bày đặt nhiều âm mưu chống Napoleon, nhưng công tước Enghienski sống rất khiêm tốn với khoản tiền trợ cấp của người Anh và không tham gia vào các hoạt động chống Napoleon. Nhưng Napoleon đã quyết định cho phái Bảo hoàng một bài học nên tìm cách hãm hại công tước Enghienski để làm cho tất cả phái khiếp hãi. Công tước Enghienski lúc này đang ở thành phố nhỏ Ettinheima, sống những ngày vô công rồi nghề và theo đuổi các cuộc phiêu lưu tình ái. Sulmaster lợi dụng điểm yếu này của vị công tước. Ông cho bắt cóc người đàn bà trẻ mà công tước say mê mang đến thành phố Belfor ở giáp biên giới. Rồi gửi thư giả làm người tình cầu khẩn công tước hãy đến cứu. Công tước vội lao đến nơi người tình kêu gọi, hy vọng mua chuộc được lính canh và giải thoát cho nàng. Sulmaster chỉ chờ có vậy. Công tước Enghienski vừa vượt qua biên giới liền bị người của Sulmaster bắt giữ, đưa thẳng về Paris, bị xét xử và xử bắn ngay trong đêm tại rừng Vensenski. Khi hành quyết người ta còn bắt ông này cầm một cây đèn trong tay để tiện cho việc ngấm đúng mục tiêu.

Nhờ thành công trong chiến dịch này, Sulmaster được thưởng ba mươi nghìn đôla - số tiền rất lớn thời bấy giờ. Mọi việc diễn ra nhanh đến mức cho phép Napoleon sau này khẳng

định rằng Hoàng đế không biết gì về vụ hành quyết. Sự kiện đáng buồn này sẽ đóng vai trò rất lớn về sau trong lịch sử.

Một năm sau vụ bắn công tước Enghienski, Xavary tiến cử điệp viên đáng tin cậy của mình với Napoleon bằng những lời như sau: “Đây, tâu bệ hạ, là con người được làm ra hoàn toàn từ óc, không có trái tim”. Napoleon mỉm cười khoan khoái nhưng không tặng thưởng thêm huân chương cho Sulmaster, mà ông thì rất ao ước có một chiếc huân chương Bắc đẩu Bội tinh.

Napoleon có thái độ riêng đối với các nhà tình báo và gián điệp. Ông nói: “Gián điệp là kẻ phản bội hiển nhiên” và không đưa công lao phục vụ của họ cùng hàng với công lao của các sĩ quan và tướng lĩnh.

* Chiến công thứ hai của Sulmaster

Cũng trong năm đó, năm 1805, chiến dịch của Napoleon chống Áo và Nga mở màn. Chiến dịch này không thành công đối với quân đội hai nước Áo - Nga nhưng lại hiển hách đối với quân đội của Napoleon. Và có thể nói không quá rằng Napoleon có được thành công như vậy phần lớn nhờ vào điệp viên Sulmaster. Các sử gia ngạc nhiên với bản kế hoạch của chiến dịch 1805 mà Napoleon vạch ra tại



Hoàng đế Napoleon đã đánh bại quân Nga và Áo năm 1805

Boulogne sau vụ phá sản của cuộc đổ bộ vào Anh và sau thất bại của hạm đội hải quân trong trận chiến Trafalgarski.

Sử gia nổi tiếng Segur viết: *“Vị hoàng đế thiên tài đã vượt qua được tất cả: thời gian, không gian và những chướng ngại có thể, đã dự kiến tất cả những điều có thể xảy ra trong tương lai. Với khả năng dự đoán tương lai một cách chính xác như vậy, với trí nhớ tuyệt vời như vậy, từ Boulogne ông đã nhìn thấy trước được các sự kiện chủ yếu của cuộc chiến tranh trước mắt, ngày tháng và những hậu quả kết cục của nó, chẳng khác nào ông viết lại từ hồi ức chỉ một tháng sau khi xảy ra các sự kiện đó vậy”*.

Napoleon biết rằng tất cả mọi hy vọng của quân Áo vào thành công của cuộc chiến tranh sắp tới dựa trên kinh nghiệm và uy tín của tướng Mak - tổng chỉ huy quân đội Áo. Đó là một con người đặc biệt. Là một viên thống soái kém tài, năm 1800 đã chịu thất bại trong trận chiến chống quân Pháp, ông ta có tư tưởng phục thù điên cuồng vì những thất bại của mình. Là người suy nghĩ hẹp hòi và một chiều, theo chủ nghĩa quân chủ cực đoan, ông ta không thể hiểu nổi tại sao người Pháp lại nhìn thấy một anh hùng và thiên tài trong cái gã không tổ quốc - “cái kẻ tiếm ngôi người xứ Corse” đó (Napoleon là người đảo Corse).

Khá lâu trước khi bắt đầu chiến dịch năm 1805, trong nhóm người thân cận của tướng Mak xuất hiện một chàng trai trẻ thuộc dòng dõi quý tộc Hungari, bị Napoleon trục xuất khỏi nước Pháp vì nghi làm gián điệp cho Anh. Có thể đoán ngay được “nhà quý tộc Hungari” chính là Sulmaster. “Thư ký”, người tin cẩn của ông ta là một nhân vật Ripmann nào đó. Nếu Sulmaster là linh hồn và bộ não của chiến dịch tình báo này,

thì Ripmann là hệ thần kinh của nó - ông ta là người tổ chức đường liên lạc bảo mật liên tục với bộ tổng hành dinh của Napoleon. Cho đến nay người ta vẫn còn chưa giải đáp được bằng cách nào mà ông ta có thể chuyển những bí mật do Sulmaster khai thác được không phải trong vòng vài ngày mà phải nói là chỉ trong vài giờ về được nước Pháp cho tổng hành dinh.

Trong một buổi dạ hội quý tộc, “nhà quý tộc Hungari” “tình cờ” gặp tướng Mak. Viên tướng lập tức bị quyến rũ. Hóa ra họ có những quan điểm hoàn toàn trùng hợp. Cả nhà quý tộc lẫn vị tướng đều căm ghét Napoleon thậm tệ, coi ông là kẻ tiếm quyền đoạt vị, một tên lính tấy bất tài vô dụng chẳng qua chỉ may mắn gặp thời mà thôi.

Sulmaster chia sẻ với Mak tất cả mọi chuyện mà ông biết về nước Pháp. Mak hết sức kinh ngạc về những tin tức mang tính chất quân sự và chính trị do Sulmaster cung cấp. Ngoài ra ông ta còn bị lừa vì những thông tin đó lại trùng với suy nghĩ của chính bản thân ông ta. Mak giới thiệu người bạn mới của mình vào câu lạc bộ sĩ quan đặc quyền của thành Vienna, phong hàm sĩ quan cho ông ta và đưa vào biên chế Bộ Tổng tham mưu của mình. Sulmaster thậm chí còn được Mak chỉ định làm... giám đốc cơ quan tình báo quân sự của Áo!

Như vậy, trước khi chiến tranh nổ ra, Sulmaster, mà thông qua ông là cả Napoleon, đã biết hết các kế hoạch của những đối thủ tương lai của mình. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng tầm nhìn xa trông rộng của Napoleon không chỉ dựa trên những báo cáo của Sulmaster, nhưng những báo cáo đó quả thật đã đóng một vai trò không nhỏ.

Khi chiến tranh xảy ra, Mak, cùng với ông ta là Sulmaster và viên “thư ký” Ripmann đều có mặt trong quân đội tác chiến, nhà tình báo Pháp đã khéo léo thông báo cho Napoleon nhất cử nhất động và mọi ý đồ của quân Áo.

Sulmaster nhận từ Bộ Tổng tham mưu Pháp không ít tiền bạc và hào phóng chia sẻ với các gián điệp làm việc cho mình. Ông không chỉ thu thập và chuyển cho người Pháp những bí mật của quân đội Áo. Trên cương vị giám đốc cơ quan tình báo của Áo, ông đã “khai thác” và cung cấp cho Mak cùng ban tham mưu của ông này những thông tin bóp méo sai lệch về các hoạt động và ý đồ của Napoleon. Để làm cho các bản báo cáo có thêm sức nặng và có vẻ đáng tin cậy, ông đã mua chuộc hai sĩ quan tham mưu là Vendt và Rulski cẩn thận kiện toàn thêm cho thông tin sai lệch đó bằng những bản báo cáo làm ra vẻ là khai thác được từ các điệp viên của họ.

Mak thích mọi chuyện ở nước Pháp và trong quân đội Pháp phải tồi tệ. Ông ta hài lòng và tin tưởng tiếp nhận bất cứ thông tin nào về các mối hiểm khích bất hòa trong dân Pháp, về sự gia tăng tinh thần bất mãn trong binh lính Pháp, về những lộn xộn trong đời sống dân sự và nói chung là về tất cả những chuyện không hay diễn ra ở hậu phương của Napoleon. Ông ta nóng lòng chờ đợi thời điểm khi Napoleon, nhà nước và quân đội của ông tự thân sụp đổ.

Sulmaster đã khiến ông này mãn nguyện khi cung cấp những bức thư “bắt được” từ những kẻ “bất mãn” trong quân đội Pháp.

Hơn nữa - còn có một trường hợp độc nhất vô nhị trong lịch sử, đặc biệt dành riêng cho Mak theo ý đồ của Napoleon, trong một ấn phẩm báo xuất bản ở Pháp, mỗi số đều có những

bài báo khẳng định nguồn tin của Sulmaster về tình trạng nghèo đói của nước Pháp và trong quân đội Pháp. Sulmaster làm như khó khăn lắm mới kiếm được những tờ báo này và trao cho Mak cả tin. Ông này thì lại quá tự tin vào những điều bản thân muốn tin!

Sulmaster khẳng định rằng nước Pháp đang có nguy cơ đầy loạn và Napoleon buộc phải căng quân của mình đến tận biên giới sông Rein. Tin chắc vào điều này, Mak chỉ huy đội quân ba mươi nghìn người rời bỏ thành phố chiến lược quan trọng Ulm để đuổi theo đạo quân của nguyên soái Nei. Thông qua Sulmaster, nắm chắc ý định của Mak, Napoleon thực hiện một số thủ đoạn nghi binh phức tạp khiến rốt cục Mak rơi vào bẫy. Đạo quân của Mak quay trở về Ulm, chịu cảnh thiếu thốn lương thực trầm trọng. Mak chỉ còn trông cậy vào viện quân Nga. Nhưng khi biết rằng quân Nga còn ở quá xa, ông ta suy sụp, không còn dũng khí, quyết định mang ba mươi ba nghìn quân ra hàng cùng với sáu mươi khẩu đại bác và bốn mươi lá cờ. Sự kiện xảy ra ngày 20 tháng 10 năm 1805. Đội quân Áo một trăm nghìn người tan rã trong vòng ba tuần lễ.

Sulmaster bị bắt làm tù binh cùng với tướng Mak. Nhưng ông đã thực hiện thành công “vụ trốn thoát kỳ lạ”, “bí mật” vượt phòng tuyến mặt trận và trở về. Trong khi “Mak đáng thương” bị hành hạ trong cảnh tù đầy thì Sulmaster đã kịp khôi phục lòng tin vào bản thân và lại ở trung tâm các sự kiện. Ông đã tổ chức một vài cuộc họp quân sự bí mật có sự tham gia chủ tọa lần lượt của Sa hoàng Nga và Hoàng đế Áo. Ông thậm chí còn phát biểu trong các cuộc họp này và thuyết phục được các thành viên nghiêm túc lắng nghe và xem xét các kiến

giải cũng như những kế hoạch dường như nhất định sẽ làm chuyển biến tình hình theo hướng có lợi cho quân đồng minh. Sử dụng tài liệu giả, ông làm họ rối trí.

Nhưng tại Vienna, từ đầu tháng 11 năm 1805, có những tin đồn tố cáo Sulmaster, thậm chí đã có lệnh bắt giữ ông. Cùng bị bắt với ông có cả viên trợ lý trung thành là Ripmann. Nhưng quân Pháp đã tấn công kịp thời vào Vienna. Hoàng đế Frans II rời bỏ kinh thành. Sulmaster và Ripmann được giải thoát khỏi nhà tù.

Sulmaster được Napoleon tặng thưởng một khoản tài sản không lớn. Ông khoe khoang rằng cũng đã nhận được chứng đó từ tay người Áo cho công lao của mình.

Nhưng phải thành thật công nhận rằng Napoleon đã đánh giá không đúng mức những công trạng của nhà tình báo của mình. Ông đã ban thưởng cả chức tước, bổng lộc, trang ấp và những đặc quyền này nọ cho các tướng lĩnh, những tay phiêu lưu các loại có công trạng kém hơn Sulmaster nhiều lần. Một người bạn thân thiết của Sulmaster là tướng Lassal đã thử tìm cách thuyết phục Napoleon ban thưởng cho Sulmaster huân chương Bắc đẩu Bội tinh. Trở về sau cuộc tiếp kiến Hoàng đế, ông này kể với Sulmaster rằng Hoàng đế nhất quyết từ chối và nói rằng đối với một gián điệp, vàng là phần thưởng duy nhất thích hợp.

Nhận thấy ác cảm của Hoàng đế đối với các “gián điệp”, Sulmaster đã hết sức nỗ lực thể hiện bản thân mình trong lĩnh vực hoạt động quân sự.

Ông thực sự là một chiến binh dũng cảm, năng động. Chỉ với mười ba kị binh nhẹ, ông đã tiến công và chiếm thành phố Vismar của Đức. Trong trận đánh ở ngoại ô Landsgut,

Sulmaster đã chỉ huy một đội quân tấn công cầu qua sông Izar và ngăn cản quân địch đốt cầu.

Thực hiện nhiệm vụ do Xavary, lúc này đã trở thành Bộ trưởng Cảnh sát, giao phó, Sulmaster đến Strasburg, nơi dân chúng đang sôi sục bất bình. Không lâu sau những làn sóng công phẫn đã biến thành cuộc bạo loạn thực sự. Trước sự giận dữ của đám đông có vũ trang, Sulmaster chỉ bằng một phát đạn duy nhất đã hạ gục người cầm đầu và dẹp yên được những kẻ nổi loạn.

Sulmaster đã bị thương mấy lần trong các trận đánh. Đặc biệt là tại trận diễn ra ở ngoại ô Fridland, ông đã bị bắn trọng thương.

Ngày 27 tháng 9 năm 1808, Hội nghị Erfurt, nơi gặp gỡ của Napoleon và Sa hoàng Alexsandr với sự hiện diện của một số vị quân vương các lãnh địa Đức, khai mạc. Napoleon đặt ra nhiệm vụ phải thu hút sự quan tâm, làm sửng sốt và lóa mắt Sa hoàng Nga. Ông mang theo mình tất cả những gì tuyệt vời nhất, gồm có cả toàn bộ nữ diễn viên đoàn hài kịch Pháp, đội cận vệ và các cận thần.

Sulmaster với sự tiến cử của Xavary được chỉ định làm giám đốc Cơ quan mật vụ Pháp. Ông còn là người đã có công chặn đứng được một vụ mưu sát Napoleon do một sinh viên người Đức thực hiện. Các nhân viên mật thám của Sulmaster không muốn làm ầm ĩ chuyện này nên đã sắp xếp để anh chàng sinh viên tự động từ bỏ ý định. Nhưng nhiệm vụ chủ yếu của Sulmaster lại khác. Như chính ông viết cho Xavary: Mỗi buổi sáng Hoàng đế giao cho tôi tìm hiểu hai vấn đề: Đêm qua Goethe đã gặp gỡ với ai (Napoleon có thái độ rất ghen tuông đối với nhà thơ vĩ đại này và đang tìm cách chiếm được

tình cảm bạn bè và sự tin cậy của ông) và Sa hoàng qua đêm với ai. Hóa ra những phụ nữ khả ái của Alexandr (trong số đó chủ yếu là các diễn viên đoàn hài kịch Pháp) đều là do thám của giám đốc cơ quan mật vụ Pháp Sulmaster. Họ thông báo cho ông biết tâm trạng và những lời nói của Sa hoàng Alexandr Đệ nhất. Nhìn chung, Sulmaster đã lọt mắt Hoàng đế của mình.

*** Vai trò mới của điệp viên Sulmaster**

Năm 1809 bắt đầu chiến dịch tấn công nước Áo mới của Napoleon. Tháng 5 năm đó, trong khi truy kích quân Áo tháo chạy, Napoleon gần như không phải đánh gì cả đã chiếm được thủ đô của Áo. Lần này Sulmaster xuất hiện trong vai trò mới, không phải khoác chiếc mặt nạ là một nhà quý tộc Hungari nữa. Ông được chỉ định làm thanh tra cảnh sát, đồng thời là người kiểm duyệt báo chí, hoạt động sân khấu, xuất bản và các cơ quan tôn giáo. Trên cương vị công tác mới này, ông được kính trọng thực sự. Ông đã thể hiện bản thân là một nhà khai sáng thực thụ, luôn cố gắng truyền bá trong các dân tộc Áo và Hung tác phẩm của Volter, Montesquier, Goldbach, Didero, Helvesia - những tác giả trước thời kỳ này bị cấm xuất bản ở đây.

Kade De Gasicur, thầy thuốc của Napoleon trong hồi ký của mình có đoạn kể về Sulmaster thời kỳ ở Vienna như sau: *“Sáng nay tôi vừa gặp thanh tra cảnh sát tư pháp ở Vienna, Đó là một người gan dạ, có tinh thần kiên định và sáng suốt đến kinh ngạc. Tôi tò mò nhìn ông, con người gắn với hàng nghìn câu chuyện kể kỳ lạ. Một mình ông tác động đến dân chúng thành Vienna mạnh mẽ ngang với cả một quân đoàn. Bề ngoài*

của ông cũng tương xứng với thanh danh ông. Ông có đôi mắt sáng lấp lánh, cái nhìn thấu suốt, nét mặt khắc nghiệt và cương nghị, động tác mạnh mẽ, dứt khoát, giọng nói mạnh và vang; tầm vóc trung bình, rắn chắc, đậm người; khí chất sôi nổi, dễ nổi nóng. Ông hoàn toàn nắm chắc các công việc của người Áo và biết rõ tất cả những nhà hoạt động nổi bật nhất của nước Áo. Trên trán ông có những vết sẹo sâu chứng tỏ ông không quen bỏ chạy trong phút nguy cấp. Mặt khác, ông lại cũng là người nhân hậu: nhận hai trẻ mồ côi làm con nuôi. Tôi trò chuyện một lát với ông về “Các nữ tu” và cảm ơn vì ông đã cho chúng tôi cơ hội được thưởng thức vở kịch đó”.

Sau thời kỳ ở Vienna, một đạo Sulmaster còn là tổng thanh tra quân nhu của quân đội hoàng gia khi hành quân. Nhưng chẳng bao lâu sau ông từ bỏ vị trí đó và trở lại với hoạt động tình báo.

*** Chia tay với cuộc đời tình báo sôi động**

Công lao của Sulmaster so sánh với các sủng thần của Napoleon tuy được đền đáp có thể hơi khiêm tốn nhưng không phải là tồi. Ông trở nên giàu có, mua lâu đài tráng lệ Meino ở Elzas, năm 1807 lại mua lâu đài thứ hai ở gần Paris. Cả hai tòa lâu đài tính theo giá hiện nay phải trên nửa triệu đô la. Và ông lại tiếp tục buôn lậu.

Nhưng sự đi lên trong cuộc đời và sự nghiệp của ông đột ngột gãy đứt nửa chừng vào năm 1810, khi ông vừa được bốn mươi tuổi. Năm đó Napoleon kết hôn với Maria Louisa, công chúa Áo. Hoàng hậu mới đến Paris mang theo ảnh hưởng mạnh mẽ của nước Áo. Người ta nhớ đến hoạt động chống nước Áo của Sulmaster những năm chiến tranh, và ông buộc phải từ chức.

Ông trở về lâu đài Meino của mình, sống thoải mái, nhàn tản nhưng vẫn không chia tay với nghề buôn lậu, là một ông chủ vui tính, hiếu khách, làm từ thiện, chiếm được tình cảm và lòng kính trọng của đồng bào mình.

Người Áo tức giận tên gián điệp đã làm ô danh thống soái Mak của họ nên khi quân đội tiến vào Elzas, cả một trung đoàn pháo binh đã được cử riêng đến trút đạn và tàn phá trang ấp của Sulmaster.

Trong thời gian cuộc chiến tranh Một trăm ngày (20 tháng 3-18 tháng 6 năm 1815) Sulmaster quên giận dữ, lại quay trở về với Napoleon. Sau khi Hoàng đế bị phế truất, ông cũng bị bắt và thoát ra nhờ trả khoản tiền chuộc rất lớn. Vì vậy Sulmaster trở nên khánh kiệt và buộc phải xoay sang đầu cơ chứng khoán, nghề không phải sở trường nên lần này ông hết sạch tiền.

Ông sống đến năm 1853, là chủ của một cửa hàng thuốc lá khiêm nhường. Đôi khi ông kể cho các khách quen nghe về những cuộc phiêu lưu của mình nhưng họ chỉ cười không tin. Sự nghi ngờ đó đã bị xóa tan khi vào năm 1850, Thái tử Louis Napoleon, về sau là Hoàng đế Napoleon III, và sau nữa là Tổng thống Pháp trong chuyến đi khắp đất nước đã tìm thấy nhà tình báo huyền thoại và đã bắt tay ông trước sự chứng kiến của những người hàng xóm.

ALEXANDR CHERNUŠEV

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN VINH QUANG

Con đường công danh của Chernutsev (1785-1857) cả trong môi trường quân sự lẫn dân sự đều thực sự hiển hách. Năm 1812 ông được phong hàm tướng tùy tùng, còn vào năm 1826 - tướng kị binh. Năm 1832, ông tiếp tục được chỉ định làm bộ trưởng Quốc phòng và làm việc ở cương vị này hai mươi năm. Vì công lao đối với Tổ quốc, năm 1826 ông được phong hiệu Bá tước và vào năm 1843 - Công tước Điện hạ.

Suốt cả cuộc đời, Chernutsev luôn hứng thú với nghề tình báo. Khi là bộ trưởng Bộ Quốc phòng, ông đã thu hút không chỉ các quân nhân, mà cả nhân viên của Bộ Ngoại giao và các cơ quan bộ khác hoạt động ở nước ngoài vào hoạt động tình báo.

*** Được Sa hoàng Alexandr Đệ nhất tín nhiệm**

Nhân lễ đăng quang của Sa hoàng hai mươi bốn tuổi Alexandr Đệ nhất vào năm 1801, giới quý tộc Moscva đã tổ chức lễ hội tưng bừng. Trong vũ hội người ta nhảy điệu ekoses, là điệu nhảy trong đó đàn ông xếp hàng một bên, phụ nữ xếp hàng một bên. Đứng bên cạnh Hoàng đế là chàng quân cơ mười sáu tuổi, con trai một viên tướng pháo binh, nghị sĩ nguyên lão viện. Họ trao đổi mấy câu, rồi sau đó chuyện trò cả tiếng đồng hồ. Sa hoàng trẻ tuổi rất thích cậu thanh niên.

Ngài lưu ý ghi nhớ đến cậu ta và phong cấp thiếu tá phục vụ trong trung đoàn Kavalergard.

Hai năm sau Chernusev được thăng cấp đại tá và lần đầu tiên ra mặt trận. Trong trận Austerlis chàng được tặng thưởng huân chương chữ thập Thánh Vladimir cấp 4 có dải băng, còn trong trận Fridlanski là huân chương Chữ thập Thánh Georgi cấp 4 và một thanh kiếm vàng.

Tháng 2 năm 1808, Alecxandr phái Alecxandr Chernusev mang thư riêng đến cho Napoleon. Khi nhận thư, Hoàng đế Pháp hỏi sứ giả của Sa hoàng mấy câu. Chernusev trả lời bạo dạn và thông minh với sự chứng kiến của cả đại sứ Nga là hoàng thân Curakin khiến ông này cũng lấy làm thán phục. Cuộc tiếp kiến diễn ra hơn một giờ đồng hồ liền.

Chernusev thuật lại cuộc chuyện trò với Napoleon cho Sa hoàng nghe. Hoàng đế cười lớn, rất chú ý đến những nhận xét sắc sảo, chính xác và thú vị của Chernusev. Tháng 3 năm 1809, nhà vua lại ủy nhiệm Chernusev làm đại diện riêng của mình tại đại bản doanh của Napoleon trong thời gian xảy ra cuộc giao tranh của quân Pháp chống Áo và Phổ. Năm 1810, Chernusev thường xuyên có mặt trong triều đình của Hoàng đế Napoleon.

*** Trở thành “điện viên quân sự” và lấy được lòng tin của giới quý tộc Pháp**

Cuộc sống của Chernusev thoát nhìn có vẻ vô tư, nông nổi trong giới quý tộc, nhưng thực ra chàng đang làm nhiệm vụ vì Sa hoàng. Chàng là một trong bảy “điện viên quân sự” đầu tiên được Bộ trưởng Quốc phòng Barklaem-De-Tolli phái sang thủ đô các quốc gia Châu Âu với tư cách nhân viên của “Phòng

lãnh sự đặc biệt” - là cơ quan chuyên môn của tình báo quân sự Nga. Chernusev và những người khác có những nhiệm vụ sau: Trong lĩnh vực tình báo chiến lược, phải khai thác được các thông tin chiến lược quan trọng; trong lĩnh vực tình báo chiến thuật nghiệp vụ - khai thác thông tin về tình hình các đạo quân của đối phương trên biên giới Nga; trong lĩnh vực phản gián - phát giác và vô hiệu hóa hoạt động cơ quan gián điệp của Napoleon. Đồng thời cũng cần thu thập tin về tinh thần trong quân đội và trong dân chúng, về các khả năng, phẩm chất và khiếm khuyết của các vị tướng xuất sắc nhất, “về các nguồn lực bên trong của các cường quốc, về các phương tiện để tiếp tục chiến tranh và các cuộc điều quân nhằm mục đích phòng thủ hay tấn công”.

Các báo cáo đầu tiên của Chernusev đến vào đầu tháng 8 năm 1810, và không có gì lạ là Napoleon trở thành nguồn cung cấp thông tin đầu tiên. Đó là kết quả thu được từ chính những cuộc chuyện trò kéo dài với Chernusev trong hoàn cảnh không chính thức, khi Hoàng đế không hề ngờ vực nói cả về những chuyện bí mật nhất. Quan hệ thân tình của viên đại tá Nga với Napoleon không phải là điều bí mật với mọi người xung quanh. Điều đó khiến vai trò, sức nặng của chàng trong xã hội quý tộc tăng lên và cho phép mở rộng phạm vi các cuộc làm quen có lợi. Nhưng Chernusev giành được vinh quang và tình cảm của cả Paris chỉ sau vụ cháy nổi tiếng năm 1810 tại nhà sứ thần nước Áo.

Ngọn lửa từ một cây nến bắt vào tấm rèm đúng lúc tất cả các vị khách say sưa khiêu vũ. Lập tức các đồ gỗ bốc cháy, ngọn lửa liếm vào các bức tường, vào váy áo mỏng nhẹ của các quý bà. Bắt đầu một cơn hoảng loạn, trong ngọn lửa điên

cuồng có hàng chục người chết là những tinh hoa của các hội thượng lưu. Khi ấy có một sĩ quan nhảy lên bệ cửa sổ, giọng chàng sang sảng đầy uy quyền buộc mọi người trấn tĩnh, không chen lấn giẫm đạp nhau. Ngay tại chỗ, chàng tổ chức một nhóm người cứu hộ can đảm xông vào lửa lòi những con người đang kêu gào tuyệt vọng ra. Bản thân vị anh hùng đó đã đưa được hai phụ nữ thoát khỏi ngọn lửa. Đó là Carolina Murat và Polina Borgeze - chị em với Hoàng đế Napoleon. Vị anh hùng đó chính là Alecxandr Chernusev. Sáng ngày hôm sau, lời ngợi ca chàng đã bay khắp Paris. Người ta thậm chí còn gọi chàng là “vị tiểu hoàng đế của Paris”. Trong xã hội không ai là người không ao ước được làm quen với vị anh hùng thông minh, điển trai, can đảm, “người yêu quý của cả hai vị Hoàng đế”.

*** Thiết lập mạng lưới thông tin viên và thu thập được nhiều tài liệu quan trọng**

Trong một khoảng thời gian ngắn, Chernusev đã thiết lập được một mạng lưới hoàn chỉnh các thông tin viên trong giới quan chức chính phủ và quân nhân của nước Pháp. Đó không chỉ là những “bè bạn theo kiểu Platon” (nghĩa là kết thân hoàn toàn vô tư, không vụ lợi), khá nhiều người trong số này được mua chuộc bằng tiền bạc, và có cả những nông dân mà chàng lôi kéo được về sau này.

Trong số các gián điệp hoạt động cho Chernusev có nhân viên Bộ Quốc phòng Pháp tên là Michel. Ông này thuộc nhóm các sĩ quan hai lần trong tháng tổng hợp cái gọi là “Bản tin vắn” - báo cáo về tình hình quân số và bố trí quân của các lực lượng vũ trang Pháp. Báo cáo này chỉ được lập một bản duy

nhất để trình lên đích thân Hoàng đế Napoleon. Nhưng Michel đã kiếm tiền thêm bằng cách sao cho Chernusev một bản. Một tuần sau bản sao đó được một tùy phái viên đặc biệt mang về trình Alexandr Đệ nhất. *“Tại sao ta lại không có thêm nhiều vị bộ trưởng như chàng trai trẻ này nhỉ!”* - có lần Sa hoàng đã viết như vậy bên lề một bản báo cáo do Chernusev gửi về.

Một người tình khác trong giới thượng lưu của Chernusev là cô Polina Fures. Trong thời kỳ chiến dịch Ai Cập, Polina là nhân tình của Hoàng đế Napoleon. Khi quay trở về Pháp, phòng khách thượng lưu của cô là nơi có mặt của rất nhiều nhân vật thông minh và thú vị. Nhiều người trong số họ lọt vào tầm ngắm của Chernusev và tỏ ra hữu dụng đối với chàng. Ví dụ “ông chủ địa đồ học” - thư ký văn phòng trực đặc của Napoleon. Ông này đã cung cấp cho Chernusev bản sao bản đồ hàng loạt thành phố nước Châu Âu và các vùng ngoại ô của chúng, những nơi có tuyến bố phòng, đường sá và kho vũ khí...

Chernusev cũng mở rộng quan hệ với các nhà hoạt động quân sự cấp cao của nước Pháp, với các tướng soái. Những đặc điểm chàng nhận xét về các tướng lĩnh và nguyên soái này như Udino, Lefevr, Davu, Grusi và những người khác có thể trở thành những kiểu mẫu của nghệ thuật phân tích và thư tín.

*** Bại lộ và chuyển hướng “chiến đấu”**

Tuy nhiên hoạt động tích cực của Chernusev không thoát khỏi sự chú ý của cơ quan phản gián Pháp. Người ta bắt đầu theo dõi chàng sát sao. Chàng cảm thấy xung quanh mình bắt đầu quần tụ những đám mây đen. Polina Fures đã cảnh báo cho chàng về mối nguy hiểm và khuyên chàng nhanh chóng rời

nước Pháp. Chernusev đốt hết các tài liệu liên quan trong lò sưởi rồi trở về Peterburg.

Sau khi Chernusev ra đi, người ta tiến hành khám xét ngôi nhà của chàng và tình cờ bắt được một lá thư của Michel rơi dưới tấm thảm trải sàn. Bị hỏi cung, ông này thú nhận tất cả và rơi đầu dưới lưỡi dao máy chém.

Các báo Paris đăng những tài liệu do bộ trưởng cảnh sát Xavary cung cấp về hoạt động gián điệp của đại tá Chernusev.

Kết luận chủ yếu Chernusev rút ra trên cơ sở các cuộc đối thoại với Hoàng đế Napoleon và những người thân cận của Hoàng đế được chàng ghi ở một trong các bản báo cáo như sau: *“Chiến tranh là không thể tránh khỏi và sớm muộn cũng sẽ xảy ra”*. Chàng đã thông báo đúng thời điểm xảy ra và hướng tấn công của quân Pháp.

Sa hoàng tặng thưởng cho Chernusev và phái chàng sang Thụy Điển với nhiệm vụ thăm dò lập trường của chính phủ Thụy Điển trong trường hợp có chiến tranh giữa Pháp và Nga. Chàng đã tham gia vào việc chuẩn bị soạn thảo hiệp ước bí mật giữa Nga và Thụy Điển ký ngày 5 tháng 4 năm 1812 và bảo đảm cho nước Nga *“thái độ trung lập thiện chí của Thụy Điển”*.

Tháng 11 năm 1831, theo sáng kiến của Chernusev, Sa hoàng Nicolai I lệnh cho sứ quán Nga ở London không chỉ “thu thập các thông tin chính xác và đáng tin cậy nhất” về những vũ khí mới sáng chế của Anh mà nếu có thể phải lấy cả mẫu chuyển về. Đồng thời tất cả các sứ quán Nga ở các nước Châu Âu có trách nhiệm chuyển sang đặc biệt chú ý đến các phát minh, sáng chế và những hoàn thiện thiết bị kỹ thuật quân sự và thiết bị sản xuất trong các công xưởng và các ngành công nghiệp.

Từ năm 1832, hiệu quả hoạt động của các cơ quan đại diện ở nước ngoài tăng lên rõ rệt. Có thể điểm một vài thành tích của ngành tình báo như sau: lấy được bản mô tả mẫu càn gã pháo của quân Pháp; bản vẽ kỹ thuật và mô tả các loại hỏa tiễn, súng và pháo mới; giáo trình nội bộ dùng cho trường kỹ sư pháo binh quân sự ở Mese; tài liệu hướng dẫn sản xuất đại pháo của các nhà máy Toulouse; mẫu nòng súng rãnh xoắn; bản mô tả mẫu băng đạn mới; mô hình mẫu súng mới và mẫu máy điện báo mới. Tại London các gián điệp Nga đã lấy được mẫu nắp nự xòe cho súng và mẫu máy sản xuất cả nắp lẫn súng sử dụng các nắp mới này.

Thông tin khai thác được không chỉ liên quan đến các thành tựu kỹ thuật quân sự mà cả về quân số, tình hình phân bố, mức độ sẵn sàng tác chiến và tinh thần chiến đấu của binh lính.

Đến tận cuối thời kỳ công tác của mình trong Bộ Quốc phòng, Chernusev không bao giờ lơ là các vấn đề của hoạt động tình báo. Bức thư gửi Bộ Ngoại giao ngày 8 tháng 5 năm 1852 là một trong những tài liệu cuối cùng thuộc lĩnh vực hoạt động này của ông. Trong đó Chernusev cụ thể hóa nhiệm vụ dành cho sứ quán Nga ở các nước khác nhau trong việc khai thác thông tin quân sự. Thời kỳ này Chernusev không có nhiều đóng góp trong lĩnh vực quân sự.

Năm 1848, ông giữ cương vị tối cao ở nước Nga là Chủ tịch Hội đồng Quốc gia, trong khi vẫn kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Đó là một chức vụ mang tính danh nghĩa, danh dự hơn là quyền lực.

Alexandr Chernusev mất ngày 20 tháng 6 năm 1857 tại Kastellamare-de-Stabia (Italia) trong thời kỳ chữa bệnh.

LINH MỤC LEKLERK

ĐIỆP VIÊN ĐẲNG SAU BỤC XUNG TỘI

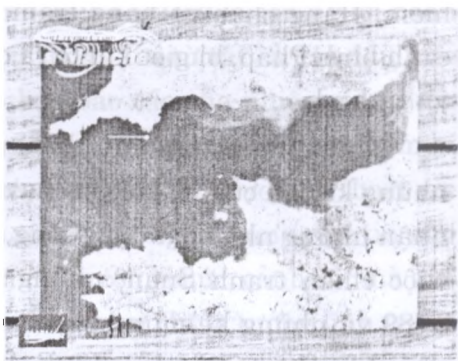
Điệp viên - linh mục Leklerk (thế kỷ XIX) - một nhân vật Bảo hoàng trung thành với sự nghiệp chống Napoleon là “con người thẳng thắn, hoạt bát, nhanh nhẹn, nhiều sáng kiến, một điệp viên khiêm tốn và có phẩm chất sáng giá, nhất là hào hiệp, vô tư”.

* Tình hình nước Pháp dưới thời Napolenon

Quan hệ giữa nước Pháp thời Hoàng đế Napoleon và nước Anh đến năm 1806 đã trở nên căng thẳng cực độ. Ngày 21 tháng 12 năm 1806, Napoleon tuyên bố, còn sau mười một tháng thì ký sắc lệnh tiến hành phong tỏa nước Anh. Ông ra lệnh bắt giữ tất cả dân Anh đang ở nước Pháp và cấm mua bán hàng hóa của người Anh. Tất cả những hàng hóa Anh bị mang ra thiêu hủy sạch, mọi hình thức liên lạc bị cắt đứt, việc trao đổi thư từ giữa Châu Âu và quần đảo Anh bị cấm. Như lệ thường, khi có lệnh cấm thì các hoạt động ngầm sẽ phát triển mạnh, nhất là hoạt động buôn lậu, mặc dù luật pháp nước Pháp trừng trị tội này rất nặng, thậm chí có thể lên đến mức án tử hình. Hoạt động buôn lậu giữa Anh và Pháp đã được duy trì liên tục và thậm chí còn phát triển hơn. Tiền mặt thường xuyên đi về giữa London và Paris. Các ông chủ ngân hàng London viết séc gửi Paris tự do thoải mái cứ

như thế chẳng hề có Napoleon cũng như cuộc phong tỏa từ lục địa vậy.

Để tiện thông tin qua lại bí mật với nước Pháp, người Anh sử dụng các liên lạc viên tốc hành. Họ khéo léo bơi vượt eo biển La Manche bằng đường thẳng, chuyển tài liệu trong những đôi ủng hai đế, trong cổ áo lễ phục hay



Eo biển Le Manche

chỉ đơn giản là nhét vào túi áo quần. Đó đều là những con người đáng tin cậy, thông minh, gan dạ, không có thành kiến. Họ làm việc vì những khoản tiền lớn mà các ông chủ ngân hàng, các nhà quý tộc, quan chức nhà nước chỉ một cách rất hào phóng cho sự nhanh chóng và độ tin cậy.

Có một khoảng thời gian người ta đã mua chuộc các công chức tòa thị chính vùng Boulogne và lấy được hộ chiếu giả. Đó quả là sự hỗ trợ hết sức quan trọng với những kẻ buôn lậu và cả cho cơ quan mật vụ, nhưng thời gian này kéo dài không lâu. Do vậy các tay liên lạc buộc phải xoay xở bằng mọi cách. Không ít các gián điệp và liên lạc viên khi có nguy cơ bị bắt giữ đã nuốt luôn tài liệu vào bụng. Những thư từ bí mật thường được viết trên thứ giấy rất mỏng nên có một bà Salame nào đó (trong số liên lạc viên có cả phụ nữ) khi rơi vào tay cảnh sát đã nuốt trọn cả một cuộn thư.

Hiển nhiên là những dịch vụ dành cho dân buôn lậu cũng được cơ quan tình báo Anh, những kẻ mưu phản Bảo hoàng,

các ngoại kiều sử dụng để duy trì liên hệ bí mật với những người đồng quan điểm ở nước Pháp. Công việc thực sự rất nguy hiểm. Hàng chục và hàng trăm liên lạc viên đã rơi vào tay cảnh binh Pháp, bị giết khi tỏ ra có hành vi chống đối và bị kết án tử hình.

Những năm đó có rất nhiều người theo phe Bảo hoàng và những kẻ thù của Napoleon chạy sang Anh. Nước Anh đã tiếp nhận những nhà hoạt động sống sót sau phong trào Vandei và cuộc chiến tranh Suan, những người chống đối cách mạng 1789 và những kẻ mưu phản bị bại lộ. Âm mưu của họ được dàn dựng bằng tiền của người Anh chở trên các tàu của Anh đến Pháp. Nước Anh ủng hộ lực lượng phản cách mạng bằng mọi giá và đặt nhiệm vụ khôi phục vương triều Bourbon là điều kiện của hòa bình. Các ngoại kiều từ Pháp đến Anh tập trung quanh bá tước D'Arthur, hoàng tử Conde và công tước Berrixki cùng vạch âm mưu chống Napoleon. Một nhóm mưu phản khác hoạt động tại Anh dưới sự cầm đầu của George de Cadudan. Các nhóm này đều cần liên lạc với nguồn tin tức của họ tại Pháp và cần thông tin cụ thể về tình hình ở đó.

*** Leklerk và các đồng sự**

Nhóm Bảo hoàng chống Napoleon liên kết được nhiều người có tấm lòng tận tụy hy sinh vì sự nghiệp. Linh mục Leklerk là một người họ Buavalon. Nhân vật Bảo hoàng trung thành với sự nghiệp này được miêu tả là “con người thẳng thắn, hoạt bát, nhanh nhẹn, tháo vát, nhiều sáng kiến, một điệp viên khiêm tốn, và có phẩm chất sáng giá, nhất là hào hiệp, vô tư”. Thời kỳ khủng bố căng thẳng nhất, linh mục Leklerk sống ở Paris trong vai một luật sư. Ông biết rõ tình

hình ở nước Pháp đến nỗi người Anh thậm chí phải nghi ngờ không hiểu Leklerk có phải là người của cơ quan mật vụ Pháp hay không. Nhưng không, linh mục Leklerk là con người hoàn toàn trung thực. Ông tập hợp thông tin từ tất cả các đầu mối của mình, thậm chí còn tập hợp báo cáo của nhiều gián điệp phái Bảo hoàng ở Pháp. Tất nhiên linh mục không vi phạm bí mật xưng tội. Nhưng ông khéo léo dỗ dành người đối thoại với mình trở nên cởi mở. Trong số những người cung cấp tin cho ông không chỉ có các nhà buôn, tiểu công chức, cảnh sát mà còn có cả các chính khách, sĩ quan và thậm chí là tướng lĩnh trong quân đội Napoleon. Đặc biệt ông khai thác được rất nhiều tin tức có giá trị từ vợ của các quan chức và quân nhân cấp cao. Leklerk bốn mươi tuổi, có ngoại hình không hấp dẫn, vậy mà có ảnh hưởng khó giải thích đối với phụ nữ, nhưng vị linh mục mộ đạo này chỉ sử dụng ảnh hưởng đó trong những công việc liên quan đến hoạt động tình báo. Khi Napoleon thành lập "Trại Boulogne" là nơi tập trung và huấn luyện quân để đổ bộ vào Anh, Leklerk nhận nhiệm vụ tìm hiểu về trại này. Ông chuyển đến ven bờ biển và thường xuyên đi về trên một cỗ xe ngựa nhỏ. Người đánh xe cho ông là viên thư ký trung thành Pier - Mari Pua. Leklerk thường nường nấu trong nhà các bạn bè phái Bảo hoàng của mình nhưng không ở đâu quá một đêm. Ông thiết lập được mạng lưới do thám không đông về số lượng nhưng hoạt động hiệu quả. Trong số các điệp viên của Leklerk có một người là quan chức cấp cao, đại diện của Bộ Quốc phòng Pháp ở Brest, một người làm việc trong hội đồng quản trị hạm đội hoàng gia. Một số điệp viên cung cấp cho Leklerk bản sao các báo cáo chính trị. Để liên lạc với nước Anh, Leklerk cùng viên thư ký của ông đến các thành phố miền duyên hải. Trong

một quán rượu nhỏ nào đó họ ngồi vào bàn với những dân chài nghèo khổ. Bản thân Leklerk thường ít nói, còn Pier - Mari Pua thì mời mọi người xung quanh rượu cô nhắc và món nhắm ngon lành. Khi câu chuyện trở nên thân mật hơn, anh ta sẽ giải thích rằng Leklerk là thương gia đang cần thông báo cho một người đã sang sinh sống ở London về việc thừa kế tài sản. Pier - Mari Pua cũng đặc biệt nhấn mạnh chuyện không dính dáng gì đến chính trị, thậm chí còn đọc to bức thư cho mọi người cùng nghe. Tất nhiên, anh ta sẽ không tiết lộ rằng giữa các dòng thư còn có những dòng chữ khác được viết bằng thứ mực không nhìn được bằng mắt thường. Một ai đó trong số các dân chài hẳn sẽ chấp thuận giúp đỡ chuyển lá thư cho một con tàu Anh sẽ đón anh ta ngoài khơi trong thời gian đánh cá để đổi lấy món tiền thưởng hậu hĩnh. Người đó là anh chàng đánh cá và buôn thực phẩm Phillip.

Ở Trepora, Phillip có một quán hàng thực phẩm. Anh ta tụ tập dăm ba người bạn thân thiết, trong đó có thầy giáo Duponsel dạy học trong vùng và vợ. Về đây đã hiền hậu giúp nguy trang rất tốt và không hề làm giảm sự sốt sắng và linh hoạt của bà Duponsel. Bà ta thường hoàn thành các vụ đột nhập lấy các gói tài liệu quan trọng giấu vào những chiếc túi khâu bí mật trong áo váy rộng thùng thình. Mỗi vụ bà nhận được hai mươi frank tiền công. Leklerk dặn trước nếu lỡ bị bắt hay bị cản vãn thì bà phải trả lời chắc như đinh đóng cột là “vừa mới nhận được lá thư ngoài bờ biển và đang định mang nộp cho cảnh sát ở E. hay ở Boulogne”.

Vì Leklerk là giáo sĩ phụng sự Chúa nên không có gì lạ khi những phụ nữ mộ đạo tin tưởng sâu sắc vào sự nghiệp của phe Bảo hoàng nên luôn che chở và cho ông nương náu. Cũng

bởi ông là một con người hết sức đạo đức, lòng căm ghét đến cuồng tín của ông đối với Bonaparte và cách mạng đã cuốn hút nhiều người cả nam lẫn nữ trong giới quý tộc theo ủng hộ ông. Một trong những trợ thủ tin cậy của linh mục Leklerk là De Russel De Previl. Là một cô gái nhỏ nhắn, yêu kiều, năm 1804 cô mới gần tròn mười tám tuổi. Vì sắc đẹp và vẻ duyên dáng mà người ta gọi cô là Nimfa. Cô quen sống trong một xã hội vui tươi, náo nhiệt, được người xung quanh ngưỡng mộ đăm đuối, là con người hiếu động và vô tâm đến độ ngốc nghếch. Tất cả mọi mối quan tâm của cô xoay quanh những món đồ trang sức, vũ hội và các buổi tiếp đãi. Và mặc dù tục ngữ có câu: “Khi đại bác nổ thì nàng thơ im tiếng”, dường như chưa bao giờ từng có những cuộc vũ hội vui vẻ, thứ âm nhạc tuyệt diệu và những điệu nhảy hấp dẫn đến như vậy vào những năm tháng này của cuộc đời cô.

Tưởng chừng như tính cách đó của cô sẽ không thể nào phù hợp với hình dung chung của mọi người về một nhà tình báo, kiểu người thông minh, chuyên tâm vào công việc, tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc bảo mật. Nhưng... Trong nghề tình báo mọi chuyện đều có thể. Khi biết được công việc Leklerk đang làm, cô thiếu nữ dấn ra quan tâm, rồi yêu cầu được giúp đỡ ông. Và không lâu sau cô trở thành cộng sự không thể thiếu của Leklerk.

Nimfa De Russel De Previl (tên này được ghi trong hồ sơ lưu trữ của cảnh sát Pháp về cô) cải trang thành một chàng thanh niên, lấy họ là Dubuisson và bắt đầu công việc phiêu lưu, nguy hiểm của một điệp viên và liên lạc viên phe Bảo hoàng. Mặc dù tính nết cô khá bông bột, xốc nổi nhưng điều đó không ảnh hưởng đến sự an toàn của các đồng chí của cô.

Nhiệm vụ của cô là tiếp nhận và chuyển tin mật cho Leklerk; để tập hợp tin tức cô đã nhiều lần đến Diep hoặc Amien.

*** Bị lộ và kết án tử hình**

Không lâu sau cảnh sát Pháp lần ra dấu vết của linh mục Leklerk và Nimfa. Hai người trốn ở Abbervill, trong nhà bà Deni trên phố Ptiriu - Nort Dam. Anh chàng gián điệp của Leklerk là Phillip khi bị bắt đã khai ra nơi ẩn náu đó, và cảnh binh đã lao bổ đến Abbervill. Nhưng ngôi nhà của bà Deni được xây dựng từ hồi Trung thế kỷ lại có những lối đi bí mật và Leklerk cùng “cậu bé Dubuisson” đã kịp thời theo đó trốn đi. Bà Deni hoảng sợ khai với cảnh sát hòm tài liệu mật liên quan đến hoạt động của Leklerk.

Nhờ sự giúp đỡ của thầy giáo Duponsel và anh dân chài Diepua, linh mục Leklerk và thư ký Pier - Mari Pua đã trốn được sang Anh trên một chiếc thuyền nhỏ. Còn Nimfa sau cuộc đi trốn bình thần trở về nhà mình ở Boulogne. Cô nói với mẹ: Con đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, nhưng con chẳng có tội tình gì và sẵn sàng nộp mình vào tay cảnh sát. Bà De Presvil kinh hãi: Quả thực bà không thể tưởng tượng được cô con gái mình đã làm những chuyện động trời gì. Nhưng bà không mất tinh thần mà hành động rất điềm tĩnh, cương quyết.

- Lập tức quay trở lại Abbervill và trốn trong nhà họ hàng của chúng ta. Mẹ van con, con phải trốn kỹ vào và đừng có để ai trông thấy đấy.

Cô gái tất nhiên là hứa hẹn, nhưng chưa chắc đã có ý định giữ lời. Bởi chỉ vài ngày sau cô đã ra cạnh cửa sổ và sau đó liên tục ngồi ở đó, để “ngắm mọi người qua lại và cho người

ta ngấm mình”. Thậm chí có một lần cô còn dám xuất hiện ở vũ hội. Một điều như vậy ở trong cái thành phố đầy rẫy mật thám đang lần theo dấu vết đồng bọn của Leklerk! Tuy nhiên cô vẫn còn có đủ thông minh hoặc là có linh cảm tự vệ bản năng để đi trốn kịp thời. Đơn độc, gần như chẳng có tiền nong gì, cô đã đi qua gần hết Châu Âu và tìm cách đến nước Nga. Nhưng cô không thực hiện được điều đó, và tại một cảng thuộc nước Đức cô lên một chiếc tàu đi sang London. Ở đó các cuộc lãng du của cô đã kết thúc.

Trong khi đó, linh mục Leklerk, thư ký Pier - Mari Pua và Nimfa De Russel De Previl bị kết án tử hình vắng mặt bởi một ủy ban ở Ruan. Các dân chài Phillip, Diepua và thầy giáo Duponsel đều bị bắt, bị kết án tử hình và đã chết cả.

Nimfa chưa đến tuổi trưởng thành bị kết án tử hình nên được chính phủ Anh cho một khoản tiền cấp dưỡng hàng năm là sáu trăm frank.

Leklerk sống tại Anh một thời gian, sau đó ông sang Đức, ở tại thành phố Munster và từ đó nối liên lạc với các điệp viên của mình. Cảnh sát hoàng gia đã làm tê liệt hoạt động của ông ở khu vực Boulogne, ông lại chuyển sang hoạt động ở miền bờ biển Normandi, Jersey và lại tổ chức liên lạc hoạt động tình báo với nước Anh.



*Toà đô chính lịch sử Munster,
biểu trưng của thành phố*

VILHELM STIEBER

ĐIỆP VIÊN CAO THỦ BỊ KHINH RẼ

Vilhelm Stieber (1818-1892) là điệp viên cao thủ danh tiếng - chiến hữu của “Thủ tướng Sắt” Bismarck (sở dĩ có biệt danh này là vì ông ta thường phát biểu yêu cầu thi hành chính sách “bằng sắt và máu”). Thủ tướng có lần đã gọi Stieber là “ông vua tình báo”, còn các sử gia đánh giá đây là một “tên đầu cẳng tầm cỡ quốc tế”.

* Những “chiến tích” đầu tiên

Stieber sinh ngày 3 tháng 5 năm 1818 tại thành phố nhỏ Merseburg xứ Saxon trong một gia đình tiểu công chức, tên rửa tội là Johann Carl Edward. Từ Merseburg, gia đình Stieber đã chuyển đến Berlin, nơi Stieber được đào tạo để trở thành một mục sư Tin Lành. Nhưng hắn chọn cho mình con đường khác. Học xong, Stieber làm luật sư. “Chiến tích” đầu tiên được lịch sử ghi nhận của hắn là chiếm được lòng tin của ông chú vợ, chủ xưởng dệt thành phố Silez là Sleffel, người rất yêu mến Stieber. Stieber đã kích động một vụ âm mưu giả nổi tiếng dưới tên gọi “âm mưu thung lũng Girsberg”, hình như có dính líu đến cuộc nổi dậy của thợ dệt thành phố Silez. Thực ra lỗi duy nhất của Sleffel là ông ta theo quan điểm tự do và tuyên truyền điều đó trong giới công nhân. Stieber đã giao nộp ông chú yêu quý cho cảnh sát như một kẻ chủ mưu phản loạn.

May cho Sleffel là những bằng chứng do Stieber đưa ra không đủ để kết án. Trong khi đó Stieber đã khéo giả vờ đến mức vẫn tiếp tục được ông chú tin cậy và coi như là người bạn tốt nhất của mình. Stieber giả danh một người cấp tiến kiên định, bạn của giới công nhân và ủng hộ các nhà xã hội chủ nghĩa. Cảnh sát không cản trở hắn vì biết đó là một gián điệp giá trị.

Giả làm người tự do chủ nghĩa, Stieber lọt sâu vào nhóm các nhà tự do chủ nghĩa, kích động các “bạn của mình” phát biểu chống chế độ và sau đó chỉ điểm bắt họ. Một lần hắn dẫn đầu đoàn biểu tình hô vang những khẩu hiệu phản đối Hoàng đế Phổ Friedrich Wilhelm, một tên vua hèn nhát và ngu dốt (về sau bị tước quyền lực và nhốt vào bệnh viện tâm thần). Khi đoàn biểu tình tiến đến gần, vị Hoàng đế hết sức hoảng hốt, nhưng Stieber bằng cách nào đó đã đến bên cạnh và thì thầm: “Tâu hoàng thượng, xin đừng sợ, có thần đây, mọi chuyện sẽ ổn cả thôi!”. Hoàng đế rất đẹp lòng và chẳng bao lâu sau lập tức phong Stieber làm Giám đốc cảnh sát mật vụ.

Từ khi là trạng sư, Stieber đã bằng mọi cách chiếm được lòng tin của những người tự do chủ nghĩa, bảo vệ họ tại tòa, phát biểu những lời lẽ tiến bộ to tát. Ngoài ra hắn ta còn bào chữa thành công cho hàng ngàn tội phạm hình sự.

Hoạt động bào chữa sở dĩ có kết quả là bởi vì với cương vị chủ bút một tờ tạp chí của cảnh sát, Stieber được vào Bộ Cảnh sát tìm hiểu tài liệu cảnh sát thu thập được để trình tòa chống lại khách hàng của mình. Quan tòa và công chúng không biết điều đó nên hết sức thán phục trí thông minh sắc sảo của hắn. Quan hệ quen biết và tình bạn với những tội phạm hình sự không ít lần được Stieber lợi dụng về sau này.

Sau khi Hoàng đế Fridrich Vilhelm bị quan nhiếp chính hạ bệ, Vilhelm I lên ngôi đã truất chức Giám đốc cảnh sát của Stieber. Hắn bị thất sủng. Không thất vọng, hắn chạy sang Peterburg và tham gia tổ chức quân vụ, một cơ quan còn tồn tại hoạt động tận đến trước năm 1917 với chức năng như ban mật vụ nước ngoài của Nga. Ở Peterburg, Stieber đồng thời hoạt động gián điệp cho Đức.

*** Bắt đầu con đường hoạt động “tình báo” và những điệp vụ thành công**

Hoạt động tình báo thực thụ của Stieber bắt đầu sau cuộc tiếp xúc làm quen với Thủ tướng Bismarck.

Điện vụ thành công đầu tiên của Stieber là vụ đánh cắp những tài liệu quan trọng của đại diện nước Áo trong Chính phủ Liên hiệp Liên minh Đức của nam tước Prokes-Osten, do tên gián điệp Borman của hắn thực hiện (theo chỉ thị của Bismarck). Nhờ đó Bismarck có cơ hội làm tổn hại thanh danh đối thủ của mình và ép được triệu hồi người đó về nước.

Sau đó Bismarck sửa soạn gây chiến với Áo, giao cho Stieber tìm hiểu tiềm năng quân sự của nước này.

Lên đường sang Áo dưới lốt một nhà buôn lang thang, hắn ta kiếm con ngựa và chiếc xe thô chở một vài thứ hàng nhẹ nhàngh như tranh tượng thánh và tranh khiêu dâm. Cảnh sát không một lần nào nghi ngờ. Stieber giả bộ làm một kẻ “ruột để ngoài da”, hàng tháng trời lê la trong đám dân Áo cả quân nhân và dân sự, nghe ngóng nhặt nhạnh những thông tin mà mức độ phong phú và chính xác khiến cả người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu Quân đội Phổ là Fon Monke phải sửng sốt. Nhờ các thông tin này, năm 1865, Phổ đánh bại quân Áo và

đặt dấu chấm hết cho ảnh hưởng của nước Áo đến Liên minh các quốc gia Đức.



Thủ tướng sắt Bismarck

Sau chiến thắng này, Stieber trở thành đội trưởng đội cảnh sát mật do Bismarck thành lập để phục vụ cho Bộ Tổng tham mưu.

Những quý tộc thuộc Bộ Tổng tham mưu coi rẻ đám gián điệp, không cho Stieber vào nhà ăn sĩ quan. Bismarck liền mời Stieber cùng ngồi dùng bữa với mình. Ngoài ra Bismarck còn đề nghị Monke trao huân chương cho Stieber vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Monke cấp huân chương cho Stieber nhưng sau đó xin lỗi đồng nghiệp của mình vì đã tặng thưởng cho một tên bị họ khinh rẻ. Đáp lại Bismarck chỉ định Stieber làm thống đốc Briunn (Brno), thủ đô Moravia bị Phổ chiếm đóng.

Theo yêu cầu và với sự ủng hộ của Bismarck, Stieber đặt cơ sở xây dựng ngành tình báo Đức. Hắn thực hiện kiểm tra toàn bộ thư từ, điện tín từ mặt trận. Để nâng cao tinh thần quân đội và dân chúng, hắn thành lập Nha thông tin trung ương. Trong các bản tin hàng ngày, Nha này loan tin về những tổn thất nặng, sự hoang mang hoảng loạn, bệnh tật, tình trạng thiếu vũ khí đạn dược, và các mối bất hòa trong hàng ngũ quân địch. Stieber làm chìm ngập không riêng Đức mà toàn bộ các nước Châu Âu khác bởi những thông tin theo chiều hướng đó. Hắn ta trực xuất hăng thông

tấn lớn nhất Reuter khỏi Đức, nhưng chẳng bao lâu sau phát hiện ra rằng một chi nhánh của hãng đã triển khai hoạt động ngay ở Berlin. Hần đồng thời đàn áp chi nhánh này và thành lập tại Berlin một hãng bán chính thức của bác sĩ Wolf. Hãng này khác Reuter ở chỗ có nguồn tin nóng và do chính phủ cung cấp.

Những công trạng của Stieber đã được đặc biệt quan tâm. Hoàng đế Phổ Vilhelm I, cách đó không lâu còn bất tín nhiệm Stieber, bắt đầu gọi hần là “thần dân không được hiểu và đánh giá đúng” và điệp viên mật của mình, xứng đáng ban thưởng không chỉ vàng bạc và huân chương của quân đội, mà còn đáng được xã hội kính nể trọng vọng. Stieber được phong cấp cổ vấn mật.

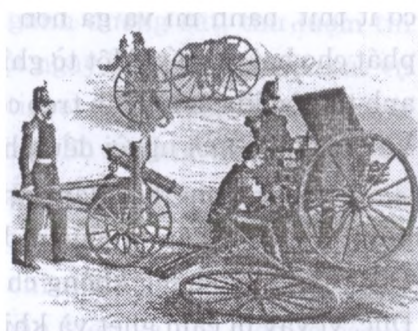
Sau chiến tranh với Áo, Bismarck lại chuẩn bị phát động một cuộc chiến mới - lần này là với Pháp.

Cuộc triển lãm quốc tế năm 1867 đã thu hút đến Paris nhiều quân vương, trong đó có Nga hoàng Alexsandr Đệ nhất I. Stieber được lệnh đến Pháp một đêm trước cuộc viếng thăm của Sa hoàng Nga với mục đích phá hoại việc ký kết hiệp ước liên minh Nga-Pháp. Và ở đây Stieber đã gặp may. Qua đám thuộc hạ, hần biết có âm mưu ám sát Nga hoàng đang được chuẩn bị. Như là một vị khách và đồng minh có thể của Napoleon III, Sa hoàng nhất thiết phải có mặt ở cuộc diễu binh nhân danh mình. Tại đó có một người Ba Lan tên là Berezovski đã chuẩn bị thực hiện vụ ám sát. Biết được điều này, Stieber không thông báo cho cảnh binh Pháp. Hần tin chắc trong trường hợp vụ ám sát thành công, liên minh Nga-Pháp sẽ bị đổ vỡ.

Thực tế đã xảy ra vụ ám sát nhằm vào Nga hoàng

Alexandr Đệ nhất, nhưng viên đạn của tên khủng bố chỉ trúng tai con ngựa của viên quan giám mã đi cạnh nhà vua. Berezovski bị bắt. Tên này chỉ bị kết án nhẹ khiến Sa hoàng hết sức tức giận, và việc ký kết đã không được thực hiện. Lúc này con đường cho quân Đức đã được mở.

Một trong những ưu thế quan trọng nhất của chiến lược quân sự là chất lượng vũ khí. Thời đó nước Phổ có một loại súng được đánh giá là tốt nhất Châu Âu. Đổi lại,



Súng Mitrailleuse của quân đội Pháp

người Pháp nghĩ ra súng Mitrailleuse và giữ bí mật về điều đó. Năm 1868, Stieber cùng với hai thuộc hạ thân tín nhất đến Pháp. Trong thời gian đó nhóm gián điệp ba tên này đã chuyển về Berlin nhiều báo cáo mã hóa, thu xếp cho nhiều gián điệp sinh sống tại Pháp, còn khi lên đường về nước trước cuộc chiến tranh đã mang theo ba va li tài liệu. Về sau Stieber khoe khoang hắn đã có ở Pháp bốn mươi nghìn điệp viên. Con số tất nhiên là phóng đại nhưng khoảng gần mười đến mười lăm nghìn điệp viên trong tay hắn có khả năng là thật.

Stieber đã chuẩn bị cho cuộc tấn công nước Pháp với sự chính xác của người Đức. Hắn chú ý nhất đến đường sá, sông, cầu, kho vũ khí, kho tàng dự trữ và các tuyến thông tin liên lạc. Nhưng hắn cũng đồng thời tăng cường quan tâm đến tình hình dân chúng, thương mại, kinh tế, chính trị, tình trạng đạo đức của người Pháp.

Tin tức tỏ ra đáng tin cậy đến mức sau khi cuộc tấn công

bắt đầu, quân nhu Đức biết chính xác số lượng và địa chỉ và ở nhà nông dân hay địa chủ nào có thể trưng thu những thứ phục vụ nhu cầu quân đội Đức. Còn nếu có kẻ cãi rằng anh ta có ít thịt, bánh mì và gà hơn những gì bị đòi hỏi thì sẽ được phát cho hai tờ giấy. Một tờ ghi rõ số liệu chính xác tài sản của anh ta, còn kia là tờ lệnh treo cổ. Anh ta được đề nghị chọn lựa. Và tất nhiên mọi người đều phải chọn tờ thứ nhất.

Stieber trong khi đánh giá cao công trạng và vị trí của mình ở nước Pháp bị chiếm đóng đã hoàn toàn trở nên quá trớn; hấn nhạo báng không chỉ người Pháp mà cả các sĩ quan Đức, vì vậy bị căm ghét và khinh bỉ hết sức.

*** Rút vào bóng tối**

Nhưng trong thời kỳ tiến hành các cuộc đàm phán hòa bình hấn lại rút vào bóng tối. Lúc này hấn đã đóng vai người hầu của đại biểu Pháp Jules Favre và chiếm được lòng tin của ông này. Tất cả các tài liệu mật mà Favre mang theo, từng bức điện tín và thư từ đều đã qua tay hấn. Stieber biết tất cả và hài lòng xoa tay.

Năm năm sau thất bại, nước Pháp lại cất đầu và nghĩ cách phục thù. Cần phải dò la về các kế hoạch của người Pháp.

Stieber tìm kiếm ả Fon Kaulla từng có quan hệ gần gũi với tướng Pháp De Cisse khi ông này bị bắt làm tù binh ở Đức. Theo nhiệm vụ của Stieber giao phó, Fon Kaulla sang Pháp và gặp gỡ với De Cisse khi đó đã trở thành Bộ trưởng Quốc phòng. Cô ả kịp moi được nhiều tin mật từ ông này trước khi lộ mật và bị trục xuất khỏi Pháp, còn De Cisse thì bị bãi chức bộ trưởng.

Đến năm 1880, Stieber đã xây dựng được ở nước Pháp một

đội quân gián điệp đáng tin cậy từ dân xứ Alsace và Lorraine với con số lên đến hàng nghìn người. Những người này nắm chức vụ trong quân đội, trong các bộ, ngân hàng, nhà máy, khách sạn, quán hàng, trong ngành đường sắt, thu lượm tin tức cần thiết và sẵn sàng vào một ngày bất kỳ thực hiện các vụ phá hoại. Một gián điệp của Stieber là Vindel đã trở thành người đánh xe cho tướng Mercie - Bộ trưởng Quốc phòng và cùng với ông này “thanh tra” khắp tất cả các vùng và đồn binh trại lính.

Tại Paris, Stieber tổ chức chi nhánh hiệp hội bảo hiểm Berlin “Victoria” với toàn bộ nhân viên và đại diện là các sĩ quan Phổ trong phiên chế dự bị. Chi nhánh này tồn tại cho đến trước năm 1914. Khoảng nửa năm biên chế ở đây lại thay đổi nhưng không có người nào trong số nhân viên đó quay về Berlin mà không sử dụng kỳ phép nhận được để đi khắp các tỉnh miền Đông nước Pháp.

Chính Stieber đã thu nhận vào thành phần gián điệp “một sĩ quan quý tộc về hưu”, biến hoạt động trước đây bị khinh rẻ và lảng tránh này thành một nghề có uy tín và thể diện. Công tước Otto Gohberg vốn thuộc một dòng dõi quý tộc cổ xưa và danh tiếng đã trở thành gián điệp đặc lực và có ích nhất của Stieber. Ông này đã áp dụng vào hoạt động tình báo những ngón nghề, thủ đoạn bản thủ để tóm gọn các ông bạn sĩ quan của mình. Stieber bắt đầu thu dụng đặc biệt thường xuyên những tay chân dạng này từ sau năm 1871.

Trong những “chiến tích tình báo” của Stieber có thể kể thêm vụ khiêu khích “khám phá” cái gọi là “âm mưu Đức-Pháp tại Paris” với mục đích bôi nhọ thanh danh “Quốc tế Cộng sản” do Marx và Engels thành lập. Tòa sơ thẩm không tìm được bất

kỳ bằng chứng nào chống lại Quốc tế Cộng sản, Stieber theo chỉ thị của chính phủ Phổ đã sử dụng những bằng chứng ngụy tạo thô bỉ để xúi giục gây ra vụ xét xử. Câu chuyện này đã đi vào lịch sử với tên gọi “Vụ án Keln của những người Cộng sản”. Nhờ hoạt động vạch trần tích cực của Marx và Engels trò hề xét xử thất bại nhục nhã.

Cuộc đời Stieber có không ít thành công, thất bại, các vụ khiêu khích và phản bội. Hết qua đời năm 1892 và được chính phủ Phổ tổ chức mai táng long trọng.

ALFRED REDL

BÍ MẬT SAU VỤ TỰ SÁT

Trước Thế chiến Thứ nhất (1914 - 1918), vụ án xét xử một đại tá thuộc Bộ Tổng tham mưu Áo là vụ gây xôn xao nhất trong tất cả các vụ án gián điệp. Theo nguồn tin chính thức từ nhân viên Bộ Tổng tham mưu Áo - Hung là các ông Urbanski, Ronge và giám đốc cơ quan tình báo Đức Nicolai, thực chất của vụ này như sau.



* Đường danh lợi thăng thang

Alfred Redl (1864 - 1913) sinh trong gia đình một kiểm toán viên tòa án trú phòng bình thường (có tài liệu nói là nhân viên hỏa xa) tại thành phố Lemberg (Lvov) sát biên giới Nga. Nơi sinh sống của những người thuộc rất nhiều dân tộc khác nhau. Vì vậy, từ nhỏ Alfred đã nói thành thạo mấy thứ tiếng. Năm mười lăm tuổi, ông vào học trường võ bị, sau đó tốt nghiệp xuất sắc Học viện Sĩ quan. Không theo truyền thống đẳng cấp quân chủ, thay vì phục vụ trong một đồn binh ngoài biên chế, ông được nhận thẳng vào Bộ Tổng tham mưu. Năm 1900, khi đã là đại úy, Alfred Redl được cử sang Nga để hoàn thiện vốn tiếng Nga và nghiên cứu tình hình đất nước không

thân thiện này. Ông nghiên cứu người Nga và người Nga cũng nghiên cứu ông. Kết quả có nhận xét sau: "... tâm vóc trung bình, tóc vàng ánh bạc, ria ngắn hơi ánh bạc, lưỡng quyền hơi cao, đôi mắt tươi cười ngọt xớt. Đây là con người tinh quái, xảo quyệt, kín đáo, chăm chú, có năng lực. Lối suy nghĩ nhỏ nhen, vật vãnh. Toàn bộ vẻ ngoài ngọt ngào thôn thốt. Cử động có suy tính, cân nhắc, chậm rãi... Ưa giải trí vui vẻ..."

Khi trở về Vienna, Redl được chỉ định làm trợ lý giám đốc Cục Tình báo thuộc Bộ Tổng tham mưu cho tướng - nam tước Gizel fon Gizlingen. Ông này giao cho Redl chỉ huy ban điệp viên của Cục, chịu trách nhiệm về các chiến dịch phản gián. Khi biết về cương vị mới được bổ nhiệm của Redl và so sánh điều đó với tính cách của ông ta và một vài dữ kiện khác (chẳng hạn như khuynh hướng đồng tính luyến ái, thói xa xỉ, lãng phí), người đứng đầu cơ quan tình báo Nga ở quân khu Varsava là đại tá Batusin đã giao cho một trong những nhân viên ưu tú nhất của mình (có khả năng đó là đại tá Vladimir Christoforovich Roop, trước năm 1903 là nhân viên quân báo Nga ở Vienna) nhiệm vụ thu dụng Redl kèm theo cung cấp cho ông ta các bản hướng dẫn và một khoản tiền lớn. Vụ mua chuộc đã thành công.

Trên cương vị chỉ huy ban phản gián, Redl thể hiện mình rất xuất sắc. Ông ta đã cải tạo và biến ban này thành một trong những cơ quan mật vụ mạnh nhất thời bấy giờ. Ông ta áp dụng những phương pháp làm việc mới như bí mật lấy dấu vân tay, đặt máy quay đĩa nghe trộm và chụp ảnh trộm. Nhưng thành tích chính của Redl là đã lấy được những tài liệu tuyệt mật của quân đội Nga và phát hiện một số gián điệp

Nga. Tất cả việc đó tất nhiên là thực hiện với sự giúp đỡ của những bạn mới người Nga của ông ta. Cơ quan tình báo Nga không hề cần rút lương tâm “bán đứng” những điệp viên đã trở nên vô dụng, vùi tiền, hoặc có thể là những điệp viên hai mang. Còn tài liệu giả như thật thì do ban đặc biệt của Bộ Tổng tham mưu Nga làm. Về phần Redl, những tài liệu do ông ta cung cấp thật sự có giá trị. Nhà nghiên cứu nổi tiếng Edvin Woodholl xác nhận: “Đại tá Redl đã cung cấp cho người Nga một khối lượng lớn các bản sao tài liệu, mật mã, ảnh, các bản kế hoạch, các mật lệnh trong quân đội, các biện pháp huy động quân, báo cáo về tình trạng đường sắt và đường bộ, miêu tả mẫu các thiết bị quân sự...”. Ngoài ra, Redl cũng cung cấp cả kế hoạch tổng lực của Áo - Hung chống nước Nga và những kế hoạch khác của hai nước này - “nêu rõ ràng cụ thể đến từng người và từng khẩu đại bác... bằng bảng biểu, sơ đồ, bản vẽ và bản đồ... Kế hoạch này là tuyệt tác của Bộ Tổng tham mưu quân đội Áo - Hung...”.

Bên cạnh đó, Redl, theo ý riêng mình giấu nhem Bộ Tổng Tham mưu Áo những thông tin bí mật do các điệp viên Áo - Hung gửi về từ nước Nga. Ông ta còn chỉ điểm những nhân vật đó cho Bộ Tổng tham mưu Nga.

Công lao của Redl được đền đáp không tồi. Ông ta sống trong một căn hộ tuyệt đẹp, có chín mươi lăm chiếc sơ mi, mười áo khoác nhà binh bằng lông, bốn trăm đôi găng tay bằng da bóng, mười đôi giày da, còn hầm rượu có một trăm sáu mươi tám chai champagne hảo hạng. Ngoài ra, năm 1910, ông ta đã mua một điền trang lớn đắt tiền, trong vòng năm năm cuối đã mua bốn chiếc ô tô và ba con ngựa loại hay đầu bảng.

* Từ bức thư bí mật đến cái chết bất ngờ

Năm 1907 được đặc cách thăng cấp đại tá, Alfred Redl trở thành người đứng thứ hai trong Cục Phản gián và tình báo quân sự Áo - Hung. Chức vụ người đứng đầu cơ quan tình báo và thậm chí là lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu có khả năng sẽ về tay ông ta. Nhưng ông ta đã sa vào chiếc bẫy của chính mình. Từ khi bắt đầu hoạt động ông ta đã sắp xếp một “căn phòng đen” để xem xét thư từ. Một bức thư khả nghi đã quay trở lại bưu cục, mà khi người nhận đến lấy thư, nhân viên bưu chính đã bí mật gọi cho cảnh sát mật. Chuyện đã xảy ra như vậy với bức thư đề tên một ông Nisetas nào đó. Trong thư người ta phát hiện ra bảy nghìn curon. Cảnh sát mật lần theo cái tên “Nisetas” đã xác định được rằng đó không phải ai khác mà chính là đại tá Redl. Hơn nữa, ông ta còn khẳng định rằng chiếc hộp đựng dao để lại trên chiếc taxi mà “Nisetas” đã đi là của mình. Trước mặt các cảnh sát mật vụ ông ta đã xé vụn và ném xuống đường những tờ hóa đơn bưu chính.

Đêm đến, mấy sĩ quan do Ronge cầm đầu vào phòng khách sạn nơi Redl ở. Ông ta trả lời các sĩ quan là không có đồng bọn, còn tất cả những chứng cứ cần thiết đều ở trong nhà của ông ta ở Praha. Các sĩ quan để lại cho Redl một khẩu súng lục và bỏ đi. Khi họ quay trở lại, ông ta đã chết. Ngày 26 tháng 5 năm 1913, tất cả các báo trên đế quốc Áo - Hung đều đăng tin về vụ tự sát bất ngờ của đại tá Redl - *“Con người có đường công danh thật rạng rỡ”*. Tiếp đó có thông tin về lễ tang trọng thể... Đến ngày sau, tờ *Praha Tageblatt* thông báo: *“Một nhân vật cấp cao yêu cầu chúng tôi phủ nhận những tin đồn... liên quan đến đại tá Redl... Người dường như bị buộc tội đã chuyển cho... Nga những bí mật quân sự. Trên thực tế Ủy ban Sĩ quan*

cấp cao đã đến khám xét ngôi nhà của ông với mục đích khác". Và khi ấy chẳng có ai ngoài nhóm sĩ quan, kể cả Hoàng đế Frans Joseph, biết được sự thật.

Về chuyện thông tin rò rỉ, nguồn tin chính thức giải thích như sau: để mở cửa căn hộ người ta mời anh thợ khóa Vagner là cầu thủ xuất sắc nhất của đội bóng do tổng biên tập báo *Praha Tageblatt* làm đội trưởng. Do vắng mặt Vagner, đội bóng đã bị thua, và anh ta thanh minh, giải thích lý do vắng mặt của bản thân với đội trưởng. Anh chàng cầu thủ nghĩ rằng đã khám phá được một bí mật chấn động, và trong điều kiện kiểm duyệt gắt gao đã đưa tin theo lối bóng gió. Do đó dẫn đến những hiểu nhầm và tin đồn lan ra.

* Còn đó những nghi án

Nhưng lại nảy sinh nhiều cái “nhưng”.

Trong căn hộ của Redl người ta chẳng tìm thấy các tài liệu gián điệp nào cả. Không có bản photocopy lá thư của Nisetas. Vậy ông ta giữ lại những hóa đơn làm gì và tại sao lại tìm cách vứt chúng đi một cách vụng về như vậy, và làm sao mà các cảnh sát mật có thể nhanh chóng nhặt được những mẩu giấy vụn vung vãi đó? Sự nhanh chóng và hời hợt của cuộc hỏi cung Redl ở trong khách sạn dẫn đến việc lập tức đề nghị ông ta tự sát là rất đáng ngờ. Câu chuyện với anh thợ khóa - cầu thủ Vagner cũng đáng ngạc nhiên. Không lẽ người ta không thể lệnh cho anh ta “quên hết mọi chuyện và ngậm miệng lại”? Còn cả những việc của cảnh sát Áo - Hung với người hầu của Redl là Sladek. Giám đốc cảnh sát đã nói chuyện với anh ta cận kề đến mức các phóng viên không moi được của anh ta lấy nửa lời. Nói tóm lại, trong vụ đại tá Redl

các chứng cứ nghiêm trọng không hề có. Từ đó khiến người ta đặt ra hai câu hỏi: Vậy thực ra ai là gián điệp và tại sao “vật hiến sinh” lại chính là Redl?

Viên đại tá mà chúng ta đã nhắc đến ở trên là Roop tuyển mộ ở Vienna điệp viên mang bí số N^o 25, nhưng đó có phải là Redl không thì chính Roop, lúc này đã lên tướng, lại không khẳng định. Hơn nữa, thông tin từ điệp viên đó có tính chất đúng như những điều gán cho Redl, vẫn tiếp tục được cung cấp ngay cả khi Redl đã chết. Trước Chiến tranh thế giới Thứ nhất (1914-1918), một nhân viên của Bộ Tổng tham mưu là Samoilo đã đến Bern gặp gỡ điệp viên mang bí số N^o 25 và nhận từ ông ta những thông tin mà cơ quan tình báo Nga quan tâm, nhưng cũng không biết tên ông ta là gì.

Có thể giả thiết là những sự kiện đã phát triển như sau: Đầu năm 1913, cơ quan phản gián Áo nhận được tin rằng trong Bộ Tổng tham mưu có gián điệp của tình báo Nga. Nhưng các cuộc tìm kiếm không đem lại kết quả, và điều đó khiến lãnh đạo các cơ quan đặc vụ khó chịu. Vậy là cơ quan phản gián đã kiểm được “vật hiến sinh” là Redl, bắt quả tang ông ta quan hệ đồng tính luyến ái, làm tổn hại danh dự sĩ quan, hoặc có thể là phạm những tội lỗi khác nào đó. Điều đó trở thành nguyên nhân của vụ tự sát, mà cũng có thể là một vụ giết người - vì không thể đem “vụ án” ra xét xử ở tòa. Còn nhờ sự giúp đỡ của gã cầu thủ - thợ khóa và biên tập viên báo là để loan truyền câu chuyện cho dân chúng.

Dù chuyện là thế này hay thế khác, người ta đã giết Redl hay Redl tự sát thì cơ quan phản gián Áo cũng khiến ông ta “nổi danh như một trong những gián điệp hoạt động hiệu quả nhất”.

SIDNEY REILLY

“KHÔN NGOAN VẤN SA BẦY”

Có lẽ không hề ngoa khi nói rằng bản chất con người Sidney Reilly (1874 - 1925) là say mê nghề tình báo và những công việc phiêu lưu mạo hiểm. Người ta nói mỗi một thời đại đều sinh ra những người anh hùng. Sidney Reilly sinh ra trong một thời đại đặc biệt, có lẽ vì thế mà ông không có dịp thi thố tài năng của mình.



* Trai thời loạn

Ông sinh ra ở một vùng gần Odessa thuộc miền Nam nước Nga. Tên thật của ông là Digmund Georghievich Rodenblum. Không còn lưu giữ được những ghi chép về tuổi thơ của ông, nhưng người ta biết được rằng sự ham thích phiêu lưu mạo hiểm đã đưa ông phiêu bạt sang tận Châu Mỹ Latinh. Người cha nuôi của ông mang tên họ Kallagan Sidney Reilly. Chàng thanh niên Nga lược bớt họ (Kallagan) và lấy tên của cha nuôi làm tên họ của mình: *Sidney Reilly*. Đây là một trong những giả thuyết nói lên rằng không ai biết được toàn bộ sự thật về cuộc đời ông.

Ở Châu Mỹ, Sidney Reilly làm quen với thiếu tá cơ quan

mật vụ Anh quốc Fotserghil và từ đó ông bắt đầu hoạt động tình báo cho Anh quốc. Không biết bằng cách nào mà Sidney Reilly được nhập quốc tịch Anh. Một vài phi vụ tình báo Reilly có tham gia và được trả tiền.

Trong thời gian chiến tranh Nga-Nhật, Sidney Reilly được phái đến Viễn Đông hợp tác với cơ quan tình báo của Nhật. Sau đó ông đến Peterburg. Ông vẫn tiếp tục hoạt động cho người Anh nhưng đề nghị được góp phần công sức cho tình báo Nga. Trong khi hoạt động tình báo ông kết hợp làm môi giới cho một vài phi vụ buôn bán và kiếm được những khoản tiền kếp sù. Năm 1906, ông tậu được một căn hộ khá sang trọng ở Peterburg, ngoài ra ông còn dành thì giờ sưu tập tranh và có được bộ sưu tập khá phong phú.

Mây đen Thế chiến bao trùm bầu trời Châu Âu. Nước Đức là kẻ thù chính của Nga và Anh. Theo nhiệm vụ được giao của cơ quan tình báo Anh, Sidney Reilly được bố trí làm thợ hàn ở một nhà máy quân sự Kruppa. Tại đây Sidney Reilly đã giết chết hai nhân viên bảo vệ và đánh cắp được những tài liệu mật. Sau vụ này Sidney Reilly nằm vùng ở Đức và được nhận vào làm việc ở một xưởng đóng tàu của Đức. Sidney Reilly được giao nhiệm vụ lấy cắp các bản vẽ mật và cùng lúc đem bán cho cả người Anh lẫn người Nga. Nhưng ông chủ điều khiển Sidney Reilly vẫn là cơ quan tình báo Anh. Sidney Reilly được lệnh rời nước Đức, và năm 1918 lại sang Nga chuẩn bị cho cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ Chính phủ của những người Bolsevich. Sidney Reilly vừa cộng tác với Savincov vừa làm việc với “ba ngài đại sứ”, đôi khi cũng đưa ra được những ý riêng.

Một số nhân viên cơ quan an ninh Nga (Treca) như

Smidkhen (tên thật là Buikis) và Berdin đều là người Latvia có ý định chạy sang hàng ngũ tình báo Anh đã đến diện kiến Lockhard.

Lockhard nhớ lại: “Tôi viết thư tay đề tên tướng Puli của Anh quốc, tư lệnh đơn vị quân can thiệp đóng ở Arkhangelsk, giao cho Smidkhen và Berdin đem thư đến đồng thời để giới thiệu hai người này với Sidney Reilly. Hai hôm sau Reilly hồi âm cho biết là cuộc hội đàm của họ diễn ra suôn sẻ, hai nhân viên Treca người Latvia không hề có ý định dính dáng đến sự thất bại của những người Bolsevich. Sidney Reilly đưa ra đề nghị khởi sự cuộc bạo động chống cách mạng ở Moscva với sự trợ giúp của người Latvia. Tướng Lavern, Grenar và bản thân tôi thẳng thừng bác bỏ kế hoạch bạo động, và một cảnh báo đặc biệt đưa ra đối với Sidney Reilly là bất luận như thế nào cũng không được tham gia vào công việc nguy hiểm này”.

Tuy nhiên, như đã biết, Sidney Reilly bỏ ngoài tai lời cảnh báo ấy. Reilly vẫn tiếp tục làm con bài của âm mưu lật đổ mà kết cục của nó là thất bại thảm hại. Khi âm mưu lật đổ bị phanh phui thì tất cả bọn cầm đầu đều bị ra tòa. Reilly bị kết án vắng mặt vì đã kịp tẩu thoát.

Reilly bị kết án “ngoài vòng pháp luật” mà lúc bấy giờ “ngoài vòng pháp luật” có nghĩa là, nếu bị phát hiện và bắt giữ trên lãnh thổ nước Nga thì Reilly sẽ bị xử bắn mà không cần điều tra xét xử trước tòa.

* Giấc mơ của “Napoleon”

Trong cuốn hồi ký *Nội tình của câu chuyện* Bruce Lockhard viết rằng, tính danh của Reilly được nhắc tới trong

âm mưu lật đổ Chính phủ Xô Viết, nhưng Reilly đã biến mất tăm... Có lẽ ngài tổng lãnh sự Mỹ Puli (không phải tướng Puli người Anh) thiên về ý kiến cho rằng Reilly là nội gián, làm việc cho những người Bolsevich nhưng giả vờ đóng vai tham gia âm mưu lật đổ. Có lần người ta cũng nhắc tới kế hoạch không giết Lenin và Troski mà chỉ dẫn hai người mặc quần áo lót trên đường phố Moscva. Đề xuất mang màu sắc tưởng tượng này chỉ có thể là của Reilly nghĩ ra mà thôi. Sau đó một thời gian Lockhard biết rõ Reilly hơn nhưng nhận xét của Lockhard về tính cách của Reilly vẫn như cũ. Lúc bấy giờ Reilly đã 46 tuổi, đó là một con người giàu nghị lực, có sức quyến rũ đối với phái đẹp, nhưng lại là một kẻ hiếu danh. Lockhard đánh giá không cao về trí tuệ của Reilly. Có thể nói từ lĩnh vực chính trị đến nghệ thuật Reilly đều có kiến thức khá rộng nhưng không sâu. Nhưng bù lại ở Reilly lại có sự táo bạo, coi thường hiểm nguy.

Lockhard nhận xét rằng mặc dù ông không bao giờ nghi ngờ lòng trung thành của Reilly đối với các nước Đồng minh, nhưng ông cũng không bao giờ tin Reilly đã đi quá xa vào những cuộc thương lượng với những người Latvia. Lockhard đánh giá Reilly là một người có tư chất như Napoleon. Trong cuộc sống Reilly coi Napoleon là vị anh hùng... Reilly thấy mình như bị ném sang nước Nga và ở đây viễn cảnh những hoạt động tự do của Reilly khiến ông ta nảy sinh ý đồ giống như Napoleon. Lockhard viết tiếp rằng, theo lý luận của Reilly lúc đầu Berdin và những người Latvia khác thực lòng không muốn chiến đấu chống lại các nước Đồng minh. Đến khi họ hiểu ra rằng sự can thiệp của các nước Đồng minh không nguy hiểm thì họ mới giật mình tránh né Reilly và tổ giác để bảo toàn mạng sống của mình.

Về đến Anh quốc Reilly vội vã đến gặp và thỏa thuận với Churchill và các nước Đồng minh can thiệp, sau đó lại sang Nga đến vùng phía Nam với tư cách là điệp viên Anh quốc thuộc quân đoàn Denikin. Khi phi vụ phiêu lưu này sụp đổ Reilly lại liên kết với Savincov là người lúc đó liên tục có những đề nghị các chính khách Anh quốc và nước Pháp ủng hộ ông ta. Reilly chi tiêu phung phí tiền bạc làm cạn kiệt tiền dự trữ của Savincov.

Tài chính eo hẹp nên Reilly đành phải cứu vãn tình hình bằng cách sang Nga với dự định hoạt động chống lại cách mạng. Đó là những lời Lockhard viết về Reilly. Dưới đây là những điều bổ sung và làm rõ thêm.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với những chiến dịch truy bắt Savincov, tình báo và phản tình báo Xô Viết cũng tiến hành những chiến dịch khác chống các tổ chức Bạch vệ. Ở Berlin có Hội đồng quân chủ tối cao, ở Paris có Liên minh quân sự toàn Nga là những tổ chức hoạt động nhằm mục đích lật đổ chính quyền Xô Viết và khôi phục chế độ quân chủ ở Nga.

*** Tổ chức Torót - đường bay của nguồn thông tin ảo**

Cuối năm 1921 đầu năm 1922, cơ quan an ninh toàn Nga (Treca) đã nhận được nhiều tin tức về sự có mặt ở nước Nga của một vài nhóm quân chủ muốn thiết lập quan hệ tiếp xúc trực tiếp với các Trung Tâm của các kiều dân Bạch vệ để được bọn này giúp đỡ chuẩn bị bạo động bằng vũ trang. Các nhóm quân chủ này thực chất không nguy hiểm gì, nhưng khi chúng được tập hợp dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quân chủ tối cao thì lại là nguy cơ trầm trọng.

Lãnh đạo Treca quyết định chớp lấy thời cơ giành thế chủ

động: thành lập Tổ chức quân chủ nước Nga Trung ương huyền thoại, và phần đầu biến tổ chức này trở thành “cơ sở” của Treca, mà qua đó Treca có thể nhận được thông tin, kế hoạch và dự định của kẻ thù. Tổ chức này của Treca được đặt tên là Tơrốt (Liên hiệp công ty) - tên gọi này chẳng có gì sai trái, đặc biệt là trong giai đoạn quyết liệt nhất của chính sách kinh tế mới (NEP). Nhiệm vụ của Tơrốt là phục tùng ý kiến chỉ đạo ở nước ngoài, và phải làm sao cho mọi người đều tin Tơrốt là tổ chức chống cách mạng ở trong nước, còn kiều dân ở nước ngoài chỉ là tổ chức trụ cột. Vì vậy Tơrốt có nhiệm vụ giúp kiều dân ở nước ngoài tài liệu, phát hiện gián điệp và những kẻ khùng bố tung vào nước Nga cũng như chớp lấy những kênh liên lạc với các điệp viên tình báo nước ngoài.

Artuzov - bạn chiến đấu của người đứng đầu Treca, Zerinxki, lãnh đạo trò chơi có tính chất tùy cơ ứng biến này của Tơrốt. Tơrốt phát triển cả hoạt động quân chủ lẫn hoạt động “gián điệp”. Các điệp viên tình báo Estonia, sau đó là Ba Lan, rồi Phần Lan bắt đầu nhận được “những thông tin có giá trị” nhưng thực chất chỉ là những thông tin đánh lạc hướng do Bộ Tổng tham mưu Hồng quân tạo ra mà thôi. Các điệp viên Estonia, Ba Lan và Phần Lan lại trao đổi những thông tin này với các điệp viên Anh và Pháp. Chính vì thế mà không phải bao giờ họ cũng chú ý đến nguồn gốc thông tin, cho nên đối với họ thông tin nhận được là có tính thuyết phục, bởi lẽ do ba điệp viên của ba nước độc lập với nhau cung cấp. Điều này khẳng định độ tin cậy của nguồn thông tin.

Nguồn thông tin đánh lạc hướng đóng vai trò rất lớn: các cường quốc Phương Tây cho rằng lực lượng Hồng quân rất mạnh, bởi vậy họ từ chối không tham gia vào các kế hoạch can

thiệp mới, và kết quả là các cường quốc Phương Tây đã quyết định thiết lập quan hệ hoà bình với nước Nga Xô Viết.

Torót còn hoàn thành được thêm một nhiệm vụ nữa: đã làm cho Hội đồng quân chủ tối cao ở Berlin và Liên minh quân sự toàn Nga ở Paris bất hoà, hiềm khích lẫn nhau. Đối với Liên minh quân sự toàn Nga, Torót đã lật đổ tướng Vranghel bật khỏi vị trí lãnh đạo, thay thế vào đó là tướng Cutepov - tướng Vranghel trước đó đã từng là ngọn cờ của phong trào Bạch vệ, nay uy tín ông ta đã giảm sút. Điều này rất quan trọng vì có thể nói Vranghel là lãnh tụ của Bạch vệ, còn tướng Cutepov chỉ là thủ lĩnh của nhóm kiều dân có xu hướng quân chủ trước hết của giới sĩ quan mà thôi.

Để kiểm tra hoạt động của Torót, tướng Cutepov phái người cháu gái Maria Dakhartsenko sang Suls Moscva, và chồng bà là Radkovis làm đại diện cho *Liên minh*. Điều này làm cho hoạt động của các tình báo viên Treca trở nên phức tạp, vì “những người cháu” của Cutepov, đặc biệt là Maria, là những kiểm tra viên rất kỹ tính. Tuy nhiên Treca đã kiểm soát được hoạt động của hai người này.

Mọi nhiệm vụ của Torót được thực hiện thành công. Giờ đây Arturzov biết được tất cả những điệp báo viên từ nước ngoài phái đến. Ở biên giới Liên Xô - Phần Lan mở thêm một “cơ sở” nữa, thông qua cơ sở này các điệp báo viên và thư từ được gửi tới. Chủ nhân “cơ sở” này là đồn trưởng biên phòng Toivo Viakhia.

Từ nhiều nguồn thông tin khác nhau phía Nga được thông báo là điệp báo viên Anh - Sidney Reilly - hiện đang ở Mỹ, rất quan tâm đến tình hình nước Nga. Những tin tức thu thập được về Sidney Reilly khẳng định rằng chính ông ta là

người đang thực thi những biện pháp nhằm lật đổ chính quyền Xô Viết xuất phát từ động cơ cá nhân cũng như từ nhiệm vụ được giao của cơ quan tình báo Anh. Cuối năm 1921, Sidney Reilly tổ chức cuộc gặp giữa Savincov với Churchill và được Churchill mời đến gặp thủ tướng Anh quốc Lloyd George. Nhưng thủ tướng Anh quốc đã làm Savincov thất vọng vì ông ta chỉ nói nhiều về thương mại mà ít dả động đến chuyện khủng bố.

Tuy nhiên Sidney Reilly vẫn nuôi hy vọng vào Savincov, và trước khi Savincov sang Liên Xô năm 1924, Sidney Reilly đã hướng dẫn và dạy dò Savincov rất kỹ. Nhưng Savincov vẫn bị bắt và bị kết án.

* Sa bẫy

Tổng cục Chính trị Quốc gia trực thuộc Hội đồng Dân uỷ Liên Xô nắm được thông tin là chính bản thân Sidney Reilly có ý định đến Liên Xô.

Nói đúng ra thì Sidney Reilly không phải là kẻ thù đặc biệt nguy hiểm mặc dù ngay từ năm 1922 Sidney Reilly đã tham gia vào việc chuẩn bị ám sát Uỷ viên nhân dân phụ trách ngoại giao Tsitserin. Tuy nhiên sau thất bại của Savincov mới vỡ lẽ ra rằng Sidney Reilly đã từng cộng tác với bọn Bạch vệ rắp tâm gây ra những vụ khủng bố ở Liên Xô. Sidney Reilly có liên hệ với một số nhà hoạt động của Tổ chức quân chủ nước Nga Trung ương và đề nghị cùng tiến hành một loạt vụ khủng bố. Zerinxki và Arturzov thông qua quyết định phải kéo được Sidney Reilly từ Mỹ đến lãnh thổ Liên Xô để bắt giữ ông ta.

Để nhử Sidney Reilly đến Liên Xô, hai ông quyết định

chơi trò “may rủi”, sử dụng con bài Maria Dakhartsenco-Suls, nữ điệp báo viên đại diện cho tướng Cutepov tại Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương. Ý tưởng này cũng được Boys, viên công sứ của tình báo Anh quốc tại các nước vùng Baltic, ủng hộ. Viên công sứ viết một bức thư mật mã gửi sang Mỹ cho Sidney Reilly, trong thư Boys thông báo cho Sidney Reilly biết Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương là một tổ chức mạnh có khuynh hướng quân chủ mà tình báo Anh và Pháp rất quan tâm.

Sidney Reilly đồng ý và lên đường đi Phần Lan. Trên đường đi, qua Paris, Sidney Reilly đã có cuộc diện kiến với tướng Cutepov, là người ủng hộ ý kiến để Sidney Reilly thực hiện chuyến đi sang Liên Xô lần này.

Trong những ngày hạ tuần tháng 9 năm 1925, Sidney Reilly đến thủ đô Hensinki. Ngày 24 tháng 9, Iacusev, một trong những “thủ lĩnh” của Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương (thực ra Iacusev là tình báo viên của Tổng cục Chính trị quốc gia cử sang) đã gặp Sidney Reilly. Sidney Reilly trình bày quan điểm riêng về tình hình chính trị ở Châu Âu, Châu Mỹ và nước Nga. Sidney Reilly đề xuất hai hướng tài chính hoá tổ chức quân chủ nước Nga trung ương, đó là mua và đánh cắp các tác phẩm nghệ thuật và cộng tác với tình báo Anh cung cấp cho họ những thông tin về hoạt động cùng những kế hoạch của quốc tế cộng sản. Iacusev giải thích rằng một mình ông không thể tự ý thông qua quyết định này được nên có lời mời Sidney Reilly đến Moscva họp “Hội đồng chính trị” của Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương.

Sidney Reilly có vẻ do dự. Ngay lập tức Dakhartsenko - Suls nói vỗ làm cho Sidney Reilly phải bẽ mặt: “Phận tôi đây

đàn bà liễu yếu đào tơ còn chẳng sợ vượt biên, huống hồ anh là trang nam nhi quân tử lại co vòi thì rõ thật là...!". Thế là Sidney Reilly quyết định vượt biên.

Ngày 25 tháng 9 năm 1925, Sidney Reilly vượt biên giới Phần Lan thông qua “cơ sở” của đồn trưởng biên phòng Toivo Viakhia. Sidney Reilly được Toivo Viakhia đưa đến ga Pargolovo trên xe hai bánh và được bố trí đi chuyển xe lửa đến Leningrad. Iacusev và tình báo viên Treca đổi tên là Sukin đã ở sẵn trên toa xe lửa.

Ngày 26 tháng 9, buổi trưa Sidney Reilly ở Leningrad tại căn hộ của Sukin, còn buổi chiều ngồi trên toa liên vận mang hộ chiếu Steinberg đi Moscva, có Iacusev tháp tùng.

Ngày 27 tháng 9, tại biệt thự nghỉ mát ở Malakhov, trong phiên họp “Hội đồng chính trị” của Tổ chức quân chủ nước Nga trung ương (tất cả uỷ viên đều là tình báo viên Treca), Sidney Reilly trình bày những đề nghị mà ông ta đã nói với Iacusev khi ở Leningrad.

Sau phiên họp của “Hội đồng chính trị”, Sidney Reilly được đưa đến một “cơ sở bí mật” ở Moscva. Trên đường đi, Sidney Reilly bỏ hai bưu thiếp, một gửi đi Mỹ quốc, một gửi đi thành phố Blankenburg, nước Đức.

Sau đó, Sidney Reilly được đưa thẳng về trụ sở Tổng cục Chính trị quốc gia trực thuộc Hội đồng Dân uỷ Liên Xô ở Lubiank. Tại đây Sidney Reilly bất ngờ nghe tuyên bố bị xử bắn theo bản án đã tuyên đối với ông ta năm 1918. Nhưng chưa vội gì xử bắn mà còn thì giờ để hỏi cung ông ta. Sidney Reilly khai ra tất cả những gì ông ta biết về hoạt động của tình báo Anh. Điều kiện giam giữ ông ta có phần ưu đãi: ông ta được đưa đi dạo ở công viên Sokolniki với sự tháp tùng của

tình báo viên Treca, Suroezkin, thậm chí ông ta còn được đưa vào ăn uống ở tiệm ăn.

Sidney Reilly viết nhật ký, qua đó thấy rằng ông ta có thái độ không tin bản án xử bắn đã tuyên bố sẽ được thi hành. Ông ta hy vọng bản án sẽ được thay đổi. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Ngày 3 tháng 11 năm 1925, Sidney Reilly đã bị xử bắn. Ông ta đã bị bắn vào sau gáy trong khi đi dạo ở công viên Sokolniki. Thi thể ông ta được chôn ngay trong sân trụ sở Tổng cục Chính trị quốc gia trực thuộc Hội đồng Dân ủy Liên Xô.

Trước đó, ngày 28 tháng 9 năm 1925, tại biên giới Phần Lan-Liên Xô, phía Liên Xô đã dựng lên một màn kịch có tiếng ồn ào, la hét và có tiếng súng bắn nhau. Kết quả là 3 người “chết” và đồn trưởng biên phòng Toivo Viakhia bị bắt. Tất cả mọi việc được tạo ra y như thật để tình báo Phần Lan cho rằng Sidney Reilly và những người tháp tùng ông ta khi vượt biên đã đụng phải lính biên phòng, hai bên bắn nhau nên tất cả đã bị chết vì bắn nhau. Tờ báo *Kraisnaia* ở Leningrad đã đưa tin như thế.

Sau đó lan truyền tin đồn là đồn trưởng biên phòng Toivo Viakhia là kẻ phản bội tổ quốc đã bị xử bắn. Nhưng sự thật là đồn trưởng biên phòng được tặng thưởng huân chương Sao đỏ và được điều về làm đồn trưởng thuộc quân khu khác sau khi đã thay đổi họ tên.

TREBITSCH-LINCOLN

KẺ ĐẠI BỊP CHÍNH TRỊ

Nhân vật phiêu lưu và điệp viên quốc tế này hoàn toàn xứng đáng là kẻ đại bịp chính trị của thời đại vì đã nhúng tay vào nhiều vụ tai tiếng và lộn xộn trong xã hội. Tài năng biến hoá của ông đáng khâm phục. Ông thể hiện tài nghệ của mình không chỉ ở Châu Âu, mà còn cả Châu Mỹ và Châu Á trong vai nhà báo, điệp viên, linh mục, nghị sĩ, kẻ làm giả giấy tờ, gián điệp hai mang, nhà sư, quan lại Trung Quốc. Điều gì giúp ông hoá trang tài tình như vậy? Ông chỉ là kẻ tính toán tàn nhẫn mong muốn làm giàu bằng bất cứ giá nào, hay ông có khát vọng quyền lực bệnh hoạn và đủ tài trí để đạt được điều đó bằng mọi cách khôn lường? Hay ông có máu phiêu lưu mạo hiểm tới mức coi thường mọi nguy hiểm? Thật khó mà nói được. Điều duy nhất ta biết được là ông lóe lên như sao băng và cuộc đời ông toàn những chuyện giật gân như bộ phim của Hollywood.



* Liên tục cải giáo

Lincoln tên thật là Trebitsch, sinh năm 1879 tại thành phố Paks, Hungari, bên bờ sông Danube. Thành phố nhỏ này

phát lên nhờ buôn bán. Cha ông có xưởng đóng tàu. Là con út, gia đình mong muốn ông trở thành giáo sĩ, vì thế ông được học hành tử tế nhất nhà. Niềm say mê chính của ông là học ngoại ngữ. Hai mươi tuổi, Lincoln đi du lịch nước Anh. Tại đây ông đột ngột cải đạo theo Anh giáo. Khi ông trở về nhà, người cha vô cùng tức giận, vì thế Lincoln lại lên đường đi du lịch tiếp. Năm 1899, Lincoln tới Hamburg và lại cải đạo theo giáo phái Lute. Ông được “anh em” giáo phái gửi tới Canada để truyền giáo cho tín đồ Do Thái giáo. Nhưng rồi ông lại thay đổi và quay trở về với Anh giáo. Trong vài năm trời, ông là nhà truyền giáo Anh được đánh giá là mẫn cán, có năng lực. Sau đó ông tới Đức, rồi từ Đức lại xin về Anh. Ông trở thành cha xứ ở Kent. Song dân địa phương lại không muốn có cha xứ là người gốc Do Thái, sinh ra ở Hungari, vì vậy sau ba năm sống trong mối bất hoà với họ, ông trở về London. Tại đây ông tỏ ra là nhà báo có tài, làm việc cho vài tờ báo trong vòng một hoặc hai năm.

*** Bắt đầu con đường hoạt động chính trị**

Năm 1906 là năm quyết định đối với ông. Ông lao vào con đường chính trị, làm quen với ngài Deeb Rountri, một tín đồ giáo phái Quây cơ nổi tiếng và đồng thời là nhân vật có thế lực của đảng Dân chủ. Trebitsch gây được ấn tượng tốt đẹp với Rountri nên được ông ta nhận làm thư ký riêng. Phải nói là Trebitsch đã trả ơn ông ta theo cách rất riêng của mình là ký giả tên ông trên tám séc trị giá bảy trăm bảng Anh. Hành động này nhiều năm sau mới bị phát hiện.

Mưu đồ làm chính trị của Trebitsch thành công năm 1910, khi ông trở thành nghị sĩ thành phố Darlinton. Nhưng ông

không được trọng vọng lắm ở nghị viện thành phố vì ông là người ngoại bang, cách phát âm không chuẩn nhiều khi bị giễu cợt. Do vài lần được cử vào uỷ ban điều tra các vấn đề liên quan tới kinh tế Châu Âu, ông làm quen với nhiều nhà chính trị, ngoại giao. Nhưng những chuyến đi này không mang lại của cải cho ông và ngay trước khi chiến tranh xảy ra ông mất chức nghị viện, tình thế buộc ông phải xoay xở.

*** Làm điệp viên “hai mang” nhưng đều thất bại**

Chiến tranh thế giới lần Thứ nhất bùng nổ. Những người bạn có thể lực giúp ông vào làm việc ở ban kiểm duyệt thư tín giữa Hungari và Rumani. Ông ở đó không lâu vì bị các đồng nghiệp coi thường và cho ông là “kẻ địch”, nghi ngờ ông sống hai mặt, cho dù lúc đó ông không hề có lỗi và không làm gì để bị đối xử như vậy. Ông buộc phải từ bỏ vị trí đó và lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Có lẽ, chính vào thời điểm này ông bắt đầu nung nấu ý nghĩ trả thù người Anh. Ông quyết định phản bội lại họ và làm gián điệp Đức. Với sự giúp đỡ của bạn bè, những người có thể lực và không hề nghĩ rằng cựu nghị sĩ lại có thể trở thành kẻ thù, Trebitsch lân la đến cơ quan tình báo Anh, được gặp một nhân vật có thể lực và bày tỏ nguyện vọng muốn làm điệp viên. Trebitsch không đến tay không, ông mang theo một kế hoạch mà theo ông có ý nghĩa quan trọng đối với hải quân Anh. Tóm tắt kế hoạch đó như sau: Quân Anh điều vài chiếc tàu nhỏ tới biển Bắc và Trebitsch sẽ thông báo cho hải quân Đức. Hải quân Đức sẽ đưa tới đó lực lượng lớn hơn để tiêu diệt tàu chiến Anh. Điều đó giúp ông gây được lòng tin với quân Đức. Thủ đoạn đó lặp lại vài lần rồi sau đó sẽ là trận lớn. Tàu chiến lớn của Anh đến nơi kịp thời và tiêu diệt

quân Đức. Đó là kế hoạch của Trebitsch, vừa mánh khỏe, vừa mưu mô, nhưng lại cũng ngờ ngẩn.

Sau mười ngày chờ đợi vô vọng, Trebitsch được thông báo là lời đề nghị của ông không được chấp thuận vì chính quyền không thể thông báo cho ông tin tức về vị trí của tàu chiến Anh. Nhưng Trebitsch không nản lòng. Ông nảy ý đồ mới. Ông đề xuất ý kiến đi Rosterdam, giả là muốn làm gián điệp cho Đức, và đó là cách tốt nhất để phụng sự nước Anh vì ông sẽ trực tiếp nhận được tin tức và chuyển cho quân Đức tin giả. Người Anh đồng ý kế hoạch này. Ông được cấp hộ chiếu và tháng 12 năm 1914 lên đường đi Rosterdam. Tại đây ông đã gặp viên tổng lãnh sự Đức. Ông không ngờ rằng, mỗi bước chân của mình đều bị cơ quan phản gián Anh theo dõi vì họ chưa bao giờ tin ông có ý định phục vụ nước Anh. Những tin tức ông gửi từ Hà Lan về đều do chính Reginald Hall, phụ trách tình báo hải quân, xem xét kỹ lưỡng rồi kết luận là chúng chẳng có giá trị gì. Trebitsch bị gọi về Anh. Reginald tuyên bố rằng, Trebitsch là điệp viên hai mang và nên rời nước Anh càng sớm càng tốt. Trebitsch hiểu là không nên đợi ngài dô đốc đe dọa lần nữa, ngay ngày hôm sau ông đi New York trên con tàu "Philadelphia". Trebitsch đến New York ngày 9 tháng 2 năm 1915. Điều đầu tiên ông làm là đến cơ quan mật vụ Đức, nhưng họ từ chối hợp tác và không tin ông. Trebitsch buộc phải quay lại nghề báo, viết bài cho những tờ báo thân Đức.

Đúng lúc đó ở Anh người ta phát hiện ông làm séc giả. Chính quyền Anh yêu cầu dẫn độ ông về Anh. Sau nhiều lần đàm phán, ngày 4 tháng 8 năm 1915, Trebitsch bị bắt và đưa về Anh. Mùa hè năm 1919, ông được thả và bị trục xuất về

Hungari. Ông thấy không khí cách mạng trong nước không phù hợp nên lập tức bỏ đi Đức, nơi có nhiều cơ hội để “đục nước béo cò”.

*** Chuyển hướng, tham gia đảo chính nhưng cũng không thành công**

Ông cố gắng để gặp được cựu Hoàng đế Đức Wilhelm, sống lưu vong ở Hà Lan nhưng không thành. Trở về Berlin, ông liên kết với những người theo chủ nghĩa quân chủ và phản động, đứng đầu là Kap. Ông lại được dịp trở tài làm báo, mở chiến dịch tâng bốc Kap, kẻ đang âm mưu phản loạn.

Cuộc đảo chính phản động ở Đức do những người theo chế độ quân chủ, giới tư bản ngân hàng và công nghiệp phản động, đứng đầu là đại địa chủ Kap, đã bị dẹp tan. Kap chạy sang Thụy Điển.

Sau cuộc đảo chính không thành, cảnh sát có lệnh bắt giam Trebitsch, nhưng ông cùng đồng bọn trốn đi Munkhen, lập trụ sở mới ở đó. Tại đây Trebitsch làm được điều không ai làm được là thuyết phục cảnh sát trưởng Pochenhe và Car, thủ tướng Bavaria tham gia vào âm mưu mới nhằm chia rẽ Bavaria và Xacxonhia, Maclenburg và Berlin. Nhưng để làm được điều đó cần có nhiều tiền. Trebitsch được cảnh sát trưởng Munkhen cấp hộ chiếu giả và hai lần tới Berlin để gặp Ludendorf và những nhân vật có tiền bạc khác. Các thám tử ở Berlin theo dõi ông và gần như đã “tóm được gáy”, nhưng nhờ cảnh sát Bavaria kịp thời thông báo nên ông trốn thoát. Lần thứ hai tới Berlin, Trebitsch gặp đại úy Papst, một người giàu có và biết chỗ ẩn náu của Ludendorf. Họ tới gặp ông ta và Ludendorf đồng ý giúp đỡ. Trụ sở được quyết định rời đến

Budapest để đồng thời phối hợp hoạt động với người Nga và Hungari theo chế độ quân chủ ở Berlin, Vienna và Budapest. Ngày 8 tháng 5 năm 1920, đại hội những người theo chế độ quân chủ được tổ chức ở Berlin. Trebitsch tới dự nhưng vì lý do nào đó không được hội nghị đón tiếp mặn mà. Họ cảnh báo rằng ông phải trốn vì đang bị cảnh sát săn lùng. Ông nghe theo và ẩn náu tại thành phố Trebin. Hôm sau ông tìm cách trở lại Berlin nhưng bị bắt tại sân ga. Trebitsch xin phép quay về nhà lấy đồ đạc. Cảnh sát đi kèm không mấy cảnh giác nên ông nhảy qua cửa sổ và trốn thoát. Tang chứng có giá trị mà cảnh sát tìm được là thư từ bí mật nằm trong đế giày.

Trebitsch ẩn náu chỗ bạn bè ở Posterdam một thời gian, sau đó quay về Munkhen. Cảnh sát trưởng Pochen trao cho ông một bức thư gửi viên tổng lãnh sự Hungari tại Munkhen. Ông này đưa ông đi Vienna cùng đoàn ngoại giao. Nhưng ở Vienna ông lại bị theo dõi. Nhờ sự giúp đỡ của lãnh sự Hungari ông đã tới được Budapest, hy vọng kiếm một công việc phù hợp. Với mục đích đó, ông nghĩ ra một kế hoạch gần giống kế hoạch đã đề xuất với tình báo Anh. Lần này ông đến gặp bộ trưởng tuyên truyền của Hungari là đại tá Fon Pronei. Kế hoạch như sau: nhiều cựu binh sĩ Đức ở Hungari từng buôn lậu và phạm pháp hiện đang thất nghiệp. Nên cung cấp cho họ vũ khí Đức sót lại sau chiến tranh để đánh nhau với Áo và Tiệp Khắc. Nhưng kế hoạch không thành.

*** Tiếp tục chuyển đến Italia, rồi Trung Quốc**

Trebitsch hiểu rằng, ông không gạt hái gì được ở Đức và Áo nên đã tới Italia, nơi những phần tử phát xít đang âm mưu giành chính quyền. Ông hy vọng tài cán của mình sẽ được

chúng sử dụng, và quả là như vậy. Ở đó, ông nhúng tay vào nhiều âm mưu nhằm đưa Mussolini lên cầm quyền, thực hiện các nhiệm vụ mật, tham gia sát hại đối thủ của Mussolini là Matheoti. Nhưng rồi vì bất hoà với người Italia nên ông bỏ đi. Một thời gian dài không có tin tức gì về ông, nhiều người cho rằng ông đã chết. Nhưng không phải vậy. Ông quyết định chia tay với Châu Âu. Trên báo *New York world* xuất hiện bài của phóng viên từ Trung Quốc viết rằng đã gặp một người tên là Chilan, cố vấn chính trị của tướng Ngô Bội Phu, đồng thời là người tổ chức tuyên truyền chống Anh tại Trung Quốc. Qua những bài báo này, mọi người hiểu ra rằng, Chilan chẳng phải là ai xa lạ mà chính là Trebitsch Lincoln. Ông ta trâng tráo kể cho nhà báo Mỹ về sóng gió trong cuộc đời phiêu lưu của mình mà không cần che giấu âm mưu làm gián điệp hai mang trong suốt thời kỳ chiến tranh thế giới.



Một trang của báo New York world

Những ai đã từng biết ông không hề ngạc nhiên khi được tin ông cải theo đạo Phật, trở thành quan lại của tướng Ngô Bội Phu. Vào cuối những năm 20, viên tướng này hăng hái tham gia cuộc nội chiến ở Trung Quốc, là công cụ cho chính sách của Anh và Mỹ. Trong một bài phát biểu của mình, Stalin đã viết: “Ngô Bội Phu và Trương Tác Lâm không thể chống lại được cách mạng Trung Quốc nếu như không có sự ủng hộ của các thế lực đế quốc”. Một trong mắt xích liên lạc của sự tiếp tay này là Trebitsch-Lincoln.

Tin tức cuối cùng về kẻ phiêu lưu này liên quan tới kế hoạch trở về Anh của ông. Con trai ông lãnh án tử hình vì tội giết người, ông muốn gặp mặt con trước khi bị hành quyết. Chính quyền Anh không phản đối. Nhưng người cha đã chậm chân. Trong đời



*Trebitsch (đứng ở giữa)
cải theo Phật giáo*

mình Trebitsch đã ném qua cửa sổ biết bao tiền bạc: có lần trung tướng Kraus mở cho ông tài khoản là 230.000 dollar. Nhưng lần này, khi về tới Pháp, khả năng tài chính của ông đã cạn kiệt, không đủ tiền mua vé để sang London. Ông không gặp được con.

Sau đó ông trở về Trung Quốc và mất ngày 7 tháng 10 năm 1943 ở Thượng Hải.

FRANS FON PAPEN

ĐIỆP VIÊN “MAY MẮN”

Thật kỳ lạ là một con người thiên cận và bất tài như vậy lại có thể làm nên danh phận, luôn thoát khỏi các tình huống nguy hiểm chết người khó tin và cả cuộc đời luôn luôn ở “bề nổi”. Thế đó, nếu có thể gọi ra một người “may mắn” như vậy thì đó chính là ông Frans Fon Papen.



Fran fon Papen sinh ngày 29 tháng 10 năm 1879 ở thành phố Verl vùng Westfalen trong một gia đình chủ đất giàu có. Tốt nghiệp trường sĩ quan võ bị, Papen bắt đầu phục vụ ở trung đoàn kỵ binh tỉnh. Chàng sĩ quan kỵ binh gan dạ đã lọt mắt xanh tiểu thư Bosch, con gái một chủ xưởng gốm giàu có. Ông bố vợ đã cho cặp vợ chồng trẻ một món hồi môn đáng kể, nhờ đó Papen đã thu xếp để được chuyển về trung đoàn kỵ binh nổi tiếng ở Potsdam. Tại đây ông đã khiến Đức Quốc trưởng để ý và ngài đã quyết định một sĩ quan hàng hoàng oai phong như vậy có thể là hình ảnh tiêu biểu cho quân đội Đức ở nước ngoài. Vậy là Papen đã được thực tập ở Bộ Tổng tham mưu và trước Thế chiến Thứ nhất ít lâu ông đã được bổ nhiệm chức tham tán quân sự tại sứ quán Đức ở Mỹ.

***Chập chững vào nghề...**

Hai vợ chồng Franz rất vui mừng có dịp ra nước ngoài, song vị tham tán mới được bổ nhiệm đã sớm thất vọng vì được phân thêm những việc không thuộc nghiệp vụ ngoại giao. Cùng với việc phải có mặt tại các cuộc tiếp đón, các buổi thao diễn, tham dự các tối vui thân mật cũng như các cuộc tiếp tân trang trọng ở Bộ Quốc phòng, Franz còn phải gánh thêm trách nhiệm điệp viên của quân báo và phụ trách toàn bộ mạng lưới tình báo Đức ở Mỹ. Ông tìm mọi cách thoát ra khỏi trọng trách trên nhưng đều không được. Cuối cùng ông đành chịu.

Tuy nhiên trong lĩnh vực này ông vẫn hoàn toàn là nghiệp dư. Điều duy nhất ông nhận ra sau khi thực tập tại Bộ Ngoại giao Đức là văn phòng của ông cũng như chính hai vợ chồng ông được hưởng đặc quyền bất khả xâm phạm của ngạch ngoại giao, rằng mọi quan hệ quen biết của ông phải có lợi cho Đức Quốc xã, nhưng lại không được vượt ra ngoài khuôn khổ.

Vậy là đối với ông giờ đây buộc phải thiết lập những mối quan hệ bí ẩn, trao đổi công văn thư từ bằng mật mã, phải lấy được các tư liệu mật bằng con đường bất hợp pháp...

Nhưng trong công việc cũng như trong điều hành Papen quá vụng về khiến những người dưới quyền không ai thích làm việc cho ông. Một trong những nguyên nhân dẫn đến điều đó là vụ xảy ra với Verner Khorn, một chàng trai hiền lành và yêu nước thực sự. Chàng trai được ngài Papen trao tặng huy hiệu màu cờ Đức và tuyên bố: "Bây giờ anh đã là người lính!". Xúc động vì được tin yêu Khorn đã quyết định cho nổ cây cầu giữa hai nước Canada và Mỹ. Bom không nổ, Khorn bị bắt và

tổng giam trong xà lim, sau đó bị chuyển cho phía Canada và chịu tù đầy khắc nghiệt hơn. Mãi tới năm 1924, Khorn mới được trở về Đức nhưng trong tình trạng tâm thần mất trí và ốm đau kiệt lực.

Vụ việc đã khiến những người dưới quyền Papen phần nộ, không còn tôn trọng gì ông. Khi Thế chiến Thứ nhất nổ ra, Papen nhận được lệnh từ Berlin cho triển khai hoạt động phá hoại ở Mỹ.

* Lộ tẩy

Hoạt động này kéo dài tới năm 1915. Lúc này, bất chấp quyền bất khả xâm phạm của cơ quan ngoại giao, nhân viên phản gián của Mỹ đã ập vào văn phòng Papen, và lấy đi một số tài liệu. Đại sứ Đức, ngài Bernstoff, đã lên tiếng phản đối. Ngoại trưởng Mỹ, ngài Robert Lansing cho biết sẽ hoàn trả tài liệu với điều kiện Papen phải thừa nhận đó là của ông ta. Tất nhiên là Papen không xuất hiện, ông buộc phải rời bỏ New York. Có điều cần nói thêm là chính đô đốc Canaris đã có thời làm việc cho Papen ở đây.

Thế chiến Thứ nhất kết thúc, Papen ra sức tham gia vào nhiều âm mưu hòng chiếm được vị trí cao nhất ở Đức Quốc xã. Từ năm 1921 đến năm 1932, ông được bầu làm đại biểu của Đảng Thiên chúa giáo cánh hữu ở Phổ.

Cuối cùng, năm 1932, Papen đã đạt được ước mơ danh vọng: Ngài tổng thống tuổi đã cao Fon Hindenburg cho ông làm thủ tướng. Để ngồi lên địa vị trên Papen phải trả giá bằng việc phản bội lại bạn bè và chiến hữu.

Tháng 6 năm 1932, Papen tham gia hiệp ước Paris, thành lập liên minh quân sự Pháp-Đức-Ba Lan chống lại Liên Xô.

Papen giữ vị trí nhân vật thứ hai ở Đức chỉ một thời gian ngắn đã chứng tỏ việc nước Đức chuyển từ chế độ dân chủ giả hiệu sang chế độ độc tài Hitler. Lối sống và hành xử của Papen khiến cả những người bảo thủ, chưa kể cánh tả, cũng tránh xa, chỉ có bọn Quốc xã ủng hộ ông ta. Nhận thức được rằng ông ta không thể tồn tại dưới áp lực ngày càng tăng như vậy nên Papen đã thuyết phục Hindenburg chọn Hitler làm người kế nhiệm. Vậy là bằng một cuộc đảo chính không đổ máu Papen đã mở đường cho Hitler dễ dàng lên nắm chính quyền.

Papen chỉ làm phó thủ tướng một thời gian ngắn nhưng đã kịp tác động để thủ tiêu quốc hội Đức với hiến pháp Weimar, “sản phẩm của lũ quỷ và Do Thái”. Ông ta định “đá hậu”, đọc một bài phát biểu chống lại chế độ phát xít vào ngày 17 tháng 6 năm 1934. Nhưng ngay sau đó đã phải thôi.

*** Bị loại bỏ cuộc chơi**

Vậy là Papen đã cản đường phái Hitler, cản phải loại bỏ ông ta. Vào thời kỳ “thanh lọc đẫm máu” (“Đêm của những con dao dài” 30 tháng 6 năm 1934), Himmler đã ra lệnh thủ tiêu Papen, song đến phút cuối Hitler đã đổi lệnh do thấy ông ta còn có ích cho mình. Chỉ trừ khử những cộng sự thân cận của Papen, thư ký Verber fon Bose và lãnh đạo tổ chức “Hành động của Đảng Thiên chúa giáo”. Eric Clauzener bị giết chết ngay tại phòng làm việc, còn cố vấn riêng Eduard Lung thì bị tổng ngục.

Các thủ lĩnh Quốc xã quyết định loại bỏ Papen bằng cách khác, đẩy ông ra khỏi nước Đức. Papen được cử làm đại sứ ở Áo. Ở Vienna Papen lại một lần nữa chứng minh lòng trung

thành của mình với Đức Quốc trưởng: Ông được lệnh chuẩn bị kế hoạch thôn tính Áo.

Tháng 6 năm 1934, Papen tham gia vào vụ tạo phản chống lại Thủ tướng Dolfuss. Ông này bị giết song cuộc bạo động cũng bị dập tắt, Papen biến luôn khỏi Vienna. Ông ẩn náu ở tòa nhà gần sát biên giới Pháp phòng khi bị Himmler lại cho người trừ khử thì có thể chạy thoát.

Đô đốc Canaris, cộng sự cũ của Papen hồi ở New York, đã hiến kế để Hitler bổ nhiệm Papen phụ trách một cơ sở tình báo lớn, như vậy ông ta vẫn phục vụ đắc lực đất nước mà lại tách xa khỏi vũ đài chính trị.

Mùa xuân năm 1939, Hitler triệu Papen tới và bổ nhiệm ông ta làm đại sứ ở Ankara.

- Xin chân thành cảm ơn ngài về vinh dự to lớn này. - Papen cố giấu niềm vui: Ông vẫn sợ bị đe dọa ở trong nước.

Papen đã tới Ankara vào tháng 4 năm 1939 cùng nhóm điệp viên mật đội lốt nhà ngoại giao Đức. Ông còn mang theo hòm vàng vì biết rõ những người Thổ và Ả Rập không thích loại tiền giấy của Đức. Sau này ông sẽ thanh toán bằng tiền giả của Anh, nhưng khi ấy, vào năm 1939, các nhà băng Đức đã chi cho ông một triệu bảng Anh bằng tiền vàng.

Các điệp viên của Đức được cung cấp tiền vàng và tỏa đi khắp vùng Trung Đông. Ngay từ trước chiến tranh họ đã an cư lạc nghiệp ở Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Ả Rập. Điệp viên chủ chốt ở Ba Tư là giáo sư tiến sĩ Mac fon Oppenheim, tuy gốc Do Thái nhưng lại là một tên Quốc xã cuồng tín.

Cầm đầu mạng lưới tình báo Đức trực thuộc Papen ở thủ đô Cabun của Apganitstan là tiến sĩ Fritz Groba, người tổ chức phong trào chống Anh suốt từ biên giới Tây Bắc của Ấn Độ đến

vinh Ba Tư. Các nước Ả Rập tràn ngập tình báo Đức.

Ranh giới khu vực hoạt động của hai cơ sở chủ chốt tại vùng Địa Trung Hải thuộc Ankara và Madrid. Hai cơ sở này hỗ trợ lẫn nhau.

Hitler có ý định phục hồi tinh thần chống Anh của các nước Ả Rập, lôi kéo họ đứng về phía Đức. Đức quốc trưởng đã thay đổi khẩu hiệu thành “Từ Berlin đến Batda” và chuẩn bị tuyên bố thủ tướng Đức là “người bảo vệ Hồi giáo”.



*Frans fon Papen
(năm 1969)*

Lợi dụng tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Ả Rập và sự phản bội của nhiều lãnh tụ của họ, bọn Hitler đã xúi giục hàng loạt bộ tộc đứng dậy khởi nghĩa. Mưu đồ của bọn Đức đã rất rõ: Chúng muốn phá con đường vận chuyển hàng hóa cho Liên Xô qua Iran. Chúng cũng âm mưu phá hội nghị Teheran, bắt hết những người tham gia hội nghị. Mùa hè năm 1943, Papen qua mật báo đã biết được Gestapo đã cử bọn giết người kinh nghiệm nhất tới Iran quăng “mê lưới lớn”, song phản gián Liên Xô cùng phản gián Anh đã đập tan mọi kế hoạch của chúng.

Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ liên kết với phản gián Anh quấy phá mọi hoạt động của Papen. Song bè lũ chính khách và nhà báo Thổ có ảnh hưởng lớn ở đất nước này lại ủng hộ Papen. Ông ta đã nắm được ít nhất hai tờ báo lớn, sử dụng ảnh hưởng của hai tờ báo này để tuyên truyền chống lại đồng minh.

Tại Ancara, Papen ra sức hoạt động chống Liên Xô. Ngay từ trước khi Papen tới nhậm chức ở đây đã có nhiều tổ chức chống Xô Viết. Khi tới Ancara, Papen đã củng cố những tổ chức này bằng những kẻ bỏ trốn khỏi Grudia và Azecbaizan đầu những năm 20, thành lập hàng loạt các “đội quân thứ năm” như “Liên minh sói xám” và “Hiệp hội những người yêu nước vùng Uran Antai”. Bọn này thực thi hoạt động tình báo chính trị và quân sự, đặc biệt vào năm 1942 khi quân Đức đã tiến sát vùng Kavkaz.

Papen đã trở nên quá nguy hiểm, phản gián Liên Xô quyết định trừ khử hẳn, song kế hoạch mưu sát không thành: Điệp viên người Bungari thực thi nhiệm vụ, đã sơ ý để bom nổ ngay trong tay mình. Papen chỉ bị thương nhẹ.

Papen còn hoạt động chống phá Nam Tư, Rumani, Bungari và Hy Lạp ở vùng Balcan, đã tuyển chọn “cán bộ” cho thâm nhập vào hàng ngũ những người yêu nước, chống phá từ bên trong. Nhưng ở đây Papen đã đóng “vai phụ” bởi bộ tham mưu ở Berlin đã coi vùng Balcan là địa bàn hoạt động của mình.

Năm 1944, Thổ Nhĩ Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đức rồi tuyên chiến.

*** ... Nhưng may mắn thoát chết**

Sau khi phát xít Đức bị đập tan, Franz fon Papen nằm trong số những tội phạm chiến tranh chuyển giao cho Tòa án quốc tế. Tại tòa án quốc tế Nurberg, ông ta đã trắng trợn công phần phủ nhận sự tham gia của mình trong hàng ngũ Quốc xã và tuyên bố ông ta chỉ là một nhà ngoại giao trung thực. Đồng phạm ngồi bên Papen trên hàng ghế bị cáo không giấu nổi nụ cười, khi ông ta hăng hái lớn tiếng rằng không biết chút gì về

mọi kế hoạch tội ác của Hitler và Himmler. Thật kinh ngạc là con cáo già ấy đã biết cách minh oan bất chấp hàng trăm chứng cứ rõ ràng trong các tập hồ sơ dày cộp của tình báo phản gián Liên Xô, Anh, Mỹ và nằm ở các cơ quan an ninh phản gián của các quốc gia thuộc Liên hiệp quốc.

Công tố viên Rudenco của Liên Xô đã đề nghị án tử hình đối với Papen và các tội phạm chiến tranh đầu sỏ.

Nhưng cả lần này Papen cũng gặp may. Do sự bất đồng giữa các thành viên tòa án quốc tế Papen đã được tha bổng.

Ông ta sống lặng lẽ cho tới năm 90 tuổi và đã lặng lẽ ra đi vào ngày 2 tháng 5 năm 1969 tại trang ấp riêng Oberzaxbac, vùng Baden.

VASMUS³

ĐIỆP VIÊN NGOẠI GIAO Ở XỨ BA TƯ

Sự lợi hại của Vasmus (1883 -) đã có lúc khiến cho quân đội Anh phải treo thưởng cho cái đầu của ông với cái giá 15.000 bảng Anh. Tuy nhiên, khoản tiền ấy chỉ làm cho người ta hoảng sợ và tăng thêm uy tín của Vasmus đối với các bộ tộc.

Với khả năng và niềm tin không gì lay chuyển được, người Đức phải bá chủ thế giới, Vasmus đã mau chóng trở thành nhân vật chủ chốt của cơ quan mật vụ Đức tại khu vực vịnh Ba Tư. Từ đây, ông thu được rất nhiều thành công, khiến quân Anh phải khiếp sợ.

*** Thế giới phải thuộc về những người da trắng, tốt nhất là người Đức**

Vasmus sinh năm 1883. Không ai biết gì về xuất xứ cũng như những năm tháng thanh niên của ông. Chỉ biết rằng năm 1914 ông giữ một chức vụ không cao lắm, nhưng cũng có uy tín, là lãnh sự ở Bushir. Ông là nhà Đông Phương học, ông biết tiếng Farsi cổ điển giỏi như tiếng mẹ đẻ, lại biết cả thổ ngữ của các bộ lạc nằm rải rác trên một vùng rộng lớn của Ba Tư. Về bản chất ông là nhà thực dân thời đại Victoria. Ông cho rằng thế giới này phải thuộc về những người da trắng, tốt nhất là thuộc về người Đức. Ông say mê Phương Đông theo một cách riêng. Vilhem II, khi tuyên bố mình là người “bảo vệ Koran”,

đã biết đến những thành tích của ông lãnh sự đầy nghị lực trong việc thiết lập những quan hệ tốt đẹp với “người bản xứ”. Theo chỉ thị riêng của ông, Vasmus được thăng cấp và được tăng tiền để tuyên truyền và lập đại diện.



Bản đồ đất nước Ba Tư

Trước Đại chiến Thế giới Thứ nhất, Ba Tư là một nước lạc hậu, phần lớn dân cư mù chữ, họ còn tin rằng vũ trụ này bao gồm rất nhiều những khối đồng tâm mà trung tâm là Trái Đất. ảnh hưởng của các siêu cường Nga, Anh, Đức là đáng kể, những nước này thường coi mình là chủ nhân của nhiều vùng đất. Lúc đó đã có “cuộc chiến tranh dầu mỏ” không tuyên chiến giữa người Đức và người Anh. Theo một hiệp định quốc tế thì để duy trì trật tự ở vùng có dầu, người ta đã thành lập một đội sen đầm trung lập, nòng cốt là các đạo quân Thụy Điển, nhưng Vasmus đã kịp nắm được những đạo quân này. Khi chiến tranh nổ ra, người Anh tuyên bố rằng sự việc này vi phạm thô bạo quyền trung lập của Ba Tư và dùng quân đội để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình.

Những nơi người Anh đến thì các nhà ngoại giao Đức phải rời bỏ ngay. Vasmus kiên quyết chống lại việc đó và bị người Anh bắt giam, bị coi như một “người ngoại quốc không có thiện cảm và thù địch” và bị quản thúc tại nhà, tài sản bị tịch thu và phải đưa cùng với ông về sở chỉ huy Anh. Đêm trước khi xảy ra sự kiện đó ông rất lo cho sức khỏe con ngựa đua của ông. Cùng với hai người lính canh, ông xuống chuồng ngựa và phát

hiện thấy con ngựa có chứng bệnh lạ của vùng bản xứ, đòi phải có sự quan tâm thường xuyên và uống thuốc luôn. Suốt đêm, cứ 10-20 phút ông lại được hai người lính hộ tống xuống thăm ngựa. Cuối cùng, một trong hai người lính bảo: “Nếu ông yêu nó đến thế thì ông đi một mình!”. Ông chỉ cần có thể. Lần cuối cùng xuống chuồng ngựa ông lấy trong đồng cỏ khô một cái túi đã giấu sẵn từ trước trong đó có 140 ngàn đồng mark vàng, nhẩy lên lưng con ngựa hoàn toàn khoẻ mạnh của mình trốn biệt.

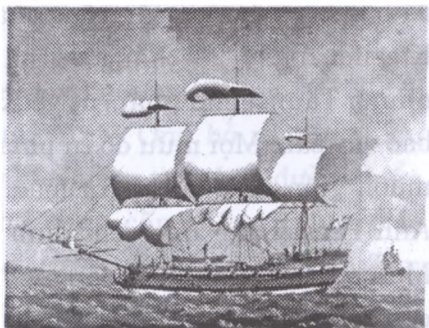
*** Cuộc chiến tranh không cân sức chống lại đế chế Anh**

Trong số các công tước địa phương ở vùng núi mà ông chạy đến hồi đó có những người bạn hùng mạnh, hiểu chiến và có một điều không kém phần quan trọng là họ được trả công rất hậu hĩ. Họ là những người có ảnh hưởng vượt ra ngoài lãnh địa của mình. Nhờ họ giúp đỡ Vasmus tiến hành một cuộc đấu tranh không cân sức chống lại đế chế Anh. Ông hoạt động như một nhân vật chủ yếu của cơ quan mật vụ Đức, người lãnh đạo hoạt động tình báo quân sự và chính trị trong khu vực vịnh Ba Tư. Nhưng ông coi đây không chỉ là việc thu thập thông tin cho tổng tư lệnh quân đội Đức vùng Viễn Đông, tướng Liman fon Sanders. Kế hoạch của ông rộng lớn hơn thế: ông muốn thu gom toàn bộ vùng Nam Ba Tư vào phạm vi ảnh hưởng của Đức, ngăn không cho người Anh lạm dụng dầu mỏ khu vực Ba Tư, thúc đẩy các bộ lạc vùng núi tích cực đấu tranh chống lại quân Anh.

Để củng cố thêm vị trí của mình, Vasmus đi một bước chưa từng có: Ông lấy con gái của một thủ lĩnh Ba Tư có thanh thế. Ông coi sự kiện này không những chỉ là sự kết hợp hai trái

tim yêu, mà còn là sự kết hợp “hai nòi giống vĩ đại”, biểu tượng của sự thống nhất Đức-Ba Tư. Theo tục lệ địa phương, chi phí cho đám cưới thuộc về bố cô dâu, nhưng Vasmus khẳng khái nhận lấy phần ấy (tức là thuộc về cơ quan mật vụ). Bố cô dâu và nhiều vị khách cả thượng lưu cũng như bình dân đều được tặng quà tương xứng với vị thế và “giá trị” của họ. Phụ tá trung thành của Vasmus, một người Đức tên là Brugman, trong khi đi phân phát quà, đã tuyển mộ luôn những người được tặng. Sau này tình báo Anh khẳng định rằng một nửa số khách ấy đã được tuyển dụng vào mạng lưới mật thám của Vasmus trải rộng giữa Ấn Độ, Xuyê, các bờ sông Tigr, Efrat và vịnh Ba Tư.

Nhìn từ góc độ tình báo thì khoảng không gian mà Vasmus quản lý có địa hình rất thuận lợi. Cứ mỗi tháng hai lần tình báo Anh lại in ra một bản đồ có đánh dấu vị trí quân địch trên chiến trường Phương Đông. Không phải ngẫu nhiên, trong vòng 4 năm, một khu vực lớn của Ba Tư, rộng bằng cả Pháp và Anh cộng lại, được đánh dấu màu đỏ với một chữ trong vòng tròn “Vasmus”.



Ảnh minh họa

Vasmus đã thuê nhiều tàu nhỏ kiểm tra mọi con đường giữa Ấn Độ và Châu Âu qua các biển Cận Đông. Bằng cách đó ông luôn luôn nắm được mọi việc vận chuyển quân đội và hàng hoá. Mạng lưới điệp viên của ông lan đến cả những đường thông tin của các đoàn quân viễn chinh của các nước đồng

minh. Họ thu được thông tin ở Palestin, Dardanella, Mesopotami, thậm chí ở cả Đông Phi và Armeni thuộc Thổ.

Thành công to lớn, thậm chí có thể coi là chiến lược của ông, là giúp được cho tướng Kolmar Vilgelm Leopold von der Golts chỉ huy đạo quân Thổ số 6 và các quân đoàn hợp nhất Đức-Thổ ở Mesopotami. Nhân viên của ông biết tất cả mọi mảnh khoé của tướng Anh Charles Taunsgend, người mà trong cuộc tấn công Bagdad đã lãnh đạo một cánh quân đi dọc triền sông Tigr. Ông đã đánh tan các đạo quân Thổ ở Kut-el-Amara. Để phát huy thành tích, Taunsgend đột nhập vào Ktezifon. Nơi đây hai cánh quân của Thổ thuộc liên quân "Iraq" đang chờ đợi ông, đứng đầu là tướng Golts, nhờ Vasmus đã báo trước hướng tấn công của quân Anh. Trận chiến đấu ở Ktezifon ngày 23 tháng 11 năm 1915 bất phân thắng bại, nhưng Taunsgend phải rút về Kut-el-Amara, nơi quân Thổ đã bao vây sẵn. Mọi mưu đồ từ phía quân Nga lẫn phía quân Anh muốn giúp đỡ đoàn quân mắc hãm này đều vô hiệu. Tướng Anh Persi Lake được chỉ định làm tổng tư lệnh quân đội ở Mesopotami cũng hoạt động một cách thụ động. Các điệp viên của Vasmus báo cáo rằng lực lượng của ông ta còn ít; lương thực, đạn dược, thuốc men đều thiếu thốn, hơn thế nữa, các đường giao thông đều bị các bộ lạc đã phục vụ cho Vasmus tấn công. Thông tin này cho phép Golts tập trung mọi lực lượng bao vây pháo đài, không sợ Lake nữa. Một điệp viên của Vasmus còn cung cấp những thông tin quan trọng: lo sợ việc gia tăng ảnh hưởng của người Nga ở Mesopotami, Lake đã gạt bỏ yêu cầu muốn kết hợp với quân Anh ở Ba Tư và tiến hành các hoạt động quân sự phối hợp chống lại quân Thổ của bộ chỉ huy Nga.

Đã bốn lần Lake cố đem sức tàn để giải thoát cho Taungsgend, nhưng không có kết quả. Sau 143 ngày bị bao vây, các nguồn lương thực và đạn pháo đã cạn kiệt, ngày 29 tháng 4 năm 1916, cùng với 3 ngàn quân Anh và 6 ngàn quân Ấn Độ, Taungsgend đành phải giao nộp vũ khí ra hàng. Mesopotami là chiến trường duy nhất mà quân Thổ không bị thiệt hại.

Muốn loại trừ được đối thủ lợi hại như Vasmus, người Anh đã treo thưởng đến 3000 bảng Anh cho ai bắt sống hoặc giết chết được ông. Tiền thưởng ngày càng tăng lên, đến năm 1917 đã tăng tới 5 lần. Thật kỳ lạ, khoản tiền thưởng to lớn ấy chỉ làm cho người ta hoảng sợ: Ở Phương Đông mạng sống con người được đánh giá không cao, và không ai tin rằng một cái đầu lại trị giá đến như vậy.

Năm 1916, Vasmus muốn gây bạo loạn trong các bộ tộc ở Afganistan để đánh lừa quân Anh. Ông bỏ ra rất nhiều vàng, nhưng không thành công. Nhưng tình báo đường biển của ông lại hoạt động tốt, họ cung cấp thông tin về các chuyến vận chuyển quân sự đi từ Ấn Độ, Australia và Tân Tây Lan. Năm 1916, ông trang bị cho những bộ tộc thượng võ để họ kìm chân hàng ngàn lính Anh. Người Anh đành phải đưa về vịnh Ba Tư 4 chiếc tàu quân sự chở quân tuần tiễu và tiến hành phong toả đường biển. Đoàn tàu này được gọi là "Hạm đội Vasmus", chúng có nhiệm vụ chặn bắt những chiếc thuyền buồm mang tin tức tình báo và quân trang quân bị về cho Vasmus.

*** Suy yếu cùng đất nước mà ông yêu mến**

Tuy nhiên, nước Đức ngày càng suy yếu và vị thế của

Vasmus cũng suy yếu theo. Ông phải thường xuyên lên gân đội quân của mình bằng những thông tin giả tạo về chiến thắng của quân Đức. Một lần ông tung tin rằng quân Đức đã chiếm được nước Anh, vua George đã bị treo cổ. Những người ở Ba Tư rất tin.

Vasmus lại có một kế hoạch mới. Ông nhờ một người vừa là bạn, vừa là trợ lý Brugman đến Ấn Độ để lôi kéo giới lãnh đạo. Người Anh đã bẻ gãy hoạt động này, họ bắt được Brugman và giam ông ta “đến khi chiến tranh kết thúc”. Trước đó họ cũng đã bắt được một đồng sự đáng tin cậy khác của ông là bác sĩ Thụy Điển Lindberg. Thế là Vasmus chỉ còn lại một mình giữa những bộ tộc đã bắt đầu có thái độ thù địch đối với ông. Từ Châu Âu luôn luôn dội tới những tin tức về sự suy yếu của nước Đức, còn các thủ lĩnh ở Ba Tư thì đã nghiêng về phía những người chiến thắng.

Đến cuối năm 1918, nước Đức đã đứng bên bờ vực thất bại. Không còn ai tin Vasmus nữa. Các chủ nợ bắt đầu quấy nhiễu ông. Tháng 11 năm 1918, khi được tin ngừng bắn, bố vợ ông là Akhram đã khuyên ông chạy trốn. Vasmus biết tâm, từ đó không ai biết tin tức gì về ông.

WILHELM LEHMANN

NGUYÊN MẪU CỦA “17 KHOẢNH KHẮC MÙA XUÂN”

Các khán giả bộ phim truyền hình nhiều tập “Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân” thường hỏi: “Trong thực tế có nhân vật Stirlit hay không? Hoặc có một điệp viên Xô Viết nằm vùng nào khác được lấy làm nguyên mẫu cho nhân vật này không?”. Nếu đã hỏi như vậy thì có thể trả lời thẳng: “Không. Thật đáng tiếc là không có một điệp viên nằm vùng nào, không có một sĩ quan tình báo Xô Viết chuyên nghiệp nào trong giới thân cận của Miller hoặc Sellenberg, cũng như trong bộ máy đầu não của cơ quan an ninh Hitler nói chung”.

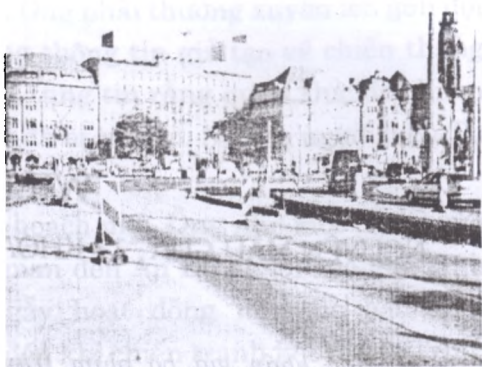


Tuy nhiên, trong đời thực có một người đã từng làm việc trong bộ máy đầu não đó và biết được những bí mật của nó. Ông không phải là một tình báo viên Xô Viết chuyên nghiệp nhưng là một điệp viên đáng tin cậy của cơ quan tình báo Xô Viết. Tên ông là Wilhelm Lehmann (1884 - 1942), còn bí danh là “Braitenbac”. Dưới đây là câu chuyện về ông.

* Năng lực được công nhận

Wilhelm Lehmann sinh năm 1884 trong gia đình một giáo viên sinh sống tại một thị trấn nhỏ ở ngoại vi thành phố

Leipzig. Tuy lấy tên theo tên của vua Wilhelm nhưng suốt đời ông mang tên Willi và chính họ tên này - Willi Lehmann - hiện diện trong các tài liệu của cơ quan tình báo Xô Viết. Năm 18 tuổi, ông tình nguyện gia nhập hải quân và phục



Thành phố Leipzig - nơi Wilhelm Lehmann sinh ra và lớn lên

vụ trong binh chủng này gần mười năm. Ông đã tham gia nhiều chuyến viễn dương, đã chứng kiến trận đánh Xuxim, rồi bị bãi chức thượng sĩ pháo binh và vào làm trong ngành cảnh sát Berlin. Tại đây, cấp trên nhận thấy ông là người tận tụy và có năng lực, do đó đã đưa ông vào phòng phản gián của sở cảnh sát Berlin. Trong những năm Thế chiến Thứ nhất và những năm tiếp theo, Willi Lehmann luôn tỏ ra là một nhân viên phản gián thông minh và khôn ngoan, ông được thăng cấp, được thực hiện những vụ điều tra quan trọng và thực tế là biết rõ mọi công việc của phòng phản gián.

Ông được coi là người không mắc chứng háo danh, có thái độ tỉnh táo đối với tiền bạc và không hề có bất kỳ một đam mê tệt hại hoặc “môi dân dúi tội lỗi” nào. Năm 1928, khi một người bạn của ông lâm vào tình thế khó khăn, ông đã khuyên người này nên làm việc cho cơ quan đại diện toàn quyền của Liên Xô ở Berlin. Người đó làm theo lời khuyên của ông và trở thành điệp viên của cơ quan tình báo Xô Viết A-70 (về sau, người này bị tách khỏi những công việc quan

trọng do sử dụng quá “tự do” những khoản tiền nhận được và vì vậy có thể gây nghi ngờ).

*** Hợp tác với tình báo Xô Viết**

Năm 1929, khi chính Willi túng bán tiền nong thì ông cũng hành động hết như vậy. Sau khi được tuyển mộ, ông mang bí danh A-201 hoặc “Braitenbac”. Cần lưu ý rằng mặc dù tiền bạc là yếu tố hết sức quan trọng thúc đẩy ông hợp tác với tình báo Xô Viết nhưng cũng như nhiều điệp viên khác, ông quyết định như vậy còn là do ông căm ghét chủ nghĩa Quốc xã. Ông coi cuộc chiến tranh chống Liên Xô là tội ác.

Do vị trí làm việc của Willi hết sức quan trọng nên Trung Tâm và cơ quan tình báo Xô Viết ở Berlin lập tức chăm lo đến việc “giấu kín” ông. Trung Tâm quyết định ông chỉ cung cấp những tin nào mà ông có thể khai thác được nhờ chức trách của ông, không cần ông phải săn tìm những bí mật của người khác. Mặc dù tin tức dưới dạng tài liệu bao giờ cũng được dành ưu tiên trong hoạt động gián điệp nhưng đối với “Braitenbac” thì cơ quan an ninh Xô Viết không đòi hỏi ông chuyển giao tài liệu mà thoả mãn với những tin ông truyền đạt bằng miệng. Và bởi vì những điệp viên “hợp pháp”, tức là những nhân viên chính thức của các cơ quan Xô Viết, có thể bị mật vụ Đức theo dõi nên việc liên lạc với ông được thực hiện chủ yếu là thông qua các điệp viên nằm vùng. Ông được chuẩn bị sẵn hộ chiếu để có thể khẩn cấp ra nước ngoài, đồng thời chuẩn bị cả những tín hiệu báo động khi nguy hiểm.

Năm 1930, những khả năng gián điệp của “Braitenbac” được mở rộng thêm - ông được giao nhiệm vụ “chăm sóc” sứ quán Xô Viết ở Berlin, do đó, ông nắm chắc mọi hành động

được hoạch định và tiến hành nhằm chống lại sứ quán Xô Viết và các nhân viên sứ quán. Ông cũng biết được tất cả các điệp viên được sử dụng trong những hành động ấy. Vào cuối năm 1932, ông còn được trao nhiệm vụ theo dõi giới gián điệp Ba Lan và không phải ngẫu nhiên mà điệp viên Ba Lan Iurek Susnovski đã sững sốt khi thấy cơ quan tình báo Xô Viết biết quá rõ về y khi bị thẩm vấn tại Moscva trong những năm 1939 - 1940.

*** Xâm nhập “trái tim” của đế chế thứ ba và thu thập được nhiều tài liệu vô cùng quan trọng**

Sau khi Hitler lên nắm chính quyền ở Đức vào năm 1933, phòng phản gián của “Braitenbac” thành lập một ban riêng để đấu tranh với “gián điệp Cộng sản”. Ngày 26 tháng 4 năm 1933, phòng phản gián của Willi Lehmann sáp nhập vào cơ quan cảnh sát quốc gia (Gestapo) mới thành lập. Vậy là ông trở thành nhân viên Gestapo, và đến ngày 20 tháng 4 năm 1934, nhân dịp sinh nhật Hitler, ông được lấy vào đơn vị SS và được thăng chức.

Năm 1934, điệp viên “Braitenbac” được phép bắt liên lạc với điệp viên nằm vùng Vaxili Zarubin. Trung Tâm đòi hỏi ngày càng nhiều tin tức vượt ra ngoài khả năng chức vụ của ông. Nhưng ông vẫn thu thập được những tin tức ấy, chẳng hạn, ông đã kiếm được cho bộ phận giải mã Xô Viết bản gốc các bức điện của Gestapo, ông cũng đã thông báo nhiều chi tiết công nghệ về những loại tên lửa mà nhà thiết kế Danberg đã từng nghiên cứu trước khi bị bắt, ông còn làm rõ được việc hai điệp viên nằm vùng bị Gestapo bắt có bị tình báo Đức tuyển mộ lại hay không.

Tháng 12 năm 1935, Willi Lehmann cùng nhiều quan chức cao cấp của cơ quan phản gián Đức đi thăm những nhà máy và thao trường tuyệt mật chuyên sản xuất và thử nghiệm các loại vũ khí mới nhất, bởi lẽ, vốn là nhân viên phản gián, họ phải biết những gì mà họ cần bảo vệ. “Braitenbac” đã miêu tả lại tỷ mỉ cho cơ quan tình báo Xô Viết những gì ông đã nhìn thấy cũng như hàng loạt những thông số tác chiến - kỹ thuật mà ông thu lượm được từ các nhà chuyên gia.

Chiến công có ý nghĩa quan trọng hơn nữa là mật báo của “Braitenbac” về việc người kỹ sư trẻ Verne fon Braun sáng chế ra một loại vũ khí chưa từng có cho tới thời điểm ấy, đó là loại tên lửa sử dụng nhiên liệu lỏng tầm xa có thể lên đến hàng trăm cây số. Một bản báo cáo đặc biệt về vấn đề này đã được đệ trình lên Stalin, Vorosilov, Tukhasevski. Ban lãnh đạo Tổng cục Tình báo Xô Viết đánh giá cao tài liệu này và soạn riêng một bản câu hỏi để làm rõ các thông số kỹ thuật.



Cuốn sách viết về tổ chức Gestapo

Năm 1936, “Braitenbac” thông báo vị trí của năm thao trường mật chuyên thử nghiệm vũ khí mới, chuyển tin tức về hệ thống các công sự mạnh nằm dọc theo biên giới Đức-Ba Lan, về việc chế tạo loại xe bọc thép và máy bay tiêm kích mới của hãng Haiken, về loại thép bọc máy bay, về loại xe tăng phun lửa, về loại chất lỏng có thể bốc cháy, về việc chế tạo đội tàu ngầm tại mười tám xưởng đóng tàu.

Cũng vào cuối năm 1941, ban lãnh đạo nước Đức phát xít áp dụng những biện pháp đặc biệt để bảo vệ bí mật quốc gia trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất các loại vũ khí mới, tuy nhiên “Braitenbac” vẫn tiếp tục chuyển cho cơ quan tình báo Xô Viết nhiều tin tức về những thành tựu của Đức trong lĩnh vực quân sự. Chẳng hạn, lần đầu tiên người ta biết về những cuộc thí nghiệm được tiến hành dưới sự kiểm soát của đích thân Hering nhằm điều chế xăng từ than đá và về việc xây dựng một nhà máy bí mật sản xuất chất độc.

“Braitenbac” cũng thu thập được và chuyển cho tình báo Xô Viết bản báo cáo đặc biệt quan trọng năm 1937 “Về việc tổ chức hệ thống quốc phòng của nước Đức”.

“Braitenbac” được cơ quan Gestapo đánh giá rất cao, bằng chứng là vào dịp lễ Giáng Sinh năm 1936, ông được tặng tám chân dung Hitler có chữ ký của y và bằng khen, ngoài ông ra, chỉ có ba nhân viên Gestapo nữa được hưởng vinh dự này.

Trong đời ông đã xảy ra một trường hợp chỉ chút nữa là dẫn đến thất bại. Một người bạn thông báo cho ông là ông bị theo dõi vì bị nghi ngờ có quan hệ với cơ quan đại diện thương mại Xô Viết. Thật may mắn là kẻ theo dõi đã không phát hiện được mối quan hệ của ông với tình báo Xô Viết. Nhưng ít lâu sau mới biết rằng việc theo dõi ông là do lầm lẫn - người cần theo dõi không phải là ông mà là một Lehmann khác cùng họ tên với ông, người này bị người tình cũ theo dõi vì ghen tuông.

Tháng 3 năm 1943, Zarubin rời nước Đức, mối liên lạc với “Braitenbac” được vợ người điệp viên nằm vùng Corotcov là Maria Vincovuxkaia duy trì thông qua bà chủ căn phòng bí mật CLehmanns. Nhưng đến cuối năm 1938

thì cả mối liên lạc này cũng bị đứt đoạn bởi vì người điệp viên duy nhất lãnh đạo Maria là A. I. Agaian qua đời trong lúc làm phẫu thuật.

Năm 1939, Trung Tâm soạn thảo một báo cáo về hoạt động của “Braitenbac” trong đó nói rằng ông đã *“chuyển cho chúng ta một số lượng lớn những tài liệu đích thực và những tin tức cá nhân làm sáng tỏ cơ cấu, đội ngũ cán bộ và hoạt động của tổ chức Gestapo, cũng như của tình báo quân sự Đức. “Braitenbac” đã báo trước cho chúng ta về những cuộc bắt bớ và khiêu khích đang chuẩn bị nhằm vào các điệp viên nằm vùng và điệp viên “hợp pháp” của chúng ta ở Berlin. Ông đã cung cấp cho chúng ta tin tức về những nhân vật đang bị Gestapo theo dõi cũng như về những vụ điều tra mà chúng ta quan tâm. Cơ quan tình báo chưa bao giờ có bất kỳ nghi ngờ gì về lòng trung thực của người điệp viên này”*.

Vậy là “Braitenbac” bị mất liên lạc.

Vào cuối tháng 6 năm 1940, một người lạ mặt bỏ vào hòm thư của sứ quán Xô Viết ở Berlin một bức thư gửi tù viên quân sự Xô Viết. Tác giả bức thư đề nghị khôi phục lại mối liên lạc với mình đã bị gián đoạn vào năm 1939, đồng thời nêu rõ mật khẩu liên lạc qua điện thoại, thời gian và địa điểm gặp gỡ. Người đó viết: *“Nếu không khôi phục lại được liên lạc thì công việc của tôi ở Gestapo sẽ mất hết ý nghĩa”*.

Dĩ nhiên bức thư này không thể không gây nghi ngờ: phải chăng “Braitenbac” lại đã xuất hiện và liệu ông có đóng vai trò một kẻ mạo danh không? Nhưng niềm tin vào lòng trung thành của ông đã chiến thắng. Trung Tâm đã cử một nhân viên của mình là Corotcov đến Berlin và Corotcov đã khôi phục lại mối liên lạc với “Braitenbac”, đồng thời giới

thiệu ông với người điệp viên trẻ Boris Giuravlev để tiếp tục làm việc.

“Braitenbac” đã vài lần cảnh báo về mối nguy cơ ngày càng tăng của việc nước Đức phát xít tấn công Liên Xô. Vào tháng 3 năm 1941, ông thông báo về việc cơ quan tình báo Đức đang khẩn trương củng cố một đơn vị chống phá nước Nga, đang thực hiện những biện pháp động viên trong bộ máy nhà nước, tiếp đó, vào cuối tháng 5, ông thông báo về việc cơ quan tình báo Đức đã lập lịch trực suốt ngày đêm của các nhân viên. Trong cuộc gặp gỡ cuối cùng với Giuravlev vào ngày 19 tháng 3 năm 1941, ông báo tin Gestapo đã nhận được mệnh lệnh gửi cho các đơn vị quân đội phát xít, trong đó có nói rõ là những hành động chiến sự chống Liên Xô sẽ bắt đầu sau 3 giờ sáng ngày 22 tháng 6 năm 1941.

Ngày tối hôm đó, tin này đã được chuyển về Moscva.

* Bại lộ và chết

Đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng với “Braitenbac”. Sau khi chiến tranh kết thúc, vợ ông là Margarita kể lại rằng vào tháng 12 năm 1942, chồng bà được khẩn cấp gọi đến nơi làm việc rồi không trở về nữa. Về sau, một đồng nghiệp của ông báo tin cho bà biết là ông đã bị Gestapo xử bắn.

Trong tập hồ sơ “Braitenbac” hiện đang được lưu trữ tại kho lưu trữ Cục Tình báo Đối ngoại có một bản báo cáo cho biết ông bị một điệp viên có bí danh là “Bec” tố giác. “Bec” được tung vào hậu phương phát xít rồi sa vào tay Gestapo. Bản báo cáo viết rằng “Theo lệnh của Gestapo, “Bec” đã duy trì liên lạc qua điện đài với Moscva từ ngày 14 tháng 10 năm 1942 đến ngày 12 tháng 4 năm 1944, chuyển đi những tin tức do nhân

viên Gestapo viết sẵn, kết quả là vào tháng 12 năm 1942, điệp viên "Braitenbac" của các cơ quan an ninh Liên Xô đã bị bắt và bị xử bắn".

Trong các hồ sơ của Gestapo cũng như trong các tài liệu lưu trữ của Đức mà Liên Xô thu được không hề có bất kỳ chỉ dẫn gì về việc Willi Lehmann bị điều tra và đem ra xét xử. Vụ việc của ông không được công bố và thậm chí, chắc chắn là không được báo cáo lên Hitler. Đó là tháng 12 năm 1942, trong cơn giận dữ vì thất bại ở Stalingrad, Hitler có thể trút nổi giận dữ lên đầu bọn trùm Gestapo, bởi lẽ, một kẻ thù như Lehmann đã xâm nhập được vào tận trái tim của đế chế thứ ba. Chắc hẳn vì hiểu như vậy nên những tên trùm Gestapo đã đem bắn "Braitenbac" mà không cần xét xử hoặc đã đẩy ả ông trong chốn lao tù. Mà biết đâu, tên trùm Gestapo Miller đã bắn chết ông ngay trong phòng làm việc của y.

WILLIAM VARVIC CORCORAN

NGƯỜI CỨU LONDON KHỎI TÊN LỬA ĐỨC QUỐC XÃ

Ông được mệnh danh là “bậc thầy số một của nghệ thuật tình báo Mỹ” và được coi là người đã có công cứu London thoát khỏi những quả tên lửa FAU của phát xít Đức bởi vì ông đã phát hiện ra nơi đóng căn cứ quân sự của Đức trên đảo Penemuyde thuộc biển Baltic. Ngay sau chiến tranh, ông cũng đã phát hiện ra nơi ẩn trốn của một trong những tội phạm chiến tranh là Joachim fon Ribbentrop, Bộ trưởng Ngoại giao của nước Đức phát xít.

* Một nhà ngoại giao có năng lực

William Corcoran sinh năm 1884 ở Washington. Ông tốt nghiệp trường Đại học Georgetown - cái nôi của nhiều nhà ngoại giao Mỹ. Sau đó, ông tốt nghiệp trường đại học ở Lille (Pháp) và thông thạo tiếng Pháp như một người Pháp thực thụ - một phẩm chất hiếm có đối với các nhà ngoại giao Mỹ.

Bố mẹ ông chết sớm, ông được thừa hưởng một tài sản giàu có và ông biết tận hưởng thú vui chơi ngựa, chơi ô tô, thuyền buồm và cuộc sống phóng dăng.

Cuộc sống của ông thay đổi hẳn khi số phận đưa đẩy ông gặp được một nữ tu sĩ Thiên Chúa giáo, người về sau trở thành mẹ nuôi của ông tuy ông không theo đạo. Ông vứt bỏ

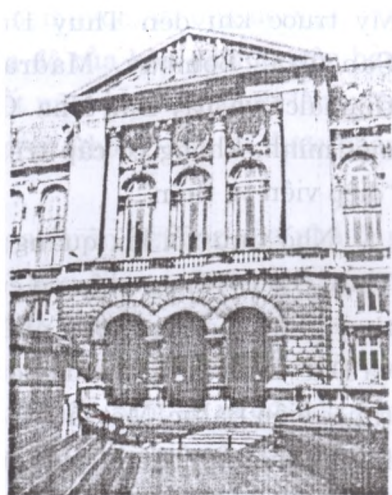
mọi thú vui quen thuộc, và lại, vào quãng thời gian đó, ông cũng đã phung phí gần hết tài sản thừa kế giàu có của bố mẹ ông để lại.

Đúng lúc đó, chủ bút tờ *Washington Post* mời ông làm phóng viên. Ông lang thang khắp thành phố tìm kiếm những vụ việc đáng chú ý, miêu tả cuộc sống của bọn trộm cắp và những chính khách bán mình. Vốn căm thù sâu sắc chủ nghĩa quân phiệt

Phổ nên khi Chiến tranh thế giới Thứ nhất bùng nổ, ông vứt bỏ công việc phóng viên và ghi tên vào đội quân viễn chinh Pháp ở hải ngoại. Sau khi Mỹ tham chiến, ông chuyển sang đội quân viễn chinh Mỹ. Tại đây, ông trở thành thượng úy và đồng thời làm biên tập viên một tờ báo dành cho binh sĩ Mỹ. Đến cuối chiến tranh, ông được tặng thưởng huân chương Thập Tự chiến đấu, huy chương của Pháp và được cấp giấy chứng nhận không có khả năng lao động do thương tật.

* “Điệp viên tự thân”...

Năm tháng trôi qua. Năm 1936, William Corcoran đến Thụy Điển và đảm nhận một chức vụ khiêm nhường là tổng lãnh sự ở thành phố Gorteborg. Nhiệm vụ của ông là cấp visa, đăng ký kết hôn và thừa kế, nhưng thực ra ông là điệp viên của cơ quan tình báo Mỹ. Ông bắt đầu làm việc cho tình báo



Trường Đại học Lille, nơi giúp Corcoran có thêm một phẩm chất hiếm có của nhà ngoại giao Mỹ

Mỹ trước khi đến Thụy Điển khá lâu. Ông đã từng đến Cancutta, Bombay, Madras, Varsava, Angie, Gibranta, Giamaica và Tây Ban Nha. Ông là “con sói cô độc”, hoạt động một mình, không có cấp trên và cấp dưới, có thể nói ông là “điện viên tự thân”.

Nhờ tính xởi lởi, quảng giao, ông có nhiều bạn bè người Thụy Điển. Với sự giúp đỡ của họ, ông đã làm quen được với thuyền trưởng của tất cả những con tàu đi lại giữa Thụy Điển và Đức. Bởi vậy ông có đầy đủ thông tin về tình hình các cảng thuộc biển Baltic. Một lần cơ quan phản gián Đức nghe nói đến những mối liên hệ bí mật của lãnh sự Mỹ và gửi công hàm phản kháng đến nhà cầm quyền Thụy Điển. William Corcoran bị khiển trách nhẹ, nhưng chính Thụy Điển cũng thực sự quan tâm đến những gì đang xảy ra trên bờ biển Baltic, bởi vậy, việc khiển trách kia chỉ mang tính chất thuần túy hình thức, và người Thụy Điển hoàn toàn không can thiệp vào hoạt động của William.

Nhưng ông thay đổi chiến thuật. Nhờ quen biết các chủ tàu và các thuyền trưởng, ông thiết lập được mối tiếp xúc với các thủy thủ, các thợ máy, các đầu bếp, các chiêu đãi viên, và ông bắt đầu được họ cung cấp tin tức.

*** ... vén màn bí mật**

Vài tháng sau, ông vén được một bức màn bí mật mà lúc đầu ông không thể xâm nhập nổi. Những người ông quen biết kể cho ông nghe về hàng chục canô và thuyền máy sắp sửa lên đường tới một địa điểm nào đó nằm cách Stettin chừng sáu mươi hải lý về mạn Đông Bắc. Ít lâu sau, ông biết rằng nơi đó

là một hòn đảo nhỏ có tên là Penemuyde, và ông đề nghị các bạn mình xác định chính xác tọa độ của hòn đảo đó trên bản đồ. Ông còn biết được một chi tiết nữa: không một ai làm việc trên đảo được phép rời khỏi đảo và không một ai được phép đến thăm đảo.

Có hôm, một quả bom nổ ngay trên ngưỡng cửa nhà ông nhưng ông được vô sự. Báo chí Thụy Điển viết rằng cơ quan mật vụ Đức đã lập kế hoạch bắt cóc và thủ tiêu William Corcoran vì tội “chọc mũi vào việc của người khác”. Ông bị coi là “tên mật thám Mỹ” nguy hiểm nhất. Một số người còn đồn đại là vào những ngày đó, báo *Sự thật* của Liên Xô dường như có đăng bài của đại sứ Liên Xô tại Thụy Điển, trong đó, bà đại sứ Alexandra Colotai gọi ông là “bậc thầy tình báo số một của chú Sam”. Nhưng lời đồn đại đó chắc chắn chỉ là hành động khiêu khích của tình báo Đức.

Tuy nhiên, William cũng không tin chắc hòn đảo Penemuyde lại là nơi Hitler dùng làm địa điểm chế tạo loại vũ khí mà y dự định sẽ sử dụng để kết thúc chiến tranh trong vòng hai mươi tư tiếng đồng hồ.

Ông tiếp tục công việc bàn giấy chán ngắt nhưng nhờ đó, ông đã kiểm được bản sao những khoản thanh toán của công ty SKF, công ty chuyên cung cấp ổ bi từ nước Thụy Điển trung lập sang nước Đức đang có chiến tranh. Biết được tin này, các nước Đồng Minh đã yêu cầu Thụy Điển phải ngừng ngay lập tức việc cung cấp đó. Không ai chứng minh được việc rò rỉ tin này là do bàn tay của William Corcoran (thật ra ông cũng không đánh cắp những tài liệu ấy), “tội” đánh cắp tài liệu và để tài liệu ấy rò rỉ sang Phương Tây đã khiến một người Na Uy và hai người Thụy Điển bị kết án ba năm tù.

Theo chỉ dẫn của William Corcoran, máy bay Đồng Minh giờ đây bay lượn suốt ngày đêm trên bầu trời đảo Penemuyde để chụp ảnh từ trên không, đồng thời nguy trang các chuyến bay của mình bằng những trận không kích Berlin và Stettin.

Trong khi ấy, ban lãnh đạo nước Đức phát xít vẫn tin chắc rằng không một ai hay biết gì về đảo Penemuyde và những gì che giấu trên đảo. Chúng đủ thông minh để không sử dụng pháo phòng không chống lại các máy bay Đồng Minh vì cho rằng những khu rừng rậm rạp đủ sức che kín những gì đang diễn ra trên đảo.

Tuy nhiên, ngày càng xuất hiện nhiều bức ảnh cũng như ngày càng nhiều những tin tức của các thuỷ thủ về những vụ nổ bí ẩn trên hòn đảo nhỏ đó. Cuối tháng 7 năm 1941, William Corcoran thông báo cho London biết về tất cả những gì ông tìm hiểu được về đảo Penemuyde. (Cũng nên biết thêm rằng tin tức của William Corcoran không phải là duy nhất).

*** Tham gia phá vỡ kế hoạch kết thúc chiến tranh của Đức**

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng 8 năm 1941, sáu trăm máy bay ném bom hạng nặng của Anh xuất hiện trên bầu trời đảo Penemuyde. Bọn Đức cho rằng những máy bay đó đang bay đến Berlin hoặc Stettin như thường lệ, nhưng lần này chúng đã lầm. Toàn bộ sáu trăm máy bay Anh đã giáng một đòn khủng khiếp lên đảo - cuộc không kích dữ dội kéo dài suốt 40 phút. Bốn mươi phân xưởng lắp ráp biến thành đồng đổ nát, các phòng thí nghiệm bị phá huỷ, năm mươi toà nhà bị hư hại. Trong số bảy nghìn nhà khoa học và kỹ sư thì năm nghìn bị chết. Trong số những người bị chết có cả thiếu tướng Volfrank fon Same-Glidenxki, giám đốc các công việc nghiên cứu và kỹ

thuật, tướng Esoneke, tham mưu trưởng không quân Đức, tướng Erner Udet, viên phi công nổi tiếng được coi là con át chủ bài của nước Đức phát xít.

Người Anh mất bốn mươi một máy bay trên đường trở về.

Theo ý kiến của thủ tướng Anh Churchill thì đây là một trong những bước ngoặt của chiến tranh. Trung tâm tên lửa của Đức bị loại khỏi vòng chiến, điều đó không những đã cứu nước Anh và rất có thể, còn ngăn chặn được việc loại tên lửa có cánh của Đức không kích miền duyên hải phía Đông nước Mỹ. Nhờ công lao đó, William Corcoran được khen thưởng một cách xứng đáng tuy quả thật là sau chiến thắng đó ông vẫn không nhận thức được hết ý nghĩa của biến cố vừa xảy ra.

* Tiếp tục những chiến công

Sau khi kết thúc chiến tranh, William Corcoran vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của một lãnh sự. Tuy nhiên, nếu không có sự can thiệp của ông thì tên tội phạm chiến tranh Ribbentrop sẽ có thể sống cho đến cuối đời một cách bình yên tại một nơi đâu đó ở Argentina. Câu chuyện xảy ra như sau.



Rippbentrop (phải) đang trả lời luật sư trong nhà tù

Chiếc tàu thủy chở khách “Greeneshall” treo cờ Hội Chữ Thập đỏ cập bến cảng Geteborg. Trong số hành khách có một phụ nữ tên là Ienke. Bà ta khai là vợ của một nhà ngoại giao

kiếm cổ vấn thương mại tại sứ quán Đức ở Ancara, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng sau khi tìm hiểu bản danh sách hành khách, William Corcoran dự đoán rằng chồng bà ta chắc chắn phải biết một điều gì đó về nơi ở của đại sứ Đức fon Papen. Ông phát hiện ra rằng Ienke là em gái của Rippbentrop. Bà ta được bố trí đến ở tại một khách sạn của Geteborg dưới sự giám sát của cảnh sát. Vốn thông thạo tiếng Pháp, William Corcoran đến thăm bà ta, đóng vai một phần tử ủng hộ Petin và Lavan nên phải chạy trốn khỏi nước Pháp. Ông nói rằng ông muốn đào thoát sang Argentina, rằng ông có nhiều người bạn đáng tin cậy ở Đức sẵn sàng giúp đỡ ông trong việc này. Ông dò hỏi là bà Ienke có muốn anh trai mình cũng sang Nam Mỹ hay không.

- Liệu ông có thể giúp tôi đến Đức được không? - Ienke hỏi.

William Corcoran hứa là sẽ làm hết khả năng của ông.

Khi ấy, bà ta tâm sự với ông rằng khi Rippbentrop còn là một người chào hàng bình thường chuyên buôn bán sâm panh thì y có một người bạn chuyên buôn bán rượu ở Hamburg. Bà ta muốn đến thăm người này vì bà ta tin rằng ông ta sẽ giúp bà ta tìm ra được anh trai.

Nên biết rằng vào thời kỳ đó Ribbentrop là đối tượng truy tìm của tất cả các cơ quan tình báo trên khắp thế giới.

Những “người bạn Thụy Điển” tổ chức cho Ienke một chuyến đi tới Đức. Bà ta được phép rời Thụy Điển và đến khu vực nước Đức bị người Anh chiếm đóng. Bà ta dễ dàng tìm thấy nhà kinh doanh rượu quen biết ở Hamburg. Người này tiếp đón bà ta, cho bà ta ăn uống rồi báo tin về nơi ẩn trốn của anh trai bà ta - y đang ở trong căn hộ gần đấy. Bà ta lập tức đến

địa chỉ đó mà không ngờ rằng đã dẫn theo mấy viên cảnh sát của quân đội Đồng Minh. Họ liền bắt giữ tên cựu Bộ trưởng Ngoại giao của nước Đức phát xít. Về sau, y bị toà án Niu Ramber kết án tử hình và bị treo cổ.

William Corcoran còn có công đánh đắm vài chiếc tàu Đức tại các cảng Cattegat và Scaterac. Lãnh sự Đức ở Na Uy trở thành điệp viên của ông, và nhờ sự giúp đỡ của ông ta mà William Corcoran đã xác định được vị trí của cơ sở xăng dầu và nhà máy nước nặng cũng như biết được lộ trình của các tàu biển. Thông qua các thuỷ thủ quen biết, William Corcoran cũng phát hiện được những cơ sở xăng dầu ở cửa sông Ode, cách Penemuyde ba mươi dặm. Những cơ sở này cũng bị ném bom.

Nhưng William coi công lao lớn nhất của mình là cứu thoát được tính mạng của năm nghìn người chạy khỏi nước Đức. Hầu hết họ được ông đưa sang Mỹ, ông không từ chối giúp đỡ một người nào.

Năm 1946, William Corcoran về hưu và sống bình yên giữa đàn con cháu cho đến cuối đời tại một thị trấn nhỏ ở Mỹ cách thủ đô Washington không xa.

LAURENCE XỨ AVARIA

GƯƠNG MẶT “DIỆP VIÊN THƠ MỘNG”

Một trong những gương mặt rực rỡ nhất và thơ mộng nhất trong lịch sử tình báo là ngài Thomas Edvard Laurence (1888-1935). Ông là người thờ ơ với phụ nữ và tiền bạc. Ông chỉ yêu bản thân mình và đế chế Anh. Về bản thân mình ông đã nói: “Nói chung tôi giống như một người qua đường khéo léo trốn tránh những chiếc ô tô chạy trên chính lộ”. Người ta đã viết nhiều tiểu thuyết và dựng nhiều phim về ông, nhưng vẫn còn một số sự thật pha trộn với những sai lệch. Tuy nhiên chỉ những sự thật đã có trong đó cũng đủ làm cho nhân cách của ông trở thành anh hùng.

* Cuộc thập tự chinh trên đất Ả Rập

Ông sinh ngày 15 tháng 8 năm 1888 trong một gia đình Anh-Ireland trung lưu. Ông học trường Oxford. Theo lời ông thì ông “ghét cay ghét đắng nhà trường phổ thông”, bởi vì nó làm ông sao nhãng công việc chủ yếu là đọc những cuốn sách về các cuộc thập tự chinh và về khảo cổ. Hai chủ đề này ông biết thật sâu sắc, cũng như tất cả những gì liên quan đến vùng Viễn Đông là điểm đến của lính Thập tự quân và là nơi có nhiều công trình khảo cổ.

Năm 1910, Laurence về ở miền Đông Ả Rập. Ông đã nghiên cứu cẩn thận đời sống, phong tục và tín ngưỡng của

người Ả Rập, ông biết thành thạo tiếng Ả Rập và tiếng nói của nhiều bộ tộc du mục. Có lẽ, trên bán đảo Ả Rập không còn chỗ nào là ông chưa tới. Ông có mối quan hệ quen biết với tất cả thủ lĩnh các bộ tộc. Ông biết rõ các mặt mạnh và yếu của các thủ lĩnh, biết rằng có thể lôi kéo ai và lôi kéo bằng cách nào. Khi Đại chiến Thế giới Thứ nhất nổ ra Laurence trở thành điệp viên nước Anh, nói chính xác hơn là của MI-4, hoặc là của Văn phòng Ả Rập, là văn phòng có nhiệm vụ theo dõi sự phát triển của phong trào dân tộc chủ nghĩa của những người Ả Rập trên dọc biên giới của đế chế Osman. Lúc bấy giờ tất cả những vùng đất Ả Rập và những dân tộc sinh sống trên đó đều nằm dưới quyền của Thổ Nhĩ Kỳ. Khi chiến tranh nổ ra thì đế chế Anh cũng vươn bàn tay của mình tới đó. Nhưng quân đội thường trực của Anh đóng tại các căn cứ của mình không tiện giao chiến với những người Thổ. Cần có những nhóm nhỏ linh hoạt quen với cuộc sống trên hoang mạc khô cằn vắng vẻ, quen đi lại trên đó, có thể dễ dàng thọc sâu vào hậu phương quân địch và tiến hành phá hoại. Ngoài ra, đó còn là khả năng chiến đấu với quân Thổ bằng bàn tay kẻ khác, mà vẫn bảo toàn được lực lượng chủ yếu của mình trên các chiến trường khác. Trong thời gian này các nhà dân tộc chủ nghĩa Ả Rập đã tự bắt đầu cuộc chiến chống người Thổ. Tại miền Nam bán đảo Ả Rập lá cờ xanh khởi nghĩa của người Ả Rập đã được phát lên bởi Abdul el Azid ibn Saud, người đứng đầu giáo phái Vahhabit và là kẻ thù của những người Hasimit. Người đứng đầu tổ chức tôn giáo-chính trị Hasimit là vị giáo chủ ở Mekka Husseyin ibn Ali, năm 1916 ông này đã được xưng tụng là vua Hidzhaza.

Nên ủng hộ ai đây, Saud hay là Husseyin? Nên ủng hộ những người Vahhabit hay là Hasimit? Cao uỷ Anh ở Cairo,

ngài Henri Makmagon và ông sắp tình báo quân sự ở Viễn Đông, thiếu tá Aston, đã tin vào những người Hasimit và thậm chí đã tuyên bố với ông Husseyin rằng sau khi đế chế Osman sụp đổ người ta sẽ đưa ông và các con trai lên làm thủ lĩnh Liên đoàn Ả Rập tương lai. Cũng lúc này Văn phòng Ấn Độ của tình báo Anh lại ủng hộ những người Vahhabit. Đại diện của Văn phòng ông Saint John Filby, cha của Kim Filby mà sau này rất nổi tiếng, vào năm 1917 đã lên đường tới Er-Riad với một nhiệm vụ hết sức bí mật: thông báo cho Saud biết rằng vua George V có ý định đưa chính ông ta lên làm thủ lĩnh Liên đoàn Ả Rập, liên đoàn này sẽ được hình thành sau khi đế chế Osman sụp đổ. Đến lần này chính sách “Chia để trị” vẫn là phục vụ cho quyền lợi của đế chế Anh.

* Tài nghệ diễn xuất của điệp viên

Nhưng bây giờ chúng ta hãy trở lại với nhân vật của mình. Laurence đã chiếm được lòng tin của người con cương quyết nhất của Husseyin là Feysal, người đang theo đuổi mục đích tổ chức cả một đạo quân chống lại người Thổ. Tuy nhiên, việc tổ chức một đạo quân thống nhất to lớn vào thời bấy giờ là điều hoàn toàn không hiện thực. Người ta cần có những đơn vị nhỏ cơ động, những đơn vị này giống như một đàn chó sói, chúng lao vào con gấu từ nhiều phía khác nhau, nghĩa là họ có thể tấn công và cấu xé quân đội Thổ hùng mạnh, nhưng không năng động. Thomas Laurence là người thực hiện việc xây dựng lực lượng khởi nghĩa kiểu “người dơi” này. Là một người da trắng, mắt xanh, ông không giống người Ả Rập chút nào cả. Nhưng khi mặc quần áo chúng, bịt nửa mặt, da phoi nắng ngăm ngăm, nói thành thạo tiếng Ả Rập, thì ông có thể dễ

dàng trông giống như một người Ả Rập du mục. Còn ý chí kiên cường, ưa phiêu lưu mạo hiểm, tính kiên trì vươn tới mục đích đã cho phép ông trở thành thủ lĩnh trong bất kỳ cộng đồng nào. Hơn thế nữa, ông lại có nhiều tiền do tình báo Anh cung cấp. Thomas Laurence đã ăn uống, sinh sống như những người Ả Rập. Ông đã khuyên các nhà tình báo khác: “Các ông phải cảm thấy mình là diễn viên, sắm vai suốt ngày suốt đêm trong nhiều tháng liền, không được nghỉ ngơi và phải chịu nhiều rủi ro”.

Đôi khi ông ngồi chơi cả chiều với một thầy tu, sau đó lên lạc đà đi suốt đêm và đến sáng lại gặp gỡ một người khác. Nói chuyện với những người đó không phải lúc nào cũng dễ dàng. Trong những chỉ thị của mình, mà ông gọi là “27 điều”, ông viết: *“Hãy chiếm lấy lòng tin của người lãnh đạo và hãy giữ gìn lòng tin đó. Nếu có thể thì phải dùng tiền của mình mà củng cố uy tín cho người đó trước mắt những người khác. Không bao giờ được từ chối và đừng làm hỏng những kế hoạch mà người đó có thể đưa ra. Bao giờ cũng phải ủng hộ những kế hoạch đó, rồi sau khi có lời khen ngợi, lại thay đổi chút ít, buộc chính người thủ lĩnh đó phải đưa ra đề nghị cho đến khi những đề nghị này trùng hợp với ý kiến riêng của ông... Mặc dù rất khó có thể bắt một người Ả Rập du mục làm một việc gì, nhưng lại dễ dàng có thể lãnh đạo anh ta, chỉ cần ông biết kiên nhẫn. Sự can thiệp của ông càng ít lộ ra bao nhiêu, thì ảnh hưởng của ông càng to lớn bấy nhiêu. Những người du mục sẽ rất vui lòng tuân theo lời khuyên của ông, thậm chí họ không lường được rằng chính ông hay những người khác biết điều đó. Không nên trá hình... Nhưng khi sống với những người Ả Rập mà ông ăn mặc quần áo như họ, thì ông chiếm được lòng tin và tình bạn*

tới mức mà nếu mặc quân phục thì không bao giờ ông có thể có được. Tuy nhiên đó là điều khó khăn và nguy hiểm. Chính vì ông đã ăn mặc như những người Ả Rập nên họ sẽ không bao giờ làm điều gì đặc biệt đối với ông cả...

Đôi khi ông phải tham gia vào những cuộc tranh luận về tôn giáo. Ông hãy thoải mái nói về tín ngưỡng của mình, nhưng tránh đừng phê phán những quan điểm của họ...

Đừng noi gương những người Ả Rập và hãy tránh những cuộc phiếm đàm về phụ nữ. Vấn đề đó cũng khó như là tôn giáo. Về mặt này những quan điểm của những người Ả Rập khác xa những quan điểm của chúng ta, đến nỗi những nhận xét vu vơ họ cũng coi là không biết kiểm chế, cũng giống như một số những nhận xét của họ, nếu được dịch nguyên văn thì ông cũng coi là thiếu cần trọng.

Toàn bộ bí quyết tiếp xúc với người Ả Rập là phải không ngừng nghiên cứu họ. Luôn luôn phải cảnh giác, không bao giờ được nói thừa, luôn luôn phải theo dõi bản thân mình và các đồng đội. Phải nghe ngóng những gì đang diễn ra, tìm cho thấy những nguyên nhân thật sự. Hãy nghiên cứu tính cách của những người Ả Rập, sở thích và say mê của họ và phải lưu giữ những gì mình phát hiện được... Thành công của ông sẽ tương xứng với số năng lượng trí tuệ mà ông bỏ ra”.

Trong những hồi ký của mình, Thomas Laurence tuyên bố mình là người ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của những người Ả Rập. Thực ra, ông chỉ lo lắng đến quyền lợi của nước Anh, là nước đang mưu đồ xâm chiếm thuộc địa mới. Làm sao ta có thể phê phán một người Anh được giáo dục trên những truyền thống của đế chế Anh, người luôn luôn tin rằng “My country is my country, good or bad, but it is my country!”

(Đất nước tôi là đất nước tôi, dù tốt hay xấu thì đó cũng là đất nước tôi!).

*** Khởi nghĩa trên sa mạc**

Nhờ có hành động khéo léo và cương quyết mà Thomas Laurence đã có thể trở thành sủng thần của Husseyin và người con trai Feysal, đứng đầu nhiều bộ lạc, của ông ta. Ông đã gợi ý cho họ khẩu hiệu: “Đoàn kết người Ả Rập để đấu tranh với Thổ”. Nhờ khẩu hiệu này mà có phong trào nghĩa quân và tổ chức được những đơn vị tinh nhuệ, được trang bị bằng súng ống nước Anh. Cuộc khởi nghĩa thực chất là do Thomas Laurence lãnh đạo. Ông được phong chức đại tá và được gọi là “Laurence xứ Avaria”. Cái đầu của ông được người Thổ treo giá hai mươi ngàn bảng Anh. Các đơn vị của Feysal - Laurence đã gây ra bao nhiêu tai họa cho quân đội Thổ, khi các đơn vị này hoạt động theo lối du kích trên mọi tuyến đường. Đồng thời họ cũng thu được những thắng lợi đặc trưng cho cuộc chiến tranh “thường trực”. Sau cuộc chuyển quân mệt mỏi vượt qua sa mạc, tháng 7 năm 1917, các đạo quân dưới sự chỉ huy của Feysal và Laurence bằng một cuộc tấn công thần tốc đã chiếm được cảng Akaba. Tháng 9 năm 1918, Laurence cùng với một đạo quân nhỏ đi lạc đà, lợi dụng lúc quân Thổ rút Louis, đã tiến vào Damask.

Nhờ kết quả của Đại chiến Thế giới Thứ nhất và nhờ hoạt động của Laurence, nước Anh đã có được những thuộc địa mới: Iraq, Palestin, căn cứ dầu mỏ và hải quân ở Hayf, củng cố được quyền thống trị của mình trên bán đảo Ả Rập. Sau Đại chiến Thứ hai nước Anh mất hết những vùng đất này, nhưng lúc đó thì đấy là chiến công của đế chế Anh và công lao của chính đại

tá Laurence. Tuy nhiên, ngay lúc đó chiến công cũng không phải là hoàn hảo. Ngay sau chiến tranh, dưới áp lực của Pháp, người Anh đã phải rút quân ra khỏi Siri, người Pháp chiếm Damask, đuổi người Ả Rập ra khỏi Palestin. “Người bạn” thân quý nhất của Laurence là Feysal



Bản đồ vương quốc Ả Rập Xêút

đã không hết lời nguyên rủa ông, còn Saud, “người bạn” của Saint John Filby năm 1924 đã đuổi “bạn” của Laurence là Husseyin ra khỏi Mekka, trở thành người sáng lập ra nước Ả Rập Seut.

Sau chiến tranh Laurence lại làm công việc khác. Năm 1921, theo đề nghị của Winston Churchill, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Laurence trở thành cố vấn chính trị trong ban lãnh đạo mới về Trung Đông. Ông có dịp chuộc lại lỗi lầm xưa đối với Feysal, người bị trục xuất ra khỏi Siri. Chính vì Iraq rơi vào vòng bảo hộ của Anh, cho nên mọi vấn đề quyền lực ở đây được giải quyết trong Bộ Thuộc địa. Tháng 3 năm 1921, tại một hội nghị ở Cairo, Laurence đã thuyết phục được Churchill đưa Feysal lên làm vua Irak. Sau vụ đó

Laurence bất ngờ rời bỏ cương vị đầy uy tín của mình và đến tháng 8 năm 1922 ông tham gia với tư cách... binh nhì trong ngành không quân nước Anh mang họ là Ross. Ông làm gì thì không ai biết nhưng sau nửa năm có một sĩ quan xấu chơi với ông từ lâu đã phát hiện ra ông và công khai nêu tên ông trên báo.

* Vai diễn cuối cùng *

Khi đó ngành tình báo Anh lại giao cho ông một nhiệm vụ mới mà ông phải thực hiện tại Ấn Độ trên biên giới với Afganistan. Tại đó ông xuất hiện với hai khuôn mặt: anh thợ máy Sou khi quan hệ với người Anh, và là thầy tu Pir-Karam khi gặp “người bản xứ”. Lúc bấy giờ thủ lĩnh Hồi giáo ở Afganistan là Amanulla có ý định làm cải cách trong nước. Nhưng điều đó không có lợi cho nước Anh, nên người Anh tìm mọi cách để triệt thoái ông, đưa một thủ lĩnh khác lên thay, một người ngoan ngoãn với thực dân Anh. Năm 1927-1928 việc đó do đại tá Laurence đảm nhận.

Ông đã thu xếp được quan hệ với tên giết người cướp của Bachay Sakao. Tên này nổi tiếng vì đã giết cha dẻ, giết vợ, giết con la, mà không đếm xỉa gì đến hàng mấy chục người xung quanh. Laurence đặt hy vọng vào tên đó. Ông hứa hẹn ngai vàng ở Afganistan cho hắn, nếu hắn giúp loại trừ được Amanulla. Laurence hoạch định và thực hiện một kế hoạch quỷ quái nhằm làm cho toàn dân căm ghét Amanulla, trước hết là những người Hồi giáo cánh hữu. Các nhân viên của Laurence và Sakao bắt đầu tuyên truyền chống Amanulla và những cuộc cải cách của ông: Ông ta đang vi phạm các điều luật của Thánh Tiên tri - bỏ khăn xếp, bỏ quần áo Hồi giáo, bắt

phụ nữ bỏ che mạng, bắt họ đi học, cho phép nam giới cạo râu ria, muốn mọi người đi bác sĩ chữa bệnh, v.v... Đám dân chúng tằm tối và thất học đã đứng lên chống lại Amanulla. Lửa đổ thêm dầu là việc Laurence thông qua nhân viên của mình mà truyền bá những tấm hình chụp các cô gái ngồi hờ hênh trên đùi nam giới. Những dòng chữ đề dưới những tấm hình ấy cũng là buộc tội Amanulla đã “vi phạm những mệnh lệnh thiêng liêng của Đức Tiên tri và luật Hồi giáo”. Sau đó Laurence truyền bá trên khắp đất nước Afganistan một bản tuyên bố nhân danh tất cả những người Hồi giáo cánh hữu, kêu gọi lật đổ Amanulla và công nhận người lãnh đạo mới là Bachay Sakao.

Bachay Sakao chiếm được Kabul, tự xưng là thủ lĩnh và triển khai hoạt động tích cực chống Xô Viết. Lập căn cứ trên lãnh thổ Afganistan, hai mươi ngàn quân phản động bắt đầu cướp phá các nước cộng hoà Xô Viết Trung Á: Tadzhikistan, Turmeniya, Uzbekistan.

Cho rằng nhiệm vụ đã hoàn thành và biết rằng tên ăn cướp Sakao không thể nào trụ lâu được, vào đầu năm 1929, đại tá Laurence trở về London, tại đây ông trở thành nhân vật của một vụ bê bối âm ỉ: Các đại biểu Công đảng chất vấn trong nghị viện về những hành tung của Laurence ở Afganistan. Thời gian đó những người tham gia cuộc tuần hành do những người Cộng sản tổ chức đã đốt hình nộm của Pir-Karam và Laurence. Laurence bốn mươi hai tuổi bị buộc thôi việc và bắt đầu viết hồi ký. Ông đã viết hai cuốn sách: *Khởi nghĩa trên sa mạc và Bẫy cây trụ cột thông thái*.

Tháng 10 năm 1929, “ông bạn” của Laurence là Bachay Sakao bị lật đổ và bị hành quyết.

Nhưng bản tính phiêu lưu của “người bị huyền chúc” vẫn không thay đổi. Ông có ý đồ gặp Hitler và thiết lập quan hệ với lãnh tụ phát xít Anh là Oswald Mosli. Tuy nhiên, những ý đồ đó may mà không được thực hiện. Ngày 19 tháng 5 năm 1935, ông qua đời trong một tai nạn xe máy. Đại tá Thomas Edvard Laurence được chôn cất tại Nhà thờ Thánh Paul ở London bên cạnh những người anh hùng chiến tranh của nước Anh và các nhà quý tộc danh tiếng.

“ROBIN” MỘT CÁI TÊN VẪN CÒN LÀ ẨN SỐ

Chúng ta không biết và rất có thể sẽ không bao giờ biết được tên thật của con người này. Ông đã đề nghị cơ quan mật vụ mà ông cộng tác không bao giờ công bố bất kỳ thông tin nào về ông. Tuy nhiên, hoạt động của ông xứng đáng được đời sau kể lại.

Đại úy Peter Churchill, cựu điệp viên Cục Tác chiến bí mật, anh hùng của phong trào Kháng chiến và sau chiến tranh trở thành nhà báo đã viết về “Robin” như sau: “Rất ít người có thể đua tranh được với “Robin” trong những công việc mà ông đã thực hiện...”.

*** Quyết định tham gia cuộc đấu tranh chống bọn phát xít Đức**

“Robin” (1893 - sau 1963) là điệp viên của cơ quan tình báo quân sự Anh, đồng thời, ông còn hợp tác với Cục Tác chiến đặc biệt trong những năm chiến tranh và tham gia vào phong trào Kháng chiến Pháp, một điều không làm các sếp của ông hài lòng lắm. Ông sinh ra ở Bern, thủ đô Thụy Sĩ. Mẹ ông là người gốc Endat, còn bố ông là người Thụy Sĩ gốc Do Thái. Hồi trẻ, ông cùng cha mẹ ông chuyển sang Paris sinh sống. Ông được học hành tử tế rồi làm công việc kinh doanh và đến cuối Chiến tranh Thế giới Thứ hai thì đã trở thành một nhân vật nổi tiếng của giới doanh nghiệp quốc tế và là một

người rất giàu có. Ông kế thừa của mẹ ông đôi mắt màu xanh và mái tóc màu sáng, kế thừa của bố ông vóc người cao lớn và thân hình lực sĩ, nói chung, ông có vẻ ngoài của một người Aryan thực thụ. Bạn bè và về sau cả người Đức nữa đều gọi ông là “dân Aryan chính cống”.

Vào tháng 6 năm 1940, nước Pháp đầu hàng và bị quân đội Đức chiếm đóng. Tàn quân Anh từ Dunkert trở về Anh. “Robin” suy nghĩ về tương lai của mình: trở về Thụy Sĩ và tiếp tục công việc kinh doanh nhờ sự giúp đỡ của vô số bạn bè, hay sang Anh và có thể sang Mỹ là nơi cũng sẽ làm công việc kinh doanh, hoặc ở lại Pháp tham gia cuộc đấu tranh chống bọn Đức xâm lược. Ông chọn con đường thứ ba. Ngay từ trước khi sứ quán Anh rời khỏi Paris (ngày mồng 10 tháng 6 năm 1940), “Robin” đã tiếp xúc với cơ quan tình báo Anh nhưng ông cảnh báo: “Tôi sẽ làm việc cùng các ông nhưng không phải cho các ông”. Khi ra đi, người Anh để lại cho “Robin” một điện đài và một người liên lạc là chủ một cửa hàng tạp hóa nhỏ ở ngoại ô Paris. Ngoài ra, người Anh còn cung cấp cho ông những giấy tờ cần thiết mang tên Jack Valter, một người Đức gốc Andat.

Sau khi chiếm đóng Paris, bọn Đức dĩ nhiên thiết lập ở đây trật tự của chúng, nhưng trật tự mà chúng thiết lập ở Pháp khác hẳn trật tự mà chúng thiết lập tại các vùng đất Xô Viết bị chúng chiếm đóng. Các thành phố Pháp vẫn tiếp tục buôn bán, tiền tệ vẫn tiếp tục lưu thông bình thường, nhà hát, bảo tàng, xe điện ngầm, các quán bar và tiệm ăn vẫn tiếp tục hoạt động, các cuộc trình diễn thời trang vẫn tiếp tục được tổ chức, các trạm xăng vẫn tiếp tục mở cửa tuy số lượng bán bị hạn chế, các đoàn tàu, kể cả tàu nhanh và

tàu suốt, vẫn tiếp tục chạy theo thời biểu, thậm chí cả ngành du lịch cũng vẫn hoạt động - người ta vẫn có thể đi nghỉ ở biển. Lợi dụng tình hình đó, “Robin” đã vài lần ra biển. Thường thường, một chiếc thuyền đánh cá đón ông tại một nơi nào đó hẻo lánh rồi chở ông đến một con tàu thuộc hạm đội hoàng gia Anh. Tại đây, ông gặp các sĩ quan tình báo Anh và chuyển tin tức cho họ. Những tin tức đó bao giờ cũng rất giá trị bởi vì vào quãng thời gian đó, “Robin” đã làm quen được với nhiều người Đức, chủ yếu là trong giới các sĩ quan hậu cần, và ông được chúng coi là “người mình”. Vào đầu mùa hè năm 1942, trong một cuộc gặp như vậy, “Robin” báo tin là đã làm quen được với đại úy Đức Daneke, đại diện cho Adolf Eikhman ở Paris, kẻ đứng đầu văn phòng phát xít phụ trách việc “giải quyết tận gốc vấn đề Do Thái”, tức là phụ trách việc tiêu diệt người Do Thái không những ở Đức mà còn ở khắp Châu Âu. Cũng trong cuộc gặp đó, “Robin” nói với các sếp của mình rằng mặc dù ông sẽ tiếp tục làm việc cùng với tình báo Anh nhưng giờ đây, ông coi nhiệm vụ chính của ông là cứu thoát cộng đồng Sefard ở Pháp khỏi bị tiêu diệt.

*** Tìm cách cứu thoát cả một cộng đồng khỏi tay người Đức**

Sefard là dòng dõi họ hàng xa của những người Do Thái Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Họ chuyển sang Pháp sinh sống ngay từ thời kỳ pháp đình tôn giáo hoành hành ở Tây Ban Nha. Họ đã chia tay từ lâu với đức tin của ông cha và không còn giữ những tập quán của ông cha nữa, ngay cả vẻ ngoài của họ cũng khác người Do Thái khá nhiều. Thường thường, đây là những người có học thức cao và rất giàu có. Họ

có cộng đồng riêng, và khi biết “Robin” có những mối quan hệ với người Đức thì ban lãnh đạo của họ khẩn thiết nhờ ông làm một việc gì đó để cứu họ. “Robin” bắt đầu hành động. Thông qua đại úy Daneke, “Robin” làm quen với những người khác trong giới thân cận của Eikhman. Ông thường gặp gỡ họ trong hoàn cảnh không chính thức và ông có đủ tiền để làm việc này. Một lần, chọn đúng thời điểm thích hợp, ông nói bóng gió rằng “bọn Do Thái đáng nguyên rủa này rất giàu có” và có thể “móc hầu bao” mỗi tên một số tiền lớn chỉ với một điều kiện là thừa nhận họ là người Pháp. “Còn nếu giết họ, - ông nói thêm, - thì các ông sẽ chẳng nhận được gì cả bởi vì tiền của họ được giấu ở một nơi rất xa”. Bọn Đức có vẻ lưu tâm nhưng không đồng ý với ông, chúng không chỉ viện dẫn sếp của chúng mà còn viện dẫn uy tín của Cant, Nitse và Goethe nữa. Nhưng số tiền đề nghị càng tăng lên thì niềm tin của chúng vào sứ mệnh đúng đắn của chúng càng yếu đi, và cuối cùng, hai bên đạt được thoả thuận là với giá một triệu đôla gửi vào tài khoản bí mật ở ngân hàng Thụy Sĩ, tất cả những người Sefard ở Pháp sẽ được coi là người Pháp và sẽ nhận được những giấy tờ không nhắc nhở gì đến nguồn gốc Do Thái của họ. Nhưng bản giao kèo đó chỉ thực hiện được một phần: câu chuyện bị tiết lộ và các cuộc thương lượng chấm dứt. Tuy nhiên, thất bại này không ảnh hưởng gì đến cá nhân “Robin”: ông chỉ là người trung gian và ông vẫn là “dân Aryan” trung thành và được kính trọng trong giới người Đức. Hơn thế nữa, sự hào phóng và quảng giao của ông đã thu hút được giới sĩ quan Đức, những kẻ đang khao khát cuộc sống dư dật, thoải mái.

*** Làm thân và thu thập được nhiều tài liệu quan trọng từ một giáo sư người Đức**

Trong số những người quen biết của “Robin” có nhiều đại diện của giới Bạch vệ Nga lưu vong sang Pháp. Chúng sẵn lòng cộng tác với người Đức và hy vọng sẽ đến ngày “mở đường tiến về Moscva đỏ”. “Robin” thường đến thăm chúng. Tại một tối vui, ông làm quen với một người Đức rắn chắc, ăn mặc sang trọng. Ông được giới thiệu đó là một giáo sư, một “đại diện cao cấp của Speer, bộ trưởng kinh tế, công nghiệp và vũ trang Đức”. Họ chuyện trò rôm rả bên cốc rượu. Về ngoài và phong thái của “Robin” đã gây được thiện cảm và sự tin cậy. Vị giáo sư người Đức tâm sự rằng ông ta mới đến Paris nên chưa kịp nhấm nháp các lạc thú của thành phố này, đặc biệt là những lạc thú ban đêm. Ông ta thú thật là ông ta ưa thích dùng thời giờ một cách dễ chịu, và nếu có rượu ngon gái đẹp nữa thì càng tốt. Ngay tối hôm đấy “Robin” đưa ông ta đến các quán đêm ở quảng trường Elide. Khi chia tay, họ thoả thuận là hai ngày nữa sẽ lại gặp nhau. “Robin” hiểu rằng “ngài giáo sư” có thể là nhân vật đáng chú ý đối với cơ quan tình báo, và ông suy nghĩ xem nên hành động một mình hay thu xếp cho ông ta một cô bạn gái người Pháp là thành viên của phong trào Kháng chiến. Nhưng ông từ bỏ phương án thứ hai vì hai lý do: thứ nhất, ông không thích nhận tin qua trung gian, và thứ hai, ông rất nghi ngờ những phụ nữ làm điệp viên.

Khi “Robin” gặp vị giáo sư người Đức kia lần thứ hai thì thấy ông ta đang mặc quân phục SS, nhưng ông ta lập tức thay quần áo và nói rằng ông ta căm ghét bộ quân phục này tuy buộc phải mặc nó. Sau vài lần đi đến các quán bar và cà phê, hai bên đã thân thiết với nhau đến nỗi “Robin” thường

đưa ông bạn giáo sư về nhà và đặt ông ta lên giường trong lúc ông ta say khướt. Một hôm, khi ông ta bắt đầu ngáy, “Robin” quyết định mở chiếc cặp tài liệu của ông ta. Mặc dù vài tài liệu có đóng dấu “Mật” nhưng chúng không có gì đáng chú ý lắm. Chỉ có một tài liệu “Robin” thấy đáng chú ý nhất - đó là tập hợp đồng ký với các nhà máy Pháp. Chẳng bao lâu sau, những nhà máy này đã trở thành mục tiêu của không quân Anh.

Từ đó, những cuộc chè chén của “Robin” và vị giáo sư SS trở nên thường xuyên, tuần nào cũng hai - ba lần. Kết quả là hoạt động phá hoại ngầm tại các nhà máy thực hiện đơn đặt hàng của Đức ngày càng tăng lên và những trận không kích xuống những nhà máy đó cũng ráo riết hơn. Một hôm, giữa đám bạn bè vui vẻ, vị giáo sư SS bỗng trò chuyện với “Robin” về chiến tranh. Ông ta nói một điều gì đó về binh đoàn Rommen ở Châu Phi và về những chiến dịch sắp tới ở Địa Trung Hải. Ngay đêm đó, sau khi thu xếp cho ông ta đi nằm, “Robin” tìm thấy trong cặp tài liệu của ông ta một bức thư từ Berlin gửi cho ông ta. Bức thư viết là sau vài ngày nữa, những phụ tùng dự trữ cho xe tăng do các nhà máy của Pháp sản xuất sẽ được gửi đến từ Nam Italia và có đội hộ tống của Italia đi kèm. Trong thư nhấn mạnh: “Những phụ tùng dự trữ này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mặt trận Bắc Phi”. Sáng hôm sau, London nhận được bức mật mã: “*Đặc biệt quan trọng... Đội hộ tống khởi hành ngày 20 tháng 10 từ Brindisi*”.

Vào thời điểm đó, tại Li Bi thuộc vùng ven biển Bắc Phi đang diễn ra trận giao chiến lớn giữa quân Đức của tướng Rommen và quân đồng minh của tướng Mongomeri. Kết cục

trận đánh chưa rõ ràng, nhưng rất có thể sẽ do binh đoàn xe tăng của Rommen quyết định. Nhưng những chiếc xe tăng này lại đang cần sửa chữa, đang cần phụ tùng thay thế và nhiên liệu. Trong quãng thời gian từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 10 năm 1942, không quân Anh đặt căn cứ trên đảo Manta đã không kích dữ dội đội hộ tống phát xít mà tình báo Anh đặt cho tên gọi là “đội hộ tống Robin”. Những chiếc tàu chở phụ tùng dự trữ và ba chiếc tàu chở dầu bị đánh đắm. Rommen buộc phải bắt đầu cuộc rút lui mà về sau sẽ biến thành cuộc đầu hàng.

Một hôm, khi đề cập đến thất bại của Đức ở Châu Phi, vị giáo sư SS nói với “Robin”:

- Cứ bình tĩnh, chưa phải mọi việc đã hỏng hết đâu. Dự một thời gian nữa rồi ông sẽ thấy. Chúng tôi vẫn còn quân bài dự trữ đây này, - và ông ta vỗ vỗ vào túi.

Sau một cuộc chề chén như thường lệ, “Robin” lấy được trong túi áo khoác của vị giáo sư SS một tài liệu có đóng dấu “Tuyệt mật. Bí mật quốc gia của đế chế Đức” do chính tay Speer ký. Y báo tin là sau những cuộc thực nghiệm thành công được tiến hành ở Penemuyde theo hai dự án mật, quốc trưởng đã ra lệnh bắt đầu xây dựng một công trình mới ở vùng duyên hải Bắc Pháp. “Công trình này, - bức thư viết tiếp, - sẽ giống như hầm trú ẩn dành cho tàu ngầm với lớp mái rất nặng bằng bê tông. Toàn bộ công tác chuẩn bị cho việc xây dựng công trình mới sẽ phải hoàn tất ngay lập tức”.

Bức thư không nói rõ đó là những “dự án mật” gì và cần những công trình bê tông để làm gì. “Robin” không hay biết gì về Penemuyde nhưng ông hiểu rằng đây là một vấn đề rất

hệ trọng. Giờ đây, chúng ta biết rằng ở Penemuyde lúc đó đang tiến hành việc chế tạo và thử nghiệm loại tên lửa.

“FAU 2” là loại tên lửa sẽ bắn xuống London.

Tình báo Anh tuy cũng biết ở Penemuyde đang thực hiện những công việc bí mật nào đó nhưng không hề hay biết gì về ý đồ của Đức. Tin của “Robin” đã là chiếc chìa khoá giúp cho người Anh khám phá ra những kế hoạch ném bom London của phát xít Đức và đã thúc đẩy người Anh nghiên cứu và đối chiếu tin này với những tin tức tình báo khác về Penemuyde và về hoạt động của Đức tại miền duyên hải Bắc Pháp.



Tên lửa Fau 2

Ít lâu sau, vị giáo sư SS lên đường đi Bắc Pháp và từ đấy, “Robin” không bao giờ gặp lại ông ta.

Trong khi cộng tác với cơ quan tình báo Anh, “Robin” còn tham gia một chiến dịch mật nữa là mở kết sắt bảo mật của phòng vận tải quân sự Đức ở thành phố Salon - Siur - Marne. Trong kết sắt bảo mật này có cất giấu thời biểu di chuyển các đoàn tàu quân sự Đức trên các tuyến đường sắt ở Bỉ và Bắc Pháp. Bảng thời biểu đó đã được chụp lại và trở thành “thời biểu” của những vụ phá hoại và ném bom trên các tuyến chuyên chở đường sắt của phát xít Đức.

*** Bị bắt giữ và kết tội**

Mùa hè năm 1943, cảnh sát Thụy Sĩ bắt giữ “Robin” về

tội vi phạm nền trung lập của nước này, nhưng chẳng bao lâu sau ông được trả tự do nhờ có sự bảo lãnh. Việc xét xử được trì hoãn cho đến hết chiến tranh. Khi ấy, ông bị tuyên bố là có tội, nhưng tội của ông chỉ là những “vi phạm có tính chất kỹ thuật” đối với nền trung lập của Thụy Sĩ, không gây tác hại cho lợi ích của Thụy Sĩ và do đó không bị trừng phạt.

Sau chiến tranh, “Robin” khôi phục lại hoạt động kinh doanh của ông và trở thành người đứng đầu một công ty thương mại lớn. Khi nữ hoàng Anh đến thăm Paris vào năm 1957, ông nằm trong một số ít các nhà lãnh đạo của phong trào Kháng chiến được giới thiệu với nữ hoàng.

DIÊM BẢO HÀNG

NHÀ TÌNH BÁO LỖI LẠC CỦA TRUNG QUỐC

Khi tổng kết hoạt động tình báo trong Chiến tranh Thế giới Thứ hai, người ta đã đánh giá 3 tin tình báo có giá trị nhất, đó là: Phát xít Đức bất ngờ tấn công Liên Xô; Hải quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng; Hội nghị ngưng chiến Thiên hoàng Nhật Bản bàn về kế hoạch tiến xuống phía Nam Thái Bình Dương. Ngoài ra, tin về toàn bộ tình hình bố trí binh lực của quân Quan Đông Nhật ở hướng Đông Bắc giáp biên giới Xô - Trung cũng quan trọng không kém. Như vậy, nhà tình báo Diêm Bảo Hàng đã đóng góp được hai tin tình báo quan trọng trong số đó. Ngoài những thành tích nói trên, Diêm Bảo Hàng còn có tài làm cho các đối thủ, đồng nghiệp, thậm chí cả Đối Lạp, thống soái quân đội của Quốc dân Đảng đến chết vẫn không biết rõ thân phận của ông.



* Tình bạn với Chu Ân Lai

Trong lịch sử ngành tình báo Trung Quốc, tên tuổi nhà tình báo Diêm Bảo Hàng được nhiều người biết đến và khâm phục. Ông sinh năm 1895 ở huyện Hải Thanh, tỉnh Liêu Ninh, từ nhỏ đã ham học, tuy nghèo nhưng ông thường xuyên đứng

ngoài các lớp tư thực trong làng để nghe nhờ thầy giảng. Năm 1913, ông thi đỗ vào Trường Sư phạm cao cấp Đông Bắc. Có thể nói, con người ông văn võ song toàn, ông không chỉ đạt thành tích xuất sắc trong các môn học mà còn có năng khiếu về thể thao, cho nên ông thường xuyên làm đội trưởng đội bóng đá và bóng rổ của trường. Năm 1917, sau khi tốt nghiệp, ông đến làm cán sự Hội Thanh niên Cơ Đốc giáo ở tỉnh Thẩm Dương, sau đó bí mật tổ chức thành lập “Hội Phục hưng” và trở thành tướng lĩnh quân Đông Bắc. Ông còn là người thường xuyên kết nối các nhân sĩ Đông Bắc quy tụ lại với nhau để làm cách mạng.

Năm 1929, Diêm Bảo Hàng bắt đầu quan hệ với người Đảng Cộng sản. Năm 1937, ông bí mật gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong buổi lễ kết nạp Diêm Bảo Hàng vào Đảng, một số người đưa ra ý kiến phản nản về lai lịch khá phức tạp của Diêm Bảo Hàng, nhưng Chu Ân Lai nói rằng: “Anh ta phức tạp, nhưng liệu các anh có làm được những việc như anh ta làm không?”. Tuy đã là đảng viên Đảng Cộng sản nhưng Diêm Bảo Hàng vẫn giả vờ lấy thân phận là nhân sĩ dân chủ ngoài Đảng để hoạt động. Thực tế, Diêm Bảo Hàng có mối quan hệ rất thân thiết với Chu Ân Lai. Lần đầu tiên hai người gặp nhau chính tại nhà riêng Diêm Bảo Hàng ở Nam Kinh, hai người đã nói chuyện đến tận đêm khuya về tình hình kháng chiến, tình hình hoạt động cách mạng... Càng nói, hai người càng tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng của những người có chí khí lớn. Qua lần gặp ấy, Diêm Bảo Hàng đã bày tỏ lòng kính trọng đối với Chu Ân Lai và càng tin tưởng vào cuộc kháng chiến sẽ giành thắng lợi. Về sau, ông có nhiều cơ hội gặp mặt và tiếp xúc,

làm việc với Chu Ân Lai. Chu Ân Lai nhiều lần lợi dụng sự hợp pháp của Diêm Bảo Hàng và tăng hai quán nhà họ Diêm để tổ chức các hội nghị, bố trí các công tác. Nhiều yếu nhân của Đảng Cộng sản Trung Quốc như Đồng Tất Vũ, Diệp Kiếm Anh cũng thường xuyên đến quán nhà họ Diêm để tổ chức hội nghị, ngoài ra còn có các nhân sĩ dân chủ yêu nước tham gia cách mạng cũng đến đây họp mặt. Do có nhiều người ra vào quán tấp nập khiến quán nhà họ Diêm nhiều lần gặp rắc rối với bọn Quốc dân Đảng. Một lần, có ba người mặc quân phục cảnh sát bất ngờ đi vào quán, nói là đi bắt trộm. Bằng con mắt nhạy cảm của nhà tình báo, Diêm Bảo Hàng biết ngay ba người này là người của Quốc dân Đảng, ông liền lập tức chìa ra tám danh thiếp của Đối Lập, ba người kia vừa nhìn thấy tám danh thiếp thì biết ngay là không ổn nên đã bỏ đi.



*Chu Ân Lai
(1898-1976)*

*** Nơi đầu sóng ngọn gió**

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Chu Ân Lai, Diêm Bảo Hàng đã dùng các chức danh như cố vấn ủy ban cứu tế T.Ư, Tổng giám đốc Công ty công thương nghiệp Đại Minh... để từng bước kết giao với các yếu nhân trong Quốc dân Đảng hay các nhân vật cốt cán thuộc “phái CC”, trường Hoàng Phố, khoa Chính trị học. Như vậy, trong suốt thời gian chiến tranh kháng Nhật, Diêm Bảo Hàng đã thu thập được rất nhiều cơ mật quan trọng từ Đối Lập, thống soái quân đội của Quốc dân Đảng. Tháng 1

năm 1941, Chu Ân Lai và Lý Khắc Nông tiếp tục giao nhiệm vụ thu thập tình báo cho Diêm Bảo Hàng và ông được một tùy viên quân sự đại sứ quán Liên Xô tại Trung Quốc trực tiếp hướng dẫn chỉ đạo hoạt động. Cũng chính vào thời gian đó đang rộ lên cao trào chống Cộng, chống Liên Xô của Quốc dân Đảng. Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, Đại sứ Liên Xô đã tính đến chuyện phải rút các nhân viên sứ quán Liên Xô. Diêm Bảo Hàng lập tức mua một căn nhà nhỏ ở Trùng Khánh, tìm gặp Trương Chí Mẫn là nhân viên kỹ thuật và ba nhân viên giao thông khác là Kỷ Hoa, Cao Duy Lục và Thảm Huệ để hợp tác làm việc. Còn riêng con gái ông là Diêm Minh Thi đã tự học cách nắm mật mã đồng thời kiêm luôn cả việc biên dịch các bức điện có mật mã bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, cái khó nhất của vấn đề đó là bố trí và sử dụng điện đài ở chỗ nào cho thích hợp. Suy đi tính lại, Diêm Bảo Hàng quyết định cử Trương Chí Mẫn và Kỷ Hoa sống ở căn nhà mới mua và bí mật bố trí điện đài ở dưới hầm ngầm. Trương Chí Mẫn đóng giả là nhân viên kỹ thuật điện, ban ngày đi làm, tối về truyền đi các tin tình báo quan trọng. Ngoài ra, theo chỉ thị của Chu Ân Lai, Diêm Bảo Hàng còn phải xây dựng một điện đài dự bị khác để ứng phó với các tình huống bất trắc xảy ra. Do hoàn cảnh chiến tranh nguy hiểm và phức tạp, để tránh bị lộ, Diêm Bảo Hàng và các nhân viên tổ điện đài đã phải bí mật bố trí và di chuyển điện đài đến nhiều địa điểm khác nhau ở Trùng Khánh trong thời gian hơn bốn năm. Mãi đến năm 1945, khi phát xít Nhật đầu hàng thì tổ điện đài mới ngừng hoạt động. Riêng Diêm Bảo Hàng đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, đặc biệt ông đã nắm được hai tin tình báo có giá trị và quan trọng.

* Những tin tức vàng

Tin thứ nhất là kịp thời thông báo cho Liên Xô trước một ngày kế hoạch tấn công Liên Xô của phát xít Đức. Năm 1940, phát xít Đức đã chiếm được Áo, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hà Lan và Pháp. Sau khi đánh tan liên quân Anh - Pháp, Hitler quyết định tập trung toàn bộ lực lượng tấn công Liên Xô. Để đạt được mục đích bất ngờ, phát xít Đức đã dùng nhiều biện pháp tung hỏa mù, nhưng một mặt vẫn chuẩn bị lực lượng. Để tăng thêm sức mạnh tấn công ba nước Liên Xô, Anh và Mỹ, phát xít Đức đã cấu kết với phát xít Ý và phát xít Nhật hình thành phe trục có lực lượng quân sự hùng mạnh. Ngoài ra, phát xít Đức còn tích cực phối hợp với phát xít Nhật triển khai các hoạt động dụ hàng Quốc dân Đảng, nhằm giúp Nhật nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh Trung - Nhật, tập trung binh lực để cùng Đức ứng phó với Liên Xô, Anh và Mỹ.

Trước việc Đức cấu kết với Nhật và Italia, một số yếu nhân của Quốc dân Đảng cho rằng không thể dựa vào Mỹ và Anh được nữa mà nên dựa vào Nhật và Đức, từ đây đã dấy lên cao trào chống Liên Xô và chống Cộng dẫn đến xảy ra sự biến "Hoa Nam". Cũng tình cờ vào thời điểm đó, Quế Vĩnh Thanh, tùy viên quân sự của Quốc dân Đảng ở Đức đã tiết lộ: quân Đức sau ngày 20 tháng 6 một tuần sẽ tiến công Liên Xô. Nội bộ Quốc dân Đảng khi biết được tin này đều rất vui mừng, Tưởng Giới Thạch cho rằng, Đức tấn công Liên Xô, quân Nhật nhất định sẽ cùng phối hợp hành động tiến về phía Bắc, như vậy sẽ giảm bớt áp lực đối với chiến trường ở Trung Hoa Dân Quốc. Khi đó Liên Xô buộc phải yêu cầu Đảng Cộng sản Trung Quốc xuất binh tiến về phía Bắc, như vậy, Quốc dân Đảng có thể nhân cơ hội này đánh úp Đảng Cộng sản Trung Quốc, hòng

chiếm những miền đất đã bị mất. Đây chính là chính sách “Tam Bắc” của Quốc dân Đảng.

Tại một buổi yến tiệc cao cấp của Quốc dân Đảng, một quan chức của Quốc dân Đảng đột nhiên lỡ miệng nói ra một câu: “Tối đây sẽ có sự kiện đặc biệt quan trọng xảy ra”. Diêm Bảo Hàng khi đó đứng cạnh nghe được và dự cảm một sự kiện quan trọng nào đó sắp xảy ra. Ông tỏ vẻ bình tĩnh và vui vẻ đi nâng cốc chúc các vị khách nhằm tiếp cận các vị quan chức hàng đầu của Quốc dân Đảng và một vài vị khách đang ngồi ở phía trên hàng ghế đại biểu. Do thân phận đặc biệt của Diêm Bảo Hàng nên những người có mặt trong buổi tiệc không ai nghi ngờ gì ông. Khi ông đi đến nâng cốc với các nguyên lão của Quốc dân Đảng và viên tùy viên quân sự của Đức ở Trùng Khánh thì những vị quan chức trên đã nhầm ông là người của Đối Lập cho nên đã tiết lộ hết tin quân Đức sẽ tiến công Liên Xô vào ngày 21 tháng 6.

Sau buổi yến tiệc, Diêm Bảo Hàng vội đến gặp riêng Chu Ân Lai và bàn kế hoạch thông báo cho Stalin thông qua điện đài mật bố trí ở Diên An. Tuy lúc đó, Stalin đã cho rằng: phát xít Đức không thể cùng một lúc mạo hiểm tác chiến ở trên hai mặt trận và đi ngược lại “Điều ước bất xâm phạm Xô - Đức”, chúng chủ yếu vẫn tập trung phòng ngự ở hướng Đông nhưng Stalin vẫn coi trọng tin tình báo của Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi sang cùng với các tin do mạng tình báo của Richard George gửi về và cho triển khai công tác chuẩn bị ứng phó. Ngày 22 tháng 6 năm 1941, quân Đức bắt đầu triển khai cuộc tấn công ào ạt vào lãnh thổ Liên Xô và điều này đã chứng minh tính chuẩn xác của tin tình báo trên.

Tin tức thứ hai là thông báo cho Liên Xô toàn bộ tình hình

bố trí binh lực của quân Quan Đông Nhật ở hướng Đông Bắc giáp biên giới Xô - Trung. Sau sự biến 18 tháng 9, quân Nhật chiếm được khu vực Đông Bắc và biến khu vực này làm căn cứ địa để triển khai xâm lược toàn bộ Trung Quốc, từ đó chúng thực hiện dã tâm xưng bá Châu Á, xây dựng “Đại Đông Á cùng phồn vinh”. Lúc này, quan hệ Xô - Nhật căng thẳng, Nhật đã bố trí hàng vạn quân Quan Đông ở giáp biên giới Xô - Trung. Đây là lực lượng quân đội tinh nhuệ nhất đồng thời cũng là lực lượng tổng dự bị chiến lược của Nhật. Năm 1944, quân Đồng minh Mỹ, Anh đã giành được quyền chủ động chiến lược ở chiến trường Thái Bình Dương, bắt đầu chuẩn bị phản công toàn diện đối với quân Nhật. Nhưng quân Nhật với tinh thần “Vô sĩ đạo” đã ngoan cường chống đỡ và làm tổn thất không nhỏ cho quân Đồng Minh. Chính vì vậy, Mỹ và Anh rất kỳ vọng Hồng quân Liên Xô tấn công Nhật trên hướng Đông.

Tại một sân nhảy của câu lạc bộ quân Mỹ, Diêm Bảo Hàng mặc một bộ complê sang trọng và nhảy cùng một cô gái xinh đẹp. Sau giờ nghỉ giải lao, qua lời nói của một sĩ quan Quốc dân Đảng, Diêm Bảo Hàng biết được một nhân viên tình báo Quốc dân Đảng đã nắm toàn bộ tài liệu để nghiên cứu. Bằng sự khéo ăn khéo nói, ông đã thuyết phục viên tình báo cho mượn tài liệu trong 3 ngày và cầm đến gặp Chu Ân Lai. Chu Ân Lai lập tức ra lệnh cho Cục Nam Phương ở Trùng Khánh thông báo cho phía Liên Xô.

Khi nắm được tình hình bố trí binh lực, hỏa lực và quân số quân Quan Đông, ngày 8 tháng 8 năm 1945, Liên Xô bắt đầu tấn công Nhật, tập trung chủ yếu vào quân Quan Đông ở hướng Đông Bắc Trung Quốc. Các mục tiêu quan trọng của quân Quan Đông đều bị nhanh chóng tiêu diệt, chỉ mất có mấy

ngày mà Liên Xô đã phá tan được hệ thống phòng thủ kiên cố của quân Quan Đông xây dựng trong hơn 10 năm.

Trong dịp kỷ niệm 54 năm ngày thắng lợi trong Chiến tranh Vệ quốc, 09 tháng 05 năm 1999, cựu Tổng thống Nga Elsin đã gửi tặng Diêm Bảo Hàng và con gái Diêm Minh Thi Huy chương danh dự vì đã có những cống hiến to lớn trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc. Như vậy, sau hơn 50 năm được giữ kín, cuối cùng, tên tuổi, sự nghiệp và những cống hiến to lớn của nhà tình báo Diêm Bảo Hàng mới được tiết lộ trên báo chí.

HENRI ROBINSON

TÀI NĂNG VÀ LÒNG QUẢ CẢM

Đây là một trong những người đại diện phi thường nhất của “cộng đồng tình báo” - ta tạm gọi như vậy. Ông không yêu mến Moscva, căm ghét “những trật tự” được thiết lập trong thời kỳ thanh trừng những năm 1930 của Stalin, nhưng đồng thời ông là người phục vụ cho công cuộc thanh trừng đó một cách vô tư, trung thực đến tận cuối đời mình.

Lòng dũng cảm của ông được thể hiện rất rõ trong bức thư ông viết sau khi bị bắt: “... Tất cả mối quan hệ với Bộ và Bộ Tổng tham mưu của Pháp đều an toàn, vì chỉ riêng Ha... biết mà thôi. Người ta chém đầu hay bắn thì chiến thắng vẫn sẽ là của chúng ta. Harri của các bạn”.

*** Sát cánh cùng người bạn đời**

Tên thật của ông là Arnold Snee (1897-1943), sinh ở Sen-Jille, nước Bỉ, trong một gia đình người Do Thái. Ông đã sang Pháp từ trẻ và có quốc tịch Pháp. Ông tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Duyrich, khoa Luật, thạo các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức và Italia. Năm 1920 ở Pháp ông gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, sau đó là đảng viên Đảng Cộng sản Đức. Ông có vợ là Clara Sabbel và một con trai tên là Leo.

Cần nói đôi lời về nhân cách vợ ông, người đàn bà lỗi lạc.

Clara Sabbel sinh năm 1894 ở Berlin trong một gia đình công nhân, bố mẹ đều là đảng viên Đảng Xã hội dân chủ, vì thế từ nhỏ bà đã hấp thụ được lý tưởng Xã hội dân chủ Đức. Đầu Thế chiến Thứ nhất bà gia nhập liên minh “Spartak” cánh tả do K. Libknecht và R. Luxemburg lãnh đạo. Năm 1918, Clara là bí thư của Hội đồng các đại biểu công nhân Phổ; từ năm 1919, là đảng viên Đảng Cộng sản Đức, sau đó công tác ở Quốc tế Cộng sản. Từ thời gian này Clara là điệp viên của Cục Tình báo. Mùa thu 1923, khi chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở Đức, Clara Sabbel cùng với chồng là Henri Robinson (lúc này có bí danh là “Đồng chí Harri”) tiến hành việc nổ mìn ở tỉnh Rura. Năm 1924, Clara sống và làm việc ở Moscva, công tác ở Ban trung ương Cục Tình báo Hồng quân Công nông. Sau đó Clara cùng con trai trở về Đức. Căn hộ của Clara được sử dụng làm cơ sở bí mật và được coi là “một hộp thư” của cơ sở. Trước khi chiến tranh giữ nước vĩ đại bùng nổ, Clara cùng với I. Stiobé và E. Hiubner là những nguồn cung cấp những thông tin có giá trị ở Berlin. Vì Clara giữ mối quan hệ tiếp xúc với những người Cộng sản trong nhóm Harnar-Schulze-Boysen nên không tránh khỏi bị bắt bớ. Ngày 18 tháng 10 năm 1942 Clara bị bắt, và ngày 30 tháng 1 năm 1943, bị Tòa án quân sự Đế chế kết án tử hình, đến ngày 5 tháng 8 năm 1943, tòa thi hành bản án đối với Clara đúng vào ngày ở Moscva bắn phát súng đầu tiên chào mừng các thành phố Orlo và Belgorod được giải phóng trong chiến dịch Kursk.

Năm 1921, Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đức cử “đồng chí Harri” đến Moscva công tác dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản thanh niên.

*** Nhận nhiệm vụ mới và thu thập được rất nhiều tài liệu quan trọng**

Sau khi trở về Đức, “đồng chí Harri” nhận nhiệm vụ tiến hành công tác bí mật phản chống quân đội Pháp chiếm đóng tỉnh Rura, tập hợp xung quanh mình một nhóm những người cộng sản trẻ. “Phong trào trẻ em” là tên gọi của cơ sở những người cộng sản trẻ, tức là nguồn cung cấp những lực lượng ủng hộ ngày càng mới hơn. Vì hoạt động ở tỉnh Rura, toà án Pháp đã kết án vắng mặt Henri Robinson 10 năm tù giam.

Những cuộc tiếp xúc của Henri Robinson với tình báo quân sự Liên Xô diễn ra trong những năm 1923 - 1924. Trong giai đoạn này công nghiệp và khoa học Đức được nâng cao một cách phi thường, những thành tựu trong ngành hàng không, hoá học và quang học khiến cho tình báo Liên Xô đặc biệt chú ý. Henri Robinson là thành viên tích cực của tổ chức bí mật “Máy - M” của Đảng Cộng sản Đức hoạt động trong môi trường quân sự nên có điều kiện nhận được những thông tin cần thiết. Lúc đầu gián tiếp thông qua Đảng, nhưng từ năm 1933, theo chỉ thị trực tiếp của cục trưởng Cục Tình báo Ian Berdin, Henri Robinson được khai thác lấy thông tin này. Được nhà tình báo từng trải Stigga lựa chọn, Henri Robinson chính thức có tên trong thành phần mạng lưới điệp viên của Cục Tình báo. Lúc đầu Henri là phó công sứ, sau đó là công sứ tại Pháp. Một trong những phương pháp lấy thông tin cần thiết về công nghiệp ở Pháp cũng như ở Đức là thành lập mạng lưới “phóng viên công nhân”. Được đưa vào áp dụng ở nhà máy, những phóng viên công nhân này cung cấp cho tình báo Liên Xô những thông tin chi tiết về những thiết kế và quy trình công nghệ. Làm việc với các phóng viên công nhân rất thú vị.

Không một ai trong số này công khai bảo mình là làm gián điệp. Họ cho rằng họ đang lao động vì lợi ích của giai cấp công nhân và các công đoàn. Những số liệu nhận được từ các phóng viên này được tập hợp lại và giao cho một nhóm ít người là chuyên viên để phân tích. Trường hợp cần thiết thì gửi yêu cầu đến các kỹ sư, các công đoàn có thiện cảm. Quy mô của công việc này rất lớn.

Henri Robinson chỉ đạo các chiến dịch tình báo một cách thông thạo. Dĩ nhiên khi Hitler lên cầm quyền thì hoạt động của các phóng viên công nhân rút vào bí mật. Giai đoạn từ 1937 đến 1939, “đồng chí Harri” đã thành lập được một mạng lưới tình báo lớn và đảm bảo bí mật có thể khai thác được những thông tin có giá trị, Henri được chuyên môn hoá về kinh tế nên có thể chọn lọc và phân tích những thông báo của điệp viên mình. Robinson gửi đi Moseva một khối lượng lớn các tài liệu về các vấn đề kỹ thuật quân sự, trong đó có việc sản xuất đạn pháo nổ, vũ khí mới, về các máy dưỡng khí cho phi công và các mặt nạ phòng khí độc mới của Đức. Robinson rất giỏi xoay xở thậm chí kiếm được các mẫu vỏ thép các xe mới của Pháp và gửi được về Trung Tâm. Những thông tin chính trị cũng rất hấp dẫn: báo cáo về động viên bộ phận ở Anh tháng 9 năm 1938, những tài liệu về việc chuẩn bị lực lượng vũ trang của Anh và việc đưa số quân này sang Pháp...

Henri Robinson trong công việc có thái độ rất thận trọng đến từng chi tiết đối với những vấn đề bảo mật và thường giấu tên các điệp viên của mình ngay cả với cấp lãnh đạo cơ quan tình báo. Một lần “đồng chí Harri” nhận được từ Moseva một yêu cầu: “Đồng chí chưa lần nào viết cho chúng tôi biết đồng

chỉ nhận được tài liệu của ai giao. Điều không rõ ràng xung quanh vấn đề này khiến chúng tôi có đôi chút băn khoăn”. Henri trả lời rằng bạn của anh làm tất cả mà không lấy tiền công, và rằng Henri biết bạn của mình trong suốt thời gian 20 năm nay, còn “tên người bạn thì anh sẽ chỉ thông báo bằng miệng mà thôi”.

Nhưng rồi Thế chiến Thứ hai bùng nổ. Cơ quan tình báo của Robinson định hướng công tác chống nước Đức. Sự phá sản của nước Pháp vào tháng 6 năm 1940 cho thấy không còn nghi ngờ gì nữa, Liên Xô sẽ là mục tiêu trước mắt của Hitler. Robinson đã khéo léo tách những tuyên bố mang tính chất tuyên truyền của Hitler về cuộc xâm lược sắp tới vào nước Anh với những gì đã xảy ra trong thực tế và gửi những thông tin có giá trị nhất về Trung Tâm. Tuy nhiên, mặc dù Henri Robinson đã dùng hai nắm tay đập cửa mà sau cánh cửa người ta chỉ nghe thấy rất ít:

“Ngày 11 tháng 11 năm 1940. Bốn phần năm lực lượng cơ giới hoá của Đức đã được ném sang Ba Lan. Tuần trước 12 chuyến tàu hoả công binh đi từ ga Rômilli sang Đức...”

“Ngày 5 tháng 4 năm 1941. Tuyến đường sắt nước Pháp có một số lượng lớn đoàn xe quân y đi về phía Đông”.

“Ngày 17 tháng 4 năm 1941. Những chiếc xe tăng 70 tấn của các nhà máy ở Rômô được ném sang Katovitxe (Ba Lan). Từ 21 đến 23 tháng 4, 80 xe tăng hạng nhẹ đã được chuyển đi phía Đông”.

“Ngày 7 tháng 5 năm 1941. 350 xe tăng 12 tấn của Pháp từ các nhà máy ở Gotskis đã chuyển đến Ba Lan”.

“Ngày 10 tháng 5 năm 1941. Một viên đại tá quen biết đã có cuộc trao đổi với một viên sĩ quan cao cấp Đức và viên sĩ

quan này tuyên bố rằng ít nhất hai tháng nữa một phần lãnh thổ Liên Xô sẽ bị người Đức xâm chiếm”.

Khi chiến tranh giữ nước vĩ đại nổ ra, cơ quan tình báo của Henri Robinson đang ở Pháp. Cơ quan của Robinson đã hoàn toàn sẵn sàng làm việc trong điều kiện chiến tranh. Các điệp viên được giữ bí mật rất tốt và đều có cơ sở che giấu tin cậy. Họ thường xuyên nhận được những thông tin khá đầy đủ. Cơ quan tình báo của Robinson có hai máy phát sóng vô tuyến thường xuyên duy trì quan hệ với Trung Tâm. Sự độc lập đối với các đơn vị tình báo khác và điều kiện đến thẳng Moscva là sự đảm bảo chủ yếu cho sự tồn tại an toàn của cơ quan an ninh. Bên cạnh đó Robinson có thể đích thân liên hệ với cơ quan tình báo “Dora” ở Thụy Sĩ đứng đầu là Sandor Rado (người Đức gọi cơ quan tình báo này là “Cỗ xe tam mã đỏ”).

Ngoài cơ quan tình báo của Robinson còn có cơ quan tình báo Ozons ở trên lãnh thổ Pháp, sau khi Đức chiếm đóng Bỉ có thêm cơ quan tình báo của Trepper. Các cơ quan tình báo này có quan hệ với Moscva thông qua tướng Susloparov, tuý viên quân sự ở Pháp. Nhưng khi chiến tranh vừa nổ ra tướng Susloparov về nước nên cơ quan tình báo này không có liên hệ gì với Moscva.

*** Sai lầm của Trung Tâm, Robinson bại lộ**

Và ở đây Trung Tâm đã phạm hai sai lầm nghiêm trọng. Tháng 6 năm 1941, thủ lĩnh cơ quan tình báo ở Bỉ là K. Efemov được giao nhiệm vụ giúp Trepper và Gurevich thiết lập quan hệ với Moscva. Đây là một trong những nguyên nhân thất bại nặng nề trong tương lai, nhưng lúc bấy giờ điều này cho phép thiết lập được quan hệ với Trung Tâm. Mặc dù khô

phục lại quan hệ, nhưng tháng 9 năm 1941, Trepper nhận được chỉ thị thiết lập việc tiếp xúc với Robinson, vì cho rằng việc tiếp xúc này chỉ bó hẹp ở việc sử dụng máy phát sóng vô tuyến của Robinson như máy phát sóng dự trữ. Nhưng Trepper đã vi phạm chỉ thị này. Vì háo danh nên Trepper quyết định Robinson hoạt động hoàn toàn dưới sự điều khiển của mình. Trepper cho Robinson liên lạc với hai điệp viên cơ quan tình báo, ngoài ra còn thông báo về Robinson cho Raikhman chính là tên phản bội.

Như vậy, tất cả các cơ quan tình báo vừa liệt kê được liên kết thành một mạng lưới hầu như rất khó điều khiển và nhất là không an toàn về phương diện bí mật. Trepper là thủ lĩnh của mạng lưới này.

Lâm vào tình trạng phức tạp như vậy nhưng Robinson vẫn tiếp tục hoạt động. Tháng 7 năm 1942, đích thân tướng de Gaulle cử cựu quận trưởng Chartre Jan Mulen (bí danh "Reks") từ London bí mật đến Paris. Không biết bằng cách nào (chi tiết không được rõ) mà giữa Robinson và Mulen thiết lập được quan hệ với nhau. Người ta chỉ biết rằng trong bức điện báo gửi đến London Mulen đã thông báo về cuộc gặp này, trong đó còn nhấn mạnh "đã tiếp xúc được" với "cơ quan mật của người Nga", sự việc Mulen và thông qua Mulen, cơ quan mật của nước Pháp tự do đi vào hoạt động bí mật của những người cộng sản - động lực chủ yếu của cuộc Kháng chiến ở Pháp - là một kết quả quan trọng của cuộc gặp giữa Robinson và Mulen. Sau khi Mulen nói lên mong muốn có quan hệ với những người Cộng sản, Robinson báo cáo việc này cho Trepper. Trepper thông báo cho liên lạc viên của mình với Đảng Cộng sản Pháp và đồng chí Jack Duclo là Louis Gronovki biết. Như vậy là mối

quan hệ của nước Pháp tự do với những người Cộng sản đã được thiết lập.

Thời gian này Gestapo vẫn cảnh giác đối phó. Ngày 13 tháng 12 năm 1941, ở Brussel đã có những cuộc bắt bớ, sau đó thì bắt bớ diễn ra liên tiếp, hết vụ này đến vụ khác. Không phải tất cả những người bị bắt đều chịu đựng được tra tấn. Bọn Đức đã lấy và giải mã được rất nhiều điện báo vô tuyến và nhiều tài liệu khác. Kết quả là ngày 21 tháng 12 năm 1942, Henri Robinson bị Gestapo bắt. Đến tháng 1 năm 1943, các cơ quan tình báo của



*Gestapo thường tra tấn tù nhân
rất khùng khiếp*

Macarov, Trepper, Robinson và Gurevich chấm dứt hoạt động. Tổng cộng bọn Đức đã bắt được hơn 100 người ở Pháp, Bỉ, Hà Lan, trong đó có đến 70 người hoạt động cho tình báo Liên Xô. Bọn Đức có âm mưu sử dụng những máy phát sóng vô tuyến chiếm được của Liên Xô vào trò chơi liên lạc bằng vô tuyến với tình báo Liên Xô, nhưng không phải bao giờ cũng thành công. Như khi chưa bị bắt, ngay từ 25 tháng 9 Robinson đã kịp thông báo về việc bắt các nhân viên điện đài, sau đó thông báo này đã được Trepper gửi đi. Nhờ đó từ tháng 6 năm 1942, Trung Tâm đã bắt đầu sử dụng trò chơi vô tuyến phục vụ cho lợi ích của mình.

* Lòng dũng cảm và một vài giả thuyết về số phận của ông

Sau khi bắt được Robinson, bọn Gestapo tra tấn anh rất khủng khiếp. Nhưng Robinson không hề cung khai, chỉ im lặng. Bọn Gestapo bắt vợ anh là Clara Sabbel và con trai Leo ở Berlin. Bọn chúng đưa con trai anh đến trường xử bắn trước mắt anh. Nhưng “đồng chí Harri” chỉ im lặng. Anh không khai bất cứ một người nào, nên sau khi anh bị bắt không một ai bị bắt cả.

Về số phận sau đó của Robinson có một vài giả thuyết.

Theo giả thuyết thứ nhất thì Robinson bị kết án tử hình và bị hành quyết. Theo giả thuyết thứ hai thì Robinson chính thức không bị xử bắn nhưng bị giết vì chuẩn bị vượt ngục. Còn theo giả thuyết thứ ba thì Robinson bị giết theo chỉ thị của Moseva(?). Cuối cùng, theo giả thuyết thứ tư Robinson vẫn còn sống và tiếp tục hoạt động cho tình báo Liên Xô.

Một bằng chứng văn bản duy nhất nói về số phận của Robinson được tác giả N.Poroscov dẫn ra trong bài báo đăng trên báo *Sao đỏ* ra ngày 17 tháng 6 năm 1998, cho biết vào cuối tháng 9 năm 1944 một người lạ chuyển đến cơ quan đại diện Liên Xô ở Sophia bức thư ngắn sau đây:

“Đồng chí người Pháp Henri Robinson, “Harri”, bị Gestapo bắt vào tháng 12 năm 1942 tại nhà riêng. Anh bị một kẻ nhận được địa chỉ của anh ở Moseva tố giác. Vợ và con anh cũng bị tra tấn và bị tù, sau đó bị hành quyết. Bản thân “Harri” bị tù ở phòng biệt giam và sau đó chuyển đi Berlin... Tại đây anh bị giam giữ hoàn toàn bí mật tại phòng giam số 15 chờ án tử hình. Người viết những dòng dưới đây trông thấy anh lần cuối cùng vào ngày 20 tháng 9 năm 1943 khi đi ra từ phòng giam số 16 bên cạnh và hứa sẽ chuyển thông báo này...” (Tiếp theo là sự mô tả chi tiết việc bắt bớ và hành vi của một số người cụ thể khác).

SANDOR RADO

TỪ “DORA” ĐẾN “BỘ BA ĐỎ”

Người lãnh đạo tối cao của “Bộ ba đỏ” huyền thoại chính là Sandor Rado (1899 - 1980) - cái tên được nhắc đến nhiều trong Thế chiến Thứ hai ở Liên Xô, ở Thụy Sĩ, ở Đức, Ba Lan, Pháp... và rất nhiều nơi khác. Từ xây dựng thành công mạng lưới tình báo “Dora” đến việc hình thành “Bộ ba đỏ” và lãnh đạo hoạt động của tổ chức này, tên tuổi của Sandor Rado đã gắn liền vĩnh viễn với những huyền thoại của tình báo Xô Viết.

* Những điệp viên quý giá của “đại gia đình” Dora

Trước ngày chiến tranh bùng nổ, ở Thụy Sĩ có ba nhóm điệp viên của tình báo quân sự Xô Viết hoạt động. Những người lãnh đạo ba nhóm đó là Anulov (“Kolia”), Rasen (“Xixi”) và Kusinxki (“Solia”). Tất cả ba người này đều sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của “Bộ ba đỏ”. Tuy ít nổi tiếng hơn những nhân vật khác nhưng ông lại được coi là người sáng lập ra “Bộ ba đỏ”.

Một cộng tác viên nữa của Rasen là “Marius”, tên thật là Alecxandr Abramson, sinh trưởng ở vùng Baltic. Từ năm 1920, “Marius” làm việc tại Trung tâm báo chí của Văn phòng Lao động Quốc tế, và nhờ đó có điều kiện hợp pháp tìm hiểu về tất cả các biến cố của đời sống quốc tế. Kết sát trong phòng làm

việc của ông trở thành chiếc tủ bí mật để giữ những tài liệu quan trọng và thậm chí cả những chi tiết của chiếc máy phát vô tuyến. Đó là một nơi cất giữ chắc chắn, bởi vì Văn phòng Lao động Quốc tế được hưởng quyền bất khả xâm phạm về ngoại giao.

Một điệp viên quý giá của Rasen là Jan Pie Vigie ("Brand"). Là con trai một nhà ngoại giao và bản thân cũng là một nhà ngoại giao, Vigie làm việc tại sứ quán Pháp ở Thụy Sĩ. Con gái của Rasen là Tamara làm quen với Vigie, tuyển mộ ông và về sau trở thành vợ ông. Vigie là nguồn cung cấp những tin chính trị quý giá, đồng thời là người liên lạc giữa Rasen và những người Pháp chống phát xít. Sau khi chiến tranh thế giới bùng nổ, Vigie gia nhập quân đội Pháp, giao lại nhiệm vụ liên lạc cho một sinh viên Pháp tên là Lasanen.

Rasen (thông qua Betkher) còn sử dụng một phụ nữ Áo tên là Lede Berger. Lede là cộng tác viên của Pharen, một nhân viên cơ quan tình báo Anh. Bà ta thậm chí còn khá kiêu hãnh vì có mối liên hệ với SIS, và không phải không có lý khi cho rằng điều đó làm tăng thêm giá trị của mình trước mắt mọi người. Betkher thông báo cho "Xixi" biết tất cả những gì mà Lede chia sẻ với ông, chủ yếu là những tin tức về tình hình các nước vùng Balcan. Theo nhiệm vụ của SIS giao cho, Rasen cũng tìm hiểu qua cả Betkher nữa.

Không thể không nhắc đến hai người nữa có quan hệ với người sáng lập ra "Bộ ba đỏ". Đó là Manfred Sterner và Maria Poliacova.

Sterner sinh trưởng ở vùng Bucovina. Trong thời gian Thế chiến Thứ nhất, ông phục vụ trong quân đội Áo, bị bắt làm tù binh và bị đẩy đi Xibiri. Tại đây, ông trở thành đảng viên

Bolsevich rồi tham gia cuộc Nội chiến ở Nga. Sau chiến tranh, toàn bộ cuộc đời ông gắn liền với cơ quan tình báo quân sự. Tại Đức, ông tham gia cuộc “chính biến tháng ba” rồi trở thành điệp viên nằm vùng ở Trung Quốc, Mãn Châu, Mỹ, và là cố vấn quân sự chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ năm 1936, ông chiến đấu ở Tây Ban Nha và dưới biệt danh “tướng Cleber”, chỉ huy lữ đoàn quốc tế số mười một. Sau đó, ông làm việc trong bộ máy của Quốc tế Cộng sản và lo việc giúp đỡ nước Cộng hoà Tây Ban Nha.

Nữ trợ lý của ông trong việc này là Maria Poliacova (“Vera”), một phụ nữ và một tình báo viên đầy tài năng. Ngay khi làm công việc hợp pháp tại văn phòng đại diện của Liên Xô tại Thụy Sĩ, bà đã chăm lo đến việc thành lập các nhóm điệp viên của “Bộ ba đỏ”, và tự mình tham gia tích cực hoạt động tình báo. Chính bà là người đã đưa ra khỏi Thụy Sĩ khẩu pháo phòng không tự động “Elincon” và bảy quả đạn kèm theo. Năm 1941, khi quân phát xít Đức tiến tới cửa ngõ Moseva, bà đã được dự kiến sẽ ở lại làm điệp viên nằm vùng của cơ quan an ninh Xô Viết trong trường hợp Moseva thất thủ. Bà làm việc tại cơ quan an ninh Xô Viết cho đến khi về hưu. Bà qua đời năm 1995.

*** Sandor Rado và những bước ngoặt đầu tiên của cuộc đời tình báo**

Giờ đây, ta hãy trở lại với nhân vật chính là Sandor Rado. Ông sinh ngày mồng 5 tháng 11 năm 1899 ở Budapest, thủ đô Hungari, trong gia đình một thương nhân. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, ông gia nhập quân đội Áo - Hung và được cử đi học trường pháo binh. Nhưng ông không ra mặt trận, mà ở lại làm

việc tại Phòng mệnh lệnh bí mật của trung đoàn pháo binh. Chính những mệnh lệnh này đã mở mắt cho ông thấy tình hình trong nước và trong quân đội - những cuộc nổi dậy của binh lính, những làn sóng cách mạng trong quân đội, những tâm trạng chống chế độ quân chủ. Năm 1918, ông gia nhập phong trào xã hội chủ nghĩa. Ngày 21 tháng 3 năm 1919, nền cộng hoà Xô Viết thắng lợi ở Hungari và chàng thanh niên hai mươi tuổi Sandor gia nhập Hồng quân Hungari. Ông khao khát chiến đấu, nhưng vì mắt kém nên không được ra mặt trận, và do có trình độ chuyên môn nên ông được cử làm nhân viên vẽ bản đồ tại ban tham mưu sư đoàn. Sandor Rado ngày càng thấm nhuần những tư tưởng của cách mạng Nga. Sau khi nền cộng hoà Xô Viết ở Hungari bị thất bại vào tháng 9 năm 1919, ông di cư sang Áo. Tại đây, ông thành lập hăng thông tấn Nga Rost-Vin, tiếp tục theo học trường Đại học Tổng hợp Vienna và tích cực làm việc tại Quốc tế Cộng sản. Năm 1921, Sandor được mời sang Moscva dự đại hội lần thứ ba Quốc tế Cộng sản. Ông nhớ lại là ông đã xúc động biết bao trước khẩu phần ăn nghèo nàn: một con cá, mười miếng thuốc lá và một lát bánh mì đen. Nhưng bù lại, ông được nhìn thấy Lenin và được nghe Lenin nói! Năm 1922, Sandor sang Đức và tại đây, ông gặp Lena Ianxen, người vợ tương lai và đồng thời là người bạn chiến đấu của ông. Ông trở thành một trong những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đang được chuẩn bị, nhưng cuộc khởi nghĩa đó đã không diễn ra, cuộc nổi dậy của những người cộng sản Đức ở Hamburg bị đàn áp khốc liệt. Sandor đi Moscva nhưng không lâu. Ngay vào mùa hè năm 1924, ông cùng vợ và cậu con trai lớn là Imre đã trở về Đức. Tại Đức, nhớ lại kinh nghiệm làm bản đồ của mình, Sandor thành lập hăng thông

tấn “Báo chí - bản đồ”, đồng thời, đọc bài giảng tại một trường mácxít. Năm 1933, sau khi Hitler lên nắm chính quyền, Sandor cùng gia đình chuyển sang Paris và mở hãng thông tấn “Inpress” tại đây. Tháng 10 năm 1935, Sandor đến Moscva. Ông đến Moscva theo lời mời của ban biên tập “Đại Atlas Xô Viết thế giới”, nhưng cơ quan tình báo Xô Viết cũng đã để mắt đến ông. Ông được phó giám đốc cơ quan tình báo Xô Viết là Artuzov mời đến chơi nhà. Cuộc trao đổi cận kề và kéo dài giữa hai con người thông minh đã kết thúc bằng việc Sandor đồng ý làm việc trong ngành tình báo quân sự với tư cách là điệp viên nằm vùng.

*** Từ điệp viên nằm vùng...**

Trước khi Sandor trở về nước, đích thân giám đốc cơ quan tình báo quân sự Xô Viết là Urixki ra chỉ thị cho ông. Urixki giao cho ông nhiệm vụ dùng chiêu bài hãng thông tấn để thành lập ở Bỉ một mạng lưới điệp viên nằm vùng có mục đích thu thập tin tức về nước Đức và nước Italia.

Sandor đóng cửa hãng thông tấn của ông ở Paris, dự định chuyển sang Bỉ nhưng nhà cầm quyền Bỉ không cho phép. Đoàn phải sử dụng phương án dự trữ: Sandor gửi lời đề nghị tương tự tới nhà cầm quyền Thụy Sĩ. Vào tháng 5 năm 1936, Sandor nhận được giấy phép mở công ty cổ phần “Geopress” tại Geneva và giấy phép cư trú.

Từ đó bắt đầu một giai đoạn mới trong cuộc đời Sandor Rado. Công ty “Geopress” của ông được thừa nhận khá nhanh, và thậm chí còn được cử đại diện bên cạnh Phòng Báo chí của Hội Quốc Liên. Điều này cho phép công ty nhận được những đơn đặt hàng lập bản đồ từ các tổ chức chính thức của nhiều

nước. Dĩ nhiên là đôi khi, “nhà lập bản đồ” cũng trực tiếp biết được những kế hoạch và ý đồ của các chính phủ và giới quân sự Châu Âu.

Những tài liệu Sandor gửi qua Poliacova về Moscva được đánh giá cao. Vào tháng 6 năm 1937, Poliacova được triệu về Moscva, còn Sandor được cử đi làm liên lạc cho Anulov. Theo nhiệm vụ do Anulov giao, Sandor thực hiện chuyến đi sang Italia với nhiệm vụ thu thập tin tức về việc di chuyển quân đội Italia sang Tây Ban Nha. Sandor tới thăm các cảng Spesia, Napoli, Parlemo và nhiều cảng khác, thậm chí còn có thể lên cả chiếc tuần dương hạm “Jovani della Banda Nere” và tìm hiểu nhiệm vụ chiến đấu của nó.

*** Đến người đứng đầu nhóm “Dora”**

Vào tháng 4 năm 1938, Anulov bất ngờ bị gọi về Moscva. Trước khi ra đi, Anulov chuyển giao cho Sandor Rado điệp viên “Pacbo” và những điệp viên khác. Từ lúc ấy, Sandor trở thành người đứng đầu nhóm điệp viên ngầm có tên gọi một cách giản dị là “Dora”.

Ngày mồng 1 tháng 9 năm 1939, sau khi chiến tranh bùng nổ, Thụy Sĩ đóng cửa biên giới của mình và mối liên lạc giữa “Dora” với Trung Tâm bị gián đoạn. Chiếc điện đài của nhóm không thể sử dụng được nữa vì thiếu nhân viên điện đài. Nhưng như người ta thường nói: “Trong cái rủi có cái may”. Vào tháng 12 năm 1939, Kusinxki (“Solia”) nhận được chỉ thị của Moscva, yêu cầu thực hiện việc tiếp xúc với Albert (tức Rado) và giúp “Albert” thiết lập lại mối liên lạc thường xuyên với Moscva. Ba tháng sau, vào tháng 3 năm 1940, Gurevich (“Kent”), điệp viên nằm vùng thuộc nhóm Brussel, đến Geneva.

*** Hành động chuyên nghiệp và có tổ chức trong mạng lưới Dora**

Giờ đây, Rado đã có thể liên lạc với Moscva nếu như ông có nhân viên điện đài. Ông giải quyết thành công vấn đề này vào tháng 6 năm 1940, khi ông thu hút được hai vợ chồng Hamelay - Etmon ("Edua") và Olga ("Maut") làm nhân viên điện đài. Hai vợ chồng này có những quan điểm chính trị tả khuynh và có thiện cảm với Liên Xô. Cả hai trải qua một khoá huấn luyện ở chỗ "Solia" và nhân viên điện đài của bà là Alexandr Fut. Từ tháng 8 năm 1940, sau khi sửa chữa xong chiếc điện đài ở nhà mình, họ bắt đầu tự hoạt động.

Vì chiến tranh nên số lượng đơn đặt hàng của "Geopress" bị giảm bớt, và thu nhập của Rado cũng giảm bớt theo. Ông phải vất vả lắm mới có thể nuôi được bản thân, vợ và hai con. Vào tháng 12 năm 1940, Trung Tâm đề nghị Rado đến Bengrad để nhận tiền do liên lạc viên chuyển cho. Nhờ sự giúp đỡ của một "người bạn" là Xuvich, thư ký Bộ Ngoại giao Italia, Rado được cấp giấy phép đi Hungari qua ngã Bengrad. Tại đây, ông gặp người liên lạc từ Moscva đến và người này trao cho ông một khoản tiền lớn. Tiền được đưa về Thụy Sĩ bằng cách giấu trong mái tóc dày của vợ Rado là Lena cùng đi với chồng.

Ngày 18 tháng 12 năm 1940, Kusinxki cùng các con rời khỏi Thụy Sĩ và đến mùa hè năm 1941 thì đặt chân tới London. Chiếc điện đài của Fut được chuyển đến Lozann và Rado duy trì mối liên lạc với Fut thông qua Berton, điệp viên (và đồng thời cũng là chồng) của Kusinxki lúc đó còn ở lại Thụy Sĩ. Vào tháng 3 năm 1941, Fut thiết lập được đường dây liên lạc ổn định với Moscva. Cho đến mùa hè năm 1942, Fut nhận

những văn bản tin tức thông qua Berton và tiếp đó là thông qua Rado hoặc Lena sau khi Berton đi Anh.

Dưới đây chỉ là vài bức điện mà Rado gửi cho Trung Tâm:

“21-2-41. Gửi giám đốc. Theo những tin tức nhận được từ một sĩ quan tình báo Thụy Sĩ, Đức hiện có 150 sư đoàn ở phía Đông. Theo ý kiến của viên sĩ quan đó, bài phát biểu của Hering sẽ bắt đầu vào đầu tháng 5. Dora”.

“6-4-41. Gửi giám đốc. Tất cả các sư đoàn cơ giới của Đức đều ở phía Đông. Các đơn vị đóng trên biên giới Thụy Sĩ đều đã được chuyển về mạn Đông - Bắc. Dora”.

Vấn đề đáng chú ý ở đây là bằng cách nào mà viên sĩ quan tình báo Thụy Sĩ lại có thể lấy được những tin tức như vậy?

Cùng hoạt động đồng thời với nhóm “Dora” còn có các cơ quan tình báo của Ba Lan, của Pháp, của Đức, cũng như cơ quan phản gián của Thụy Sĩ. Những tổ chức này thường sử dụng cùng một số điệp viên như nhau, kể cả những điệp viên mà “Dora” sử dụng. Cần nói thêm rằng nhân viên điện đài Alexandr Fut của nhóm “Dora” cũng duy trì mối liên hệ bí mật cả với điệp viên Anh Pharen. Như vậy, ở Thụy Sĩ hình thành một mớ bòng bong các cơ quan tình báo mà vào những năm 1945 - 1946, các nhà điều tra của cơ quan tình báo Xô Viết sẽ không dễ dàng gỡ ra được, cho dù là về vai trò của từng điệp viên. Và không phải ngẫu nhiên mà trong các thông tin của Rado nhiều khi có những chi tiết thất thiệt mà chính ông cũng thừa nhận trong cuốn hồi ký của mình có nhan đề “Dưới bí danh Dora”. Chẳng hạn như:

“6-6-40. Gửi giám đốc. Theo lời của tùy viên Nhật thi Hitler đã tuyên bố rằng sau chiến thắng nhanh chóng ở phía Tây sẽ bắt đầu cuộc tấn công của Đức và Italia vào nước Nga”.

* Cuộc chiến bắt đầu căng thẳng - Những bức điện đầy lo ngại tiếp tục được gửi đi

Vào tháng 5 năm 1940, vì nguy cơ Đức tấn công Liên Xô đã rõ ràng nên Trung Tâm ra lệnh cho Rado tiếp xúc với nhóm điệp viên của Rasen (tức “Xixi”), là nhóm mà từ tháng 9 năm 1939 không đường dây liên lạc với Moscva.

Nhiệm vụ này được thực hiện, nhưng mặc dù đã sáp nhập, “Xixi” vẫn hoạt động tương đối độc lập. Tình báo Xô Viết đôi khi làm việc trực tiếp với “Xixi”, sử dụng loại mật mã mà “Xixi” biết chứ Rado không biết. Điều này khiến ông có phần tự ái, nhưng là một điệp viên có kỷ luật và được che giấu kỹ lưỡng, ông bình tĩnh tiếp nhận mệnh lệnh này như một việc tất yếu. Những bức điện đầy lo ngại tiếp tục được “Dora” gửi đi.

“2-6-41. Gửi giám đốc. Tất cả các đơn vị cơ giới Đức trên biên giới Xô Viết đều trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu mặc dù sự căng thẳng có phần giảm bớt so với hồi cuối tháng 4 đầu tháng 5. Khác với hồi cuối tháng 4 đầu tháng 5, việc chuẩn bị chiến tranh trên biên giới Nga diễn ra không phô trương nhưng khẩn trương hơn. Dora”.

“17-6-41. Gửi giám đốc. Trên biên giới Đức - Xô có gần một trăm sư đoàn bộ binh, trong đó một phần ba là các sư đoàn cơ giới hoá. Ngoài ra còn có mười sư đoàn xe tăng và xe bọc thép. Tại Rumani đặc biệt nhiều các sư đoàn Đức ở Galaxi. Hiện nay đang chuẩn bị thành lập những sư đoàn đặc nhiệm chọn lọc, cộng thêm với sư đoàn số Năm và số Mười đang đồn trú tại thủ đô bang. Dora”.

Ngày 18 tháng 6 năm 1941, Trung Tâm nhận được bức điện mật mã sau đây.

“18-6-41. Gửi giám đốc. Đức dự định tấn công Liên Xô trong những ngày sắp tới. Dora”.

Chiến tranh vậy là đã bùng nổ. Và ngay sau đó là một bức điện nữa đầy lo lắng và xúc động.

“23-6-41. Gửi giám đốc. Trong giờ phút lịch sử này, chúng tôi sẽ tuyệt đối trung thành trên vị trí của mình với một nghị lực gấp đôi. Dora”.

Sau khi chiến tranh bắt đầu, Trung Tâm chuyển cho Dora bản chỉ thị sau đây.

“01-7-41. Gửi Dora. Hãy tập trung toàn bộ chú ý vào việc thu thập tin tức về quân đội Đức. Hãy chăm chú theo dõi và thường xuyên thông báo về việc quân Đức di chuyển từ Pháp và các vùng khác ở Phương Tây”.

Ngay hôm sau, Dora báo tin:

“02-7-41. Gửi giám đốc. Hiện nay kế hoạch tác chiến chủ yếu là kế hoạch số N1, mục tiêu là Moscva. Chiến dịch trên các bên sườn chỉ mang tính chất đánh lạc hướng. Trọng tâm là ở mặt trận Trung Tâm. Dora”.

Chỉ ít lâu sau lại thêm một bức điện quan trọng nữa.

“7. 8. 42. Gửi giám đốc. Đại sứ Nhật ở Thụy Sĩ tuyên bố rằng không thể có chuyện Nhật tấn công Liên Xô cho tới khi nước Đức giành được những thắng lợi quyết định trên các mặt trận. Dora”.

Hai bức điện này có nội dung quan trọng đến nỗi chúng đóng vai trò lớn lao trong trận chiến đấu bảo vệ Moscva.

*** Dora tan vỡ. Các điệp viên chạy trốn khỏi nước Đức phát xít**

Mạng lưới điệp viên “Dora” ngày càng phát triển. Chẳng

bao lâu sau, mạng lưới này có thêm hai cựu sĩ quan Pháp với các bí danh là “Danxe” và “Long”, họ có rất nhiều nguồn tin đáng tin cậy. Trong số những nguồn tin này có Manfred fon Grima (“Grao”), một nhà quý tộc người Áo quen biết rất rộng, và Ernst Lemmer (“Agressa”), phóng viên tờ báo Thụy Sĩ *Noie Duyrikher Saitung* xuất bản ở Berlin, đồng thời là biên tập viên bản tin về chính sách đối ngoại của Đức. Nhưng nhân vật quý giá nhất mà “Dora” may mắn chiêu mộ được hiển nhiên là Rudolf Ressler - một trong những điệp viên xuất sắc nhất của Thế chiến Thứ hai. Người “bắt mối” được với Rudolf là Rasen (tức “Xixi”). Nhân vật này chiếm một vị trí đặc biệt trong lịch sử tình báo. Nhà nghiên cứu người Mỹ Buranenli gọi ông là “nguồn tin quan trọng nhất về đế chế Đức”. Giám đốc cơ quan tình báo Mỹ Allen Dulles đã có lần tuyên bố: “Nếu tôi có được những điệp viên như vậy thì tôi có thể chẳng phải lo lắng gì hết”. Chính Allen Dulles trong cuốn sách *Nghệ thuật tình báo* đã viết: “Người Xô Viết đã sử dụng một nguồn phi thường nằm ở Thụy Sĩ tên là Rudolf Ressler và có bí danh là “Luci”. Nhờ những nguồn tin mà cho tới nay vẫn chưa khám phá ra được, Ressler đã thu thập được ở Thụy Sĩ những tin tức của bộ chỉ huy tối cao Đức hết sức đều đặn, chỉ không quá 24 giờ sau khi Berlin thông qua những quyết định hằng ngày về các vấn đề trên mặt trận phía Đông”. Còn cựu điệp viên Anh Farago thì khẳng định rằng, Ressler là điệp viên Xô Viết xuất sắc nhất Châu Âu.

Ressler, cũng như nhiều người khác, chạy trốn khỏi nước Đức phát xít. Tại Thụy Sĩ, ông mở một nhà xuất bản nhỏ và một cửa hàng sách. Như về sau người ta được biết, ông lâm vào tình thế khó khăn và do đó, đồng ý hợp tác với cơ quan phản

gián Thụy Sĩ, cung cấp cho cơ quan này một số tin về kiều dân Đức và về tình báo Đức trong giới kiều dân này.

Rado báo cáo với Moscva về lời đề nghị của Ressler mà ông đặt cho bí danh là “Luci”. Trung Tâm cho ý kiến là không nên từ chối sự giúp đỡ của Ressler nhưng cần thận trọng. Để kiểm tra “Luci” cũng như khả năng và lòng trung thực của ông ta, Trung Tâm trao nhiệm vụ: “Tìm hiểu xem bọn Đức biết những gì về các đơn vị Hồng quân đang chiến đấu trên mặt trận Xô - Đức”. Chỉ ít lâu sau đã có câu trả lời của “Luci”. Qua câu trả lời đó có thể thấy rõ hai điều: một là, “Luci” có những nguồn tin thực sự giá trị, và hai là, tình báo Đức hoạt động rất có kết quả cả trước cũng như trong thời gian chiến tranh và chúng biết nhiều điều về địch thủ của chúng. Nhiệm vụ thứ hai được trao cho Ressler là khai thác tin về các đơn vị phát xít Đức đóng ở mặt trận phía Đông. Những tin tức nhận được từ Ressler cho thấy rõ là ông quả thật có những khả năng cực kỳ quý giá, và những nguồn tin của ông nằm ở giới chớp bu của cơ cấu quân sự phát xít.

Thật đáng tiếc là cho tới nay vẫn không biết được những nguồn tin mà Ressler lấy được từ ai. Không loại trừ khả năng là họ đã tham gia âm mưu ám sát Hitler ngày 20 tháng 6 năm 1944, khi nhóm điệp viên “Dora” đã không còn tồn tại nữa. Ressler không nhắc đến tên các bạn bè của ông với bất kỳ ai và đem theo những tên tuổi đó xuống mồ. Còn chính Rado thì cho rằng, một trong những nguồn cấp tin cho Ressler là giám đốc văn phòng liên lạc thuộc Bộ Tổng tham mưu tối cao quân đội Đức, người đã trực tiếp chuyển cho Ressler mọi tin tức mật. Dù sao chẳng nữa thì những tin do “nguồn tin quan trọng nhất” Ressler cung cấp cho “Xixi” cũng vẫn tiếp tục đến tay

Trung Tâm, cho đến khi mạng lưới điệp viên “Rado” tan vỡ và những thành viên của “Rado” bị bắt trong quãng thời gian hai năm 1943 - 1944.

*** “Bộ ba đỏ” hình thành và một mạng lưới điệp viên mới lại bắt đầu**

Khối lượng tin chuyển cho Trung Tâm không ngừng tăng lên. Hai nhân viên điện đài (Fut và Hamen) là không đủ. Rado tuyển thêm cô gái 23 tuổi tên là Margarita Bonli, một nhân viên điện đài có tinh thần chống phát xít lấy bí danh là “Rola”. Tại căn hộ của cô ở Geneva có bố trí chiếc điện đài thứ ba được lắp ráp nhờ sự giúp đỡ của Hamen. Margarita được Fut huấn luyện, và từ tháng 8 năm 1942, cô bắt đầu làm việc. Như vậy, “Bộ ba đỏ” đã hình thành hẳn.

Đĩ nhiên, các cơ quan truy lùng điện đài của Đức không thể không lưu ý đến hoạt động của ba cơ sở điện đài lạ ở Geneva và Lozann. Bản báo cáo của phòng tình báo điện đài Đức có chỉ rõ là, ngay từ đầu tháng 6 năm 1941, các thiết bị nghe đặt trên biên giới Đức, Italia và Pháp đã dò thấy những cơ sở điện đài bất hợp pháp này. Một năm sau, hệ tọa độ những cơ sở điện đài bí mật đó đã được xác định chính xác hơn, nhưng mặc dù rất cố gắng, tình báo Đức vẫn không thể khám phá được mật mã của “Bộ ba” cũng như ông chủ của “Bộ ba” đó.

Chỉ sau khi những người lãnh đạo “Dàn đồng ca đỏ” là Gurevich (tức “Kent”) và Trepper (tức “Otto”) bị bắt ở Pháp vào tháng 11 năm 1942 thì Gestapo, nhờ những mật mã thu được, mới đọc được một phần những bức điện của “Dora”. Đó là một đòn khủng khiếp giáng vào cơ quan tình báo và phản

gián của Hitler: hoá ra những tin tức tối mật của bộ chỉ huy quân sự tối cao Đức đã chuyển ra nước ngoài qua Thụy Sĩ! Và nơi chuyển đến lại là nước Nga! Từ đấy, “Bộ ba” được gán cho tên gọi là “Bộ ba đỏ”.

*** Mất cảnh giác và nguy cơ bị săn lùng bằng một đợt truy quét quy mô lớn**

Cơ quan tình báo và phản gián Đức quyết định phải khám phá ra và tiêu diệt bằng được “Bộ ba đỏ” này. Nhưng “Bộ ba đỏ” lại hoạt động trên lãnh thổ Thụy Sĩ, một quốc gia khác và hơn nữa, một quốc gia trung lập. Và thế là bắt đầu cuộc săn lùng các thành viên của “Bộ ba đỏ”: Một mặt là cuộc săn lùng chính thức bằng các cuộc tiếp xúc giữa trùm tình báo Đức là Sellenberg với ban lãnh đạo cơ quan tình báo và phản gián Thụy Sĩ, một mặt là cuộc săn lùng theo kiểu tác chiến. Sau khi có được những tin tức về Rado và “Pacbo”, bọn Đức tổ chức theo dõi hai nhân vật này và trong quá trình đó, lần ra được dấu vết “Rola”. Meisner trao cho một điệp viên của mình ở Geneva là Hans Peter nhiệm vụ làm quen với “Rola” và quyến rũ cô. Đóng vai một nhân vật chống phát xít và tham gia phong trào Kháng chiến, gã thanh niên điển trai Hans Peter dễ dàng thực hiện nhiệm vụ này. Điều đáng sợ nhất là “Rola” đã không báo cáo về chuyện này cho Rado biết.

Đến mùa hè năm 1943, Gestapo đã có trong tay những tin tình báo chi tiết về tất cả các thành viên của nhóm “Dora”. Quả thật là chúng còn chưa biết những ai mang bí danh “Xixi” và “Taylor”. Và điều chủ yếu nhất là chúng chưa thực hiện được nhiệm vụ chính: chưa phát hiện được những nhân vật cung cấp tin và bởi vậy, không chặn đứng được việc rò rỉ tin.

Chỉ có một lối thoát là cắt đứt mối liên lạc giữa “Bộ ba đỏ” và Moscva. Nhưng làm việc này như thế nào? Tốt nhất là bắt cóc Rado hoặc các nhân viên điện đài của ông, đưa về Đức tra tấn để buộc họ phải cung khai. Nhưng làm như vậy có thể gây ra một vụ xằng đạn quốc tế là điều Sellenberg không muốn.

Ngày mồng 8 tháng 9 năm 1942, Sellenberg đến Thụy Sĩ và gặp giám đốc cơ quan an ninh Thụy Sĩ là Rogie Marson. Rogie tỏ ra thông cảm với đề nghị của Sellenberg về việc tiêu diệt mạng lưới điệp viên Xô Viết và hứa sẽ làm tất cả những gì có thể. Nhưng ông không động một ngón tay để thực hiện lời hứa này. Vào tháng 3 năm 1943, Sellenberg lại đến Bern, thủ đô Thụy Sĩ. Dưới hình thức mềm mỏng nhưng kiên quyết, y nói bóng gió cho Rogie Marson hiểu rằng thái độ chậm chạp của ông có nguy cơ đe dọa mối quan hệ Đức - Thụy Sĩ. Y cũng nói như vậy với giám đốc cảnh sát Thụy Sĩ Maudere trong thời gian Maudere ở thăm Berlin. Trong khi ấy, “Dora” tiếp tục đánh đi các bức điện tới Moscva, trong đó có những tin bổ sung về các kế hoạch của Đức tại vùng Cursk, những tin về loại xe tăng “Con hổ”, về âm mưu của một nhóm tướng lĩnh Đức quyết tâm tiêu diệt Hitler và “những giới ủng hộ y”.

Điện và điện thoại liên tục từ Berlin gửi đến Thụy Sĩ thúc giục Rogie Marson và Maudere hành động. Tháng 9 năm 1943, Marson và Maudere tổ chức một nhóm săn lùng điện đài lưu động. Các thiết bị săn lùng điện đài đặt trong các thùng xe liên tục bắt được tín hiệu đánh đi của các nhân viên điện đài bí mật. Đêm 13 rạng ngày 14 tháng 10 năm 1943, Etmon và Olga Hameli bị bắt ngay trong lúc đang phát tin. Cảnh sát lặng lẽ bước vào và bắt quả tang họ đang hoạt động. Mật mã, các chương trình liên lạc, các bức điện bị tịch thu. Cùng ngày hôm

đó, Margarita Bonli (tức “Rola”) bị bắt tại căn hộ của người tình Peter. Khi bị hỏi cung, tất cả những người bị bắt đều kiên quyết phủ nhận mối liên hệ với tình báo Xô Viết, và khi thấy bức ảnh chụp Rado thì tất cả đều tuyên bố rằng không hề hay biết người này.

* Chạy trốn

Sau khi biết tin các nhân viên điện đài bị bắt, Rado đã kịp báo cho ban lãnh đạo nhóm “Pacbo” rồi cùng vợ lẩn tránh tại nhà một người bạn đáng tin cậy là tiến sĩ Bianki. Giờ đây, chỉ còn một nhân viên điện đài duy nhất là Fut và Fut cũng chính là người liên lạc giữa “Pacbo” và Rado. Fut thường xuyên phải phát sóng và sóng của ông cũng bị thiết bị săn lùng điện đài bắt được. Đêm 19 rạng ngày 20 tháng 11 năm 1943, ông bị bắt trong lúc đang nhận điện của Trung Tâm. Trong lúc cảnh sát phá cửa, ông đã kịp dùng búa phá tan điện đài và đốt các bức điện trên lửa nến.

Sau khi bắt được Fut, tình báo Thụy Sĩ mưu toan chơi “trò chơi điện đài” với Trung Tâm, nhưng họ chơi khá vụng về nên bị Trung Tâm phát hiện ngay. Trung Tâm gửi đi những “mệnh lệnh” và “chỉ thị” đánh lừa tình báo Thụy Sĩ. Mãi đến bốn tháng sau, tình báo Thụy Sĩ mới đoán ra được là mình bị lừa và quyết định tiếp tục các vụ bắt giữ. Ngày 19 tháng 4 năm 1944, một số thành viên của “Bộ ba đỏ” bị bắt, trong số đó có Duybendorf. Để đánh lạc hướng cơ quan điều tra, Duybendorf “thú nhận” mình làm việc cho cơ quan tình báo Anh. Cả Ressler cũng bị bắt. Sở dĩ người ta để Ressler bị bắt là vì khi ấy ông sẽ “được” ngồi tù, tức là ông sẽ thoát khỏi bọn Gestapo, những kẻ có thể bắt cóc ông và buộc ông phải thừa nhận làm

việc cho cơ quan tình báo Thụy Sĩ, và do đó có thể phát hiện ra những nguồn tin của ông. “Pacbo” và một số điệp viên khác vẫn tự do ở ngoài, nhưng một khi không có phương tiện liên lạc thì sự tồn tại của mạng lưới điệp viên là vô nghĩa. Bởi vậy, ngày 16 tháng 9 năm 1944, Rado và Lena nhờ sự giúp đỡ của các du kích quân người Pháp, đã bí mật vượt biên giới Pháp - Thụy Sĩ và ẩn tránh tại thành phố Anixi là nơi chính quyền thuộc về những người Cộng sản. Tiếp đó, họ đến thủ đô Paris đã được giải phóng và tại đây, ngày 26 tháng 10 năm 1944, Rado tiếp xúc với các nhân viên tình báo Xô Viết và thông báo tỉ mỉ về việc nhóm điệp viên của ông bị tiêu diệt. Ngay khi ấy, vào tháng 9 năm 1944, nhà cầm quyền Thụy Sĩ không còn e sợ sức mạnh của nước Đức phát xít nữa nên đã trả tự do cho tất cả các thành viên của “Bộ ba đỏ”. Fut, rồi tiếp đó là Duybendorf và Betkher lần lượt đến Paris.

Ngay sau chiến tranh, vào tháng 10 năm 1945, ở Thụy Sĩ đã diễn ra phiên toà xét xử Rado, vợ của Rado là Lena, Duybendorf, Betkher, Fut, Ressler, Snayde, Bonli, hai vợ chồng Hamen. Họ bị buộc tội là đã hoạt động gián điệp trên lãnh thổ Liên bang Thụy Sĩ. Tất cả đều phải chịu những án tù khác nhau, riêng Ressler được trắng án. Nhưng không một ai phải ngồi tù. Năm người đầu tiên bị kết án vắng mặt, hai vợ chồng Hamen và Bonli được hưởng án treo, còn Snayde được phóng thích vì ông đã ở trong tù quá thời hạn.

*** Khiến trách và trừng phạt...**

Nhưng số phận bi kịch của Rado không kết thúc ở đây. Ngày mồng 5 tháng 1 năm 1945, Rado, Fut, Trepper và một số điệp viên khác đáp máy bay của Liên Xô sang Moscva. Trepper

nói với Rado: “Trung Tâm sẽ trừng phạt nghiêm khắc về những vụ thất bại, và khi đến Moscva, chắc gì ông sẽ có thể trở về Paris”. Rado đang trong tình trạng trầm uất. Ông vừa nhận được tin tất cả những người thân của ông đã chết trong trại tập trung phát xít. Ông cảm thấy có lỗi trong việc mạng lưới điệp viên của ông tan vỡ. Cả một thời gian dài - gần một năm - trong tình trạng tự nguyện giam cầm, khi ông hoạt động bất hợp pháp, cũng ảnh hưởng đến tâm trạng của ông. Có lẽ vì thế mà khi dừng chân ở Cairo, Rado chạy trốn khỏi khách sạn và đến sứ quán Anh yêu cầu được tị nạn chính trị. Người Anh cho rằng cựu tù binh Xô Viết Kulise (Rado hoạt động dưới tên giả này) không phải là nhân vật họ quan tâm, và do đó bác bỏ đề nghị của ông. Ông định tự sát nhưng được cứu thoát và đưa vào trại nội trú.

Phía Liên Xô hết sức lo lắng thấy điệp viên của mình biến mất và thi hành những biện pháp khẩn cấp. Đại sứ Liên Xô trao công hàm cho chính quyền sở tại, nói rằng Kulise đang bị truy nã về tội giết người và yêu cầu trao trả cho phía Liên Xô. Tháng 8 năm 1945, Rado được trao trả cho nhà cầm quyền Xô Viết, được đưa về Moscva và chuyển cho cơ quan phản gián quân sự. Tháng 12 năm 1946, Hội đồng đặc biệt kết án Rado 10 năm tù về tội làm gián điệp. Ông bị buộc cho những tội danh sau: làm tan vỡ mạng lưới điệp viên ở Thụy Sĩ do thái độ tắc trách trong việc bảo quản mật mã cũng như các tài liệu tác chiến, và do không thực hiện những biện pháp bảo mật cần thiết; để lọt vào hàng ngũ của mình những điệp viên hai mang là những điệp viên đồng thời làm việc cho một vài cơ quan tình báo; bản thân ông cũng là điệp viên hai mang mà bằng chứng là vụ ông chạy trốn ở Cairo. Vào năm 1954, tất cả những lời

buộc tội này đều bị coi là hoàn toàn bịa đặt. Tháng 5 năm 1954, ông và Trepper được phục hồi danh dự và được trả tự do. Tháng 6 năm 1955, Rado trở về Hungari, nơi vợ ông là Lena suốt mười năm trời bất tin ông đang chờ đợi ông.

*** “Dưới bí danh Dora” và huyền thoại về “Bộ ba đỏ”**

Đoạn đời tiếp theo của ông diễn ra thuận buồm xuôi gió. Ông làm công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực địa lý và bản đồ, trở thành tiến sĩ khoa học và viện sĩ viện hàn lâm. Chính phủ Xô Viết tặng thưởng ông huân chương “Vì tình hữu nghị giữa các dân tộc” và huân chương “Chiến tranh Vệ quốc hạng nhất”. Ông viết cuốn hồi ký dưới bí danh Dora và cuốn này được xuất bản năm 1973.

Ông mất năm 1980 ở tuổi tám mốt.

NAUM EITINGON

NHỮNG TẤM HUÂN CHƯƠNG

Naum Isaacovich (những người xung quanh thường gọi ông là Leonid Alecxandrovic) Eitingon (1899 - 1981) thuộc lớp những điệp viên tình báo mà tựa hồ như chúng ta biết rất nhiều về họ nhưng đó là phần nổi của tảng băng chìm. Toàn bộ sự thật của tất cả những gì được giữ kín trong thâm sâu của lịch sử thế kỷ XX vừa qua chúng ta sẽ không bao giờ biết được.



Naum Eitingon sinh ngày 6 tháng 12 năm 1899, ở thành phố tỉnh lẻ Sklov gần Moghilev, trong một gia đình viên thư ký của nhà máy giấy. Học trường Trung cấp Thương mại, sau Cách mạng tháng Hai năm 1917 gia nhập Đảng Xã hội Cách mạng. Đảng này huấn luyện cho các đảng viên “nghệp vụ” khủng bố và phá hoại. Nhưng vì bất đồng với chính sách của Đảng nên chẳng bao lâu sau Naum Eitingon ra khỏi Đảng. Ngay sau đó Naum Eitingon bắt đầu làm công nhân nhà máy bê tông, làm văn thư rồi cán bộ của phòng lương thực của nhà máy. Ở Moscva, Naum Eitingon học lớp Hợp tác xã công nhân, sau đó làm công việc trưng thu mua lương thực thừa. Tháng 9

năm 1919, Naum Eitingon công tác ở Công đoàn tỉnh Gomel, trong thời gian này anh gia nhập Đảng Cộng sản Nga (Bolse-vich). Tháng 5 năm 1920, chuyển sang công tác ở ngành an ninh Treca. Anh được tham gia vào chiến dịch truy quét các nhóm khủng bố của Savincov trong tỉnh Gomel xâm nhập từ lãnh thổ Ba Lan. Trong trận chiến đấu với bọn biệt kích xâm nhập, Naum Eitingon bị thương ở chân. Mặc dù thể trạng của anh không khỏe lắm nhưng trong chiến đấu anh rất gan dạ và kinh qua công tác anh đã trưởng thành nhanh chóng. Năm 21 tuổi anh là nhân vật thứ hai trong cơ quan Treca tỉnh Gomel, sau đó là chủ tịch Treca của tỉnh Smolensk rồi Chủ tịch Tổng cục chính trị quốc gia của tỉnh Baskiria trực thuộc Hội đồng Dân ủy Liên Xô. Năm 1925, Eitingon bắt đầu làm công tác tình báo. Anh chuyển sang công tác ở Ban đối ngoại của Tổng cục chính trị quốc gia trực thuộc Hội đồng Dân ủy Liên Xô. Trong thời gian này anh học ở khoa Đông phương Học viện Quân sự, nhưng anh chỉ học hàm thụ vì anh sắp được cử sang công tác ở Trung Quốc. Năm 1925 - 1927, Naum Eitingon là phó Lãnh sự Liên Xô ở Bắc Kinh, và từ cuối năm 1927, anh chuyển sang hoạt động bí mật. Rất tiếc là thời gian hoạt động từ cuối năm 1927 đến khi nào, nguyên nhân chuyển công tác và những chi tiết công tác trong thời gian hoạt động bí mật cho đến nay không ai được rõ. Hơn nữa sự việc này còn liên quan đến các vụ tấn công các Lãnh sự quán Liên Xô, đến việc đóng cửa các Lãnh sự quán này và việc cần thiết phải tiếp tục công tác tình báo.

* Một điệp viên tài ba

Sau đó Naum Eitingon một thời gian làm công sứ ở Kharbin. Sau vụ cảnh sát Trung Hoa tấn công Lãnh sự quán

Liên Xô, vào mùa xuân 1929, Naum Eitingon được gọi về Moscva và ngay sau đó được cử đi Ancara nhận chức vụ tùy viên báo chí của Đại sứ quán Liên Xô ở Thổ Nhĩ Kỳ. Tại đây lần đầu tiên đã có sự đụng độ giữa hai con đường Eitingon với đối thủ tương lai và nạn nhân của Eitingon là Troski. Thay thế vị trí của Iacov Bliumkin, người đã giết Đại sứ Đức Mirbakh năm 1918, Naum Eitingon được giao nhiệm vụ tổ chức việc theo dõi Troski. Bliumkin bị triệu hồi về Moscva, bị bắt giữ và xử bắn vì đã tùy tiện tiếp xúc với Troski. Eitingon đảm đương công việc một cách có hiệu quả. Troski được tình báo theo dõi kỹ lưỡng, nhưng một thời gian không lâu sau đó Troski rời Thổ Nhĩ Kỳ đi Na Uy, còn Eitingon thì trở về Moscva.

Giữ chức vụ tổ phó tổ đặc biệt “Chú Iasa” của Iacov Serebrianski, nhưng Eitingon phần lớn thời gian lại đi công tác ở nước ngoài. Ở nước ngoài, Eitingon hoạt động bí mật và được giao thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt ở Pháp và ở Bỉ. Eitingon cũng được giao nhiệm vụ thành lập mạng lưới tình báo để áp dụng vào những công trình có ý nghĩa quân sự chiến lược trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Một thời gian Eitingon đứng đầu Ban đối ngoại có nhiệm vụ phối hợp công việc đang làm của các điệp viên nước ngoài. Eitingon cũng thành lập một tổ chức làm hộ chiếu giả cho những chiến dịch bí mật. Trong tổ có một người Áo tên là Miller rất khéo tay đã làm nên những điều tuyệt vời: đó là những tấm hộ chiếu “không xuyên thủng được”.

Năm 1936, ở Tây Ban Nha xảy ra nội chiến. Eitingon được phái sang Tây Ban Nha dưới họ tên là Leonid Kotov chính thức nhận chức vụ phó cố vấn bên cạnh Chính phủ Cộng hòa, trên thực tế là phó Công sứ Bộ Dân ủy Nội vụ của Alecxandr

Orlov. Sau khi Orlov bỏ chạy, Eitingon đứng đầu cơ quan này ở Tây Ban Nha. Dưới sự lãnh đạo của Eitingon, nhiều người đã chiến đấu anh dũng và sau này trở thành Anh hùng Liên Xô như Prokopink, Vaupshasov, Orlovski, thành viên tham gia chiến dịch “Sindicat” và “Tơ rớt” Suroezkin, cũng như các thành viên sau này tham gia chiến dịch “Con vịt” David Sikeiros, Ramon Merkader và những người khác. Eitingon chịu trách nhiệm về công việc tình báo, việc tiến hành những chiến dịch du kích trong hậu phương quân đội của Franco và công việc phản tình báo. Eitingon cũng là người chỉ đạo việc gửi về Moscva một số lượng vàng Tây Ban Nha có trị giá hơn nửa tỉ đô la.

Năm 1939, khi nội chiến kết thúc với thắng lợi của tướng Franco, Eitingon chuyển cơ sở sang Pháp. Tại Pháp, Eitingon khôi phục lại mạng lưới điệp viên. Một thời gian Eitingon giữ mối liên hệ với Kim Philby và Guy Burgess.

* Chiến dịch “con vịt” khai hoả

Tháng 3 năm 1939, Stalin ra lệnh tiêu diệt Troski. Để thực hiện lệnh của Stalin, ngày 9 tháng 7 năm 1939, kế hoạch hành động tình báo theo hồ sơ chiến dịch “Con vịt”, dưới ký tên P.M.Phitin, trưởng Ban tình báo đối ngoại, P.A.Sudoplatov, phó Ban tình báo đối ngoại và N.I. Eitingon (tức “Tom”) không ghi chức vụ và quân hàm được soạn thảo. Trong bản kế hoạch viết rằng “Tom” là “người tổ chức và lãnh đạo tại chỗ”. Có khá nhiều thành viên được thu hút tham gia chiến dịch, trong đó có Ramon Merkader (“Raimond”) và mẹ của Merkader là Karidad (“Bà mẹ”) và những người khác.

Đầu tháng 8 năm 1939, “Tom” đến Mexico dưới vỏ bọc là

nhà doanh nghiệp Canada. Lúc này ở Mexico đã có mặt “Bà mẹ”, “Raimond” và những người khác. Nhưng công việc chuẩn bị tiến hành chậm hơn so với dự tính. Mãi sau chín tháng mới xảy ra cuộc ám sát đầu tiên đối với Troski. Những người tấn công đột nhập vào trong nhà và nổ súng vào phòng ngủ Troski. Nhưng Troski và vợ đã kịp trốn dưới giường nên không bị thương. Những người tấn công rời khỏi nhà Troski mà không biết là Troski không hề hấn gì.

Tuy nhiên Eitingon không phải nhận kỷ luật vì cuộc ám sát thất bại, hơn thế nữa trong công văn nhận được từ Moscva có đoạn ghi thêm bày tỏ sự đồng tình: “Đồng chí Beria gửi lời chào”.

Bắt tay vào truy tìm, cảnh sát Mexico sau đó không lâu đã phát hiện ra người lãnh đạo cuộc ám sát bất thành. Cảnh sát Mexico cảm thấy hình như đó là họa sĩ tài danh Mexico David Alpharo Siqueiros. Cảnh sát Mexico cũng xác định được những người khác tham gia chiến dịch ám sát này. Trong mạng lưới điệp viên Liên Xô không có ai có tên trong danh sách này. Phần lớn điệp viên Liên Xô đã trốn thoát.

Một cuộc chuẩn bị cho giai đoạn mới của chiến dịch “Con vịt” bắt đầu. Việc chuẩn bị lần này không vấp phải khó khăn đặc biệt nào là nhờ có “Raimond” thường hay lui tới nhà Troski (20 lần) như người tâm phúc. Ngày 20 tháng 8 năm 1940, tức là chưa đầy 3 tháng sau vụ ám sát lần thứ nhất, vụ ám sát lần thứ hai được tiến hành. “Raimond” đem theo mình một cái cốc dao băng, con dao và súng lục đến nhà Troski để nghị viết nhận xét cho bài báo của mình. Khi Troski đọc bài báo, “Raimond” dùng chiếc cốc bổ vào sau gáy ông ta. Troski ngã gục và kêu toáng lên. Nhân viên bảo vệ kịp thời xuất hiện

đánh đập “Raimond” rất dã man sau đó giao “Raimond” cho cảnh sát. Ngày hôm sau Troski chết trong bệnh viện. Còn “Raimond” mạo nhận là người Bỉ tên là Gian Mornar nguyên là người ủng hộ Troski bị tù 19 năm 8 tháng 14 ngày. Năm 1960, “Raimond” đến Moscva, tại đây ông được nhận Huy chương vàng Anh hùng Liên Xô. Đây là một trong những điệp viên hoạt động bí mật được nhận danh hiệu cao quý này.

Vào ngày Troski bị giết Eitingon và “Bà mẹ” rời khỏi Mexico. Eitingon với hộ chiếu người Iraq bay sang Cu Ba. Đến Cu Ba Eitingon nhận hộ chiếu người Bungari và bay về Châu Âu. Về đến Moscva đích thân Eitingon báo cáo miệng toàn bộ sự việc cho Merkulov và Beria, chứ không viết một báo cáo nào bằng văn bản.

*** Nhiệm vụ kế tiếp nhiệm vụ**

Eitingon vừa mới kịp nghỉ ngơi lấy lại sức và bắt tay với công việc mới (tổ trưởng tổ Đặc biệt trực thuộc Bộ Dân ủy Nội vụ) thì chiến tranh nổ ra. Eitingon nhận nhiệm vụ lữ đoàn phó (lữ đoàn trưởng là Sudoplatov) lữ đoàn bộ binh cơ động đặc nhiệm là lữ đoàn huyền thoại trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã lập được nhiều chiến công vang dội khi mở các chiến dịch trong lòng địch. Lữ đoàn đặc nhiệm chỉ thu nhận những người tình nguyện đã qua một lớp tập huấn đặc biệt dành cho công việc phá hoại đặc công và thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Lữ đoàn đặc nhiệm này được phiên vào thành phần Cục 4 thuộc Bộ Dân ủy Nội vụ - Bộ Dân ủy An ninh do Sudoplatov và Eitingon đứng đầu trong suốt thời gian từ khi nổ ra đến khi kết thúc cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Đây là trung tâm đầu mối tổ chức công tác tình

báo phá hoại ở vùng bị chiếm đóng. Ngoài những chiến dịch do Cục 4 tự tiến hành, Cục còn ủng hộ những điệp vụ biệt kích, thực hiện gần 80 điệp vụ, trong đó có những điệp vụ nổi tiếng như “Tu viện”, “Beredino”.

Đặc biệt trong số các nhà hoạt động tình báo Liên Xô chỉ có hai người được phong tặng Huân chương Suvorov: đó là hai vị tướng an ninh Sudoplatov và Eitingon.

Trong thời gian chiến tranh, vào năm 1942, Eitingon đã đến Thổ Nhĩ Kỳ dưới vỏ bọc Leonid Naumov nhận sứ mệnh chuẩn bị cuộc ám sát đại sứ Đức fon Papen. Sở dĩ phải khử fon Papen vì trong trường hợp các tướng lĩnh Đức Quốc xã loại trừ Hitler khỏi chính quyền thì fon Papen sẽ phải lãnh đạo Chính phủ Đức, điều này sẽ đưa Chính phủ Đức vào thế giới phân lập với Mỹ và Anh. Tuy nhiên vụ ám sát bất thành: mìn nổ ngay trên tay Aphanasev người Bungari là kẻ mưu sát. Chính Aphanasev bị chết, còn Papen thì chỉ bị thương nhẹ.

Eitingon còn để lại dấu ấn nữa trong cuộc đời hoạt động tình báo của mình - đó là “hoạt động tình báo nguyên tử”. Ngay từ những năm 1939 - 1941, khi ở Mỹ, Eitingon đã được “toàn quyền lựa chọn và tuyển dụng người cộng tác mà không cần có sự chuẩn y của Trung tâm đồng thời được sử dụng cả mối quan hệ thân thích họ hàng”, như tướng Sudoplatov viết trong hồi ký của mình. Ngay thời gian trước đó, vào đầu những năm 30, Eitingon đã công khai hóa hoạt động ở vùng duyên hải phía Tây nước Mỹ hai điệp viên tình báo, trong đó có bác sĩ nha khoa “Shakhmatis”, cơ sở mà nữ tình báo Kitty Harris nối lại được quan hệ. Dưới sự bảo trợ của tình báo một tổ chuyên môn nghiên cứu các vấn đề “hoạt động tình báo nguyên tử” được thành lập thì Sudoplatov và Eitingon được cử làm tổ

trưởng và tổ phó lãnh đạo tổ. Một trong những công lao của Eitingon là tổ chức được việc phối hợp hành động giữa các ban chuyên môn của Trung tâm với các nhà nguyên tử học.

Còn một chiến dịch nữa có sự tham gia của Eitingon, đó là việc kiểm tra các mỏ uranium ở Bungari. Số là ngay từ tháng 2 năm 1945 đã có thông tin về lượng dự trữ uranium chất lượng cao ở vùng núi Roodovski. Quặng khai thác từ các mỏ này đã được sử dụng để khởi động lò phản ứng nguyên tử đầu tiên của Liên Xô. Công việc được tiến hành bí mật, tuy nhiên chẳng bao lâu sau người Mỹ đã biết và họ bắt đầu thi hành những biện pháp chống lại. Họ phái đến những điệp viên tình báo trong số đó có cả những điệp viên biệt kích. Trong tình hình đó Eitingon dự tính tuyển dụng lại những điệp viên người Mỹ và vợ của họ nhưng bất thành.

Trong thời gian đó thì ở Liên Xô người ta phát hiện ra những mỏ lớn hơn và chất lượng cao. Để che giấu thực tế này và khiến ở người Mỹ tin là Liên Xô rất cần uranium của Bungari, Eitingon tiến hành những hoạt động rộng rãi tung ra những thông tin sai lạc nên một thời gian khá dài đã đánh lạc hướng được người Mỹ.

Đồng thời Eitingon vẫn tiếp tục nghiên cứu công việc có tính chất tình báo thuần túy. Chẳng hạn vào năm 1946 - 1947, Eitingon lãnh đạo công việc chuẩn bị trục xuất V.G.Fisher (tức Rudolf Abel). Ngoài ra cho đến tận ngày bị bắt lần đầu tiên, 28 tháng 10 năm 1951, Eitingon là cấp phó của tướng Sudoplatov, và là cục trưởng Cục Tình báo Đặc công ở nước ngoài. Tuy nhiên hoạt động tình báo trên thực tế không có gì bộc lộ ra bên ngoài, có điều may mắn là “chiến tranh lạnh” không chuyển thành nóng, nên hoạt động tình báo của Eitingon có vai trò

riêng của nó trong việc nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của Liên Xô trong trường hợp phải đối phó với các nước trong khối NATO.

*** Phục hồi danh dự**

Khi Eitingon bị bắt người ta đã buộc tội ông có chân trong các tổ chức theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái (Sionit). Ngày 20 tháng 3 năm 1953, sau khi Stalin mất, Eitingon được trả lại tự do và khôi phục quân hàm cho ông, nhưng đến ngày 21 tháng 8 năm 1953, ông lại bị bắt, lần này ông bị buộc tội là kẻ tòng phạm với Beria. Eitingon bị kết án 12 năm tù và mãi đến năm 1964 mới được trả lại tự do. Sau đó Eitingon làm biên tập nhà xuất bản "Sách ngoại văn" nhiều năm.

Eitingon mất ngày 3 tháng 5 năm 1981 - nhưng mãi đến 10 năm sau, năm 1991, ông mới được khôi phục danh dự. Trước ngày lễ Chiến thắng phát xít, ngày 9 tháng 5 năm 2000, các con ông mới nhận lại những huân chương của nhà tình báo Eitingon: 2 huân chương Lê nin, 2 huân chương Cờ Đỏ, huân chương Suvorov, huân chương Chiến tranh giữ nước hạng nhất và huân chương Sao Đỏ.

WILLIAM FISHER-RUDOLF ABEL

NHỮNG HOẠT ĐỘNG SỐNG SAU TÊN MỘT NGƯỜI CHẾT

Là một nhà cách mạng chuyên nghiệp, không hiểu duyên số thế nào mà Henrik Fisher vốn là người Đức mà lại trở thành cư dân thành phố Saratov. Anh lấy cô gái Nga Lyuba. Vì hoạt động cách mạng anh bị trục xuất. Sang Đức thì không thể được, bên đó anh đã có án, gia đình nhỏ này đành sinh sống ở Anh, ở những nơi Shakespear đã sống. Ngày 11 tháng 7 năm 1903, Lyuba sinh hạ một cậu con trai, để kỷ niệm kịch tác gia vĩ đại họ đặt tên con là William.



* Được cơ quan mật vụ để ý

Henrik Fisher tiếp tục hoạt động cách mạng, đứng về phía những người Bolsevich, đã gặp gỡ Lenin và Krzizanovski. Năm 16 tuổi William vào đại học, nhưng không được học lâu: Năm 1920 gia đình Henrik Fisher trở về Nga và nhập quốc tịch Xô Viết. Năm 17 tuổi, William bắt đầu yêu mến nước Nga và trở thành một nhà ái quốc nồng nàn. Anh không được tham gia Nội chiến, nhưng tự giác gia nhập Hồng quân. Anh học nghề điện báo viên và sau này rất phù hợp với anh.

Một người thanh niên thông thạo tiếng Nga và tiếng Anh, đồng thời biết tiếng Đức và tiếng Pháp, hơn nữa lại có nghề vô tuyến và có lý lịch trong sạch thì không thể không bị cơ quan mật vụ để mắt đến. Năm 1927, anh được đưa vào cơ quan an ninh quốc gia do Artuzov lãnh đạo. Có một thời gian William Fisher làm việc ở cơ quan trung ương. Nhưng theo một số tư liệu, thời gian này anh hay đi công tác bí mật sang Ba Lan. Tuy nhiên cảnh sát không cho kéo dài thời hạn cư trú, nên anh chỉ ở bên đó ít ngày. Năm 1931, anh đi công tác dài ngày hơn, cũng có thể gọi là “bán hợp pháp”, bởi vì anh đã mang họ tên của mình. Tháng 2 năm 1931, anh đến Tổng lãnh sự Anh ở Moscva yêu cầu xin cấp hộ chiếu Anh. Nguyên nhân anh là người gốc Anh, anh sang Nga là theo ý của bố mẹ, bây giờ anh đã cãi lộn với họ và có nguyện vọng đưa vợ và con gái về nước. Họ đã cấp hộ chiếu và cặp vợ chồng William Fisher ra nước ngoài, có giả thuyết cho rằng là sang Trung Quốc, tại đó William mở một xưởng radio. Chuyến công tác kết thúc vào tháng 2 năm 1935. Nhưng đến tháng 6 năm đó gia đình này lại có mặt ở nước ngoài. Lần này William sử dụng chuyên môn thứ hai - nghề họa sĩ tự do. Có thể là anh cũng có vẽ một cái gì đó mà không được lòng cơ quan mật vụ địa phương, cũng có thể vì một lý do khác mà đợt công tác kéo dài 11 tháng.

Tháng 5 năm 1936, William Fisher trở về Moscva và tham gia đào tạo những cán bộ bất hợp pháp. Một trong những cô học trò của anh là Kitty Harris, làm liên lạc cho nhiều điệp viên Liên Xô xuất sắc, trong đó có Vaxili Zarubin và Donald Maclean.

* Gặp gỡ và quen thân với Rudolf Ivanovich Abel

Còn “Abel R.I. là ai?”

Đây là những dòng trong lý lịch tự thuật:

“Tôi sinh ngày 23-9-1900 ở Riga. Bố tôi là thợ ống khói (ở Latvia nghề này được coi trọng, gặp một người thợ ống khói ngoài phố là điềm may mắn), mẹ tôi là nội trợ. Tôi sống với bố mẹ đến năm 14 tuổi, học hết lớp 4 trường tiểu học... tôi làm nghề bán báo. Đến năm 1915 tôi chuyển về Petrograd”.

Chẳng bao lâu sau cách mạng nổ ra, cũng như hàng trăm trẻ em khác, chàng thanh niên Latvia đứng về phía chính quyền Xô Viết. Là thợ đốt lò, Rudolf Ivanovich Abel chiến đấu ở vùng Volga và ở Kam, tham gia chiến dịch trong vùng địch hậu của quân Bạch vệ trên tàu ngư lôi “Retivy”. Sau đó là những cuộc chiến đấu ở Sarisun, là lớp đào tạo điện tín viên ở Kronshtadt và hoạt động điện tín viên ở quần đảo xa xôi Komandor và đảo Bering. Từ tháng 7 năm 1926 làm quản lý lãnh sự quán Thượng Hải, sau đó làm điện tín viên của đại sứ quán Xô Viết ở Bắc Kinh. Từ 1927 là cán bộ Phòng ngoại vụ Cục Chính trị quốc gia. Hai năm sau, “năm 1929, được điều sang công tác bí mật ngoài biên phòng. Làm việc này đến hết mùa thu năm 1936”. Trong lý lịch của Abel không có những chi tiết về đợt công tác này. Nhưng đáng chú ý là thời gian trở về - 1936, tức là gần như đồng thời với W. Fisher. Có phải đó là sự trùng hợp đầu tiên trong hoạt động của hai người, hay là hai người đã quen nhau và chơi với nhau từ trước? Có lẽ điều thứ hai đúng hơn. Trong bất kỳ trường hợp nào thì từ thời gian đó, theo tài liệu dẫn ra ở trên, họ đã làm việc với nhau. Việc họ không rời xa nhau đã được viết rõ trong các hồi

ký của các cộng sự. Khi hai người vào nhà ăn, những người cộng sự này thường nói: “Kìa, anh em nhà Abel đã đến”. Họ còn chơi với nhau bằng cả gia đình nữa. Con gái của V.G. Fisher là Evelin viết rằng chú Rudolf thường đến nhà luôn, lúc nào cũng bình thản, yêu đời, hay chơi với trẻ... Abel không có con. Vợ anh, Alecxandra Antonovna, là con nhà quý tộc, điều đó rõ ràng đã làm cản bước đường công danh của anh. Tệ hơn nữa, anh ruột anh là Voldemar Abel, trưởng ban chính trị ngành tàu biển, năm 1937 lại là “thành viên âm mưu phản cách mạng dân tộc chủ nghĩa Latvia và vì tội gián điệp phá hoại tay sai cho Đức ở Latvia mà bị xử tội nặng”. Khi anh trai bị bắt thì tháng 3 năm 1938, R.I. Abel cũng bị thải hồi khỏi các cơ quan nội vụ. Abel đi làm xạ thủ cảnh vệ, tháng 12 năm 1941 được quay về Bộ Nội vụ. Trong lý lịch của anh có ghi rằng từ tháng 8 năm 1942 đến hết tháng 1-1943 anh ở trong đội tác chiến bảo vệ vùng núi Kavkaz xung yếu. Trong lý lịch còn ghi: “Trong thời kỳ chiến tranh Vệ quốc nhiều lần đi thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt... về đào tạo và đưa điệp viên của chúng ta vào hậu phương địch”. Khi chiến tranh kết thúc được nhận huân chương Cờ Đỏ và hai huân chương Sao Đỏ. Năm 46 tuổi rời khỏi các cơ quan an ninh quốc gia với quân hàm thượng tá.

Tình bạn của nhóm “Abel” vẫn được tiếp tục. Rudolf biết về chuyển công tác của William sang Mỹ. Họ gặp nhau khi William đi nghỉ. Nhưng về việc thất bại của Fisher và về việc anh giả danh Abel thì Rudolf không hề biết gì cả. Rudolf Ivanovich Abel chết đột tử năm 1955 mà không hề biết rằng tên tuổi của anh đã đi vào lịch sử tình báo.

* Hành nghề họa sĩ, đổi tên và tiếp tục hoạt động

Số phận trước chiến tranh cũng không mỉm cười với William Hendrikovich Fisher. Ngày 31 tháng 12 năm 1938, anh bị sa thải khỏi Bộ Nội vụ. Nguyên nhân không rõ. May là chưa bị tù và bị xử bắn. Hai năm rưỡi trời anh sống cuộc đời “dân sự”, đến tháng 9 năm 1941 mới được quay về đội ngũ. Trong những năm 41-46, Fisher làm ở cơ quan tình báo trung ương. Tuy nhiên, điều ấy không có nghĩa là suốt ngày anh ngồi bàn giấy. Anh còn làm nhiệm vụ đào tạo và tung điệp viên vào hậu phương địch. Ngày 7 tháng 11 năm 1941, với tư cách là thủ trưởng đơn vị liên lạc, Fisher cùng với anh em điệp viên làm nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho cuộc duyệt binh trên Hồng trường. Người ta biết chắc rằng năm 44-45 anh đã tham gia vào trò chơi điện đài “Berezino” và đã lãnh đạo nhóm nhân viên điện đài Xô Viết và Đức. Năm 1946, Fisher được đưa vào đội dự bị đặc biệt và được chuẩn bị đi công tác dài ngày ở nước ngoài.

Fisher được đào tạo toàn diện cho hoạt động bí mật, anh rất sành về thiết bị điện tử, có chuyên môn là kỹ sư điện, am hiểu hoá học và vật lý hạt nhân. Về hội họa anh đạt trình độ chuyên nghiệp, mặc dù không học ở đâu cả.

Đầu năm 1948, ở Bruclin thuộc New York xuất hiện một họa sĩ và nhiếp ảnh gia tự do là Emil R. Goldfus, đó chính là William Fisher, cũng chính là Mark. Xưởng của anh ở số 252 phố Fulton. Đây là thời kỳ khó khăn đối với ngành tình báo Xô Viết. Tại Mỹ chủ nghĩa Makkarti, chủ nghĩa bài Xô Viết, nạn “săn đuổi phù thủy” và nghề điệp viên đang hoành hành. Các nhà tình báo hoạt động “hợp pháp” trong các cơ quan Xô Viết đều bị thường xuyên theo dõi, bất kỳ lúc nào cũng có thể bị

khieu khích. Quan hệ với tình báo cũng rất khó khăn. Thế nhưng họ vẫn cung cấp được những tin tức quan trọng về việc chế tạo vũ khí nguyên tử. Việc tiếp xúc với các điệp viên trực tiếp làm việc trong các công trình nguyên tử bí mật là Persey và những người khác được duy trì thông qua Louise (Koen) và thông qua nhóm “Tình nguyện viên” do anh lãnh đạo. Họ nằm trong đường dây liên lạc của Klod (Yu.S. Sokolov), nhưng tình hình lúc này là anh không thể nào liên hệ với họ được nữa. Chỉ thị từ Moscva nói rằng Mark phải nắm quyền lãnh đạo nhóm “Tình nguyện viên”.

Ngày 12 tháng 12 năm 1948, lần đầu tiên Mark gặp Lesli và thường xuyên làm việc với cô, qua cô nhận những thông tin quan trọng về chất plutonium để làm vũ khí và các dự án nguyên tử khác. Đồng thời, Mark cũng có quan hệ với cộng tác viên tình báo Mỹ “Gerbert”. Từ chỗ anh qua Lesli mà có được dự án luật của Schuman về việc thành lập Hội đồng An ninh Quốc gia và tổ chức trực thuộc của nó là CIA. Gerbert đã trao cho họ bản Điều khoản chung về CIA trong đó thống kê các nhiệm vụ được trao cho tổ chức này. Kèm theo đó có cả dự thảo Chỉ thị của Tổng thống về việc giao cho Văn phòng điều tra Liên bang thuộc Cơ quan Tình báo Quân sự trách nhiệm bảo vệ việc sản xuất các vũ khí bí mật - bom nguyên tử, máy bay phản lực, tàu ngầm, v.v... Qua những văn bản ấy người ta thấy rõ rằng mục đích cải tạo lại các cơ quan mật vụ của Mỹ là nhằm tăng cường hoạt động phá hoại chống Liên Xô và tích cực khai thác các công dân Xô Viết. Các “tình nguyện viên” rất lo lắng và sốt ruột trước tình hình gia tăng nạn “săn đuổi phù thủy” nên cố gắng thường xuyên liên hệ với người lãnh đạo mình là Louis, gây nguy hiểm cho cả mình, cả anh và cả Mark.

Trong trường hợp đó cần quyết định cắt đứt quan hệ của Louis và Lesli với anh ta và đưa họ ra nước ngoài. Tháng 9 năm 1950, vợ chồng Koen rời Mỹ. Biện pháp này giúp cho William Fisher trụ lại ở Mỹ 7 năm liền.

*** Đồng nghiệp phản bội, bị bắt và bị kết án**

Sự nghiệp tình báo của Fisher kết thúc khi nhân viên liên lạc và điện đài Reyno Heyhannen tố cáo anh. Khi biết rằng Reyno nghiện ngập và trác táng, ban lãnh đạo tình báo quyết định triệu hồi anh ta về nước, nhưng đã không kịp. Anh ta nợ nần nhiều quá và trở thành kẻ phản bội.

Đêm 24 rạng ngày 25 tháng 6 năm 1957, Fisher dưới cái tên Martin Kollins nghỉ đêm trong khách sạn New York "Latam", tại đó anh có buổi liên lạc điện đài. Gần sáng có 3 người mặc thường phục vào phòng. Một tên nói: "Thưa đại tá! Chúng tôi biết ngài là đại tá và những gì ngài đang làm trên đất nước chúng tôi. Chúng tôi là nhân viên Văn phòng điều tra Liên bang. Trong tay chúng tôi có thông tin chính xác rằng ngài là ai và đang làm gì. Tốt nhất là ngài hợp tác với chúng tôi. Nếu không ngài sẽ bị bắt". Fisher thẳng thừng cự tuyệt hợp tác. Lúc đó các nhân viên Cục Nhập cư vào phòng và bắt anh vì visa nhập cảnh giả mạo vào đất Mỹ. Fisher đã kịp vào toilet huỷ bộ mặt mã và bức điện mới nhận đêm qua. Nhưng bọn chúng đã tìm được những văn bản khác và các vật dụng làm bằng cho công tác tình báo. Anh cùng các tang vật được đưa ngay về bang Tezcat, vào trại nhập cư.

Fisher đoán ngay ra rằng kẻ phản anh là Heyhannen, nhưng hẳn lại không biết tên thật của anh. Anh quyết định

xưng tên người bạn quá cố Abel và cho rằng nếu ở nhà biết tin Abel bị bắt thì biết ngay là ai. Anh sợ rằng bọn Mỹ sẽ chơi trò chơi điện đài. Khi nhận cái tên mà Trung Tâm đã biết anh muốn thông báo rằng anh đang bị tù... Anh tuyên bố với bọn Mỹ: “Tôi sẽ khai hết với điều kiện là tôi được viết thư về cho Đại sứ quán Xô Viết”. Họ đồng ý, và quả thật bức thư đã đến được Phòng lãnh sự. Nhưng ông lãnh sự lại không hiểu chuyện gì. Ông ghim bức thư lại để “điều tra”, và trả lời cho người Mỹ rằng không có công dân nào như vậy. Nhưng ông cũng không có ý định thông báo cho Trung Tâm biết. Vì thế chúng ta chỉ biết về việc Mark bị bắt qua báo chí mà thôi.

Chính vì người Mỹ cho phép viết thư, nên Abel buộc phải cung khai. Anh tuyên bố: “Tôi, Rudolf Ivanovich Abel, công dân Liên Xô, tình cờ sau chiến tranh nhật được trong một nhà kho cũ một số lớn dollar Mỹ, tôi liền đi sang Đan Mạch. Tại đó tôi mua hộ chiếu giả, năm 1948 tôi qua Canada rồi qua Mỹ”. Cách nói ấy không thuyết phục được bọn Mỹ. Ngày 7 tháng 8 năm 1957, Abel bị buộc vào 3 tội: 1) âm mưu chuyển về Liên Xô những thông tin về nguyên tử và về quân sự (dự kiến tử hình); 2) mưu đồ thu thập những thông tin trên (10 năm tù); 3) sống không đăng ký trên đất Mỹ với tư cách điệp viên cho nước ngoài (5 năm tù). Ngày 14 tháng 10 tại toà án Liên bang quân khu phía Đông New York bắt đầu bản án số 54094 “Nước Mỹ chống lại Rudolf Ivanovich Abel”.

Về hành vi của Abel trên toà, nhà báo Mỹ I. Esten trong cuốn *Cơ quan mật vụ Mỹ làm việc thế nào* đã viết: “Trong vòng ba tuần người ta định chiêu mộ lại Abel, khi hứa hẹn với anh đủ mọi nguồn lợi cuộc sống... Khi việc đó không thành, người

ta bắt đầu đe dọa bằng ghế điện... Nhưng điều đó cũng không làm con người Nga đó xiêu lòng. Tòa án hỏi anh có thấy mình lầm lỗi không, anh không do dự trả lời: “Không!” Abel từ chối mọi lời cung khai”. Cần nói thêm rằng người ta hứa hẹn và dọa nạt không những trong thời gian phiên tòa mà là trước đó và sau đó. Nhưng kết quả vẫn như vậy. Luật sư của Abel, ông James Britt Donovan, một người hiểu biết và có lương tâm, đã làm nhiều việc để bảo vệ anh, cũng như là để trao đổi. Ngày 24 tháng 10 năm 1957, ông đã đọc lời bào chữa hùng hồn, có ảnh hưởng nhiều mặt đến quyết định của “các ông lớn, bà lớn hội thẩm”.

Nhưng các hội thẩm viên vẫn phán quyết Abel có tội. Theo luật Mỹ bản án được dành cho quan tòa. Giữa phán quyết của các hội thẩm viên với việc kết tội đôi khi có một thời gian dài.

Ngày 15 tháng 11 năm 1957, Donovan gặp quan tòa yêu cầu không kết án tử hình, bởi vì ngoài các nguyên nhân khác, “hoàn toàn có thể là trong một tương lai gần nước Nga Xô Viết hoặc một nước liên bang cũng có thể chấp được một người Mỹ cùng đẳng cấp, trong trường hợp đó việc trao đổi tù binh theo các kênh ngoại giao có thể được công nhận là phù hợp với quyền lợi quốc gia của nước Mỹ”. Cả Donovan, cả quan tòa - người kết án Abel 30 năm tù - đều là những người có tầm nhìn xa. Khó khăn lớn nhất đối với anh trong nhà tù là không được trao đổi thư từ với gia đình. Việc này mãi mới được chấp thuận (với điều kiện kiểm duyệt ngặt nghèo) sau khi Abel được gặp giám đốc Cục Tình báo trung ương Allen Dulles. Ông này, khi chia tay với Abel và nói chuyện với luật sư Donovan, đã nói một câu mơ mộng: “Tôi mong sao chúng ta có được ba, bốn người ở Moscva như Abel”.

* Bắt đầu cuộc đấu tranh giải phóng Abel

Tại Drezden các cộng sự tình báo tìm được một người phụ nữ hình như là bà con với Abel. Mark đã viết thư gửi từ nhà tù ra theo địa chỉ của bà, nhưng bỗng nhiên, không nói lý do, người Mỹ không cho anh trao đổi thư từ nữa. Lúc này “ông anh họ của R.I. Abel”, một chàng Yu. Drivs nào đó, một viên chức nhỏ sống ở Cộng hoà dân chủ Đức phải nhập cuộc. Đóng vai trò của anh ta là một nhân viên tình báo nước ngoài Yu. I. Drozdov, người lãnh đạo tương lai của tình báo bất hợp pháp. Công việc kéo dài mấy năm vất vả. Drivs đã trao đổi thư từ với ông Donovan thông qua một luật sư ở Đông Berlin, mọi người trong gia đình Abel cũng viết thư từ. Người Mỹ rất thận trọng, họ kiểm tra địa chỉ của “ông anh họ” và của luật sư.

Mọi việc được thúc đẩy nhanh hơn sau ngày 1 tháng 5 năm 1960, khi ở vùng Sverlovsk bắn hạ được chiếc máy bay do thám U-2 và bắt được tên phi công Frensis Harri Pauers. Liên Xô cáo buộc Mỹ là có hành động gián điệp, Tổng thống Eisenhower đã trả lời bằng cách nhắc nhở người Nga nhớ đến vụ Abel. Tờ *Thời báo New York* là tờ báo đầu tiên trong bài xã luận của mình đã đề nghị đánh đổi hai người. Như vậy là tên tuổi Abel lại một lần nữa là tâm điểm chú ý. Tổng thống Mỹ chịu sức ép của cả gia đình Pauers và của cả dư luận xã hội. Các luật sư hoạt động sôi nổi. Kết quả là hai bên đi đến thoả thuận.

Ngày 10 tháng 2 năm 1962, có mấy chiếc xe đi từ hai phía Đông và Tây Berlin tiến tới chân cầu Alt Glinica. Abel xuống xe của Mỹ, còn Pauers xuống xe Liên Xô. Họ đi về phía nhau, trong một giây họ dừng lại nhìn nhau rồi rào bước đi về phía



*Francis Pauers - viên phi công
được phía Liên Xô dùng để
đổi lấy Rudolf Abel*

xe nước mình. Những người chứng kiến nhớ lại rằng khi Pauers được trao cho người Mỹ anh được mặc chiếc áo bành tô đẹp, đội mũ lông tuần lộc, thân hình cường tráng, khỏe mạnh, còn Abel thì mặc bộ quần áo mũ tù màu xanh xám, và theo lời Donovan, “trông gầy còm,

mệt mỏi và già xạm đi”. Một giờ sau tại Berlin Abel gặp vợ con, sáng hôm sau cả gia đình hạnh phúc bay về Mosca.

Những năm cuối đời William Hendrikovich Fisher, cũng là Rudolf Ivanovich Abel, và là Mark, làm việc trong ngành tình báo nước ngoài. Anh đã sang Cộng hòa dân chủ Đức, Rumani, Hungari, thường nói chuyện với các cán bộ trẻ, tham gia đào tạo kèm cặp. Năm 1971, anh qua đời ở tuổi 68.

Về việc mai táng, con gái anh là Evelina kể lại cho nhà báo N. Dolgopolov: “Đây là việc phức tạp khi phải quyết định là mai táng ở đâu. Nếu ở nghĩa trang Novodevichye thì phải mang tên Abel. Mẹ tôi phản đối: “Không!”. Tôi cũng lên tiếng như vậy. Và chúng tôi đòi phải chôn cất bố tôi với chính tên của ông ở nghĩa trang Donskoe... Tôi nghĩ rằng tôi mãi mãi có thể tự hào với cái tên William Hendrikovich Fisher”.

LEOPOLD TREPPER

“SẾP LỚN” CỦA “DÀN ĐỒNG CA ĐỎ”

Ông thường được gọi là “sếp lớn” của “Dàn đồng ca đỏ”. Nhưng bản thân “Dàn đồng ca đỏ” là gì? Không hề có một mạng lưới điệp viên Xô Viết nào có tên gọi như vậy mà chỉ có những nhóm điệp viên hoạt động độc lập của Cục An ninh Quốc gia và Bộ Nội vụ Liên Xô bị cơ quan phản gián Đức khám phá ra. Còn “Dàn đồng ca đỏ” lúc đầu là tên gọi của một nhóm do thám Đức thuộc lực lượng xung kích phát xít SS, nhóm này chuyên lũng bắt điện đài của các lực lượng chống phát xít tại các lãnh thổ ở Tây Âu bị phát xít chiếm đóng. Mãi đến sau chiến tranh, những sách báo nói về cuộc đấu tranh chống phát xít mới bắt đầu dùng tên “Dàn đồng ca đỏ” đặt cho những nhóm chống phát xít có quan hệ với cơ quan tình báo Xô Viết.



Leopold Trepper sinh ngày 23 tháng 2 năm 1904 ở thành phố Niva Tac tại vùng Galixia, trong gia đình một người Do Thái làm nghề chào hàng. Năm 14 tuổi, Leopold gia nhập tổ chức thanh niên Do Thái “Hasome Hasai” là tổ chức hợp tác với Đảng Cộng sản Ba Lan. Vào tháng 4 năm 1924, Leopold di cư sang Palestine và tại đây, ông tích cực tham gia cuộc

đấu tranh chống quân xâm lược Anh. Ông bị bắt rồi bí mật chạy sang Pháp và tham gia hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp. Vì có nguy cơ bị bắt ở Pháp nên ông được cử sang Moscva theo học trường Đại học cộng sản của các dân tộc thiểu số Tây Âu. Năm 1936, theo chỉ thị của cục trưởng Cục Tình báo Liên Xô Berdin, ông sang Pháp để điều tra một vụ thất bại. Sau khi xác định được thủ phạm gây ra vụ thất bại đó là Robert Gordon, ông quay trở lại Moscva. Năm 1937, ông trở thành nhân viên của cơ quan Tình báo Quân sự Xô Viết và được trao nhiệm vụ tổ chức ở Bỉ một hệ thống liên lạc bí mật để hoạt động trong thời chiến. Người phó của ông là Grosfoghen do chính ông tuyển mộ, người phụ trách bộ phận thông hành là Raiman cũng do chính ông lấy vào làm. Năm 1938, Leopold Trepper mở một công ty ở Brussel mà giám đốc là Julem Jaspar, em trai của cựu thủ tướng Bỉ, đồng thời ông thành lập một mạng lưới chi nhánh của công ty này có bố trí những căn phòng bí mật tại các nước vùng Scandinavi. Vào tháng 4 năm 1939, hai điệp viên có hạng của Trung tâm là Gurevich ("Kent") và Macarov ("Hemnit") được cử đến hỗ trợ cho Leopold.

Nhiệm vụ chủ yếu của nhóm điệp viên Leopold là khai thác tài liệu và tổ chức liên lạc, bởi vậy, nhóm này không hoạt động tình báo trực tiếp.

Năm 1938, Raiman bị bắt lần thứ nhất và đến năm 1939 bị bắt lần thứ hai vì là kẻ cư trú bất hợp pháp ở Bỉ. Thật sơ suất là sau khi Raiman được trả lại tự do, Leopold lại dùng Raiman để liên lạc với các thành viên khác của nhóm. Vì vậy, Raiman quen biết Gurevich, Macarov, Idorbuski, Grosfoghen. Sai lầm này về sau đã đem lại hậu quả khôn lường.

Tháng 5 năm 1940, Bỉ bị phát xít Đức chiếm đóng. Cảm thấy nguy cơ bị bắt, Leopold bỏ vợ con đến trú ẩn tại nhà người tình của mình là Jora de Vinte. Vợ con ông được Gurevich gửi sang Liên Xô.

Ngày 16 tháng 8 năm 1940, sau khi chuyển được sang Paris ba trăm ngàn phrăng thuộc công ty, Leopold nhờ xe của sứ quán Xô Viết và sử dụng giấy tờ mang tên Ginbe chạy sang Paris. Sau đó ít lâu, Grosfoghen cũng sang Paris.

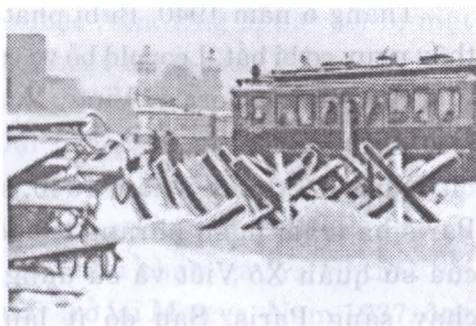
Như Gurevich về sau chỉ rõ, sai lầm của Leopold là ở chỗ đã dựa vào phân bộ Do Thái của Đảng Cộng sản Bỉ để tuyển mộ nhân viên. Điều đó đã dẫn đến thất bại, nhất là trong hoàn cảnh phát xít Đức chiếm đóng.

Gurevich ở lại Brussel và gánh trách nhiệm lãnh đạo nhóm. Ngoài ra, ông còn tổ chức được một công ty mới là công ty “Simesco” có chi nhánh ở Paris, Marseille và nhiều thành phố Châu Âu khác. Về thực chất, Gurevich đã thành lập được một mạng lưới điệp viên mới, tổ chức được những căn phòng bí mật và nhờ địa vị của mình, khai thác được những tin tức hết sức quan trọng. Những “người cấp tin vô tình” của ông là những sĩ quan-hậu cần Đức chuyên đặt mua hàng qua công ty “Simesco”. Gurevich cũng thường đi sang Thụy Sĩ để liên lạc với nhóm điệp viên “Dora”.

Cũng trong thời gian đó, còn một nhóm điệp viên nữa hoạt động ở Bỉ, đó là nhóm “Pascan” do đại úy Cục Tình báo Liên Xô là Efremov đứng đầu.

Sau khi chiến tranh bùng nổ, ngoài việc liên lạc với rất nhiều nhóm điệp viên, Gurevich còn được trao nhiệm vụ đến Berlin tiếp xúc với một số nhóm hoạt động tại đây như nhóm

“Anta”. Gurevich tận tâm thực hiện những nhiệm vụ này và chuyển về Moscva không chỉ những tin tức của mình mà còn tin tức của các nhóm khác như nhóm “Anta”, nhóm “Starsina”, nhóm “Corsicanes”. Điện đài của Gurevich hoạt động



Vật cản chống tăng trên quảng trường nhà ga đường sắt Belorussia, Moscva, mùa đông 1941

không ngừng vào các ngày 21, 23, 25, 26, 27 và 28 tháng 11 năm 1941 là những ngày phát xít Đức tiến đến cửa ngõ Moscva. Tình hình tương tự cũng diễn ra cả vào tháng 12 năm 1941. Tin tức được Trung tâm đánh giá cao. Nhưng cơ quan phản gián và phòng săn lùng điện đài của Đức không lơ là cảnh giác. Một đội săn lùng điện đài mật được thành lập dưới sự chỉ huy của hai viên tướng phát xít là Pansiger và Hering. Trong khi ấy, Trung tâm yêu cầu các điện đài phải hoạt động liên tục, điều này đã tạo điều kiện dễ dàng cho phát xít Đức trong việc săn lùng và tiêu diệt các điện đài.

Và điều không tránh khỏi đã xảy ra. Vào tháng 12 năm 1941, đội săn lùng điện đài tổ chức một cuộc vây ráp các địa chỉ mà chúng xác định được. Một vài nhân viên điện đài, nhân viên giải mã và người chủ căn hộ có chứa một trong những đài phát, bị bắt giữ. Về sau, cả Macarov cũng bị bắt. Trepper rơi vào ổ mai phục nhưng thoát thân được nhờ xuất trình giấy chứng minh của “Tổ chức Tốt” là một tổ chức của Đức. Ông lập tức cảnh báo về việc nhóm Gurevich có thể bị thất bại. Toàn bộ

mạng lưới rút vào bí mật. Trepper, Gurevich cùng vợ là Barsa lần trốn ở Paris và Marseille.

*** Hậu quả từ một sai lầm**

Trong tay Gestapo có những bức điện mật mã chuyển qua máy phát đặt ở Brussel. Việc giải mã những bức điện này đã gây tổn thất nặng nề cho các nhóm hoạt động ở Berlin như nhóm “Starsina”, nhóm “Anta”, nhóm “Corsicanes”. Thực tế là từ thời gian ấy, không còn một nhóm điệp viên Xô Viết nào ở Berlin nữa. Còn về phần các điệp viên hoạt động ở Bỉ thì số phận của họ cũng không tốt đẹp hơn. Raiman bị bắt cùng nhiều người khác, và ngay trong buổi thẩm vấn đầu tiên, y đã đồng ý hợp tác với người Đức. Kết quả việc phản bội của y là những điệp viên chịu trách nhiệm liên lạc với Hà Lan cũng bị bắt, tất cả là mười bảy người. Một nhân viên điện đài đầu hàng và ngay từ ngày 22 tháng 9 năm 1942, điện đài của y đã bắt đầu gửi tin về Moscva dưới sự giám sát của Gestapo. Tuy nhiên, những điệp viên không bị bắt đã kịp báo tin cho Trung tâm và Trung tâm bắt đầu “trò chơi điện đài” với người Đức. Một vài nhân viên điện đài và điệp viên khác bị Gestapo buộc phải hợp tác với chúng. Họ đã lũng vào các bức điện những dấu hiệu quy ước ngụ ý họ đang làm việc dưới sự giám sát của Gestapo, nhưng không phải dấu hiệu quy ước nào cũng được hiểu đúng.

Sau khi bị tra tấn dã man, đa số các điệp viên của “Đàn đồng ca đỏ” ở Bỉ bị hành quyết. Nhưng điều đáng sợ nhất là nhiều người bị gán cho vết nhơ phản bội, chẳng hạn như Efremov và Macarov. Trong chuyện này có phần trách nhiệm lớn của Trepper. Trong các hồi ký của mình sau chiến tranh và

trong cuốn sách *Trò chơi lớn*, Trepper đã vu oan cho Gurevich, Efremov, Macarov và một số người khác.

* Hoạt động tích cực, hiệu quả ở Pháp

Từ tháng 8 năm 1940, Trepper sinh sống ở Paris. Ông bắt tay vào việc tổ chức hoạt động của một nhóm điệp viên mới, có một vỏ bọc chắc chắn là công ty thương mại “Simesco”. Công ty này về sau trở thành một trong những công ty chuyên cung cấp hàng cho “Tổ chức Tốt” ở Pháp là tổ chức thực hiện mọi công việc xây dựng và gia cố theo đơn đặt hàng của nước Đức phát xít. Nhờ vậy, Trepper có khả năng xin được giấy phép vào Bỉ, Hà Lan và những vùng bị chiếm đóng ở Pháp, và dĩ nhiên, ông có điều kiện thu thập những tin tức về các vấn đề kinh tế quân sự. Là một nhà tuyển mộ tài năng, Trepper đã xây dựng được một mạng lưới điệp viên gồm nhiều nguồn tin quý giá. Ông còn được phép liên lạc với những điệp viên được tuyển mộ bởi một điệp viên nằm vùng hợp pháp của Cục Tình báo Xô Viết là tướng Susloparov, tùy viên quân sự của Liên Xô bên cạnh chính phủ Visi. Vì vậy, Trepper bắt đầu chuyển qua tướng Susloparov cho Trung tâm nhiều tài liệu về số lượng và cách phân bố các đơn vị quân đội phát xít ở Pháp. Vào giữa tháng 5 năm 1941, Trepper chuyển cho Trung tâm một tin tức đặc biệt quan trọng về việc quân Đức đã chuyển qua Thụy Điển và Na Uy tới Phần Lan gần năm trăm ngàn lính, còn toàn bộ ban lãnh đạo cao nhất của “Tổ chức Tốt” đã chuyển đến Ba Lan. Ông cũng thông báo về việc quân Đức di chuyển từ Pháp về phía biên giới Liên Xô và nêu dự kiến ngày quân Đức có thể tấn công Liên Xô sẽ trong khoảng từ 20 đến 25 tháng 5 năm 1941. Còn thông báo về ngày tháng chính xác

chiến tranh bùng nổ được Trepper chuyển qua tướng Susoplarov vào ngày 21 tháng 6 năm 1941. Sau khi Susoplarov về nước, Trepper và mạng lưới điệp viên của ông không còn liên lạc được với Moscva nữa.

*** Từ một nước cờ miễn cưỡng dẫn đến một thảm họa...**

Tháng 6 năm 1941, Cục Tình báo Xô Viết đi một nước cờ miễn cưỡng là giao cho một nhân viên điện đài của Efremov là Venxen nhiệm vụ thiết lập mối tiếp xúc với Gurevich và giúp đỡ cả Gurevich lẫn Trepper. Tất cả những sự việc ấy rút cuộc đã dẫn đến thảm họa. Do Trepper quá tự tin và đánh giá quá cao khả năng của mình, cả ba điệp viên ấy đã liên kết với nhau và tổ chức ra một mạng lưới lỏng lẻo, một hệ thống sơ hở, lộ liễu mà trong đó, Trepper mưu toan đóng vai “sếp lớn”.

Mặc dù cơ quan phản gián Đức thu được thành công ở Bỉ và Hà Lan nhưng nhiệm vụ chủ yếu của chúng vẫn là lùng bắt Trepper và Gurevich. Vào khoảng tháng 11 năm 1942, phản gián Đức đã có đủ điều kiện tiêu diệt mạng lưới điệp viên nằm vùng của Trepper ở Pháp. Chúng đã giải mã được phần lớn những thư từ trao đổi giữa Trung tâm và Gurevich. Trong quá trình hỏi cung những điệp viên bị bắt giữ, chúng đã thu được những tin tức cần thiết về mạng lưới điệp viên ở Pháp. Đến tháng 11 năm 1942, tại Paris và Marseille, chúng bắt được Gurevich, Barsa và toàn bộ nhân viên của công ty “Simesco”.

Để tránh bị Gestapo săn lùng, Trepper tìm cách dàn dựng “vở kịch” về việc Jan Jinbert (tên giả của ông) qua đời. Nhưng “vở kịch” đó không thành. Ngày 24 tháng 11 năm 1942, Trepper bị bắt giữ tại một phòng chữa răng ở Paris. Cho đến tháng 1 năm 1943, tất cả các trợ tá và nhân viên mạng lưới bí

mật của ông đều bị bắt. Số người bị bắt ở Pháp, Bỉ và Hà Lan lên tới con số hơn một trăm, trong đó bảy mươi người làm việc cho cơ quan tình báo Xô Viết.

Bộ chỉ huy Đức quyết định thông qua hệ thống đài phát của Venxen, Gurevich và Trepper để chơi “trò chơi điện đài” với các cơ quan an ninh Xô Viết. Sáu trong số tám đài phát bị chúng tịch thu nay được sử dụng vào “trò chơi” này. Nhằm cứu vãn không những chính bản thân mình mà còn có thể có ích cho công việc, Trepper và Gurevich buộc phải giả vờ hợp tác với bọn Đức. Vào tháng 6 năm 1943, qua một liên lạc viên của mình trong Đảng Cộng sản Pháp, Trepper đã thông báo được cho Trung tâm về việc các đài phát của các nhóm điệp viên ở Pháp, Bỉ và Hà Lan đang hoạt động dưới sự giám sát của Gestapo. Điện đài bí mật của Quốc tế Cộng sản đã chuyển tin này về Moscva ngày mồng 7 tháng 7 năm 1943. Nhưng thật ra, những tin tức về các vụ bắt bớ cũng như việc các đài phát hoạt động dưới sự giám sát của tình báo Đức đã được chuyển từ đi trước đó rồi. Chẳng hạn, ngày 15 tháng 7 năm 1942, Efremov đã báo tin về vụ bắt giữ nhân viên điện đài của ông là Venxen, tiếp đó, ngày 25 tháng 9 năm 1942, Robinson báo tin về việc Efremov và Venxen bị bắt giữ. Bản thân Trepper thì ngay từ ngày 1 tháng 11 năm 1942 đã báo tin về việc nhóm điệp viên của Efremov bị bắt giữ, rồi đến ngày 20 tháng 11 năm 1942 thì xác nhận vụ bắt giữ Venxen ngày 29 tháng 6 và vụ bắt giữ Efremov ngày mồng 7 tháng 8. Từ tháng 6 năm 1943, Trung tâm bắt đầu tiến hành “trò chơi điện đài” trên quy mô lớn với tình báo Đức.

Ngày 13 tháng 9 năm 1943, Trepper lợi dụng cơ hội thuận lợi chạy trốn khỏi đội bảo vệ phát xít. Bọn Đức tiến hành săn lùng ông. Nhưng ông lần trốn tại nhà bạn bè của mình ở Paris

cho đến khi Paris được giải phóng vào tháng 8 năm 1944. Ngày 18 tháng 11 năm 1943, Venxen cũng trốn thoát sau khi dùng ghế đập vào đầu tên lính gác. Ông lần trốn ở Brussel cho đến ngày nước Bỉ được giải phóng.

Gurevich bị giam giữ cho đến khi kết thúc chiến tranh. Nhưng ông đã lập được một chiến công chưa từng có trong lịch sử tình báo là tuyển mộ được một nhân viên phản gián Đức tên là Pannvis. Ngay trước khi quân đội Đồng Minh tiến sát đến Paris, Gurevich, Pannvis, nhân viên điện đài và người nữ thư ký của ông đã chạy trốn được vào dãy Anpes, mang theo nhiều tài liệu lưu trữ của đội săn lùng “Dàn đồng ca đỏ”.

*** Chiến tranh chấm dứt, nhưng đời người ta chưa phải đã kết thúc**

Sau khi chiến tranh chấm dứt, Trepper cùng các điệp viên Xô Viết khác trở về Moscva. Không thể nói rằng tại Moscva, ông được đón tiếp như người anh hùng. Ông buộc phải chịu trách nhiệm không chỉ về những sai lầm thực sự của bản thân ông mà còn về những thất bại xảy ra do lỗi của Trung tâm. Ông bị đàn áp và 9 năm sau, tức là năm 1954 mới được phóng thích. Từ năm 1957, ông sống ở Ba Lan rồi đến năm 1973, ông từ Ba Lan di cư sang Israel. Ông qua đời tại Israel vào năm 1982.

Cuộc sống sau chiến tranh của Gurevich cũng rất khó khăn. Mặc dù đưa được về Moscva những “chiến lợi phẩm” quý giá như nhân viên tình báo Đức Pannvis và tập tài liệu lưu trữ của “Dàn đồng ca đỏ”, nhưng ông vẫn bị quy trách nhiệm về vụ thất bại của “Dàn đồng ca đỏ” ở Berlin và nhiều lỗi lầm khác. Ông phải ngồi tù một thời gian dài trước khi được trả tự do, nhưng mãi gần đây ông mới được phục hồi danh dự.

ARNOLD DEITCH-STEPHAN LANG

NGƯỜI TẠO DỰNG “BỘ NGŨ CAMBRIDGE”

Tên tuổi ông được giữ kín một thời gian dài, hồ sơ lưu trữ của ông bị bao phủ bởi một lớp bụi cho đến năm 1991. Công lao to lớn của Stephán Lang (tên mà bạn bè thường gọi cũng như tên ông thường ký dưới các bức thư) (1904-1942) là chính ông đã tạo dựng ra nhóm “bộ ngũ điệp viên nổi tiếng” làm việc cho Liên Xô, hoạt động nhiều năm trong các vị trí quan trọng ở nước Anh. Họ đã bước vào nghề tình báo dưới sự dẫn dắt của ông.

*** Tư tưởng vị chủ nghĩa xã hội - kim chỉ nam cho hoạt động tình báo**

Deitch sinh ra trong một gia đình tiểu thương, cha làm thầy giáo làng ở Slovakia. Ông tham gia cách mạng từ năm 1920. Năm 1932, ông tới Moscva theo con đường Quốc tế Cộng sản. Vài năm sau ông bắt đầu hoạt động cho cơ quan tình báo Liên Xô dưới cái tên Stephan Lang. Ông có kinh nghiệm hoạt động bí mật, biết vài ngoại ngữ vì vậy không mất nhiều thời gian để trở thành điệp viên. Tháng 10 năm 1933, ông nhận nhiệm vụ tới London hoạt động. Cùng hoạt động với ông có ba người từ Áo tới. Đó là “John” người Anh, thực hiện nhiệm vụ Deitch giao, cụ thể là giúp điệp viên thứ hai “Strela” gây dựng ở London. Cô tốt nghiệp khoá học chụp ảnh, là nhà nhiếp ảnh giỏi, căn hộ của cô được sử dụng để chụp và rửa các tài liệu

tình báo. Người thứ ba là “Edit” (Edit Tudor Hart), lấy chồng là bác sĩ người Anh, sau đó nhập quốc tịch Anh, có mối quan hệ với giới thượng lưu Anh. Nhiệm vụ của cô là tìm hiểu những thanh niên có triển vọng và những người làm việc tại các cơ quan tình báo Liên Xô quan tâm. Chính cô là người đã giới thiệu Philby với Deitch.

Năm 1934, Stephan nhập học tại trường Đại học London, ông nghiên cứu tâm lý học. Đó là cơ hội để ông làm quen với giới học sinh, sinh viên. Ông chú ý tới các sinh viên có khả năng và triển vọng giúp ông trong công tác tình báo. Ông thường tìm kiếm những người xuất thân từ tầng lớp thượng lưu, nhưng thực tế ở trường Đại học London không có những người như vậy. Stephan tìm hiểu kỹ lưỡng hệ thống tuyển chọn các chuyên gia và quan chức vào các cơ quan quan trọng của nhà nước. Ông hiểu rằng ứng cử viên vào các chức vụ đó là sinh viên của các trường Đại học Cambridge và Oxford. Và ông chú ý nhiều tới hướng đó. Trong lúc đó tư tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Liên Xô được nhiều người khá giả trong xã hội Anh, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ủng hộ. Nước Nga Xô Viết là nước duy nhất phản đối mạnh mẽ chủ nghĩa phát xít Đức. Vì vậy ở các trường như Cambridge và Oxford có những người sẵn sàng đấu tranh vì tư tưởng chủ nghĩa xã hội (CNXH). Nhưng cần phải phát hiện ra họ, đánh giá được khả năng hoạt động của họ, hướng dẫn các quy tắc hoạt động bí mật cũng như chiến thuật ứng xử.

Để mang lại kết quả cần có sự thận trọng và lý lẽ sắc bén. Stephan không phải là điệp viên “dao búa” hoặc thích dùng tiền, ông không có kế hoạch đe dọa hay mua chuộc để lôi kéo mọi người. Chỉ có tư tưởng, đó là điều có thể làm được mọi thứ.

Trong thời gian hoạt động tại London, Deitch Stephan đã gây dựng được hơn hai mươi cơ sở cung cấp thông tin. Những điệp viên do Deitch đào tạo mà hiện nay chúng ta biết, đều là sinh viên của trường Đại học Cambridge. Nhưng trong số những người do ông tuyển mộ cũng có những người là sinh viên của Oxford và họ tỏ ra không kém tài năng và trung thành. Khác với các sinh viên của Cambridge, không ai trong số họ bị phát hiện. Nhà nghiên cứu người Anh Kostelo đã viết: *“Những chú chuột Oxford” của Stalin hẳn đã đào được đường hầm tới chính phủ Anh như các đồng nghiệp ở Cambridge, nhưng phần đông họ đã mang theo các hoạt động bí mật của mình cho Moscva xuống mồ. Có thể thấy họ đã giành được địa vị cao và nắm giữ nhiều bí mật quốc gia như thế nào.”*

* Bộ ngũ Cambridge



Donald Maclean (1913 - 1983)

Nhưng chính “bộ ngũ Cambridge” là Kim Philby, Donald Maclean, Guy Burgess, Anthony Blunt và John Caincross đã đem lại vinh quang cho Arnold Deitch.

Nhân vật thứ hai trong “bộ ngũ” là Donald Maclean. Ông

sinh ngày 25 tháng 5 năm 1913 tại London, là con trai của nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, đồng thời là một nghị sĩ. Khi trở thành sinh viên trường Đại học Cambridge, Donald lập tức bị lôi cuốn vào các cuộc tranh luận chính trị, gia nhập hiệp hội

XHCN của sinh viên. Ông mơ ước tới nước Nga để làm nghề kéo lái máy kéo bình dị hoặc làm nghề giáo viên. Cũng như Philby và các thành viên khác của “bộ ngũ”, ông đã từ bỏ những quan điểm cánh tả sau khi được Philby giác ngộ vào tháng 8 năm 1934 theo yêu cầu của Deitch. Sau khi tốt nghiệp đại học, Donald Maclean làm việc tại Bộ Ngoại giao Anh. Từ đó tới lúc ông thôi không làm tại đại sứ quán Anh và rời nước Pháp vào năm 1940 ông đã cung cấp cho cơ quan phản gián Liên Xô một số lượng tài liệu lên đến bốn nhăm tập, mỗi tập hơn ba trăm trang. Công việc của ông vào những năm sau đó cũng không kém phần sôi động cho tới ngày có nguy cơ bị lộ và phải chuyển tới Moscva năm 1951 (lúc đó ông là trưởng phòng phụ trách quan hệ với Mỹ của Bộ Ngoại giao Anh). Chính ông là người đã thông báo vào tháng 9 năm 1941 rằng chính phủ Anh đã ra chỉ thị triển khai dự án “luyện ống” - dự án chế tạo bom nguyên tử. Những ngày cuối đời Maclean sống tại Moscva. Có thể nói bên cạnh công việc tình báo ông còn là một nhà khoa học có tiếng tăm, một tiến sĩ khoa học.



Guy Burgess thời trẻ

Nhân vật thứ ba trong “bộ ngũ” là Guy Francis de Moncy Burgess, sinh năm 1911 trong một gia đình sĩ quan hàng hải. Sau khi tốt nghiệp Đại học Cambridge ông làm việc cho BBC và tuân theo nhiệm vụ do Deitch giao và đã lọt được vào cơ quan an ninh. Năm 1938, ông là nhân viên vụ chiến lược, tình báo Anh. Ông là điệp viên xuất sắc đã gây dựng được nhiều cơ sở cho cơ quan phản gián Liên Xô. Năm 1944, ông là trợ lý Bộ

trưởng Ngoại giao, năm 1950 được cử sang Mỹ làm cán bộ ngoại giao. Những tài liệu của ông về chiến thuật quân sự của Anh và về hoạt động gián điệp của Anh và Mỹ có giá trị đặc biệt quan trọng.

Năm 1951 ông sang Liên Xô cư trú vì có nguy cơ bị lộ. Ông mất tại Moscva năm 1963.

Nếu như tên tuổi của Philby, Maclean, Burgess được biết đến đã hơn ba mươi năm thì tên tuổi của hai thành viên còn lại mới được biết đến trong những năm gần đây.

John Caincross sinh năm 1913 tại Scotland trong một gia đình buôn bán nhỏ. Nhờ giỏi giang và thông minh ông đã đỗ vào Đại học Cambridge. Sau khi tốt nghiệp đại học ông được nhận vào Bộ Ngoại giao và từ năm 1940 là thư ký riêng của nghị sĩ Henki, người có quan hệ trực tiếp với cơ quan tình báo Anh. Caincross đã cung cấp nhiều thông tin liên quan tới việc quân Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô. Tháng 9 năm 1941, ông gửi cho Nga báo cáo của Churchill về việc chế tạo vũ khí hạt nhân. Từ năm 1942, Caincross làm việc ở đơn vị thu sống và giải mã. Ông đã chụp cho Liên Xô những tài liệu tối mật mà chỉ có ba bản dành cho Churchill, bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cục trưởng SIS, và cả những tài liệu có liên quan tới nước Đức và mặt trận Xô-Đức. Caincross đã chuyển những thông tin quan trọng về việc Đức chuẩn bị tấn công vành đai Kursk mà London đã lơ đi không thông báo cho đồng minh của mình. Như vậy Caincross đã cứu mạng sống cho hàng chục nghìn lính Xô Viết. Sau đó ông làm việc tại SIS về vấn đề tình báo ở Liên Xô và các nước Balcan. Nhờ ông mà Liên Xô đã có một danh sách các điệp viên của Đức và Anh. Vì sức khoẻ yếu nên ông đã phải thôi công việc tình

báo và ngừng mọi liên lạc. Ông mất năm 1995 ở tuổi 82.

Và cuối cùng, thành viên thứ năm của “bộ ngũ” là Anthony Blunt, nhà nghiên cứu nghệ thuật nổi tiếng. Ông sinh tháng 9 năm 1907 trong một gia đình linh mục. Bà mẹ xuất thân từ gia đình quý tộc quyền quý và điều này có ảnh hưởng quyết định tới tương lai của ông, trong đó đặc biệt là việc theo học tại Cambridge. Trong thời gian chiến tranh



Anthony Blunt

ông làm việc tại cơ quan tình báo Anh. Ông đã cung cấp thông tin về các hoạt động chống lại tình báo Liên Xô và các cuộc đàm phán bí mật riêng rẽ giữa Anh-Mỹ và đại diện của Đức trong những năm 1944-1945. Sau chiến tranh Blunt giữ chức vụ bảo quản các bức tranh của Hoàng gia và điều này giúp ông tiếp cận với các nhân vật chính trị cao cấp của Anh. Ông đã cung cấp những thông tin quan trọng cho Liên Xô, nhưng theo thỏa thuận trước đó với tình báo Nga là không liên quan tới Hoàng gia. Từ năm 1952 ông làm cố vấn cho Nữ hoàng về nghệ thuật. Ngày 26 tháng 5 năm 1983 Anthony Blunt qua đời.

Đó là tiểu sử tóm tắt của các thành viên trong “bộ ngũ”. Chỉ trong thời gian chiến tranh họ đã cung cấp cho Mosca hơn hai mươi nghìn tài liệu bí mật. Ngoài những tin tức chính trị, quân sự còn có các báo cáo về ngày giờ và địa điểm tung gián điệp vào Liên Xô có giá trị quan trọng để kịp thời vô hiệu hoá chúng.

* Cũng một cái chết bi hùng

Tháng 9 năm 1937, Arnold Deitch bị gọi về Moseva. Ông may mắn không chịu số phận bi thảm như những điệp viên khác là bị thanh trừng và xử tử. Ông thậm chí còn được phép quay về London để phát triển mạng lưới điệp viên. Deitch đóng góp không nhỏ vào việc nâng cao kỹ thuật nghiệp vụ. Vừa tìm kiếm các quan hệ mới, gặp gỡ các cộng sự, lên kế hoạch thực hiện các công việc phức tạp, ông còn làm được nhiều việc khác. Riêng ở Anh ông đã có sáu sáng kiến. Là một người tìm tòi, ông cải tiến phương pháp chụp các tài liệu tình báo và gửi về Trung Tâm, chú ý áp dụng các phát minh khoa học, kỹ thuật, cụ thể là sử dụng tia cực tím để chụp ảnh trong bóng tối, đề ra một số cách ghi chép mới bằng mật mã. Nhưng khi trở về London ông không hoạt động được. Ý định đưa ông sang Mỹ cũng không thành. Thực tế ông trở nên thất nghiệp. Cuối năm 1938, Deitch hợp tác với Viện Kinh tế Thế giới và Chính trị Thế giới của Viện Hàn lâm Liên Xô. Sau ngày 22 tháng 6 năm 1941, ban lãnh đạo tình báo quyết định đưa Deitch đi Argentina, một đất nước duy trì quan hệ chính trị và kinh tế với nước Đức phát xít.

Nhóm điệp viên của ông dự định vòng qua Iran, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á, nhưng sau ngày mùng 7 tháng 12 năm 1941 (trận Trân Châu Cảng), thì con đường này trở nên nguy hiểm. Cuối tháng 6 năm 1942, nhóm của ông đã tới Teheran. Từ đây ông đã gửi cho lãnh đạo tình báo bức thư riêng bày tỏ tấm lòng trần trở của một người ăn không ngồi rồi khi vận mệnh của đất nước đang lâm nguy. Bức thư đó như sau:

“Đồng chí Phichin thân mến! Tôi viết thư cho anh như cho

một người lãnh đạo và cũng là như cho một người bạn. Tôi cùng các đồng chí khác đã lên đường được tám tháng, nhưng vẫn như lúc bắt đầu, chúng tôi vẫn còn cách xa mục tiêu. Chúng tôi đã không gặp may. Tám tháng đã trôi qua, tám tháng qua người dân Xô Viết cống hiến sức lực ngoài mặt trận và trong lao động. Nếu không tính ba tháng trên tàu thủy ở Ấn Độ, nơi tôi làm được vài điều cho sự nghiệp chung, thì tôi chưa làm được điều gì có ích cho cuộc chiến. Hơn lúc nào hết, thời gian hiện nay là quý giá. Tôi thấy xấu hổ về “kỷ lục lao động” của mình trong thời gian chiến tranh Vệ quốc. Việc tôi không có lỗi gì cũng không thể nào an ủi được tôi.

Chúng tôi không biết sẽ phải đợi đến bao giờ. Điều đó làm lương tâm tôi bứt rứt. Tình hình ở các nước nằm trong nhiệm vụ của chúng ta đã thay đổi nhiều kể từ khi chúng tôi rời Moscov. Những nhiệm vụ chúng ta đặt ra khi đó, theo tôi nghĩ, khó mà thành hiện thực. Sớm nhất cũng phải ba, bốn tháng nữa chúng tôi mới tới nơi. Đến lúc đó chiến tranh sẽ kết thúc hoặc gần đến hồi kết.

Mục đích của bức thư này là bày tỏ những suy nghĩ của tôi và đề nghị anh như một người lãnh đạo và một người bạn giúp tôi chuyển sang công việc hữu ích khác và lấy lại quãng thời gian đã mất.

Xin lỗi vì đã làm phiền anh, nhưng tôi không có cơ hội trực tiếp trò chuyện cùng anh và hoàn cảnh của chúng tôi hiện nay không cho phép.

Hãy cho tôi trở về Liên Xô và trực tiếp ra mặt trận chiến đấu. Anh nhớ là tôi được cử đi từ Cục Chính trị của Bộ Tổng tham mưu (RKKA). Tôi có thể làm việc cho các anh, nhưng rất mong là không phải ở hậu phương. Và lại, khi quân đội Xô Viết

vượt qua biên giới Đức tiến vào Đức hoặc Áo thì sẽ có nhiều việc cho tôi làm.

Nếu cần, hãy giao cho tôi nhiệm vụ hoạt động bí mật ở đâu cũng được để tôi có cảm giác rằng mình đang trực tiếp chiến đấu, góp phần giành thắng lợi.

Chiến tranh đang diễn ra, là một đảng viên cộng sản, tôi hiểu rằng phải chấp hành mọi mệnh lệnh của anh. Thế nhưng tám tháng đã trôi đi, và việc sẽ còn phải tiếp tục ăn không ngồi rồi buộc tôi viết thư cho anh và đề nghị anh sớm giải quyết.

Gửi anh lời chào thân ái. Stephan”.

Vài ngày sau, một bức điện được gửi tới Teheran gọi Stephan và nhóm của ông về Moscva. Một kế hoạch mới lên Phương Bắc được vạch ra. Tháng 10 năm 1942, Stephan lên đường tới bờ biển Đông của nước Mỹ trên con tàu “Donbass”. Ngày 7 tháng 10, tàu bị máy bay Đức và sau đó là tàu “Đô đốc Seer” tấn công. Con tàu bị cắt đôi và chìm xuống biển. Toàn bộ hành khách được coi là đã hy sinh. Nhưng thực ra, một số thủy thủ của “Donbass” được cứu sống và bị Đức bắt làm tù binh. Thuyền trưởng Silke sau này trở về tiếp tục làm việc trong hạm đội Hắc Hải. Ông quả quyết rằng, đã thấy Stephan bị thương nặng, cụt hai chân và chìm xuống biển cùng con tàu.

OTTO SCORSENI

ĐIỆP VIÊN SS KHÁT MÁU

Về con người này, người ta viết như sau: “Khó mà tìm được trong cuộc đời thực cũng như trong văn học những cuộc phiêu lưu kỳ lạ hơn những cuộc phiêu lưu mà viên sĩ quan SS này đã trải qua”. Và tiếp đấy: “Ít có bộ phim hành động nào chứa đựng nhiều những cuộc phiêu lưu như những cuộc phiêu lưu mà Scorseni đã trải qua khi thực hiện những nhiệm vụ bí mật tại nhiều nước Châu Âu”. Có thể nói Scorseni là một điệp viên kỳ tài. Có điều y đã chọn cho mình con đường sống trải bằng thi thể của những người chống lại cái ác. Suốt cả cuộc đời y phục vụ lý tưởng của mình bằng khủng bố và sát thương.

*** Một tên phát xít thâm căn cố đế**

Dĩ nhiên, Otto Scorseni (1908 - 1975) đã có nhiều cuộc phiêu lưu đầy hấp dẫn. Nhưng phải nhớ rằng y là một tên phát xít thâm căn cố đế, khát máu. Chỉ cần dẫn ra ở đây những lời y phát ngôn vào năm 1960: “Nếu như Hitler còn sống thì tôi đã ở bên ông ta” là đủ hiểu y là loại người nào.

Trong những cuốn hồi ký của mình được viết sau chiến tranh, Scorseni không đề cập gì đến quãng đời của y từ năm 1908, năm y ra đời, cho đến năm 1943, khi y xuất hiện tại Tổng cục An ninh của nước Đức phát xít.

Thực ra y có nhiều điều để nói. Là người gốc Áo, nhưng

ngay từ năm 1934, y đã gia nhập phong trào phát xít đòi sáp nhập Áo vào nước Đức Hitler. Trước đó vài năm, khi còn là sinh viên, y đã làm quen và kết bạn với Caltenbrune, một trong những tên đầu sỏ tương lai của nước Đức phát xít và của cơ quan tình báo phát xít. Caltenbrune về sau bị toà án Nuremberg kết án treo cổ vì những tội ác chống nhân loại. Mỗi quen biết đó đã đóng vai trò quyết định trong cuộc đời Scorseni. Cả hai đều là những thành viên tích cực của “Đoàn lê dương hàn lâm” trong giới sinh viên, một tổ chức chỉ kết nạp những kẻ được tuyển chọn chuyên truyền bá chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và những tham vọng Đại Đức.

Caltenbrune giới thiệu Scorseni với thủ lĩnh phát xít Áo là Artur Zeis-inkvart. Năm 24 tuổi, Scorseni trở thành đảng viên Đảng Quốc xã và đến năm 1934 y gia nhập lực lượng SS. Vào giữa năm đó, ở Áo xảy ra âm mưu đảo chính nhằm sáp nhập nước Áo vào nước Đức. Một đội sát nhân SS có cả Scorseni xông vào dinh thủ tướng Áo và bắn ông trọng thương. Nhưng âm mưu đảo chính không thành. Lực lượng SS phải rút vào bí mật. Nhưng không lâu, năm 1938, Hitler chuẩn bị chiếm nước Áo. Trong nước Áo lại ngấm ngấm một âm mưu đảo chính mới. Những người đứng đầu âm mưu này là Caltenbrune và Artur Zeis.

Hai mươi tên SS dưới sự chỉ huy của Scorseni dễ dàng tiêu diệt đội bảo vệ và xông vào phòng làm việc của Tổng thống Miclas. Ông bị bắt và bị giải đi mất tích không để lại một dấu vết nào. Tiếp đấy, Thủ tướng Susnig cũng bị bắt (ông bị đưa vào trại tập trung cho đến hết chiến tranh). Hôm sau, quân đội Đức tiến vào thủ đô Vienna. Nền độc lập của Áo chấm dứt.

Ngày mồng 9 tháng 11 năm 1938, Scorseni tham gia chiến

dịch bài Do Thái “Gà trống đỏ”. “Một trăm chín mươi một nhà thờ Do Thái bị đốt cháy, bảy mươi sáu nhà thờ Do Thái bị phá huỷ hoàn toàn, mười một ngôi nhà chung và nghĩa trang bị đốt cháy. Hai mươi nghìn người bị bắt giữ”, - đó là kết quả trong ngày hôm đó được báo cáo lên Hering. Scorseni được ban thưởng huy hiệu. Y được sở hữu một toà biệt thự sang trọng mà người chủ Do Thái đã biến mất.

Khi Thế chiến Thứ hai bùng nổ, Scorseni trở thành một hạ sĩ quan khiêm nhường thuộc sư đoàn SS “Das Raykhe”. Y tiến qua Bỉ, Hà Lan, Pháp, Nam Tư. Rồi cuộc chiến tranh với Liên Xô bùng nổ. Đâu đâu, con đường y đi cũng kèm theo những vụ bắn giết và hành hình.

* Chỉ huy trưởng “Khóa đặc nhiệm Orannienburg”

Năm 1943, Hitler tuyên bố tiến hành cuộc chiến tranh huỷ diệt tổng lực, cuộc chiến tranh không hạn chế. Vào quãng thời gian đó, Caltenbrune, lúc này đã trở thành tổng cục trưởng Tổng cục An ninh của nước Đức phát xít, chợt nhớ đến Otto Scorseni. Y được triệu đến Berlin. Tại đây, Caltenbrune đề nghị y làm chỉ huy trưởng một đơn vị SS có biệt danh là “Khóa đặc nhiệm Orannienburg”. Đây là trường đào tạo biệt kích, tức là đào tạo những nhóm điệp viên và nhân viên phá hoại thượng hạng. Tại đây chuyên huấn luyện những thủ pháp giết người thâm lặng, những kiểu nhảy dù, phương pháp sử dụng thủy lôi và những thủ đoạn khác cần thiết cho công việc phá hoại. Tàu ngầm và máy bay tầm xa chở các học viên tốt nghiệp đến những nơi khác nhau trên thế giới. Ngoài những viên đạn tẩm thuốc độc dành cho kẻ thù, mỗi học viên tốt nghiệp trường còn nhận được một liều thuốc độc cho chính

mình. Họ không có quyền đầu hàng. Một chi tiết nữa tuy nhỏ nhưng rất quan trọng: những chất độc đó được đem thử trên những tù nhân tại trại tập trung Dacsenhaoden, và Scorseni biết rõ điều đó.

* “Chiến dịch Andreat”

Cũng vào khoảng thời gian ấy, Scorseni còn làm thêm một việc nữa. Các nhân viên của y dĩ nhiên là cần tiền - nếu không thì làm sao tuyển mộ được điệp viên? Nhưng đồng mark Đức không mua bán được ở nước ngoài, còn đồng dollar và đồng bảng Anh thì ngày càng hiếm ở trong nước. Bởi vậy, một kế hoạch làm tiền giả được hoạch định. Giám đốc trung tâm SS phụ trách việc làm tiền giả là một người bạn của Otto Scorseni - đó là Berhar, một sĩ quan SS có quá khứ tội phạm.

Đây là một kế hoạch làm tiền giả lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Mật danh của kế hoạch này là “chiến dịch Andreat”. Lúc đầu mọi nỗ lực được tập trung vào việc làm giả đồng bảng Anh. Tuy bắt đầu ngay từ năm 1940 nhưng phải hai năm rưỡi sau việc này mới thật sự sôi động, khi những tờ giấy bạc có mệnh giá năm đến năm mươi bảng Anh và thậm chí một nghìn bảng Anh đã trở nên “giống như thật”. Bỏ công sức vào việc này đương nhiên không phải là lực lượng SS mà là những họa sĩ, những thợ in, những kỹ sư và chuyên gia đầy tài năng - tất cả là 130 tù nhân của trại tập trung Dacsenhaoden. Và tất cả về sau đều bị thủ tiêu.

Scorseni rất cần tiền cho đám điệp viên của mình. Theo đề nghị của y, một bộ phận sản xuất và những chuyên gia giá trị nhất được chuyển vào lãnh địa Fridentan của y là nơi không bị ném bom. Tại đây cũng chuẩn bị làm dollar giả.

* Chiến dịch giải cứu Mussolini

Các biến cố tiếp tục phát triển. Sau khi quân Đức thất bại ở vòng cung Curxk và quân đội Anh - Mỹ đổ bộ xuống đảo Sixin, giới cầm quyền chớp bu của Italia hiểu rằng cuộc chiến đã thất bại. Chỉ có thể cứu được Italia bằng cách lật đổ Mussolini. Ngày 25 tháng 7 năm 1943, Mussolini bị bắt khi đến gặp nhà vua để báo cáo.



Benito Mussolini (trái) và Adolf Hitler

Thủ tướng mới của Italia là tướng Badolio bắt đầu cuộc thương lượng chính thức với Mỹ và Anh về việc ký hoà ước. Bộ chỉ huy Mỹ - Anh yêu cầu giao nộp Mussolini, nhưng Badolio lần lữa mãi. Ông liên tục chuyển Mussolini từ nhà tù này đến nhà tù khác. Lúc đầu, Mussolini bị quản thúc trên hải phòng hạm "Pecsephone" sau khi chiếc chiến hạm này được biến thành một nhà tù nổi. Tiếp đó, y bị đưa đến quần đảo Paulnan rồi đến Santa Mardalen. Cuối cùng y bị giam giữ tại một khách sạn du lịch hẻo lánh "Campo Imperatore" nằm trong một rặng núi hiểm trở, chỉ có thể đến được theo một con đường dốc cheo leo.

Ngày 26 tháng 7 năm 1943, hôm sau ngày Mussolini bị bắt, Hitler cho gọi Scorseni đến và ra lệnh:

- Bằng bất cứ giá nào cũng phải cứu được Mussolini!

Sau vài tuần tìm kiếm, địa điểm giam giữ Mussolini đã

được xác định. Phải đánh giá cho đúng sự tháo vát và nghị lực của Scorseni trong quá trình tìm kiếm này. Quả thật là những tên phát xít Italia làm việc tại cơ quan mật vụ của Mussolini trước kia đã giúp khá nhiều cho các đồng nghiệp Đức. Scorseni tuyển lựa được một trăm linh sáu kẻ tình nguyện lập thành một đội đặc nhiệm do y đứng đầu. Ngày 12 tháng 9 năm 1943, hai mươi chiếc tàu lượn chuyên dùng để đổ bộ đưa chúng vào vùng núi. Trên mỗi chiếc tàu lượn có chín tên. Hai chiếc bị lật nhào khi cất cánh và hai chiếc bị vỡ tan khi hạ cánh. Scorseni tiếp đất an toàn tại một nơi chỉ cách khách sạn chừng vài mét và cùng đội của y xông vào khách sạn. Bị đột kích bất thành linh, đội bảo vệ không kịp nổ một phát súng nào. Giám đốc khách sạn, một viên tướng Italia, kính cẩn đưa một cốc rượu cho Scorseni để tỏ ý khuất phục. Toàn bộ chiến dịch được một nhà quay phim do Scorseni đem theo ghi lại trên phim.

- Tôi đã giải phóng ngài theo lệnh của quốc trưởng - y báo cáo với Mussolini.

Chẳng bao lâu sau có một chiếc máy bay hai chỗ đến đón Mussolini. Nhưng Scorseni vẫn là người thứ ba ngồi lên máy bay. Và mặc dù máy bay bị quá tải (y cao một mét chín lăm và trọng lượng cũng tương ứng), y vẫn muốn tự mình áp tải “chiến lợi phẩm”.

Ngày tối hôm đó, đài phát thanh Đức thông báo về thành công rực rỡ của chiến dịch giải cứu Mussolini. Tên tuổi của Scorseni không được nhắc tới, nhưng chỉ hai ngày sau là bắt đầu một chiến dịch tuyên truyền âm ỹ. Hitler và Hebbels cần có một anh hùng thực sự để nâng cao tinh thần đang sa sút của người Đức. Scorseni đích thân chở Mussolini đến tổng hành dinh của Hitler, và từ giờ phút đó một trận mưa những phần

thưởng, những tặng phẩm quý và những cuộc thăng cấp rơi xuống đầu y. Đài phát thanh lớn tiếng nói về y, báo chí viết bài về y, bộ phim tài liệu ghi lại cuộc giải cứu được liên tục trình chiếu. “Liên đoàn các cô gái Đức” tặng bốc y là thần tượng của chủng tộc Đức. Y được thăng cấp thiếu tá SS, và Hitler tự tay quàng chiếc huân chương “Thập tự hiệp sĩ” vào cổ y.

* “Chiến dịch Bracone” - Gậy ông đập lưng ông

Sau chiến dịch giải cứu Mussolini, Scorseni được trao một nhiệm vụ quan trọng mới là tiến hành hoạt động phá hoại ở nước ngoài. Trong tay y có hơn ba nghìn kẻ cung cấp tin, mật thám và nhân viên phá hoại. Ngoài ra, y còn nhận được một danh sách tất cả các đảng viên phát xít ở hơn 40 nước trên khắp thế giới, những kẻ sẵn sàng hỗ trợ cho mạng lưới điệp viên của y. Nhiệm vụ chủ yếu của y là tung nhân viên phá hoại vào nước Nga. Nhưng trong số mười chín nhóm phá hoại được tung vào thì mười lăm nhóm bị bắt ngay lập tức, bốn nhóm còn lại bị bắt chậm hơn một chút.

Về sau, trong cuốn hồi ký của Scorseni, y đã nuối tiếc nhớ lại một trong những chiến dịch mà theo y là một chiến dịch lớn được thực hiện tại hậu phương Hồng quân. Theo lời y, vào mùa hè năm 1944, một “điệp viên nằm vùng” của y đã thông báo rằng nhiều nhóm binh sĩ Đức, tất cả tới hơn hai nghìn tên, do trung tá Serkhorn chỉ huy đang đổ về một vùng rừng rậm ở mạn Bắc Minsk. Không ai rõ địa điểm chính xác, mà cũng không liên lạc được với nhóm quân này. Scorseni được bộ tổng chỉ huy Đức trao nhiệm vụ phải cùng đội đặc nhiệm của y thiết lập được liên lạc với đội quân của Serkhorn và tìm mọi cách giúp đỡ. Chiến dịch do Scorseni soạn thảo mang mật danh là

“Bracone” và kéo dài từ giữa tháng 9 năm 1944 cho đến hết tháng 5 năm 1945. Để thực hiện chiến dịch này, y chuẩn bị bốn nhóm, mỗi nhóm có hai người Đức và hai người Nga. Tất cả được trang bị súng lục Nga, điện đài Nga, quần phục Nga, đồ hộp Nga, thậm chí cạo trọc đầu theo kiểu Nga và tập hút thuốc lá Nga... Trong hồi ký của mình, Scorseni kể lại là hai nhóm bị mất tích, nhưng hai nhóm còn lại đã tìm được đội quân của Serkhorn và thiết lập được liên lạc với y. “Đêm hôm sau, trung tá Serkhorn đích thân nói vài lời, những lời tuy giản dị nhưng chứa đựng biết bao tình cảm biết ơn sâu sắc kìm nén trong lòng! Đó là phần thưởng lớn nhất cho những nỗ lực và lo lắng của chúng tôi!”

Sau đó, trong suốt mùa thu, mùa đông và mùa xuân cuối năm 1944 - đầu năm 1945, đội quân của Serkhorn thường xuyên được giúp đỡ bằng mọi cách. Đội quân này liên tục di chuyển về phía Tây và đến đâu cũng được máy bay Đức thả xuống vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men, thậm chí cả trình sát viên và thầy thuốc. “Không tránh khỏi những cuộc giao chiến đẫm máu với quân Nga, số người chết và bị thương tăng lên hàng ngày và tốc độ hành quân đương nhiên bị chậm lại... Nhưng đó chưa phải là nỗi lo lắng chính của chúng tôi... Mặc dù Serkhorn khẩn thiết yêu cầu nhưng số nhiên liệu bị giảm đi hàng tuần nên phải cắt bớt số lượng các chuyến bay cung cấp... Tiếp đó, nội dung các bức điện phát đi quả là một sự tra tấn ghê gớm đối với tôi... Đôi khi, chúng tôi nghe thấy những lời van nài tuyệt vọng. Tiếp đấy, sau ngày mùng 8 tháng 5, tất cả đều im lặng. Serkhorn không trả lời nữa. Chiến dịch “Bracone” kết thúc thất bại”.

Có lẽ cũng cần nói thêm rằng, ngày 28 tháng 3 năm 1945,

Serkhorn nhận được một bức điện có chữ ký của tổng tham mưu trưởng quân đội Đức chúc mừng y nhân dịp y được phong hàm đại tá và được tặng thưởng huân chương “Thập tự hiệp sĩ hạng nhất”. Thật cảm động!

Nhưng cũng cần bổ sung thêm những chi tiết sau đây. Người “điệp viên nằm vùng” đã thông báo về sự tồn tại của đội quân Serkhorn là một điệp viên Xô Viết tên là Alexandr Demianov, bí danh là “Hayne”. Serkhorn quả thật là trung tá Đức nhưng ông làm việc cho tình báo Xô Viết dưới bí danh “Subin”, và toàn bộ “đơn vị” của ông chỉ gồm vài chiến sĩ chống phát xít và nhân viên điện đài người Đức được tình báo Xô Viết tuyển mộ. Hơn nữa, người lãnh đạo vụ này là một điệp viên Xô Viết tên là Willi Fisher mà về sau trở nên nổi tiếng khắp thế giới dưới tên gọi Rudolf Abel. Còn toàn bộ chiến dịch được đặt dưới sự chỉ đạo của cục trưởng Cục 4 Bộ Nội vụ Liên Xô Sudoplatov và hai nhân viên giàu kinh nghiệm của cục này là Marclareki và Morvinov. Chiến dịch được đặt cho mật danh “Beredino” và nhằm đánh lạc hướng cơ quan tình báo Đức và tiêu hao lực lượng tình báo Đức. Trong thời gian tiến hành chiến dịch đã bắt được 22 điệp viên Đức, thu được 13 điện đài, 223 kiện hàng. Có thể nói “Bracone” bị nhấn chìm trong “Beredino”.

Cũng vào khoảng thời gian ấy, Scorseni còn bận tâm với những loại vũ khí mới như máy bay liều chết và canô liều chết. Nhiệm vụ của y không phải là giải quyết những vấn đề kỹ thuật mà là tuyển mộ những kẻ tình nguyện liều chết. Quả thật, khác với những đội thần phong của Nhật Bản, những kẻ này vẫn có cơ may sống sót là đầu hàng, nhưng cơ may này không phải bao giờ cũng xuất hiện. Trong trường huấn luyện

của mình, Scorseni còn đào tạo cả những “người nhái”. Chúng bơi đến gần tàu địch và gắn mìn từ tính vào đáy tàu. Chỉ riêng trong một chiến dịch, chúng đã đánh đắm được những chiếc tàu có trọng tải ba mươi nghìn tấn.

Nhưng đó chỉ là những thành công nhất thời. Quân đồng minh đã học được cách chiến đấu với chúng mặc dù nghề “người nhái” vẫn được duy trì đến ngày nay. Cả những kế hoạch tiêu diệt những thành phố lớn và những trung tâm công nghiệp lớn của Liên Xô bằng những chiếc máy bay liều chết điều khiển được cũng thất bại. Tuy Scorseni có tuyển mộ được một số kẻ tình nguyện, nhưng các phương tiện kỹ thuật không cho phép thực hiện các kế hoạch này.

* “Otto chuyên treo cổ”

Ngày 20 tháng 7 năm 1944 xảy ra vụ mưu sát Hitler khi những đối thủ của Hitler định cướp chính quyền. Scorseni đã trấn áp âm mưu này bằng bản tính tàn bạo vốn có của y. Theo lệnh của Himmler, y đã cùng tiểu đoàn dưới quyền y chiếm trụ sở của bộ chỉ huy tối cao rồi ở lại đó, kết án và tàn sát trong suốt ba ngày. Một số bị trao cho những tên đao phủ Gestapo, một số khác, trong đó có Oighen Herstenmaier, chủ tịch tương lai của quốc hội Cộng hoà Liên bang Đức, thì bị quản thúc. Scorseni lại một lần nữa được Quốc trưởng khen thưởng.

Vào tháng 10 năm 1944, Scorseni đến thủ đô Budapest của Hungari. Y được trao nhiệm vụ tổ chức đảo chính ở nước này bởi vì “Quốc trưởng” Hungari là Horti có ý định ký hoà ước riêng rẽ với Đồng minh.

Ngày mồng 10 tháng 10, Scorseni tổ chức bắt cóc tư lệnh Budapest là tướng Bacan, hôm sau y tổ chức bắt cóc tư lệnh

hạm đội Danube của Hungari là Hardi, rồi đến lượt con trai của “Quốc trưởng” Horti. Scorseni cần con trai của Horti làm con tin để Horti rút bỏ ý định chạy sang với Đồng minh. Horti con bị chằng bẫy rồi bị quấn vào một tấm thảm đưa ra khỏi nhà, tiếp đó bị chất lên xe và chở đến trại tập trung.

Hôm sau, Scorseni tổ chức tấn công dinh chính phủ. Y dẫn đầu tiểu đoàn SS xông vào trụ sở chính phủ. Y dùng súng buộc tướng Lada phải ra lệnh cho đội bảo vệ đầu hàng. Ông khuất phục nhưng lập tức cho mình một viên đạn vào đầu. Chính phủ mất lực lượng bảo vệ và bị lật đổ. Chính phủ mới tiếp tục cuộc chiến. Scorseni được thăng hàm trung tá và được Hitler thưởng huân chương “Thập tự hiệp sĩ vàng”.

Vào tháng 12 năm 1944, khi quân Đức bắt đầu cuộc phản công ở vùng Acden, Scorseni bắt tay vào việc thực hiện một chiến dịch bí mật nữa. Y thành lập một đội đặc nhiệm gồm những binh sĩ tình nguyện biết tiếng Anh. Chúng được mặc quân phục Mỹ và trang bị súng Mỹ, chia thành nhiều nhóm rồi xâm nhập vào các vùng hậu phương của quân đội Đồng minh để gieo rắc kinh hoàng và hoạt động phá hoại. Tuy nhiên, chúng bị tổn thất nặng nề. Một trăm ba một tên bị người Mỹ bắt được đem xử bắn, hơn một nghìn tên bị chết trong các cuộc giao chiến. Trong thời gian diễn ra chiến dịch này, những tên trong đội đặc nhiệm của Scorseni đã phạm một tội ác chiến tranh khủng khiếp. Chúng bắn chết bảy mươi một tù binh Mỹ không có vũ khí trong tay bởi vì mặc dù đã cải trang nhưng chúng vẫn sợ bị họ tố giác.

Quân đội Xô Viết tiếp tục tấn công. Scorseni lúc này đã là sư đoàn trưởng, y nhận được mệnh lệnh cuối cùng của Hitler là giữ vững thành phố Svet trên sông Ode. Scorseni áp dụng

phương pháp duy nhất mà y biết - đó là khủng bố. Y ra lệnh treo cổ tất cả những ai nghĩ đến chuyện rút lui hoặc chạy trốn. Rất nhiều sĩ quan và binh lính Đức bị xử tử theo lệnh y. Otto Scorseni được binh lính tặng cho biệt danh "Otto chuyên treo cổ", còn Hitler thì thưởng cho y "Cành lá sồi gắn huân chương Thập tự hiệp sĩ".

* Chó già giữ xương

Việc làm cuối cùng của Scorseni trong chiến tranh là kế hoạch xây dựng "Pháo đài Anpes" trong vùng núi Tiron ở Áo. Tại đây, bè lũ Hitler dự tính sẽ cố thủ để tiếp tục cuộc chiến cho đến "người cuối cùng". Ngoài người và vũ khí, Scorseni còn nhận được vài trăm nghìn bảng Anh giả để "chi tiêu". Nhưng mọi mưu toan tổ chức kháng cự đều vô ích. Ngày 15 tháng 5 năm 1945, Scorseni bị bắt. Nhưng cuộc đời y chưa chấm dứt tại đây. Y được sự che chở của người lãnh đạo cơ quan tình báo Mỹ là thiếu tướng William Joseph. Bất chấp vô số những bằng chứng về tội ác của Scorseni, toà án Mỹ vẫn tha bổng y. Công pháp quốc tế bị chà đạp. Tờ tạp chí Tây Đức *Quyik* viết: "Cá nhỏ bị treo cổ, cá lớn được thả tự do".

Tuy nhiên, Scorseni không chạy đâu cho thoát được cơ quan an ninh Mỹ. Y bị đưa vào trại cải huấn Damstad. Nhưng vào tháng 7 năm 1948, có ba người mặc quân phục Mỹ đến đón y và đưa y đi. Y đến Mỹ và dưới bí danh "Able" bắt đầu phục vụ cho tình báo Mỹ. Ngay từ năm 1945, giám đốc cơ quan tình báo Mỹ là Donovan đã nói về y: "Một chàng trai giỏi đấy!".

Trong một trại đặc biệt ở bang Georgia, Scorseni huấn luyện cho các đồng nghiệp Mỹ những phương pháp tung vào và sơ tán những điệp viên nhảy dù.

Năm 1950, y đến Pháp và Đức, tại đây, một vài nhà xuất bản chuẩn bị in cuốn hồi ký của y. Sau đó, y đến Italia. Tại Italia, sau khi gặp các chiến hữu của y, y thành lập một tổ chức của những tên tội phạm SS có tên là “Tổ chức những nhân vật đã từng tham gia SS” (ODESSA).

Từ Italia, y đến Tây Ban Nha, nơi mà vào lúc ấy, tên độc tài Franco đang che chở cho mười sáu nghìn tên Quốc xã, trong đó có năm nghìn quan chức cao cấp của Hitler. Tại đây, Scorseni chẳng cần trốn tránh ai. Thậm chí y đến thăm một phòng trưng bày tranh ở Madrid với tám huân chương “Thập tự hiệp sĩ” treo trên cổ. Trong một thời gian dài, Tây Ban Nha trở thành nơi nương thân của y. Y thành lập tại đây hai cơ sở cho bọn Quốc xã - một ở gần Xevil, một ở trong một ngôi biệt thự hẻo lánh gần Constantin.

Những mối quan hệ chặt chẽ giữa Scorseni với Ianmar Sakht, một tên tài phiệt được toà án Nuremberg tha bổng, và tướng Gehlens, giám đốc cơ quan mật vụ Tây Đức, đã đem lại kết quả. Vào tháng 1 năm 1951, y được đưa ra khỏi danh sách những nhân vật bị cảnh sát Tây Đức theo dõi. Từ đấy, y được tự do đi lại giữa Tây Ban Nha và Đức, lúc thì mang tên thật, lúc thì mang tên giả, để che giấu càng nhiều càng tốt những phần tử Quốc xã ở Tây Ban Nha.

Một trong những “chiến công” mới của y là vụ đe dọa Thủ tướng Anh Winston Churchill. Sau vụ giải cứu Mussolini, trong tay Scorseni có những tài liệu mật của Churchill, kể cả nhiều thư từ của ông ta. Năm 1951, thông qua một nhân viên của mình, y trả lại những lá thư đó cho Churchill. Nhưng Churchill phải cam kết rằng nếu chiến thắng trong cuộc bầu cử và lên làm Thủ tướng thì ông ta sẽ trả tự do cho những tên

tội phạm chiến tranh. Và điều đó đã xảy ra. Sau khi Đảng Bảo thủ của Churchill giành được thắng lợi, ông ta thành lập chính phủ mới và ra lệnh trả tự do cho một loạt những tên tội phạm Quốc xã khét tiếng. Chẳng bao lâu sau, chúng được phép rời khỏi nhà tù.

Scorseni dành toàn bộ quãng đời về sau của y (y chết năm 1975) để chăm lo cho những tên tội phạm chiến tranh Quốc xã, để tham gia những hoạt động khác nhau của cuộc “chiến tranh lạnh” và chuẩn bị cho cuộc “chiến tranh nóng”. Một lần, tại Nuremberg, y tuyên bố: “Hãy cho tôi một nghìn người và quyền tự do hành động, tôi sẽ đánh bại bất kỳ kẻ thù nào trong cuộc chiến tranh mới”.

Có giả thuyết cho rằng, vào năm 1960, cơ quan tình báo Mossad của Israel đã chiêu mộ được Scorseni và lôi kéo y tham gia chiến dịch chống Ai Cập. Theo giả thuyết này, tổng thống Ai Cập hồi đó là Naser có ý định chế tạo tên lửa riêng của nước này với sự giúp đỡ của một nhóm kỹ sư Đức, trong đó có một số nhân viên cũ của Scorseni. Dường như y đã làm tất cả những gì có thể làm được để phá vỡ kế hoạch đó của Ai Cập, tiếp đó, sau cuộc chiến tranh năm 1967, y tiếp tục giúp đỡ Israel trong cuộc đối đầu với Ai Cập.

ALEXANDR COROTCOV

NGƯỜI TỔ CHỨC CÁC ĐIỆP VỤ Ở ĐỨC CỦA TỈNH BÁO NGA

Trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô khi tuổi đời còn rất trẻ, giữ những cương vị quan trọng nhất của ngành tình báo Nga và cả đời tận tụy với công việc của một điệp viên nằm vùng ưu tú... Đó là tất cả những gì mà người ta có thể nói về A. Corotcov - người chuyên tổ chức các điệp vụ nguy hiểm và tuyệt mật của tình báo Nga.

*** Nhân viên tác chiến tập sự và thành tích mở màn cho hoạt động tình báo**

Alexandr Corotcov sinh năm 1909 ở Moscva, trong gia đình một viên chức ngân hàng, tốt nghiệp trường phổ thông chín năm và làm nghề thợ điện. Năm 1929, anh được nhận vào làm nhân viên văn thư của ban quốc tế thuộc cơ quan pháp luật nhà nước. Do tính chất công việc nên Corotcov được làm quen với nhiều tài liệu mật, nhưng vẫn chưa được phê chuẩn là nhân viên tác chiến dù chỉ là nhân viên tác chiến tập sự. Mãi đến năm 1932, khi trở thành đảng viên dự bị, anh mới được coi là nhân viên tác chiến của cơ quan pháp luật nhà nước. Anh không hề lẫn tránh những hoạt động xã hội. Khi còn làm cán bộ phụ trách ở trại hè thiếu nhi, anh có dịp làm quen với một cô gái xinh xắn và thông minh, cũng phụ trách thiếu nhi tên là Maria Vincovukaya, người vợ tương lai của anh.

Một trong những nhiệm vụ đầu tiên được Corotcov giải quyết thành công là làm sáng tỏ thực chất của “Gefa” - cơ quan đại diện của Bộ Tổng tham mưu Đức ở Moscva. Anh xác định được rằng nếu trước đây, khi Hitler chưa lên nắm chính quyền, cơ quan này quả thật là chăm lo những vấn đề hợp tác giữa hai Bộ Tổng tham mưu Liên Xô và Đức thì từ ngày 30 tháng 1 năm 1933, nó đã trở thành một ổ gián điệp thực sự. Những kết luận của anh còn được củng cố bằng nhiều sự việc khác và đã được đệ trình lên cấp cao nhất, kết quả là “Gefa” bị đình chỉ hoạt động.

Sau đó, Corotcov bắt đầu được huấn luyện để hoạt động ở nước ngoài. Anh học tiếng Đức và tiếng Pháp, nghiên cứu tập quán, địa lý và kinh tế của các nước khác, học những kỹ năng nghề nghiệp, kể cả việc theo dõi từ vòng ngoài. Trong quá trình huấn luyện đó, do vóc dáng cao nên anh được gán cho biệt hiệu “Cao kều”.

* “Thuận vợ thuận chồng...”

Năm 1933, anh được đưa vào mạng lưới điệp viên nằm vùng của Alecxandr Orlov (tức “Người Thụy Điển”. Về sau, Orlov trở thành nhân vật lãnh đạo “bộ ngũ Cambridge”, rồi trở thành điệp viên nằm vùng ở nước cộng hoà Tây Ban Nha và tiếp đó trở thành người tị nạn. Ông không hề tố giác bất kỳ nguồn tin nào mà ông được biết và qua đời thẫm lặng ở Mỹ vào năm 1973). Còn vào năm 1933, Orlov tổ chức ở Thụy Sĩ một nhóm điệp viên nằm vùng với nhiệm vụ duy nhất là tìm cách xâm nhập vào Bộ Tổng tham mưu Pháp.

Corotcov cùng vợ là Maria (chị còn là trợ thủ và cũng là “huấn luyện viên” của anh về tiếng Đức và tiếng Pháp) từ

Thuy Sĩ chuyển sang Pháp, nơi anh vào học khoa nhân chủng học của trường Đại học Sorbonn với tư cách sinh viên bàng thính. Trong thời kỳ này, anh đã liên lạc được với hai điệp viên, ngoài ra, anh còn có nhiệm vụ tìm thêm một người nào đó nữa có thể giúp anh xâm nhập vào Bộ Tổng tham mưu Pháp. Anh đã tìm được một người nhưng hoá ra chẳng ích gì. Theo người cấp tin đang làm việc trong cơ quan phản gián Pháp thì người mà anh dự kiến là một kẻ mạo danh. Thất bại cũng có ích ít nhiều. Anh đành phải khẩn cấp trở về nước.

Hai vợ chồng Corotcov chỉ được ở nhà một thời gian ngắn. Tháng 4 năm 1936, họ lên đường sang Đức và tại đây, Corotcov mang tên mới là Petrovich Corotki, làm việc tại cơ quan đại diện Bộ Công nghiệp nặng Liên Xô tại Berlin. Trong đợt công tác này, Corotcov duy trì liên lạc với một vài điệp viên, trong số đó có Hans Cumerovich, tiến sĩ khoa học, một nhà khoa học và sáng chế tài năng.

Tiến sĩ Hans đã chuyển cho Corotcov thành phần của loại mặt nạ phòng hơi độc mới, những số liệu về các chất độc và về những phương pháp để phòng các chất độc ấy. Ông còn chuyển cho Corotcov những tin tức về rada, về ngư lôi âm học, về loại điện đài đặc biệt dùng cho xe tăng, về kỹ thuật sản xuất xăng tổng hợp và cao su tổng hợp. Cả Maria cũng làm việc với các điệp viên của mình.

*** Hoàn thành nhiệm vụ tuyệt mật trước khi trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô**

Cuối năm 1937 họ nhận được lệnh trở về Moscva. Anh được giao một nhiệm vụ mới rất quan trọng và tuyệt mật. Đó là việc thủ tiêu hai kẻ thù của chế độ Xô Viết ở nước ngoài: một

là Agabecov, kẻ đã từng là nhân viên an ninh Xô Viết nhưng đã phản bội, và hai là Rudolf Clemen, một kẻ lưu vong chính trị Đức chạy theo Troski.

Vào tháng 12 năm 1938, sau khi trở về Moscva, Corotcov báo cáo về việc hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng một tin xấu đang chờ anh - anh bị sa thải khỏi các cơ quan an ninh. Nguyên nhân: anh vào làm việc tại cơ quan pháp luật nhà nước là theo lời giới thiệu của một người về sau bị coi là “kẻ thù của nhân dân”. Anh gửi đơn khiếu nại lên tận Bộ trưởng An ninh. Hành động này là chuyện khác thường đối với thời kỳ đó. Thật bất ngờ đối với Corotcov là đến cuối năm 1942, anh lại được gọi đi làm, được cấp hộ chiếu ngoại giao và được cử đi công tác hai tháng tại Đan Mạch và Na Uy với tư cách là “giao liên ngoại giao” của bộ máy trung ương Bộ Nội vụ.

Sau khi trở về Moscva, anh được thăng chức, trở thành phó trưởng phòng và được chuyển từ đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Liên Xô.

*** Khôi phục và tổ chức lại mạng lưới điệp viên**

Quãng thời gian này là những năm nặng nề đối với ngành tình báo Xô Viết: Những điệp viên ưu tú bị đàn áp, mạng lưới điệp viên nước ngoài bị mất liên lạc. Mùa hè năm 1940, trung tâm có quyết định khôi phục lại mạng lưới điệp viên ở Đức và nếu có thể thì mở rộng mạng lưới đó. Đúng lúc ấy, vào cuối năm 1940, một điệp viên có bí danh là “Braitenbac” nằm trong bản danh sách được bỏ vào hòm thư của sứ quán và lâu nay bị mất liên lạc, cũng đề nghị được nối lại liên lạc. Có lẽ cũng nên biết thêm là trước đó một thời gian, vợ của Corotcov cũng đã duy trì liên lạc với người điệp viên này thông qua một điểm

hẹn bí mật. Nhưng cả chị lẫn Corotcov đều không biết mặt “Braitenbac” cũng như không biết bí danh và tên thật của người này.

Đến tháng 7 năm 1940, Corotcov (dưới bí danh là “Stepanov”) được trao nhiệm vụ đi Berlin chỉ trong một tháng để khôi phục lại liên lạc với khoảng một chục điệp viên nằm vùng. Nhiệm vụ này thật không dễ dàng, nếu lưu ý đến thời hạn ngắn ngủi và tình hình căng thẳng ở Đức vào lúc đó.

Corotcov không khó khăn lắm gặp được “Braitenbac” (tức nhân viên Gestapo Leman). Hai bên lập tức tìm được tiếng nói chung và gặp nhau tất cả 4 lần. Trong lần gặp thứ hai, “Braitenbac” chuyển cho Corotcov bản sao bản báo cáo của Haydric cho ban lãnh đạo nước Đức phát xít có nhan đề *Về hoạt động phá hoại của Liên Xô chống Đức* và miêu tả chi tiết cho Corotcov biết về việc cải tổ các cơ quan an ninh Đức, điều này đã cho phép cơ quan tình báo Xô Viết điều chỉnh lại hoạt động của mình. Nhưng Corotcov không có kế hoạch làm việc lâu dài với “Braitenbac”, và anh để “Braitenbac” liên lạc với một thành viên trẻ của mạng lưới điệp viên ở Đức là Giuravlev.

Sau đó, Corotcov (đối với người Đức thì tên anh là Corotcov Erdberg) bắt đầu khôi phục lại các mối liên lạc khác. Trong số đó có những người đã tham gia vào “Dàn đồng ca đỏ” Berlin và đã đi vào lịch sử như: Arvit Harnar (tức “Người Baltic” và cũng tức là “Người đảo Corse”), Harro Schulze-Boysen (tức “Anh cả”), Adam Kukhov (tức “Ông lão”) và nhiều người khác.

Arvit Harnar, một nhà kinh tế và là cộng tác viên quan trọng của Bộ Kinh tế Đức, lúc đầu không tin Corotcov. Anh đành phải vi phạm những quy tắc được thừa nhận trong hoạt

động gián điệp, bằng cách đặt Arvit Harnar xuống sàn xe chở đến sứ quán, và chỉ tại đây, trong căn phòng không sợ bị nghe trộm, hai người mới tìm được tiếng nói chung. Arvit Harnar báo cáo rằng, ông có mười sáu người cấp tin, những người có địa vị, nghề nghiệp và thậm chí quan điểm chính trị khác nhau nhưng đều có một điểm chung là căm thù chủ nghĩa phát xít. Trong số mười sáu người đó có nhà triết học kiêm nhà viết kịch Adam Kukhov, nhà điêu khắc Kurt Schumacher, thượng úy Harro Schulze-Boysen, viên chức bộ hàng không, người bạn cùng tư tưởng của Arvit Harnar và cũng là người có nhiều nguồn cấp tin v.v... Nhưng mãi về sau Corotcov mới thiết lập mối liên lạc với những nhân vật này, còn tạm thời thì anh liên lạc với họ thông qua Arvit Harnar.

Tiếp đấy, Corotcov khôi phục mối liên lạc với Hans Cummerov (tức “Bộ lọc”) và Erhard Tomfer.

Sau đó, anh được gọi về Moscva để báo cáo về những công việc đã làm được, và anh nghỉ hai tháng ở Moscva. Rồi anh lại được cử đi công tác dài hạn ở Berlin, nhưng đợt công tác này chỉ kéo dài có nửa năm.

Nhiệm vụ chủ yếu mà ban lãnh đạo cơ quan tình báo Xô Viết truyền đạt bằng miệng cho Corotcov, là tìm hiểu những kế hoạch của ban lãnh đạo nước Đức phát xít về thời gian tấn công Liên Xô. Nhiệm vụ viết bằng văn bản không có điểm này bởi lẽ Stalin tin rằng trong hai - ba năm tới, Hitler không có ý định tấn công nhà nước Xô Viết.

*** Corotov - đầu não của mạng lưới điệp viên thời chiến**

Ngày 18 tháng 4 năm 1941, tất cả các mạng lưới điệp viên nằm vùng ở Châu Âu đều nhận được chỉ thị, yêu cầu đẩy mạnh

công tác với các điệp viên trong trường hợp chiến tranh có thể nổ ra.

Điệp viên nằm vùng chính thức của cơ quan Tình báo Đối ngoại Xô Viết là Amaac, một nhân vật thân cận của Bộ trưởng Nội vụ Beria. Nhưng trong thực tế, mọi “đầu dây thần kinh” đều nằm trong tay Corotcov. Anh nắm mọi tin tức do các điệp viên khác thu thập được, anh cũng là người chuẩn bị thư từ và các bản mật mã gửi về Moscva. Nhưng Moscva không hề có bất kỳ phản ứng thích đáng nào!

Trong bối cảnh đó, Corotcov đã quyết định đi một nước cờ chưa từng có. Ngày 20 tháng 3 năm 1941, anh đích thân viết thư cho Beria. Bức thư này hiện còn được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của Corotcov. Trong thư, Corotcov trình bày rõ ràng những tin tức mà anh nhận được, chủ yếu là từ “Người đảo Corse”, “Anh cả”, “Braitenbac” và từ một số nguồn tin khác. Tất cả đều nói tới nguy cơ nước Đức phát xít tấn công Liên Xô vào tháng 5 năm 1941. Nhưng không thấy Trung Tâm trả lời, còn bức thư thì được đính kèm vào hồ sơ. Phản ứng duy nhất là đồng ý về món quà thực phẩm mà Corotcov đề nghị gửi cho “Người đảo Corse”.

Corotcov phải duy trì mối liên lạc thường xuyên với ba điệp viên chủ chốt là “Người đảo Corse”, “Anh cả” và “Ông lão”, một việc rất nguy hiểm đối với cả bốn người. Nhưng không có lối thoát nào khác: anh là điệp viên giàu kinh nghiệm nhất và lão luyện nhất.

Mãi đến tháng 4, Trung Tâm mới báo động về việc xây dựng mối liên lạc chắc chắn với các điệp viên trong thời chiến, về việc thành lập những cơ sở điện đài độc lập, về việc tuyển mộ nhân viên điện đài v.v... Thời gian đã rất gấp rút. Các điện

đài có bán kính hoạt động tới Brest - Belostoc (mà đây lại là khu vực sẽ bị quân Đức chiếm đóng ngay trong những ngày đầu chiến tranh) được gửi đi.

Sau khi chiến tranh bùng nổ, Corotcov cùng các nhân viên sứ quán Xô Viết trở về Moscva. Tại đây, anh nhận được một tin chẳng lành: mối liên lạc với nhóm Schulze-Boysen bị đứt đoạn bởi vì bọn Đức đã chiếm được tất cả những thành phố có những cơ sở tiếp nhận điện đài. Phải khôi phục lại liên lạc cũng như phải đào tạo các điệp viên mới để phái sang Đức.

Tuy nhiên, vì những lý do này hay khác, những cố gắng nhằm gửi liên lạc viên đến Berlin đều không đem lại kết quả. Vì vậy, phải nhờ đến sự giúp đỡ của giới quân đội. Một điệp viên nằm vùng của Tổng cục Tình báo Xô Viết là Gurevich (tức "Kent") đã từ Bỉ đến được Berlin và khôi phục được mối liên lạc. Nhưng đã xảy ra một thảm họa: loại mật mã mà Gurevich sử dụng để thông báo địa chỉ và họ tên những điệp viên nằm vùng của Liên Xô cũng như các mật khẩu đều bị phản gián Đức thu được và giải mã. Và thế là bắt đầu sự tan vỡ của "Đàn đồng ca đỏ". Schulze-Boysen, Harnar, Sumakher và các thành viên khác của "Đàn đồng ca đỏ" - tất cả có đến vài chục người cả nam lẫn nữ - bị Gestapo bắt rồi bị treo cổ hoặc đưa lên máy chém. Nhưng trước khi chết, họ vẫn kịp truyền qua "Kent" nhiều tin tức quý giá về kế hoạch của bọn Đức ở vùng ngoại vi Moscva, và về các kế hoạch tấn công của quân đội Đức vào mùa hè năm 1942.

Trước khi chiến tranh kết thúc, Corotcov đã từng bay sang Afganistan, Nam Tư, Rumani để thực hiện các chiến dịch phá hoại. Và ngay khi chiến tranh vừa kết thúc, Corotcov đã được trao nhiệm vụ tháp tùng và bảo đảm an ninh cho đoàn

đại biểu của nước Đức phát xít đến Berlin để ký văn bản đầu hàng vô điều kiện. Có thể nhìn thấy anh trên những bức ảnh ghi lại biến cố này: đứng đằng sau tên Keitel đang cúi người xuống văn bản đầu hàng là một sĩ quan Xô Viết trông trẻ



Thống soái Keitel đang ký đầu hàng vô điều kiện ngày 09-5-1945

trung, cân đối, - đó chính là Alexsandr Corotcov, người đã rời Berlin vào tháng 6 năm 1941, để rồi thắng lợi trở về vào tháng 5 năm 1945.

*** Những ngày huy hoàng của cuộc đời tình báo sau chiến tranh**

Bắt đầu những ngày bình thường sau chiến tranh. Corotcov sắp xếp hoạt động tình báo ở Đức, xây dựng một mạng lưới điệp viên mới, thiết lập mối liên lạc với các đồng minh. Anh đã thực hiện nhiều chiến dịch, trong đó có chiến dịch trao đổi tên thủ lĩnh đô đốc Đức Reder bị bắt làm tù binh, lấy hai viên tướng của tên phản bội Vlasov là Maluskin và Gilecov (hai viên tướng này về sau bị kết án cùng Vlasov rồi bị treo cổ), chiến dịch tìm kiếm và đưa về Liên Xô những xí nghiệp và chuyên gia ngành chế tạo tên lửa, chiến dịch truy tìm những tên tội phạm Quốc xã lẩn trốn...

Năm 1946, Corotcov trở về Moscva, anh được cử làm phó giám đốc cơ quan tình báo nước ngoài, đồng thời lãnh đạo hệ

thống điệp viên nằm vùng. Anh ở cương vị này cho đến năm 1957. Trong khoảng thời gian đó, anh đã đào tạo được hàng chục điệp viên nằm vùng. Anh là “cha đỡ đầu” của cặp vợ chồng Mikhail Fedorov và Galina, của De Las Eras Africa, của Mikhail Philonenco và Anna, của Canon Moladoi, của Moris và Leontina Coien, của Willi Fisher - Rudolf-Abel cùng nhiều người khác.

Tháng 3 năm 1957, Corotcov được cử làm đại diện của Ủy ban An ninh Quốc gia Liên Xô bên cạnh Bộ An ninh Quốc gia Cộng hoà Dân chủ Đức. Đây không phải là một sự giáng chức bởi vì vào lúc đó, sự đối đầu giữa Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức đã trở thành một trong những nhân tố chủ yếu của cuộc “chiến tranh lạnh”.

Nhiệm vụ của Corotcov không chỉ là tổ chức mạng lưới điệp viên trên lãnh thổ Cộng hoà Liên bang Đức (những đối tượng chính là Phủ Thủ tướng, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, cơ quan an ninh và các chính đảng). Nhiệm vụ của Corotcov còn là thu xếp mối quan hệ qua lại với các cơ quan an ninh Cộng hoà Dân chủ Đức, một công việc hết sức tế nhị, đòi hỏi tài năng của một nhà ngoại giao thực sự. Điều vinh dự cho Corotcov là anh không những đã trở thành người đồng chí của các cơ quan an ninh Cộng hoà Dân chủ Đức, mà còn là bạn của họ. Anh tìm được cách tiếp cận với cả hai nhân vật không ưa gì nhau là Bộ trưởng Minca và Giám đốc cơ quan tình báo Wolf.

Corotcov còn đích thân làm việc với điệp viên Xô Viết Heinz Felfe và nhiều điệp viên nằm vùng khác hoạt động trên lãnh thổ Cộng hoà Liên bang Đức.

Vào những năm cuối cùng đời hoạt động của mình,

Corotcov có quan hệ rất căng thẳng với Giám đốc Ủy ban An ninh Quốc gia Corotcov Selepin. Những cuộc bắt bẻ, trách mắng và “khiêu khích” thường xuyên từ phía Selepin đã khiến Corotcov mắc chứng trầm uất.

Ngày mùng 7 tháng 1 năm 1961, trong thời gian bị gọi về Moscva như thường lệ và sau khi báo cáo xong với ban lãnh đạo, Corotcov đi đến sân vận động “Dinamo” để chơi quần vợt như đã hẹn với người bạn của anh là Ivan Serov, Tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo. Trong lúc đang chơi thì anh qua đời.

Toàn bộ ban lãnh đạo Bộ Nội vụ Liên Xô đến dự đám tang anh. Nhưng không thấy Selepin đến chia buồn.

HARRO SCHULZE-BOYSEN

ANH CẢ TRONG “DÀN ĐỒNG CA ĐỎ”

Những kẻ thù của chủ nghĩa Quốc xã và Hitler lựa chọn các phương thức đấu tranh khác nhau. Các tướng lĩnh thì tổ chức những âm mưu, giới trí thức thì dán truyền đơn chính trị. Harro Schulze-Boysen (1909 - 1943) và các bạn của ông thì lựa chọn hoàn toàn có ý thức một con đường đấu tranh khác để giúp đỡ đất nước có thể tiêu diệt Hitler và chế độ của y. Họ hiểu mục đích của họ và chiến công của họ là hoàn toàn không vụ lợi - ngay cả toà án của Hitler cũng không thể buộc tội họ “bán mình” cho kẻ thù.



Schulze-Boysen sinh ngày mồng 2 tháng 9 năm 1909 trong gia đình một sĩ quan hải quân chuyên nghiệp tên là Eric Edga Schulze. Phần thứ hai trong danh tính của ông - Boysen - là lấy ở danh tính người mẹ là bà Maria Louisa Boisen. Cha đỡ đầu và cũng là ông ngoại của ông là thuỷ sư đô đốc Tirpis, người đặt nền móng cho lý thuyết hải quân Đức và bạn thân của Hoàng đế Đức Wilhelm II.

Schulze-Boysen nghiên cứu pháp quyền và khoa học

chính trị ở hai trường Đại học Froisburg và Berlin. Ông có trình độ học vấn xuất sắc, thông thạo tiếng Anh, tiếng Thụy Điển, tiếng Na Uy, tiếng Đan Mạch, tiếng Hà Lan và đến cuối những năm 30 thì bắt đầu học tiếng Nga. Năm 1932, một năm trước khi Hitler lên nắm quyền ở Đức, Schulze-Boysen cùng bạn ông là Henri Erlander bắt đầu cho xuất bản tờ tạp chí chống Quốc xã có tên gọi là *Der Herner* (Đối thủ). Vì việc này mà vào năm 1934 đôi bạn bị bắt. Trong trại tập trung, họ bị dẫn qua một hàng lính và bị đánh một trăm gậy. Schulze-Boysen sống sót nhưng bạn ông bị đánh tới chết.

Schulze-Boysen phải làm ra vẻ mình đã “hối cải” và bắt đầu sống một cuộc sống thượng lưu. Trên một chiếc du thuyền thể thao, ông làm quen với Libertas, con gái một giáo sư nghiên cứu nghệ thuật và một nữ bá tước. Lâu đài của họ nằm gần lãnh địa của Herman Hering và nữ bá tước thường đến hát giúp vui cho y. Ngược với ý kiến nhiều người, Hering thật ra chỉ gửi điện mừng chứ không phải là người thay thế bố mẹ cô dâu trong đám cưới giữa Schulze-Boysen với Libertas tổ chức vào ngày 26 tháng 7 năm 1936.



Schulze-Boysen và Libertas

Lợi dụng sự bảo trợ của Hering, Schulze-Boysen tốt nghiệp trường phi công trình sát rồi vào làm tại Bộ Hàng không, một việc khó có thể thực hiện được trong những hoàn cảnh khác bởi vì việc kiểm tra lòng trung thành rất có thể sẽ phát hiện ra quá khứ “tả khuynh” của ông.

* Dàn đồng ca đỏ và những thành viên

Sau khi nhận cấp bậc thượng úy dự bị, Schulze-Boysen được đưa vào nhóm “nghiên cứu báo chí định kỳ hàng không nước ngoài”, thực chất là được nhận vào cơ quan tình báo của không quân Đức. Mặc dù được một nhân vật cao cấp của chính quyền Hitler bảo trợ, có chỗ làm tốt và có khả năng sống cuộc sống thượng lưu, nhưng Schulze-Boysen vẫn không từ bỏ những quan điểm chống phát xít của mình. Hành động đầu tiên của ông thù địch với chế độ phát xít là việc ông báo trước cho sứ quán Xô Viết về trận dội bom nặng nề xuống thành phố Barselona năm 1937. Theo yêu cầu của ông, một nữ thành viên nhóm chống phát xít do ông thành lập tên là Hizella fon Pollnis, con gái một nhà ngoại giao cao cấp, đã bỏ vào hòm thư của sứ quán Xô Viết bức thư báo trước này viết bằng tiếng Pháp.

Tham gia nhóm chống phát xít của Schulze-Boysen còn có hai vợ chồng nhà điêu khắc Kurt Schumacher, hai vợ chồng Cuckh, nữ diễn viên ba lê Oda Shottmiller và một số người khác thuộc giới trí thức. Họ cùng chung quan điểm là căm ghét chế độ phát xít.

Người bạn và chiến hữu gần gũi nhất của Schulze-Boysen là tiến sĩ Arvit Harnar. Đó là một con người đặc biệt. Ông sinh năm 1901 ở Turingia. Bố ông là giáo sư trường cao đẳng kỹ thuật, bác ông là một nhà thần học nổi tiếng. Mới 30 tuổi, Arvit đã có hai học vị tiến sĩ: tiến sĩ triết học và tiến sĩ luật học. Nhờ nhận được học bổng của quỹ Rocfeller, ông theo học trường đại học bang Visconsin và tại đây, ông làm quen với cô gái Mildred Fish. Ít lâu sau, cô trở thành vợ và bạn chiến đấu của ông. Cả hai vợ chồng đều có quan điểm xã hội chủ nghĩa và là những người bạn chân thành của Liên Xô, là đảng viên

bí mật của Đảng Cộng sản Đức. Năm 1932, Arvit đến đất nước Xô Viết và năm 1934, Artuzov ra lệnh kéo ông vào hoạt động gián điệp. Như vậy, từ năm 1935, Arvit không chỉ là điệp viên Xô Viết mà còn là người lãnh đạo một nhóm đông đảo những người cấp tiến, tất cả có đến hơn 60 người. Theo đề nghị của cơ quan tình báo Xô Viết, Arvit cắt đứt mọi liên hệ với Đảng Cộng sản Đức, gia nhập Đảng Quốc xã và Hiệp hội các nhà luật học Quốc xã. Hơn nữa, ông còn là người lãnh đạo chi hội của hiệp hội này trong Bộ Kinh tế.

* Những hồi chuông cấp báo

Các nhóm của Schulze-Boysen và Arvit Harnar đã xây dựng được một mạng lưới điệp viên rộng khắp mà trong lịch sử được gọi là “Dàn đồng ca đỏ” (ở đây chúng tôi gọi là “Dàn đồng ca đỏ Berlin” để phân biệt với “Dàn đồng ca đỏ Bỉ”).

Những tin tức của mạng lưới này rất có giá trị ngay từ những năm trước chiến tranh, nhưng vào lúc chiến tranh sắp xảy ra thì chúng có giá trị quan trọng đặc biệt. Trong các báo cáo của cơ quan tình báo Xô Viết, khó mà phân biệt được đâu là tin của Schulze-Boysen (bí danh “Anh cả”) và đâu là tin tức của Arvit Harnar (bí danh “Người Bantic” rồi “Người đảo Corse”).

Dưới đây là vài đoạn trích trong các tin của họ.

“9-6-41. “Anh cả”. Vào tuần sau, không khí căng thẳng trong vấn đề Nga sẽ đạt tới đỉnh điểm và vấn đề chiến tranh sẽ được quyết định dứt khoát. Mọi biện pháp chuẩn bị sẽ phải hoàn tất vào giữa tháng 6...”

“11-6-41. “Anh cả”. Giới lãnh đạo Bộ Hàng không Đức khẳng định rằng vấn đề tấn công Liên Xô đã được quyết định dứt khoát... Ngày 15 tháng 6 Hering sẽ đến tổng hành dinh mới”.

“16-6-41. “Anh cả”. Mọi biện pháp quân sự nhằm chuẩn bị tấn công Liên Xô đã hoàn tất. Đòn giáng có thể bắt đầu vào bất kỳ lúc nào...”

“Người đảo Corse”: “Khi phát biểu tại Bộ Kinh tế, Rosenberg (một trong những tên phát xít đầu sỏ) tuyên bố rằng cái tên Liên Xô phải bị xoá bỏ khỏi bản đồ thế giới”.

Nếu hợp nhất lại thì những tin tức của họ giống như hồi chuông cấp báo cảnh báo là chiến tranh nhất định sắp xảy ra. Thật đáng tiếc là hồi chuông cấp báo đó đã không được nghe thấy, hoặc có nghe thấy nhưng bị xem thường.

Cựu giám đốc cơ quan Tình báo Đối ngoại Xô Viết là Phitin ghi trong tập ghi chép của mình là vào ngày 17 tháng 7 năm 1941, ông cùng bộ trưởng báo cáo với Stalin về những tin tức nhận được từ “Anh cả”. “Stalin không ngắt đầu lên, chỉ nói: “Tôi đã đọc báo cáo của các đồng chí rồi. Vậy là nước Đức định tấn công Liên Xô phải không?... Người thông báo những tin tức này là người như thế nào?”. Chúng tôi đã sẵn sàng trả lời câu hỏi này, và tôi mô tả chi tiết nguồn tin: “Một người gần gũi với chúng ta về tư tưởng, làm việc tại Bộ Hàng không và rất thạo tin... Chúng ta không có cơ sở nghi ngờ tính chất đúng đắn của những tin tức mà người đó cung cấp”. Stalin bước lại bàn làm việc rồi quay về phía chúng tôi nói: “Thông tin giả đấy! Các đồng chí có thể ra về”.

Người ta đã kể và viết khá nhiều về hoạt động của “Dàn đồng ca đỏ Berlin”, về những tin tức họ cung cấp và về phản ứng của Stalin. Nhưng người ta hầu như không kể gì về những việc mà Schulze-Boysen, Harnar và các bạn bè của họ đã kịp làm được sau khi chiến tranh bùng nổ và trước khi họ qua đời. Thậm chí, bộ bách khoa từ điển đồ sộ của Đức “Brochause và

Efron” cũng kết thúc mục “Dàn đồng ca đỏ” bằng câu: *“Vai trò của nó trong tiến trình chiến tranh và kết quả chiến tranh không rõ ràng”*.

Nhưng thực tế không phải như vậy. Schulze-Boysen đã thông báo cho Moscva về những kế hoạch mà bộ chỉ huy phát xít vạch ra cho mùa thu và mùa đông năm 1941, cụ thể là việc bộ chỉ huy Đức không có ý định tấn công Leningrad mà chỉ cố bóp nghẹt thành phố này trong vòng phong toả chặt chẽ. Nhờ Schulze-Boysen mà phía Liên Xô cũng được biết về những kế hoạch mà bộ chỉ huy Đức vạch ra cho năm 1942 nhằm tấn công vào những khu vực nhiều dầu mỏ ở Kavcaz. Schulze-Boysen còn thông báo địa điểm tổng hành dinh Hitler cũng như đã thông báo rằng ở Petsamo (Phần Lan), bọn Đức đã thu được mật mã ngoại giao của Liên Xô và rằng trong những tháng đầu chiến tranh, không quân phát xít đã chịu những tổn thất lớn.

Tất cả những tin tức này đã được chuyển về Moscva không phải trực tiếp từ Berlin mà thông qua các nhân viên điện đài của “Dàn đồng ca đỏ” Bỉ.

*** Đường dây bị lộ và hàng loạt cuộc bắt bớ**

Vì đường liên lạc bằng điện đài với Berlin bị đứt nên người ta phải gửi đến đây hai nhân viên điện đài được tình báo Xô Viết tuyển mộ trong số các tù binh Đức. Nhưng cả hai đều rơi vào tay Gestapo: Albert Hesle không chịu làm việc với chúng, còn Robert Dart thì đồng ý.

Vòng vây bao quanh “Dàn đồng ca đỏ” ngày một xiết chặt, và Gestapo đã lần ra được dấu vết của Schulze-Boysen. Một người bạn trẻ của ông làm việc trong bộ phận định vị điện đài

của cơ quan phản gián Đức đã thông báo cho ông biết tin đó. Schulze-Boysen định báo trước cho các đồng chí của mình nhưng không kịp. Ngày 31 tháng 8 năm 1942, ông bị bắt ngay trong phòng làm việc của ông. Ngồi thay vào chỗ ông là một tên Gestapo, y ghi lại tất cả những cú điện thoại gọi đến ông. Chỉ ít lâu sau, Gestapo đã nắm được danh sách những mối liên lạc của ông.

Những vụ bắt bớ hàng loạt bắt đầu. Đến cuối tháng 9, chỉ riêng ở Berlin đã có gần bảy mươi người bị bắt và đến cuối tháng 11, con số này đã lên đến hơn một trăm.

Sau khi nghe báo cáo của Himmler về “Dàn đồng ca đỏ”, Hitler đã nổi giận: “Nếu như không có những tên gián điệp Nga này thì chúng ta đã đập tan quân đội của chúng từ lâu rồi... Chúng sẽ phải trả giá đắt vì đã đâm vào lưng đế chế Đức!”.

Cuộc hỏi cung những người bị bắt diễn ra theo một chế độ đặc biệt, được phép sử dụng cực hình và tra tấn.

Schulze-Boysen cũng như các chiến sĩ chống phát xít khác đã tỏ ra rất dũng cảm, thậm chí sáng sủa họ vẫn tập thể dục. Ông làm bọn cai ngục tức giận, chúng hò hét: “Nghe đây, Schulze, dù sao thì mày cũng không sống được đến Thế vận hội đâu!”.

Trong lời phát biểu cuối cùng, họ tuyên bố rằng họ hành động một cách có ý thức, hành động vì lợi ích của nước Đức. Đa số bị kết án tử hình: ba mươi một nam giới bị treo cổ, mười tám phụ nữ bị xử chém. Bảy người tự sát trong quá trình thẩm vấn, bảy người bị đưa vào trại tập trung, hai mươi năm người bị đưa đi lao động khổ sai, tám người bị đưa ra mặt trận, một vài người bị bắn chết.

Schulze-Boysen và vợ là Libertas cũng như Arvit Harnar

bị kết án tử hình ngay lập tức, còn vợ của Harnar là Mildred cùng nữ bá tước Erica fon Brocdorf bị kết án tù. Khi biết được tin đó, Hitler giận dữ đòi xem xét lại bản án, kết quả là Mildred và Erica cũng bị án tử hình.

Tại nhà tù Plotsenzi, nơi thi hành những bản án tử hình này, vẫn còn giữ được bản sao tờ biên bản cho thấy rằng cứ đúng sau ba phút thì lưỡi dao dao phủ lại hạ xuống. Nhưng đáng sửng sốt nhất là bản thanh toán được xuất trình cho



Nhà tù Plotsenzi ngày nay

thân nhân những người bị tử hình: “Tiền thù lao cho việc dẫn đến nơi hành hình...”, “Tiền thù lao cho đao phủ...”, “Tiền thù lao cho việc dọn dẹp phòng giam...”, “Tiền mua dây thừng...”. Mọi khoản đều được trả tiền!

Năm 1969, ba mươi hai thành viên của phong trào kháng chiến và đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít Đức đã được tặng thưởng huân chương và huy chương của Liên Xô. Hai mươi chín người trong số đó là được truy tặng. Trong số những người được truy tặng có Harro Schulze-Boysen, Arvit Harnar và mười lăm người nữa trong các nhóm của họ. Bố mẹ Schulze-Boysen là đại úy Eric Edgar Schulze và bà Maria Louisa Boisen còn sống một thời gian dài nữa sau khi con trai của họ hy sinh. Ông Eric Edgan Schulze mất năm 1974 và bà Maria Boisen mất năm 1972.

NICOLAI CUZNESOV

ĐIỆP VIÊN HÀNH ĐỘNG

Với “một năng khiếu thay hình đổi dạng đáng kinh ngạc”, anh có thể biến thành một người Đức thuần chủng, nhưng lòng căm thù quân phát xít thì không có sức mạnh nào có thể tha hóa được. Khao khát chiến đấu, thất bại không lùi bước, hành động và hành động đến hơi thở cuối cùng, sự nghiệp hoạt động tình báo của Nicolai Cuznesov là một bản anh hùng ca. Anh xứng đáng với tên gọi “người điệp viên huyền thoại”.

* Con đường trở thành “người Đức”

Nicolai Cuznesov sinh ngày 27 tháng 7 năm 1911 tại làng Durianca thuộc tỉnh Sveclov. Anh học phổ thông, học trường trung cấp kỹ thuật rồi làm kiểm lâm. Nói chung, thời kỳ đầu cuộc đời anh không có gì đặc biệt, ngoại trừ việc anh có năng khiếu tiếng Đức đến kỳ lạ. Anh không chỉ đọc hết sách tiếng Đức tại các thư viện địa phương, anh còn chuyện trò với con cái những kiều dân Đức và với thầy giáo dạy lao động vốn cũng là người Đức. Về sau, anh còn nói được tất cả các thổ ngữ Đức như một người Đức thuần chủng, như một người sinh trưởng và lớn lên tại một tỉnh nào đó ở Đức. Ngoài tiếng Đức, anh còn biết quốc tế ngữ, tiếng Ba Lan và một vài thứ tiếng khác.

Trong thời gian Cuznesov làm việc tại một đơn vị trồng

rừng, các sếp của anh phạm tội biển thủ nên phải chịu những mức án tù giam khác nhau. Bản thân anh vì tội “trể nải công việc” cũng phải chịu kỷ luật cải tạo lao động tại nơi làm việc và trừ lương. Hình thức kỷ luật này mãi đến sau chiến tranh mới được bãi bỏ vì thiếu nguyên nhân “cấu thành tội phạm”.

Năm ngoài hai mươi tuổi, sau khi lên Moscva, Cuznesov bắt đầu thực hiện những nhiệm vụ của công tác phản gián, anh chịu trách nhiệm phát hiện những điệp viên “nằm vùng” trong sứ quán Đức ở Moscva. Khi tiếp xúc với những điệp viên này, anh nhanh chóng hấp thụ tất cả những gì hữu ích cho anh về sau: phong thái của họ, thói quen, lối nghĩ, kiểu đùa và những mẩu chuyện tiếu lâm của họ. Nhưng anh cũng đem lại lợi ích không nhỏ cho cơ quan phản gián. Nhờ sự giúp đỡ của anh, cơ quan phản gián Xô Viết đã chiêu mộ được một người Đức tên là Crio và người này đã cung cấp nhiều thông tin quý giá, kể cả mật mã của sứ quán Đức. Một nhân vật nữa cũng được cơ quan phản gián Xô Viết chiêu mộ là Flegel, thư ký riêng của đại sứ Đức. Với những người Đức cần tạo dựng quan hệ, Cuznesov vào vai một người Đức mang tên Rudof Smith. Kể mê nhà hát và balê Rudolf Smith quen biết nhiều nữ diễn viên balê, những cô gái sẵn sàng sử dụng thời gian một cách dễ chịu với anh và với “bạn bè” của anh. Hiển nhiên là những cuộc gặp gỡ này hoàn toàn do cơ quan phản gián Xô Viết đạo diễn và giám sát.

Nhưng chiến tranh đã bùng nổ vào ngày 22 tháng 6 năm 1941. Cuznesov không làm công tác phản gián nữa mà chuyển sang làm điệp viên thuộc Cục Phá hoại-trình sát thuộc Bộ Nội vụ Liên Xô. Anh theo một khoá huấn luyện đặc biệt trong vòng hơn một năm trời. Và vì cấp trên quyết định tung anh vào hậu

phương kẻ thù dưới lớp vỏ một sĩ quan Đức tên là Paul Giberg nên anh phải học tất cả những gì mà viên thượng úy Paul Giberg già ấy phải biết: cách xử sự, cách ăn mặc (quân đội Đức có tới mười bốn kiểu quân phục được quy định nghiêm ngặt cho mọi trường hợp của cuộc sống), cách xưng hô và tiếp xúc với thượng cấp, đồng cấp và hạ cấp, cùng hàng nghìn thứ khác. Anh nghe đài Đức, đọc báo chí Đức, xem phim Đức, học các bài hát Đức. Để thông thạo tất cả những thứ đó và thâm nhập được vào nếp sinh hoạt của người Đức, anh được gửi vào một trại tù binh Đức, nơi anh trải qua một cuộc khảo sát hết sức nghiêm khắc trong môi trường của những tù binh này. Tại đây, anh nắm vững tiếng lóng của binh lính và sĩ quan Đức, anh biết rằng “Máy khâu” là loại máy bay Xô Viết U-2, còn tám huy chương trên dải băng đỏ “Vì cuộc hành quân mùa đông sang phương Đông” được gọi là “thịt đông”. Cuối cùng, anh đã chuẩn bị xong xuôi cho việc thực hiện sứ mệnh của mình. Dưới đây là lời kể lại của một bác sĩ Xô Viết hoạt động trong một đội du kích khi ông vô tình nhận ra anh trong bộ quân phục Đức: “... *Tôi không tin vào mắt mình nữa. Anh kiêu hãnh hất mạnh đầu, hàm dưới nhô ra, nét mặt lộ vẻ khinh miệt đầy ngạo nghễ. Thoạt đầu, tôi thậm chí cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy anh như vậy. Để phá tan ấn tượng đó, tôi hỏi đùa anh:*

- *Anh cảm thấy thế nào trong bộ da này?*

Anh nhìn tôi từ đầu đến chân bằng ánh mắt như muốn giết chết tôi, khinh bỉ hạ khoe miệng xuống rồi nói bằng một giọng mũi như tiếng sủa:

- *Thưa ngài bác sĩ, đừng nói to như vậy.*

Hơi lạnh toả ra từ viên sĩ quan kiêu ngạo này. Tôi cảm

thấy bằng cả cơ thể cái khoảng cách mà anh đẩy tôi ra xa anh. Một năng khiếu thay hình đổi dạng đáng kinh ngạc”.

*** Trong lòng địch**

Sau khi chiến tranh bùng nổ được ít lâu, cơ quan tình báo Xô Viết bắt đầu tung vào hậu phương Đức những nhóm nhỏ được huấn luyện đặc biệt do các điệp viên chuyên nghiệp lãnh đạo. Một số nhóm làm công tác phá hoại, một số nhóm khác chuyên thu thập những tin tức quân sự. Nhiều nhóm trở thành hạt nhân của các đội du kích.

Người lãnh đạo một trong những nhóm đó là Dmitri Metvedev. Ngày 25 tháng 8 năm 1942, Nicolai Cuznesov được máy bay thả dù xuống để gia nhập nhóm của Metvedev.

Anh có một nhiệm vụ đặc biệt mà ngoài chỉ huy ra, không một ai được biết. Trong chiếc ba lô của Grachev (đó là tên trong đội du kích của người trinh sát mới đến) có một số vật dụng khác thường: một bộ quần phục Đức bọc trong chiếc áo mưa bằng vải nhựa, một chiếc ví đựng các loại giấy tờ khác nhau đều để tên là thượng úy Paul Giberg nhưng lại dán ảnh Grachev, một tập dày tem Đức, một khẩu súng lục paraben-lom có băng đạn dự trữ, các vật dụng vệ sinh cá nhân và rất nhiều những đồ vật vãng có thể cần thiết cho một sĩ quan Đức khiêm nhường.

Nhiệm vụ của Cuznesov, cũng tức là Grachev và Paul Giberg, là thực hiện việc trinh sát trong thành phố Ucraina Rovno bị quân Đức phát xít chiếm đóng. Thành phố này không phải ngẫu nhiên mà được lựa chọn: trong thành phố có tới hai trăm bốn mươi ba cơ quan hậu phương của Đức hoạt động, những dòng tin tức hết sức đa dạng và quan trọng từ khắp mọi

miền của sườn phía Nam mặt trận Xô - Đức đổ dồn về những cơ quan đó. Về thực chất, thành phố có bốn mươi nghìn dân này đã bị quân Đức biến thành “thủ đô” của nước Ucraina bị chiếm đóng.

Và đây là chuyến đi đầu tiên vào thành phố bị chiếm đóng. Phải đặt mình vào vị trí của anh thì mới có thể hiểu được phần nào những cảm xúc của anh khi mặc quân phục Đức đi trên những đường phố đầy binh lính và sĩ quan phát xít. Khi cấp dưới chào thì phải đáp lại, còn khi gặp cấp trên thì phải chủ động giơ tay chào. Nhớ có tên nào chặn anh lại và hỏi một câu gì đó ma mãnh thì sao? Nhớ có tên nào hỏi giấy tờ anh thì sao? Nhớ có tên nào nhận thấy một cái gì đó khác thường trên toàn bộ diện mạo anh thì sao?

Đột nhiên anh gặp đội tuần tra. Chúng chặn anh lại. Viên sĩ quan chăm chú đọc giấy tờ của anh rồi ngược mắt nhìn anh.

- Tại sao anh vi phạm quy định mặc quân phục?

“Mình có gì không đúng quy định nhỉ? - Cuznesov thoáng nghĩ - Mọi thứ đều đúng như trên ảnh Giberg thật đấy chứ...”.

- Anh đội mũ ca-lô. Mà chỉ ngoài mặt trận mới được đội mũ ca-lô. Anh phải đội lưỡi trai mới đúng.

- Nhưng tôi vừa trở về từ quân y viện ngoài mặt trận, tôi đang đi tìm mua mũ lưỡi trai đây.

- Thế thì được. Anh có thể đi. Chớ vi phạm quy định nữa đấy.

Mỗi chi tiết, mỗi tiểu tiết, mỗi nét trong tiểu sử của viên sĩ quan Giberg thật đã chết ngoài mặt trận mà anh mượn tên tuổi, giấy tờ cùng quá khứ của y, tất cả đều cực kỳ quan trọng. Không được phép phạm bất kỳ sai sót nào.

Dần dần Paul Giberg đã nhập được vào cuộc sống ở Rovno,

anh có những căn phòng bí mật, có những người giúp đỡ. Anh có nhóm điệp viên riêng của mình gồm người đánh xe, người lái xe, các liên lạc viên. Xe ô tô thì anh “mượn tạm” của một đơn vị Đức rồi cho sơn màu khác và thay biển số. Anh có cả “người yêu” là Valia Dovghe. Thông qua cô bạn gái của mình, Valia làm quen với một nhân viên Gestapo tên là Leo Metco rồi giới thiệu y làm quen với Paul Giberg. Leo Metco dẫn anh đi gặp những sĩ quan Đức khác và ít lâu sau phạm vi quen biết của anh đã mở rộng. Nhờ đó, anh thu thập được những tin tức quý giá.

*** Thất bại là mẹ thành công**

Một hôm, Cuznesov báo tin cho Metvedev biết rằng vào ngày 20 tháng 4 năm 1943, ở Rovno sẽ diễn ra cuộc duyệt binh nhân dịp ngày sinh Hitler, và trong cuộc duyệt binh này sẽ có mặt Eric Coc, toàn quyền Ucraina và là tên đao phủ đối với nhân dân Ucraina. Cuznesov sẵn sàng thực hiện hành động báo thù bằng mọi giá. Metvedev đồng ý. Cuznesov cùng Valia len lỏi đến sát khán đài. Nhưng Coc đã không đến dự cuộc duyệt binh.

Sau đó ít lâu, Valia nhận được tin cô sắp bị đưa sang Đức. Lấy cớ trao đơn xin cho người yêu được ở lại Rovno, Cuznesov cùng Valia đến gặp Coc tại buổi tiếp dân. Đây lại là một cơ hội nữa thanh toán y. Nhưng không thể bắn y được bởi vì trong phòng khách có hai tên SS đứng hai bên y, còn dưới chân y là một con chó săn to theo dõi từng bước đi của Cuznesov. Việc mưu sát Coc không thành. Y sống sót cho đến những ngày cuối chiến tranh. Năm 1959, y bị một toà án Ba Lan kết án. Y sống phần đời còn lại trong tù và chết năm 1986.

Cuộc trò chuyện với Coc không phải là vô ích. Coc thấy mến viên thượng úy “đã từng chiến đấu tại vùng Curxc” và y cho biết là bộ chỉ huy quân đội Đức đang chuẩn bị phục thù trận thất bại ở Stalingrad, nơi mà Giberg cũng đã từng chiến đấu. Tin này được thông báo về Moscva đã củng cố thêm những tin tức khác về việc quân đội Đức di chuyển đến vùng vòng cung Curxc.

Trong số những người quen của Paul Giberg có một nhân viên cơ quan phản gián Đức tên là Unrich fon Orten. Chính y đã nói hỏ cho anh biết về kế hoạch mưu sát những nhân vật tham gia hội nghị “Tam cường” ở Teheran là nhà lãnh đạo Liên Xô Stalin, tổng thống Mỹ Roosevelt và



Ba nhà lãnh đạo cao cấp của ba nước trong Hội nghị “Tam cường”

thủ tướng Anh Churchill. Bản thân Unrich fon Orten biến mất khỏi Rovno sau khi tung tin đồn là y đã tự sát.

Những công việc quan trọng nhất đang chờ Paul Giberg ở phía trước. Đối với anh, chỉ thu thập và truyền tin tức đi là chưa đủ. Anh khao khát chiến đấu, anh cho rằng sự nghiệp của anh là tiêu diệt bọn đầu sỏ phát xít. Tên phó thứ nhất của Eric Coc là Paul Dacghen. Metvedev cho phép Cuznesov tiêu diệt tên này. Valia làm việc trong uỷ ban quân quản tỉnh nên đã nghiên cứu được tỉ mỉ thời gian biểu của y: ngày nào cũng vậy, đúng 14 giờ 30 phút là Dacghen đi ăn trưa, cùng đi với y là viên sĩ quan tùy tùng với chiếc cặp các tông đựng tài liệu màu đỏ cặp dưới nách.

Ngày 20 tháng 9, một chiếc xe đỗ lại cạnh toà nhà của Ủy ban quân quản Đức. Đúng 14 giờ 30 phút, một nhân vật quan trọng bước ra khỏi nhà, có một viên sĩ quan cấp chiếc cặp da màu đỏ tháp tùng. Hiển nhiên đó chính là Dacghen. Cuznesov bước xuống xe, nổ liên hai phát súng trực diện. Hôm sau anh mới biết hai kẻ bị bắn chết là viên cố vấn cao cấp Hans Ghen và viên sĩ quan tùy tùng của y.

Thất bại đó khiến Cuznesov rất đau khổ. Bởi lẽ mọi thứ đều trùng hợp: cũng đúng thời gian ấy, cũng có viên sĩ quan tháp tùng, tuy quả thật là chiếc cặp tài liệu kia không phải bằng các tông mà bằng da.

Ngày 30 tháng 9, tức là mười ngày sau, cũng tại địa điểm ấy, Cuznesov ném lựu đạn vào Dacghen. Và lại thất bại. Dacghen chỉ bị thương và rồi được máy bay đưa về Berlin. Một mảnh lựu đạn làm chính Cuznesov cũng bị thương. Anh và người lái xe của anh là Xtrutincki kịp chạy trốn. Đội bảo vệ Đức đuổi theo họ nhưng chúng bắt nhầm một chiếc xe khác chở một viên thiếu úy Đức. Trước khi sự nhầm lẫn được sáng tỏ, viên thiếu úy Đức bị đánh một trận thừa sống thiếu chết.

*** Thành công thuộc về người thông minh và dũng cảm**

10 tháng 11 năm 1943, Cuznesov và Xtrutincki dùng súng máy bắn chết một viên phó khác của Coc là tướng Herman Cơnut. Nhưng Coc còn một “bạn chiến đấu” thân cận nữa là viên tướng SS Anfred Funco, chánh án toà án tối cao Ucraina. Tại đây, cũng như trước đó ở Tiệp Khắc, Anfred Funco đàn áp dã man tất cả những ai bị y coi là “kẻ thù của đế chế”.

Ngày 17 tháng 11 năm 1943, Cuznesov tạt vào phòng tiếp

khách của Funco giữa lúc y đang cạo râu tại hiệu cắt tóc gần đó. Cuznesov vừa trò chuyện thân ái với cô nữ thư ký vừa nhìn qua cửa sổ, đợi tín hiệu của người trợ lý đang đứng ngoài phố quan sát cửa hiệu cắt tóc kia. Cuối cùng, tín hiệu phát ra. Funco đã cạo râu xong. Cuznesov đề nghị cô thư ký lấy cho anh nước uống. Cô ta bước ra, còn Cuznesov tranh thủ lúc đó lẻn vào phòng làm việc của Funco. Khi cô thư ký quay lại thì trong phòng khách không còn ai. Đúng lúc đó Funco xuất hiện và đi vào phòng làm việc. Y vừa bước vào thì hai phát súng vang lên.

Cuznesov bình tĩnh thu thập đồng giấy tờ trên bàn rồi bước qua phòng khách, không để ý gì đến cô thư ký đang cực kỳ sửng sốt. Khi ra khỏi nhà, Cuznesov nhìn thấy hai chiếc xe chở đầy lính Đức. Chúng ngạc nhiên nhìn lên ô cửa sổ ở tầng hai là nơi vọng ra hai tiếng súng. Cuznesov thản nhiên nhìn lên cửa sổ cùng với chúng. Anh rẽ vào một góc phố và ngồi lên chiếc xe đã đợi sẵn.

Một trong những vụ khôn khéo và táo bạo của Cuznesov là bắt cóc viên tướng Đức Fon Inghen, tư lệnh các đơn vị đặc biệt.

Y sống trong một ngôi nhà riêng biệt. Ở cổng bao giờ cũng có lính gác và trong nhà bao giờ cũng có trực nhật. Ngoài ra, trong nhà còn có bốn tên lính bảo vệ. Nhưng Cuznesov đã chọn đúng thời điểm viên tướng phái những tên lính này về Berlin “công tác”, chính xác hơn là để chở của cải mà y ăn cướp được ở Ucraina về Đức.

Vào ngày đã định, Cuznesov, Xtrutinxki và một trợ tá nữa của anh là Caminxki lái xe đến ngôi nhà của Inghen.

Nhìn thấy Cuznesov mặc quân phục sĩ quan, tên lính gác

ưỡn thẳng người đứng chào. Cuznesov và hai người cùng đi bước vào nhà. Viên trực nhật vội vã chạy ra đón.

- Tướng quân sắp về rồi đấy ạ, - y báo cáo.

Thấy nòng khẩu súng lục chìa vào mình, viên trực nhật bất lực đổ xuống sàn nhà. Cuznesov khám xét y, nhưng trong người y không thấy có vũ khí. Họ gọi tên lính gác vào nhà và tước vũ khí của y. Xtrutinxki thay y đứng gác ngoài cổng.

Cuznesov bắt đầu lục soát toàn bộ ngôi nhà. Anh thu thập mọi giấy tờ, kể cả thư từ cá nhân để về sau nghiên cứu. Họ còn tìm thấy một khẩu súng máy và hai khẩu súng lục. Cuznesov lấy cả khẩu súng săn của Inghen để làm quà tặng cho Metvedev.

Đột nhiên, viên trực nhật tên là Lucovxki đang ngồi bệt trên sàn nhà bỗng lên tiếng:

- Ngài thượng úy, đồng chí chỉ huy... Hãy cho phép tôi quay trở lại vọng gác, nếu không sắp đến giờ thay gác rồi, có thể gây náo loạn mất.

Cuznesov thoáng thâm tính toán trong óc rồi đồng ý. Kể cũng liều lĩnh thật, nhưng anh cảm thấy Lucovxki không đánh lừa anh. Hơn nữa, khẩu súng của y đã lấy đạn ra rồi, còn Xtrutinxki thì đang lăm lăm khẩu súng máy trong tay, chăm chú theo dõi từng hành động của y.

Đúng vài phút sau, vang lên tiếng động cơ, một chiếc xe chạy đến ngôi nhà.

Viên tướng Inghen bốn mươi hai tuổi, nặng nề, phục phịch, bước vào nhà. Vào đến phòng khách, y sững sốt khi nhìn thấy ba người lạ mặt. Nhưng y lập tức hiểu ra và lao vào Cuznesov. Một mình Cuznesov không giải quyết nổi Inghen, Caminxki và Xtrutinxki phải đến trợ giúp, ngay cả viên trực

nhật Lucovxki cũng ôm chặt lấy hai chân Inghen. Caminxki trói hai tay y lại, nhưng trói không được chặt, anh nhét một nắm giẻ vào mồm y, nhưng cũng khá vụng về.

Khi Inghen bị dẫn ra ngoài nhà, y rút được hai tay ra, dấn vào mặt Caminxki, rồi lôi được nắm giẻ ra, kêu văng lên bằng tiếng Đức:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Đúng lúc đó có bốn viên sĩ quan Đức hiện ra gần ngôi nhà. Xử trí với chúng thế nào đây? Bắn nhau ư? Nhưng sẽ náo động mất. Cuznesov chợt nhớ đến chiếc huy hiệu Gestapo mà anh mang theo từ Moscva nhưng chưa lần nào sử dụng đến.

Anh liền lấy chiếc huy hiệu ra, giơ cho mấy viên sĩ quan nhìn thấy và nói rằng đã bắt giữ được một tên cướp mặc quân phục Đức, rồi anh đề nghị chúng xuất trình giấy tờ. Sau khi kiểm tra giấy tờ xong, anh đề nghị ba tên có thể tiếp tục đi, còn tên thứ tư - tên này là lái xe riêng của Eric Coc - thì anh đề nghị ở lại làm nhân chứng.

Như vậy, họ đã có được hai thành công cùng một lúc: ngoài viên tướng Inghen, họ còn bắt được một kẻ có thể khai thác được nhiều thông tin.

Cuznesov còn gián tiếp tham gia vụ tiêu diệt một tên đao phủ khác là viên tướng Prixman, chỉ huy trưởng một chiến dịch càn quét. Chính Cuznesov đã thông báo mọi chi tiết liên quan đến chiến dịch này và do đó tạo điều kiện cho các chiến sĩ du kích tổ chức mai phục Prixman.

Trước sức tấn công mạnh mẽ của quân đội Xô Viết, tất cả các cơ quan của Đức đều sơ tán từ Rovno đến Lvov. Cả Cuznesov cũng chuyển địa bàn hoạt động đến Lvov, nhưng giờ đây anh không còn là thượng úy nữa mà đã là đại úy. Việc

thay cấp như vậy là cần thiết để đánh lạc hướng chú ý bởi lẽ cảnh sát Đức từ lâu đã lùng tìm một sĩ quan đáng ngờ cấp thượng úy.

Tại Lvov, Cuznesov thực hiện được một hành động báo thù nữa, lần này là viên phó thống đốc vùng Galaxi tên là Otto Bauer. Anh và các đồng chí của anh đã bắn tan chiếc xe chở y và tiêu diệt tất cả những kẻ ngồi trên xe. Trong bản cáo phó đăng trên báo chí phát xít có viết: *"Tướng Otto Bauer đã hy sinh vì Quốc trưởng và đế chế"*.

* Di chúc cho muôn đời

Cuznesov không thể ở lại trong lòng kẻ thù lâu hơn nữa. Cùng với Belov và Caminxki, anh lên đường ra trận tuyến để gặp quân đội Xô Viết. Nhưng khi đến làng Bôriatin thuộc tỉnh Lvov, họ bất ngờ chạm trán với một đơn vị quân Đức. Một trận giao chiến không cân sức đã xảy ra. Sau khi chiến đấu đến kiệt sức, họ dùng lựu đạn tự sát để khỏi rơi vào tay kẻ thù.

Sau khi Cuznesov hy sinh, người ta đã đọc được bức thư để trong chiếc phong bì gắn kín có đề dòng chữ: *"Mở ra sau khi tôi chết"*. Bức thư viết:

"Hồi 24 giờ 5 phút ngày 25 tháng 8 năm 1942, tôi đã nhảy dù từ trên bầu trời xuống để thắng tay trả thù cho máu và nước mắt của những người mẹ và những người anh em đang rên xiết dưới ách chiếm đóng của quân phát xít Đức."

Tôi đã nghiên cứu kẻ thù trong vòng mười một tháng bằng cách sử dụng quân phục sĩ quan Đức, tôi cũng đã tìm cách xâm nhập vào hang ổ của Eric Coc, tên bạo chúa Đức ở Ucraina."

Giờ đây, tôi chuyển sang hành động."

Tôi yêu quý cuộc đời, tôi còn rất trẻ, nhưng nếu cần hy

sinh cho Tổ quốc mà tôi yêu quý như mẹ đẻ của tôi, tôi sẽ sẵn sàng hy sinh. Hãy để cho bọn Đức biết một người Nga yêu nước và một người Bolsevich có thể làm được những gì. Hãy để cho chúng biết rằng chúng không thể khuất phục nổi nhân dân Xô Viết, hệt như không một ai có thể thể dập tắt được mặt trời.

Dù tôi có chết nhưng những người yêu nước bao giờ cũng bất tử trong trí nhớ của nhân dân tôi. “Dù người có chết nhưng trong bài hát ca ngợi những con người dũng cảm và mạnh mẽ, người sẽ mãi mãi là tấm gương sống động kêu gọi mọi người vươn tới tự do và ánh sáng!...”. Đây là tác phẩm của Gorki mà tôi hết sức yêu thích. Mong sao thanh niên chúng ta đọc tác phẩm này nhiều hơn nữa... Cuznesov của các bạn”.

Ngày mồng 5 tháng 11 năm 1944, đoàn chủ tịch Xô Viết tối cao Liên Xô ra sắc lệnh trao tặng cho Nicolai Cuznesov danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

KLAUSE FUCHS

KHI BÁC HỌC NGUYÊN TỬ LÀM ĐIỆP VIÊN

Báo chí Anh-Mỹ gọi ông là “người điệp viên vĩ đại nhất trong lịch sử”, là “con người đã phá tan sự hùng mạnh của nước Mỹ”. Tham gia chương trình chế tạo bom nguyên tử cho Anh - Mỹ - một thứ vũ khí giết người hàng loạt nhưng lại tình nguyện làm điệp viên cho tình báo Xô Viết, Klaus Fuchs không chỉ chứng tỏ là một nhà bác học “quý giá nhất” mà còn là một con người ưu tú của chủ nghĩa hòa bình.



* Chạy trốn, tù tội và tự do

Klaus Fuchs sinh ngày 29 tháng 12 năm 1911 tại thị trấn Rutsenhaymer gần Damstat trong gia đình giáo sư thần học Emin Fuchs, một tín đồ Tin lành nhiệt thành theo chủ nghĩa hòa bình.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, ông theo học trường Đại học Leipsig và tại đây, ông trở thành thành viên Đảng Xã hội Đức. Năm 1931, cũng như các anh chị em của ông, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đức. Khi Hitler lên nắm chính quyền, Đảng Cộng sản Đức bị cấm hoạt động và rút lui vào bí mật. Gestapo truy lùng những đảng viên tích cực, trong đó có Klaus Fuchs.

Vào tháng 7 năm 1933, ông buộc phải di cư sang Pháp rồi sang Anh. Hai vợ chồng người chị gái Elizaveta và hai vợ chồng người anh trai Gerhar của ông chạy sang Tiệp Khắc, còn cô em gái Cristen thì sang Mỹ.

Tại thành phố Briston nước Anh, Klause sống ở nhà Ronan Han, một người bạn của Liên Xô và cũng là một nhà công nghiệp nổi tiếng. Nhờ sự giúp đỡ của Ronan, ông được nhận vào làm thực tập sinh tại phòng thí nghiệm của nhà vật lý Nevin Mote.

Tháng 12 năm 1936, Klause bảo vệ luận án tiến sĩ. Sau đó, ông làm việc tại phòng thí nghiệm của giáo sư Marse Borner, tại đây ông viết được một loạt công trình khoa học.

Vào tháng 5 năm 1940, khi nước Anh đứng trước nguy cơ bị Đức phát xít xâm lược, Klause bị quản thúc vì ông là người Đức. Ông bị đưa sang Canada là nơi ông phải sống rất khổ khổ trong trại tập trung ở Quebec. Nhờ các bạn bè trong giới khoa học chạy chọt, ông được trả tự do vào cuối tháng 12 năm 1940 và trở về Anh.

Vào thời gian đó, ở Anh đang nghiên cứu đề án chế tạo bom nguyên tử mang mật danh *Tube alloy* có sự tham gia của nhiều nhà khoa học lớn. Giáo sư Paiec, một trong những người lãnh đạo đề án này, đã có dịp làm quen với những công trình nghiên cứu của Klause. Giáo sư công nhận Klause là một nhà khoa học tài năng nên đã mời ông tham gia đề án, bất chấp quan điểm chính trị của ông.

*** Hoạt động tình báo nhân danh chủ nghĩa hoà bình**

Năm 1942, Klause được nhận quốc tịch Anh và bắt đầu tham gia những công việc tuyệt mật. Ông được phép tiếp cận

những tài liệu của tình báo Anh, trong đó có những tài liệu về việc tiến hành những công trình nghiên cứu tương tự ở Đức, nơi tình báo Anh có một điệp viên giá trị là nhà khoa học Paul Rosbawer.

Sau khi Đức tấn công Liên Xô, dư luận Mỹ và Anh đòi hỏi chính phủ hai nước này giúp đỡ Hồng quân và mở mặt trận thứ hai. Nhưng giới lãnh đạo Mỹ và Anh lẩn tránh.

Vốn là người bạn thân thành của Liên Xô và kẻ thù của chủ nghĩa Quốc xã, Klaus Fuchs không cam chịu tình hình này. Vào cuối năm 1941, ông đến sứ quán Liên Xô ở Anh thông báo về những công trình nghiên cứu tuyệt mật đang tiến hành và tỏ ý sẵn sàng chuyển những tin tức này cho Liên Xô. Khi biết về chuyến thăm viếng này, đại sứ Maixki không chuyển Klaus cho điệp viên nằm vùng của Bộ Nội vụ Liên Xô là Gorxki mà chuyển ông cho điệp viên nằm vùng của Cục Tình báo Xô Viết.

Vậy là Klaus bắt đầu hợp tác với tình báo Xô Viết. Lúc đầu, mối liên lạc bí mật với ông được thực hiện thông qua nữ tình báo viên Xô Viết Rut Kutsinxki. Trong khoảng thời gian những năm 1942 - 1943, cứ ba, bốn tháng họ gặp nhau một lần, và Klaus bao giờ cũng có những tin tức giá trị để thông báo. Hơn nữa, đây là những tin tức về công việc mà ông trực tiếp có liên quan. Ông không bao giờ tiết lộ những bí mật của người khác.

Tin tức của Klaus vào thời gian đó thường lặp lại những gì mà các nhà khoa học Xô Viết đã biết, nhưng nó xác nhận rằng Mỹ và Anh đã bắt tay vào việc xây dựng những công trình công nghiệp để chế tạo vũ khí nguyên tử.

Cuối năm 1943, người lãnh đạo các công trình nghiên cứu

của Mỹ trong lĩnh vực này là Robert Oppenheimer do được biết những công trình khoa học của Klaus từ trước và đánh giá rất cao những công trình đó nên đã đề nghị đưa ông vào thành phần phái đoàn Anh tham gia chương trình *Dự án Manhattan* nhằm chế tạo bom nguyên tử.

Sau khi đến Mỹ, Klaus được tình báo Xô Viết giới thiệu với điện viên nằm vùng của Bộ Nội vụ Liên Xô tại Mỹ là Hari Hondo (tức “Raimon”), hai bên thường xuyên gặp nhau trong vòng năm tháng trời. “Raimon” chuyển những tin tức nhận được cho điện viên Xô Viết Anatoli Iancov.

Nhưng rồi, Klaus đột nhiên biến mất. Em gái của Klaus cho “Raimon” biết rằng anh trai cô đã khẩn cấp đi đến miền “Đông Bắc Mỹ” nhưng không để lại địa chỉ. “Raimon” nhờ cô chuyển cho Klaus một bức thư đề nghị ông lập tức nổi lại liên lạc ngay sau khi trở về.

* Dự án Manhattan

Địa điểm “Đông Bắc Mỹ” mà Klaus khẩn cấp đến chính là thị trấn bí mật Lot Alamot. Tại đây, trong điều kiện tuyệt mật, bốn mươi lăm nghìn nhà khoa học (trong đó có mười hai nhà khoa học được giải thưởng Nobel), kỹ sư, kỹ



Các nhà khoa học tham gia dự án

thuật viên, công nhân, và do những đơn vị quân đội đặc nhiệm bảo vệ đang làm việc. Người phụ trách *Dự án Manhattan*, tướng Grawser hăng diện tuyên bố rằng “ngay cả chuột cũng

không lọt vào nổi". Vậy mà tình báo Xô Viết đã lọt vào được. Cùng với Klaus Fuchs, còn một vài người nữa cộng tác với tình báo Xô Viết làm việc tại đây, nhưng cho tới nay danh tính những người đó vẫn không được tiết lộ.

Đến tháng giêng năm 1945, mối liên lạc với Klaus lại được khôi phục. Ông chuyển cho tình báo Xô Viết những tính toán, kích thước và bản vẽ của "bé" - đấy là tên âu yếm mà những người chế tạo bom nguyên tử dùng để gọi loại vũ khí khủng khiếp này. Klaus kiên quyết từ chối bất kỳ sự hỗ trợ vật chất nào và đề nghị không bao giờ nêu lại vấn đề này.

Vào tháng 6 và tháng 9 năm 1945 còn diễn ra hai cuộc gặp gỡ quan trọng nữa với Klaus: ông chuyển nhiều tin tức về các cuộc thử nghiệm và hoàn thiện bom Uran và bom Plutoni.

Klaus được đánh giá rất cao ở Lot Adamot. Người phụ trách ban lý thuyết trong *Dự án Manhattan* là Hans Bet nói về ông như sau: "Klaus Fuchs là một trong những người quý giá nhất của ban chúng tôi. Ông là một nhà khoa học xuất chúng, khiêm tốn, giàu năng lực, cần cù, đã góp phần to lớn vào chương trình Manhattan".

Tại Lot Adamot, ngay cả sau khi kết thúc chiến tranh vẫn tiếp tục công việc hoàn thiện bom nguyên tử và chế tạo bom khinh khí. Klaus Fuchs tham gia vào hầu hết những dự án này.

Vào tháng 6 năm 1946, chính phủ Anh quyết định chế tạo bom nguyên tử của riêng mình bởi vì người Mỹ không vội vã chia sẻ những bí mật của họ, đồng thời chính phủ Anh còn đề nghị những chuyên gia giỏi nhất trở về nước. Trong số đó có cả Klaus Fuchs.

Tại Anh, Klaus được bổ nhiệm làm người đứng đầu ban lý thuyết của Trung tâm nghiên cứu khoa học nguyên tử ở

Haruen. Ông trở thành thành viên của nhiều uỷ ban có liên quan đến vấn đề này, trong đó có uỷ ban phòng thủ chống vũ khí nguyên tử của Anh. Ông cũng tham gia việc giải quyết nhiều vấn đề có liên quan với việc xây dựng ngành công nghiệp nguyên tử.

Tại Anh, Klausе được cơ quan tình báo Xô Viết giới thiệu liên lạc với điệp viên của cơ quan tình báo nước ngoài Xô Viết là Alecxandr Feclixov. Do tính chất của công việc, Feclixov phải tiếp thu những kiến thức trong lĩnh vực vật lý lý thuyết. Klausе hiểu rõ những khó khăn của người điệp viên trẻ tuổi nên ông cố gắng thông báo tin tức dưới dạng dễ hiểu đối với anh. Chương trình của mỗi cuộc gặp gỡ với Klausе đều được thảo luận và được phê chuẩn ở Moscva.

Klausе nói rằng căn cứ theo những câu hỏi mà ông được yêu cầu trả lời thì các nhà khoa học Xô Viết đang sắp sửa chế tạo được bom nguyên tử của riêng mình. Điều đó khiến ông rất vui mừng bởi vì nó sẽ góp phần củng cố hoà bình.

Tính tổng cộng thì từ mùa thu năm 1947 cho đến tháng 5 năm 1949, Feclixov đã có năm cuộc gặp gỡ rất hiệu quả với Klausе, sau đó ông ngừng liên lạc. Sự việc này xảy ra sau khi Liên Xô cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên của mình.

* Sự thú nhận sai lầm

Các cơ quan an ninh Anh và Mỹ sững sốt khi thấy Liên Xô chế tạo được bom nguyên tử nhanh như vậy và họ bắt đầu ráo riết tìm kiếm những nguồn rò rỉ các tin tức tuyệt mật. Trong quá trình truy lùng này, họ đã sử dụng lời khai của Gudenco, một kẻ phản bội là nhân viên mật mã của tuỳ viên quân sự Xô Viết ở Ottawa (thủ đô Canada) cùng nhiều lời

khai khác. Những lời khai đó cho thấy em gái của Klaus là Cristen đã vài lần gặp gỡ một nhân vật lạ mặt. Trên cơ sở đó, vào tháng 9 năm 1949, Klaus bắt đầu bị bí mật theo dõi. Vì cảm thấy bị theo dõi nên ông không tới những cuộc gặp gỡ nữa.

Theo chỉ thị của thủ tướng Anh Etli, cơ quan phản gián Anh bắt đầu tăng cường việc thẩm vấn Klaus. Đồng thời, họ vẫn không tách ông khỏi công việc và bằng cách đó, khiến áp lực của các đồng nghiệp đối với ông tăng lên. Bởi lẽ, các đồng nghiệp của ông được họ cho biết là đang thẩm vấn ông và nghi ngờ ông hoạt động gián điệp.

Vào những ngày đó, Klaus đã phạm một sai lầm không thể tha thứ được: khi Xkinne, một người bạn ông hỏi ông là liệu có cơ sở nghi ngờ ông hoạt động gián điệp hay không thì ông đã không dứt khoát bác bỏ mà lại trả lời một cách mập mờ. Ông cũng cho rằng “Raimon” (tức Gondo) đã phản bội ông. Thấy che giấu mãi cũng vô ích, trong cuộc gặp gỡ với một nhân viên hàng đầu của cơ quan phản gián Anh là Scardon ngày 13 tháng 1 năm 1950, ông thừa nhận là mình đã trao cho Liên Xô những tin tức về bom nguyên tử.

*** Lại tù tội, tự do và những phần thưởng cao quý**

Ngày mùng 2 tháng 2 năm 1950, Klaus Fuchs bị bắt và bị chính thức buộc tội. Phiên tòa diễn ra ngày mùng 1 tháng 3 năm 1950 không có bồi thẩm đoàn và chỉ có một nhân chứng duy nhất là nhân vật Scardon đã nhắc đến ở trên. Toàn bộ cuộc xét xử chỉ kéo dài có một tiếng rưỡi đồng hồ.

Klaus Fuchs bị kết án mười bốn năm tù mặc dù ông tưởng phải chịu án tử hình. Tòa có lưu ý đến tình tiết là ông

chuyển những bí mật nguyên tử không phải cho kẻ thù mà là cho một đồng minh chiến tranh.

Như thường thấy trong thực tiễn các “vụ án gián điệp”, hãng thông tấn Liên Xô “TASS” tuyên bố rằng “chính phủ Liên Xô không hề hay biết Klaus Fuchs và không một “điệp viên” Xô Viết nào có bất kỳ quan hệ gì với ông ta”.

Ngày 24 tháng 6 năm 1959, sau chín năm rưỡi ngồi tù, Klaus Fuchs được trả tự do vì hạnh kiểm mẫu mực. Ông lập tức đến Đông Berlin mặc dù ông nhận được nhiều đề nghị của các chính phủ Anh, Canada và Cộng hoà Liên bang Đức.

Ngày 26 tháng 6 năm 1959, Klaus Fuchs được nhận quốc tịch Cộng hoà Dân chủ Đức. Ông được bổ nhiệm làm phó giám đốc viện vật lý hạt nhân, lập gia đình và tích cực tham gia đời sống chính trị xã hội. Ông được bầu làm viện sĩ Viện Hàn lâm Cộng hoà Dân chủ Đức, uỷ viên Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, được trao tặng giải thưởng nhà nước và huân chương Các Mác.

Ngày 28 tháng 2 năm 1988, ông qua đời và được chôn cất với mọi nghi thức trang trọng. Thật đáng tiếc là trong số những phần thưởng của ông mà những người đưa tang mang theo trên những tấm đệm đỏ, không có một phần thưởng nào của Liên Xô.

HEINZ FELFE

NHỮNG BƯỚC NGOẶT GIAN TRUÂN

*** Sự ngộ nhận, bối rối, lo âu...**

Là con trai giám đốc cảnh sát Dresden, năm 13 tuổi, tức năm 1931, anh tham gia Liên đoàn quốc gia xã hội chủ nghĩa của học sinh, năm 1936 trở thành thành viên đội quân đặc biệt SS được coi là “tổ chức hào hiệp và đàng hoàng” (từ đây về sau những đoạn có ngoặc kép là trích trong hồi ký của Heinz Felfe). Anh chân thành cho rằng “Tất nhiên, Hitler đã mang đến cho nhân dân Đức cái mà nhân dân cần đến trong thời kỳ mờ mịt của nước Cộng hoà Weimar: một mục đích rõ ràng, một trật tự và kỷ luật nghiêm ngặt”.

Năm 1939, sau mười ngày tham gia chiến tranh với Ba Lan, Felfe bị viêm phổi, giải ngũ, sau đó lại được động viên và được đưa tới Berlin học tập với tư cách là một cán bộ kế cận lãnh đạo đội cảnh sát bảo vệ nằm trong SS. Anh cảm thấy mình là người đại diện cho “lớp tinh hoa của quốc gia có trách nhiệm thực hiện những đường hướng lớn lao trong vai trò lãnh đạo quốc gia Đức...”. Đồng thời anh cũng “nhận thấy những mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của giới lãnh đạo đất nước, nhưng coi đó là căn bệnh tất yếu trên đường phát triển...”.

Việc nước Đức tấn công Liên Xô đã làm anh lo âu, bối rối. Thứ nhất, với tư cách là luật gia tương lai, anh không thể hiểu

nổi vì sao giới lãnh đạo đất nước lại có thể chà đạp lên hiệp định không tấn công lẫn nhau ký ngày 23 tháng 8 năm 1939. Thứ hai, khi nhìn lên bản đồ, anh không khỏi ngạc nhiên, làm sao họ dám đánh nhau với một đất nước rộng lớn đến như thế.

* Công việc không ấn tượng

Heinz đã dự thi vượt thời hạn và đã thành công, đến tháng 3 năm 1943, anh đã trở thành cố vấn của cảnh sát hình sự. Cuối tháng 8 năm 1943, anh được chuyển vào Cục VI của Tình báo Đối ngoại. Vì thiếu cán bộ nên Heinz được đề bạt ngay vào cương vị lãnh đạo, mặc dù anh không có một chút ấn tượng nào về công tác tình báo. Là người năng nổ và hiếu học, anh nghiên cứu đủ mọi thứ, thậm chí cả những thứ chẳng liên quan gì đến phần việc của anh, như thế anh lập tức phá vỡ mệnh lệnh nổi tiếng số 1 của Hitler: Không ai được biết nhiều hơn những điều được yêu cầu cho công tác trực tiếp của người đó.

Người lãnh đạo Cục VI là Valter Shellenberg, chưa đầy ba mươi tuổi. Sau thất bại của trùm tình báo Đức là đô đốc Canaris, Cục VI đã được bổ sung nhiều tình báo quân sự. Felfe là trưởng phòng tin VI B-3 phụ trách Thụy Sĩ và Lihtenshteyn. Công việc được tiến hành theo ba hướng: thu thập thông tin, đánh giá và sử dụng thông tin, lập phiếu và lưu trữ. Các nguồn thông tin tình báo nước ngoài nhận được cái gọi là “số V” (chữ cái đầu tiên của từ Đức (vertrauensperson) - “tín nhân”. Các điệp viên đều có số riêng bắt đầu từ số mã của điệp viên nằm vùng (thí dụ, đối với Thụy Sĩ là 79). Việc bảo mật được đặt ra chu đáo, tên thật của điệp viên chỉ có người cùng hợp tác mới biết, thậm chí thủ trưởng cũng không

biết. Nhưng cũng có những nguồn thông tin không có chữ “V”. Họ thuộc nhóm những điệp viên cần được nguy trang đặc biệt cẩn thận, mặc dù họ không phải là tín nhân, cũng không phải là điệp viên. Họ có quan hệ với ban lãnh đạo tình báo Đức, đặc biệt với chính Shellenberg, có thể họ đã được cấp trên cho phép. Thí dụ, một trong số những người này là giám đốc tình báo quân sự Thụy Sĩ, tướng Rozhe Masson, có mã số là Zommer-1. Những cuộc tiếp xúc như vậy giữa các cơ quan mật vụ được tiến hành khá thường xuyên, cả Shellenberg và cả Felfe đều biết rằng Masson đang duy trì mối quan hệ tương tự với người Mỹ và người Anh.

Mỗi thông tin đều được đánh giá theo hệ thống 6 điểm (điểm 6 là thấp nhất). Sau này trong thời Gehlen các chữ cái từ A đến F được dùng để đánh giá tình hình và độ tin cậy của nguồn thông tin. Nếu nói đến các cuộc hội đàm chính phủ, thì A là người tham gia, B là phiên dịch, C là thư ký, D là nhân viên thường, E và F biểu thị loại thông tin tiêu cực, trong đó nguồn tin đặt dưới chữ F là không đáng tin cậy. Đặc biệt quan trọng là những thông tin của các nhóm ngoại giao, những tin này được truyền ngay về chính phủ.

Khi Heinz Felfe bắt đầu công việc, ở Thụy Sĩ chỉ có 3 tình báo Đức - điệp viên nằm vùng Karl Daufelt và 2 cô thư ký (một cô là nhân viên điện đài), trong khi Cục Tình báo tính ra phải có 18. Shellenberg ra chỉ thị nghiêm ngặt tiến hành công việc chống Thụy Sĩ, chỉ sử dụng những khả năng của nó để hoạt động do thám chống các nước thù địch.

Kẻ thù cơ bản của Felfe là điệp viên Anh Kable, nhưng chẳng bao lâu sau anh khẳng định rằng không thể bám vào hắn được. Tình báo Anh có nhiều tiền hơn hẳn tình báo Đức.

Người Đức không cho tình báo hưởng tiền mà cung cấp cho họ thuốc insulin, họ sẽ bán đi mà sống. Để hải quan không cho là buôn lậu, họ được cấp chứng chỉ y tế chứng nhận mắc bệnh tháo đường. Để kiếm được ngoại tệ, anh chơi với một bác sĩ tên là Vernet, ông ta sản xuất thuốc nội tiết. Những thuốc này dự tính bán ở Thụy Sĩ, nhưng ý tưởng này không thành hiện thực. Về sau Felfe hoảng sợ thấy rằng người ta đã đem thuốc của bác sĩ Vernet để thí nghiệm vào tù nhân ở các trại tập trung.

Việc tài chính chỉ là một phần công việc tình báo. Thông qua các điệp viên của mình ở Thụy Sĩ người Đức vẫn nhận được những thông tin chính trị. Nhưng tình hình nước Đức cứ xấu dần đi, làm ảnh hưởng rõ rệt đến chất lượng và tính chất các thông tin tình báo. Tuy nhiên, đường dây của Felfe đã nhận được tin tức nói rằng Thụy Điển có ý định tiếp tục giữ nguyên tình trạng trung lập. Họ cũng tìm được cách giải mật mã các bức điện đàm của Đại sứ quán Mỹ ở Thụy Sĩ với Bộ Ngoại giao. Tuy nhiên, mọi thông tin đều có ít tác dụng. Hitler, Ribbentrop, Himmler đều không muốn tin họ, vì những thông tin đó không phù hợp với bức tranh riêng dút khoát đã hình thành của họ. Tính khách quan không ai cần đến.

*** Nhìn thấu bản chất**

Việc mở ra mặt trận thứ hai, vụ mưu sát Hitler ngày 20 tháng 7 năm 1944 đã buộc Felfe phải suy nghĩ. Anh có mặt trong phiên toà xử nhóm mưu sát, nhưng nhóm này làm anh có cảm tình.

Felfe muốn thiết lập ở Thụy Sĩ mối quan hệ với người Mỹ, và anh cũng biết được ý đồ của người Mỹ ngay từ đầu. Felfe cài

được điệp viên của mình vào chỗ Dulles. Điệp viên này có biệt danh “Gabriel”, một người Đức trẻ tuổi, giả làm người chống chế độ Quốc xã. Dulles cởi mở nói với anh ta rằng cuộc đại chiến thế giới tiếp theo sẽ là cuộc đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô. Dulles là người rất hay chuyện và đã để lộ cho Gabriel nhiều chi tiết các cuộc hội đàm ở Thụy Sĩ giữa ông ta với tướng Volf vào mùa xuân 1945. Trong hồi ký của mình Dulles viết rằng việc chảy máu thông tin diễn ra thông qua một điệp viên ở khu vực Kaltenbrunner, mặc dù trên thực tế chính ông ta là người có tội.

Ngoài Gabriel, Felfe còn có những điệp viên khác. Mọi thông tin về các cuộc tiếp xúc ở Thụy Sĩ anh đều báo trực tiếp cho Shellenberg. Chính trong giai đoạn này Felfe biết rằng Mỹ có ý đồ chia nước Đức ra nhiều quốc gia nhỏ, trong khi Liên Xô giữ quan điểm một nước Đức thống nhất yêu chuộng hoà bình. Anh có cảm tình ngay với Liên Xô.

Felfe đã nhìn thấy trước là nhà nước phát xít sụp đổ. Một hôm anh đọc được một số tài liệu về những tội ác dã man của bọn Hitler ở các vùng lãnh thổ bị chúng chiếm đóng, về việc tàn sát những người Do Thái. Anh hoàn toàn khảng định được tính chất tội lỗi của tình báo Đức và quyết định rời bỏ công việc. Cơ hội đã đến. Trước Noel 1944, trong một cuộc phản công của quân Đức ở Ardennakh, anh được yêu cầu tham gia vào việc đưa những người tình nguyện Đức vào hậu phương quân Đồng Minh. Tuy nhiên, nhiệm vụ đó bị bãi bỏ, và Felfe phải ở lại Hà Lan, tại đây anh lại rơi vào Cục VI tình báo Đức, nhưng hoạt động ở vòng ngoài. Anh ở đó cho đến hết chiến tranh. Những cuộc ném bom tàn khốc vô nghĩa lý của quân Anh-Mỹ trên quê hương Dresden của

anh những ngày 13-15 tháng 2 năm 1945 khiến anh rùng mình, khi có hàng chục ngàn người bị giết chết, và trong nhận thức của anh có sự chuyển dịch lớn lao về phía Liên Xô là đất nước không bao giờ áp dụng những hành động tương tự chống lại dân thường.

Ngày 8 tháng 5 năm 1945 với tư cách chỉ huy trung đội quân Đức rút lui, Felfe đã bị quân Canada bắt làm tù binh. Là một cựu nhân viên tình báo V bị tra hỏi nhiều lần. Người thẩm vấn có cảm tình với anh. Không hiểu vì lý do này hay còn vì những lý do nào khác mà người ta thừa nhận rằng anh vẫn có ích cho cơ quan trong ngành công an của nước Đức mới. Felfe nhớ lại rằng những người như anh có nhiều lắm. Những người Anh, Mỹ không giấu giếm rằng họ còn có ích trong cuộc chiến tranh chống Liên Xô. Người ta thậm chí còn giữ lại cả những đơn vị quân Đức, tổng số có tới ba triệu người dưới sự chỉ huy của các tướng lãnh Đức. Mãi đến năm 1946 các đơn vị này mới bị giải tán sau khi Liên Xô kiên quyết phản đối.

* Thay đổi hẳn quan điểm

Felfe được đưa từ Hà Lan về Đức. Ngày 31 tháng 9 năm 1945 anh được trả tự do ở thành phố Myunster và được giấu đi quá khứ SS. Từ sau khi bị tù, Heinz Felfe trở thành người chống phát xít, chống quân phiệt kiên định. Anh cho rằng tương lai của nước Đức là ở



Trường Đại học Tổng hợp Bonn

ở

Phượng Đông, trong tình hữu nghị với Liên Xô, và anh muốn đóng góp phần mình. Felfe trở thành nhà báo, vừa là nghề kiếm sống, vừa cho phép anh đi khắp các vùng bị chiếm đóng, làm quen với cả Konrad Adenauer ở cạnh nhà anh và với nhiều chính khách khác nữa. Đồng thời anh còn học tập ở khoa Nhà nước và pháp quyền của Đại học Tổng hợp Bonn. Felfe đã tích lũy được nhiều thông tin về việc khôi phục tiềm năng quân sự ở Tây Đức, những thông tin mà người ta không viết trên báo và không nói ra trong nghị viện. Ngay từ năm 1949, Felfe đã có quan hệ với các sĩ quan Xô Viết, họ gây cho anh ấn tượng tốt về mặt thuần túy con người. Nhưng phải hai năm sau anh mới “nói chuyện cởi mở với các sĩ quan tình báo Xô Viết”.

Sau khi học xong trường Đại học Tổng hợp Bonn, anh làm việc ở cơ quan bộ về những vấn đề toàn nước Đức, chuyên thẩm vấn dân tị nạn - những cựu nhân viên cảnh sát Cộng hòa Dân chủ Đức. Kết quả những cuộc thẩm vấn này anh viết lại trong một cuốn sách chi tiết *Về cơ cấu công an nhân dân trong khu vực Liên Xô chiếm đóng theo thực trạng tính đến đầu năm 1950*. Cuốn sách lọt vào mắt các nhân viên tổ chức tình báo của Gehlen. Đọc xong, họ mời anh đến làm việc. Có hai yếu tố thúc đẩy việc này: bản thân anh không yêu cầu được làm (điều này có thể gây nghi ngờ) và thời gian trước anh đã làm cho tình báo Đức.

Tổ chức của Gehlen nhìn chung gồm các cựu sĩ quan phản gián và tiến hành công tác tình báo chống lại phía Đông. Tất nhiên, anh bị kiểm tra kỹ lưỡng. Họ không tìm được điều gì đáng phàn nàn, ngày 15-11-1951, sau khi trao đổi với đại tá Krikhbaum anh lên đường đi Karlsruhe để bắt tay vào công việc trong “tổng đại diện của GPL”.

* Hoạt động hai mang đầy nguy hiểm

GPL làm nhiệm vụ thu thập thông tin về những đạo quân Pháp bị chiếm đóng và tiến hành đấu tranh chống Cộng hoà Dân chủ Đức. Tuy vậy, công việc ở đây không làm anh vừa lòng. Năm 1953, anh đặt ra cho mình nhiệm vụ phải thâm nhập vào trung tâm. Anh đã làm được việc đó. Tháng 10 năm 1953, anh được chuyển về trung tâm theo chỉ thị của đích thân Gehlen. Felfe được giao nhiệm vụ soạn thảo các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực phản gián chống Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa khác. Dần dần tổ chức này lớn lên cả về mặt nhân sự lẫn về mặt vật chất. Giữa những năm 1950, Felfe được thăng cấp cố vấn chính phủ và được chỉ định làm giám đốc “Cơ quan phản gián chống Liên Xô và các cơ quan đại diện Xô Viết ở CHLB Đức”. “Phần lớn công việc của tôi trên cương vị tình báo Xô Viết tôi đã thực hiện tại văn phòng của tôi trong thời gian ngày làm việc chính thức, vì người ta không khuyến khích làm ngoài giờ. Để khỏi bị quấy nhiễu, tôi thường khoá cửa”.

Thông tin của Felfe liên quan đến nhiều vấn đề. Chẳng hạn, anh đã mô tả chi tiết cuộc chạy trốn của giám đốc cơ quan phản gián Tây Đức Yon sang Đông Đức năm 1954 - một sự kiện không thể hiểu nổi đối với đa số người đương thời. Felfe đã khai thác được các thông tin về tình hình nội vụ của Cộng hoà Liên bang Đức, về các động lực chính trị của Adenauer. Thông báo của anh về những ý đồ của Adenauer chống lại quyền lợi nước Pháp đã có ý nghĩa to lớn khi thông báo cho chính phủ Pháp biết. Khi đó Pháp mới ngăn chặn việc Tây Đức tham gia vào khối phòng thủ chung Châu Âu, làm chậm tiến trình tái quân sự hoá Tây Đức. Felfe cũng đã truyền những tư liệu về những kế hoạch quân phiệt của giới lãnh đạo Tây Đức,

mà họ giấu kín thậm chí cả các đồng minh của mình. Việc công bố những tư liệu này đã phá vỡ những quan hệ giữa họ. Thậm chí Churchill còn gửi cho Thủ tướng Adenauer một bức thông điệp trong đó có kết luận là không thể nào tin tưởng vào Tây Đức được.

Trong tổ chức phản gián Felfe đã giữ nhiều trọng trách. Anh là trưởng nhóm 53/III “chống các cơ quan tình báo Liên Xô”, trong đó chống cả các cơ quan đại diện Xô Viết ở Cộng hoà Liên bang Đức. “Đó là những ngày hoạt động tình báo rất căng thẳng. Chỉ có kẻ nào trải qua những thác ghềnh đó mới biết được phải có lòng kiên định đến như thế nào”. Nhờ hoạt động trong lĩnh vực phản gián Felfe đã cung cấp cho tình báo Xô Viết những thông tin về ý đồ của tổ chức này “Chúng tôi đã kịp thời nhận thức được những hành động nguy hiểm của tình báo Đức, và từ vị trí của mình tôi đã giúp đảm bảo chống lại một cách tích cực”.

Có nhiều hoạt động của tình báo Đức được tiến hành với sự tham gia hoặc chỉ đạo trực tiếp của anh. Một trong những hoạt động có ý nghĩa là đặt các thiết bị nghe trộm trong đại diện thương vụ của Liên Xô ở Coulogne. Phức tạp là ở chỗ làm thế nào để phản ứng lại thông tin về sự việc này? Phát hiện và tháo gỡ những “con bọ” ấy ư? Hay là đình chỉ những cuộc nói chuyện bí mật trong các căn phòng có bọ? Các phương án đều không ổn. Cần tìm những phương án khác để làm sao “cừu cũng sống mà sói cũng no”. Và rồi cũng đã tìm ra.

Trong số những hoạt động quan trọng cần phải nói đến những ý đồ tuyển chọn điệp viên trong những người Xô Viết, cũng như trong số những người Đông Đức và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã chạy sang Tây Đức. Nhưng có ý nghĩa đặc

biệt là thông báo của Felfe về những biện pháp phản thông tin của tình báo Đức. Anh biết tất cả những trường hợp có trò chơi hai mặt của chúng. Sau khi nhận được thông báo tương ứng, phía Xô Viết quyết định tham gia luôn vào trò chơi ấy, nhưng không được gây nguy hiểm cho cộng sự. “Điều quan trọng hơn nữa là phải biết khai thác “hai mặt” các tư liệu và “duy trì sự sống” cho tình báo. Việc phản thông tin từ phía điệp viên hai mang được nhận dạng có giá trị riêng, bởi vì qua đó có thể xác định được vì sao kẻ địch muốn đánh lạc hướng, hoặc chúng muốn cái gì bằng con đường này.

Felfe đã cảnh báo cho những người Xô Viết về việc sắp bị bắt về tội do thám. Chẳng hạn, anh đã cứu được công dân Nga Kirpichev, anh ta đã trốn được ngay trước mũi bọn bắt người. Một văn phòng mang tên INDEX được tổ chức riêng để chống lại Đại sứ quán Liên Xô. Văn phòng này do Felfe lãnh đạo. Tình báo Đức cùng với CIA nghĩ ra cách khiêu khích một nhà ngoại giao Xô Viết đến Bonn (chính là “nhà báo” mà Felfe đã nói chuyện với ở Veymar từ năm 1940). Felfe đã kịp thời thông báo cho tình báo Liên Xô biết.

Một trong những chiến dịch mà Felfe lãnh đạo (“Diagramma”) được tiến hành để chống lại cái gọi là khu cấm địa Karlskhorst, nơi tập trung các cơ quan tình báo Xô Viết. Anh triển khai hoạt động “rầm rộ”. Anh có đến 5 tập tài liệu vẽ sơ đồ các căn phòng, số điện thoại, sơ đồ các khu đất, đánh dấu từng con đường mòn. Sau này cuốn tài liệu đó được sử dụng trong tình báo Đức, Viện công tố quốc gia Tây Đức và các cơ quan khác. Phía Xô Viết không hề có phản thông tin nào về chuyện này. Cuốn tài liệu được bổ sung một cách có hệ thống và được chính xác hoá trước năm 1959. Nhờ chiến dịch

“Diagramma” mà CIA thôi không đòi hỏi tình báo Đức phải cung cấp thêm thông tin về tình báo Xô Viết. Công việc được tiến hành có vẻ như tích cực, nhưng thực sự là dẫm chân tại chỗ và chẳng mang chút lợi nào cho cả tình báo Đức lẫn CIA.

Để khuấy động trò chơi và đánh lạc hướng thêm quân địch, tình báo Xô Viết đã được chuẩn bị sẵn sàng gợi ý tên tuổi những người mà tình báo Đức có thể tuyển mộ. Nhưng Felfe từ chối phương án đó vì nó làm tình hình của anh thêm phức tạp.

*** Bị phát giác, bị bắt và kết tội**

Hoạt động tích cực của Felfe, những cuộc gặp gỡ với các điệp viên Xô Viết, dù đã được giấu rất kỹ, nhưng cũng vẫn gây chú ý cho phản gián Đức, và anh bắt đầu bị theo dõi. Ngày 6 tháng 11 năm 1961 anh bị bắt. Trên đường đến nhà giam anh đã kịp thủ tiêu một số bản ghi chép những địa chỉ và số điện thoại ước lệ. Tuy nhiên, anh không thể lấy ra khỏi ví bản photo nhiệm vụ mới nhận được trong cuộc gặp gỡ cuối cùng ở Vienna. Một số bằng chứng khác cũng bị phát hiện. Các cuộc hỏi cung kéo dài 6 tháng. Felfe ngay lập tức thừa nhận rằng anh là điệp viên Xô Viết: “Tôi còn có thể nói được gì nữa?”. Điều duy nhất mà anh phủ định là anh bị coi là phản động: anh tự nguyện giúp Liên Xô và Tổ quốc Cộng hoà Dân chủ Đức của mình; còn anh tham gia vào công tác tình báo Đức là khi anh đã trở thành tình báo Liên Xô rồi, và anh chỉ thực hiện những nhiệm vụ của ngành tình báo mà anh phục vụ. Bằng chứng là những văn bản đã qua bàn anh làm việc và anh đã xem xét thì đã chiếm đến ba căn phòng lớn. Tham gia thẩm vấn anh còn có cả những người Mỹ. Sau đó Felfe được dẫn tới toà án Liên bang ở Karlsruhe. Tại đây người ta còn thẩm vấn

anh thêm một năm nữa. Từ nhà lao anh đã bí mật liên hệ được với các bạn bè Xô Viết.

Trong thời gian xét xử, văn phòng Thủ tướng yêu cầu Felfe bồi hoàn tất cả số tiền mà cơ quan tình báo Đức đã trả cho anh, anh phản đối: “Bên cạnh hoạt động có lợi cho Liên Xô tôi cũng đã hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mà cơ quan tình báo Liên bang giao phó, trong đó có những việc như nghe trộm điện thoại, lắp đặt các “con bọ” trong các phòng của các nhà ngoại giao Xô Viết”. Thế là những yêu cầu đòi tiền được rút lại.

Vụ án bắt đầu ngày 8 tháng 7 năm 1963 và kéo dài 2 tuần. Đêm nào anh cũng bị đánh thức dậy 9 lần để kiểm tra xem “anh có tự tử” hay không, vì thế đến cuối đợt anh hoàn toàn kiệt sức. Hai tuần sau bản án được công bố: mười lăm năm tù - đó không phải là hình phạt nặng. Felfe được đưa đến nhà tù ở Hạ Bavaria, ở đây anh bị ngược đãi và sỉ nhục, không được viết thư về nhà. Ngày thứ năm 13 tháng 2 năm 1969, giám đốc nhà tù Shterk gọi anh tới, bắt tay nói: “Xin chân thành chúc mừng anh, mời anh ngồi”. Hắn thông báo rằng anh phải cấp tốc thay quần áo, ngày mai anh phải tới biên giới. Ngày hôm sau, 14-2-1969, hai tên sĩ quan đưa anh ra khỏi nhà tù và dẫn anh tới biên giới với Cộng hoà Dân chủ Đức. Sau lời chào mừng ngắn gọn của hai luật sư Fogel và Shtang là đại diện của Felfe và của chính phủ Liên bang, nhà tình báo tự do bước qua biên giới. Trước mắt anh là một cuộc sống mới, xa lạ. Anh vẫn chưa về hưu, anh vẫn còn có thể làm lại mọi việc từ đầu.

Ba năm sau Felfe bảo vệ luận văn tiến sĩ khoa học. Anh viết một cuốn hồi ký, kết thúc bằng mấy dòng: “*Những năm tháng gian truân với tư cách là điệp viên của Liên bang Xô Viết là những năm tốt đẹp nhất trong cuộc đời tôi*”.

FRANZ VON RINTELEN

DIỆP VIÊN BIỆT KÍCH VĨ ĐẠI NHẤT CỦA THẾ CHIẾN THỨ NHẤT

Nhiều tác giả coi ông là điệp viên và biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất. Ông còn sống và viết sách tự thuật, viết về hoạt động tình báo Đức tại Mỹ, về những vụ nổ tàu, gây những đám cháy bất ngờ, sử dụng mật mã và lợi dụng các công đoàn Mỹ vào mục đích do thám.

* Từ những con tàu bị bốc cháy ngoài khơi

Ngày 22-3-1915, Rintelen rời Berlin đến Shtettin, từ đó đi Thụy Điển rồi đi New York. Ông mang hộ chiếu của một người Thụy Sĩ tên là Emil Gashe có visa thật của Anh và Mỹ. Khi đến New York, việc đầu tiên của Rintelen là đến thăm câu lạc bộ Đức, tại đó ông gặp gỡ tùy viên quân sự và hải quân là các đại úy Boy-Edeli và Papen. Những người này không mấy vui vẻ khi gặp ông, bởi vì họ hiểu rằng ông sẽ phá vỡ cuộc sống yên tĩnh của họ. Tuy vậy, ông đã làm vui lòng fon Papen khi thông báo rằng ông này được ban tặng huân chương Thập tự sắt. Cũng có thể vì thế mà Papen viết thư cho tướng Falkenhayn cảm ơn ngài đã phái đến một con người “bằng mọi cách phải phá hoại được các chuyến hàng tiếp tế quân sự của Mỹ”.

Rintelen mang theo một bộ mật mã mới cho ông đại sứ và

hai tuy viên, bởi vì Berlin cho rằng bộ mật mã cũ khối Đồng minh đã biết rồi, không nên dùng lại nữa. Trao mật mã xong, Rintelen chào tạm biệt rồi “biến thẳng”.

Ông về ở một khách sạn khiêm tốn nhưng tiện nghi tại phố 57 và bắt đầu tìm cách chế tạo chất nổ. Khi dạo chơi trên các đường phố New York ông thấy có nhiều thủy thủ Đức đi lang thang: các tàu Đức không rời được cảng, vì ra ngoài khơi họ có thể bị tàu Anh đánh chìm hoặc bắt cóc. Một trong các cộng sự của Rintelen là đại úy fon Kleist đã sử dụng được những thủy thủ này vào mục đích phá hoại.

Hầu hết những phu khuân vác là người Ireland, họ căm ghét người Anh và đồng minh của Anh. Họ chửi bới văng mạng khi nhìn thấy những tàu chở vũ khí sang Anh.

Rintelen phải hành động dưới sự chỉ đạo của Papen, nhưng Rintelen không thích ông này, vì nhiều lần nghe nói ông ta bất tài. Nhiều điệp viên đã từ chối không làm việc với ông ta. Nhưng rồi họ vẫn phải làm. Ít lâu sau ông nghe nói có một người mà cả Đức và Ireland đều tin tưởng. Đó là tiến sĩ Buyns, trước đây đã là lãnh sự Đức ở New York. Thời gian đó ông đại diện cho ngành tàu biển Hamburg-Mỹ, chuyên đi thuê tàu để bí mật cung cấp than cho các tàu tuần tiễu Đức ở ngoài khơi. Để trao đổi với ban chỉ huy hạm đội Đức ông đã có một bộ mật mã riêng. “Khi chúng tôi gặp nhau, ông nói rằng nếu tôi cung cấp cho ông ta một ít kíp nổ thì tốt quá. Tôi hỏi kíp nổ để làm gì, thì ông bảo rằng những người anh em muốn làm một việc gì đó. Nếu ngoài khơi họ gặp một con tàu chở súng ống sang Châu Âu, họ sẽ bắt tàu, bắt chỉ huy và cho nổ tàu...”. Tôi không phản đối, nhưng ở New York lấy đâu ra kíp nổ mà không bị chú ý? - Rintelen nhớ lại.

Ông lãnh sự đưa cho Rintelen địa chỉ một nhà xuất khẩu mà chiến tranh đã làm ông ta sập tiệm. Đó là Makc Vichir. Rintelen đã thử thách ông ta và khẳng định rằng ông này biết mọi chuyện và có thể làm được mọi chuyện. Hai người cùng nhau lập ra hãng “E.B. Gibbons và K”, thuê một văn phòng ở phố Chedar, trung tâm khu phố thương mại New York và ghi tên vào sổ đăng bạ thương mại với tư cách là công ty xuất nhập khẩu. Chẳng bao lâu sau có tiến sĩ hoá học Sheele đến với họ. Ông mang thư giới thiệu của đại úy Papen và một vật gì đó giống như điều thuốc lá, thì ra đó là một kíp nổ. Họ đem vào rừng thử, thấy rất tốt. Bây giờ phải tìm cách sản xuất và đem ra tàu.

Nhờ các bạn Ireland và những người khuân vác mà vấn đề đưa kíp nổ ra tàu được dễ dàng. Con tàu đầu tiên được chọn là “Fobus”, vài hôm nữa nó sẽ chở đạn được sang Arkhangenlsk. Một anh khuân vác đã bình tĩnh mang kíp nổ lên tàu trước mắt lính gác.

Suốt ngày hôm sau Rintelen cùng các anh em ngồi trong văn phòng chờ đợi tin nhanh. Không thấy đâu cả. Ngày thứ hai, rồi... ngày thứ ba. Bỗng nhiên có “Bản tin Lloyd” (hãng bảo hiểm): “Các sự cố. Tàu “Fobus” chạy từ New York về Arkhangelsk đã bốc cháy ngoài biển và đã được kéo về Liverpool”.

Rintelen rất vui. Ông khẳng định rằng họ không muốn ban lãnh đạo con tàu phải chết, vì thế không gắn kíp nổ vào đạn pháo, mà gắn vào đạn thương. Cuộc thí nghiệm đã thành công.

Hãng “E.B. Gibbons” cần thể hiện tính năng động thương mại hơn nữa. Thông qua một bà bạn, Rintelen đã liên

hệ được với tuý viên quân sự Nga ở Paris là bá tước Ignatiev, nhờ ông mà ổn định được việc nhập khẩu rượu vang Pháp "Claret" vào Mỹ. Sau đó hãng lại đề nghị Ignatiev mở rộng buôn bán bằng cách cung cấp cho quân đội Nga. Một thời gian sau hãng lại ký được hợp đồng cung cấp cho quân đội Nga nhiều mặt hàng nữa. Con tàu đầu tiên chở hàng cho quân đội Nga (đồ hộp và đạn dược) bị cháy ngoài khơi là do một quả mìn của nhóm ông. Công việc của họ thật dễ dàng: ông và các bạn ông được tự do thăm tàu khi bốc hàng vì đã được tín nhiệm.

Những người Nga rất phiền lòng. Con tàu thứ hai chở hàng cho Nga cũng được bốc hàng không có sự cố gì dưới sự quan sát của ông. Nhưng... nó lại bốc cháy ngoài khơi.

Khi bốc hàng cho con tàu thứ ba, Rintelen và đồng sự không rời mắt khỏi quá trình làm việc. Nhưng bỗng nhiên những chiếc xà lan kéo hàng chòng chành, và chẳng mấy chốc tất cả đã chìm xuống đáy cảng New York. Đoàn chủ tàu may mà thoát chết.

Sáng hôm sau những người Nga mặt mày xanh xám đến văn phòng ông yêu cầu chở nốt số hàng còn lại. Rintelen tuyên bố rằng ông không có ý định tiếp tục công việc. Hai bên chia tay không chút hài lòng. Hãng ông tuyên bố sạt nghiệp và không tồn tại nữa. Ông Rintelen hết sức vui mừng: những người Nga không nhận được hàng!

Tiến sĩ Sheele vẫn tiếp tục chế tạo ngòi nổ suốt ngày đêm. Số lượng những tai nạn ngày càng nhiều, tờ *Thời báo New York* liên tục đăng trên trang nhất những thông báo làm vui lòng Rintelen và bạn bè. Ngày 5-7-1915, thủ tướng Nga Miliukov trình lên Duma một bản báo cáo nói rằng việc chậm

trễ gửi hàng từ Mỹ sang đang trở nên ngày một trầm trọng và rằng cần có biện pháp điều tra và trừng phạt.

Việc cung cấp hàng sang Nga bị gián đoạn. Rintelen viết: “Chúng tôi cảm thấy hạnh phúc”. Ông vẫn tiếp tục đặt bom và đã mở những chi nhánh của mình ở Boston, Philadelphia, Baltimor và ở các cảng phía Nam nước Mỹ. Ngòi nổ được các nhân viên của ông mang lên tàu trong hành lý của mình. Cuồng tín nhất là những người Ireland. Họ không từ bỏ một cơ hội nào để đặt mìn vào tàu nước Anh.

Rintelen nhớ lại: “Họ không biết thực sự tôi là ai, chỉ cho rằng tôi có liên lạc với Bộ chỉ huy của phong trào giải phóng Ireland. Nhưng tôi phải từ bỏ phục vụ cho phong trào này, bởi vì họ đã đặt bom không đúng yêu cầu”. Vấn đề là ở chỗ ông không có kế hoạch đặt bom vào tàu của Mỹ để không phá vỡ tính trung lập của họ và không làm người Mỹ nổi giận, nhưng người Ireland lại làm việc đó.

Rintelen mở một công ty mới “Công ty đường sắt Tây Bắc Mexico”. Tác giả và người thực hiện phi vụ đầu tiên là kỹ sư người Đức Fey. Ông đã đi thuyền đến sát con tàu đỗ tại cảng và gắn mìn vào chỗ buồng lái. Ra ngoài khơi mìn nổ, con tàu đúng là “không buồm không lái”. Mấy con tàu đã phải nằm bẹp như vậy. Các cơ quan bảo vệ cảng tăng cường cảnh giác. Fey không thể dùng xuống máy tiếp cận được nữa. Ông bèn thiết kế một cái mìn nhỏ. Chờ đêm xuống ông ra gắn mìn. Lúc đó mọi người áp dụng cả mìn gắn vào hàng hoá và cả mìn của Fey. Kết quả thật đặc biệt và “công suất” của nhóm ông tăng lên gấp hàng chục lần.

* Đến những cuộc đình công hàng loạt

Một lần Rintelen đọc báo về vụ đình công của anh em bốc dỡ New York không bị các công đoàn trừng phạt. Ông nảy ra một ý tưởng mới. Hầu hết anh em bốc dỡ là người Ireland, họ cho rằng nếu ngăn cản được việc chở vũ khí thì nước Anh sẽ thua trận và nước họ sẽ được tự do. Nhưng các công đoàn dưới sự chỉ đạo của thủ lĩnh thân Anh là Samuel Gompers đã cấm đoán những cuộc đình công này. Không phải mọi thủ lĩnh công đoàn đều đồng tình với ông ta, và trong lãnh đạo đã có sự chia rẽ. Rintelen quyết định thành lập công đoàn “riêng”, ủng hộ những cuộc bãi công của anh em bốc dỡ, và ông đã có tiền để làm điều đó.

Ông không thể đấu tranh với tư cách là người Đức, việc đó sẽ làm người ta không tin ông. Ý đồ đấu tranh của người Ireland cũng không phải là tối ưu, bởi vì nó không được anh em các dân tộc khác ủng hộ. Lúc đó ông đưa ra tư tưởng tình anh em công nhân quốc tế. Khẩu hiệu của ông là: “Không cho phép chở bom đạn để công nhân các nước tham chiến giết hại lẫn nhau!”

Các nhân viên được ông trả tiền đã đi truyền bá tư tưởng đó. Họ tổ chức mít tinh kêu gọi các nghị sĩ và các nhân vật tiếng tăm đấu tranh



Quang cảnh một cuộc đình công

phản chiến. Không ai nghi ngờ gì rằng họ trở thành con rối của viên sĩ quan Đức đang khiêm tốn ngồi trong đám người biểu tình.

Ngày hôm sau ông gặp các thủ lĩnh các công đoàn Đức, Mỹ và Ireland. Họ thành lập một công đoàn mới mang tên “Hội đồng công nhân quốc gia vì hoà bình”. Tất nhiên là chính Rintelen không tham gia vào ban lãnh đạo, nhưng trong số đó đã có người tin cậy của ông. Ông mong muốn thống nhất được trong “công đoàn” càng nhiều công nhân bốc vác Mỹ càng tốt, nó cho phép ngăn cản được hoàn toàn việc bốc hàng quân sự cho các nước Đồng minh. Các công đoàn chính thức thì cười diễu công đoàn mới này, nhưng ông thì đã có thể tổ chức được hàng loạt các cuộc đình công tại các cảng Mỹ. Tuy nhiên ông phải trả tiền cho những người tham gia, mà không phải là ít. Lại còn mất nhiều tiền để đánh điện gửi tổng thống Wilson, những bức điện này được gửi từ nhiều thành phố yêu cầu chấm dứt việc cung cấp vũ khí “để giết hại anh em công nhân”. Tổng thống đã có ý định tiếp kiến với các thủ lĩnh công đoàn Rintelen, nhưng sau lại thôi.

Trong khi đó thì áp lực từ phía các công đoàn chính thức và tổ hợp công nghiệp quân sự ngày càng tăng, bản thân Rintelen cũng cảm thấy mình bị theo dõi. Phần lớn công nhân đã trở lại làm việc. Tư tưởng của ông có vẻ thất bại.

*** Bộ mặt mã bị đánh cắp hay nước cờ của một âm mưu loại bỏ?**

Rintelen chú ý đến một đối tượng mới - Mexico. Ông cho rằng nếu nổ ra chiến tranh giữa Mexico với Mỹ thì vũ khí Mỹ sẽ được ném sang mặt trận Mexico. Rintelen đã gặp gỡ

cựu tổng thống Mexico là Guerte, ông này đang sống trong một khách sạn New York và đang chuẩn bị một cuộc chính biến nhằm giành lại chính quyền. Ông công khai tự giới thiệu là một sĩ quan Đức có thể cung cấp vũ khí cho Guerte và hỗ trợ cho đảng ông lên nắm chính quyền. Đầu tiên Guerte tưởng ông là điệp viên của Mỹ, nhưng cuối cùng đã tin tưởng. Hai bên thoả thuận rằng sẽ có một tàu ngầm Đức chở vũ khí đến bờ biển Mexico, ngoài ra nước Đức sẽ hỗ trợ ông ta về mặt tinh thần. Để đổi lại, Mexico sẽ quay mũi súng chống lại Mỹ.

Rời khách sạn sau cuộc gặp Guerte, Rintelen thấy có bọn mật thám trước đó đã theo dõi ông. Một lát sau ông thấy Guerte đi ra, có hộ vệ đi kèm, còn bọn mật thám thì lên taxi đi theo. Ông biết rằng đã bị theo dõi. Trở về văn phòng, ông đánh một bức điện mật mã cho Berlin kể về cuộc gặp mặt và việc thoả thuận với Guerte. Nhưng ngày hôm đó luật sư của ông là Bonifeys thông báo cho ông một tin không vui: mật mã của Đức đã bị đánh cắp. Tình báo Anh đã cài được một điệp viên nữ chơi với một anh thư ký được trả lương ít ỏi của tùy viên hải quân Đức và anh này đã bán cho cô ta. Cũng ngày hôm đó tin này được ông khẳng định: Vấn đề này được thảo luận trong chính phủ Washington. Đó là bộ mã bí mật nhất mà Rintelen mang theo để thay thế bộ cũ mà địch đã biết.

Rintelen vội vã đến báo cho tùy viên hải quân. Ông này lại không tin. Ông chỉ còn cách ngồi chờ tin Berlin. Khi được báo lại là đồng ý, ông đến cựu tổng thống, nhưng ông ta đi đâu mất không có tin tức gì cả. Mấy ngày sau ông đi dự một dạ hội về thì có một người lạ mặt giữ lại.

- Người ta đang theo dõi ông, đừng chờ Guerte nữa. Ông ta đã bị đầu độc.

Sau này ông mới biết rằng Guerte bị chính đầu bếp của mình đầu độc trên biên giới Mexico.

Mặc dầu ông biết mình bị theo dõi, nhưng vẫn yên tâm: ông rất thận trọng, không để lại dấu vết ở đâu và nhân thân trong sạch. Hôm sau ông nhận được qua bưu điện một bức thư đề ở ngoài “Ngài đại úy hải quân Rintelen”. Ông bóc ra, đó là thư của tùy viên quân sự. Ông kinh ngạc vì tính vô tư và ngu ngốc của Papen.

Ngày 6-6-1915, khi ông đang ở câu lạc bộ đưa thuyền thì có người mời lên nghe điện thoại. Ông tùy viên hải quân muốn gặp. Khi gặp nhau ông ta đưa cho ông một bức điện: “Gửi ông tùy viên hải quân. Mật báo cho đại úy Rintelen về Đức ngay”. Thế là thế nào? Cách đây hai tuần ông đã đề nghị không nêu tên ông trong các bức điện hay sao? Ông không hiểu vì sao lại có bức điện này, nhưng vẫn phải tuân lệnh. Nơi đây người ta đang cần ông: người Ireland tin cậy ông, các cuộc bãi công đang được khởi động lại, bom phá đang được cài đi các tàu. Bây giờ mọi việc sẽ chấm dứt. Rintelen hiểu rằng ông trở thành nạn nhân của một mưu đồ gì đó.

Ông dùng hộ chiếu Thụy Sĩ và bức thư của bá tước Ignatiev mời ông làm đại diện bán “Klaret” sang Mỹ. Ông lên tàu “Noordam” về Châu Âu.

Ngày 13-8-1915, trên đường đi Remsgeyt “người công dân Thụy Sĩ” Emil Gashe bị bắt và bị dẫn độ về Tauer. Ông không khai báo gì cả. Ngày 13-4-1917, sau khi nước Mỹ tham chiến, ông bị đưa về Mỹ. Tại nhà tù Tombs ông gặp ngài Kleist, kỹ sư

Fey và ba mươi thành viên đội điệp vụ của ông và bị giam ở đó đến năm 1921.

Thất bại của Rintelen là do ông chủ bắt tài Franz fon Papen. Trong hồi ký in năm 1933 của mình, Rintelen cho rằng Papen đã cố ý dùng bộ mật mã cũ rích mà khối Đồng Minh đã biết để ông bị bắt.

Sau đó ông về Anh vì quyết định chia tay với Cục Tình báo Đức và kể lại tất cả những gì ông biết về phương pháp hoạt động tình báo Đức. Ông sống ở Anh và từ chối mọi dính líu với bọn Quốc xã trong Thế chiến Thứ hai.

EDVARD MILLER

NGƯỜI THỢ MỘC HẢI QUÂN TÌNH CỜ LÀM ĐIỆP VIÊN

Edvard S. Miller không phải là một tình báo thực thụ hoặc một điệp viên xuất chúng. Thế nhưng ông lại góp phần căn bản vào quá trình và kết quả chiến tranh trên biển trong những năm Đại chiến Thế giới Thứ nhất.

*** Người thợ mộc chuyên cần và niềm đam mê được lặn**

Miller là một người thợ mộc trên tàu Anh. Nghề của ông bao giờ cũng được các thủy thủ đánh giá cao. Từ thời Trung cổ bọn cướp biển sau khi bắt được tàu buôn liền bắt thủy thủ đoàn đứng trên boong và ra lệnh: “Bác sĩ và thợ mộc, bước lên hai bước! Những tên còn lại ném xuống biển!”. Miller là một thợ mộc chuyên cần. Để tự mình xem xét phần chìm của con tàu khi cần sửa chữa, ông đã một lần yêu cầu thả ông xuống trong bộ quần áo lặn. Công việc ấy khiến ông thích thú đến nỗi ông quyết định phải nắm được nghề thợ lặn. Chẳng bao lâu ông trở thành một chuyên gia cao cấp. Năm 1914, ông được chỉ định làm giáo viên trường huấn luyện hàng hải Anh. Đại chiến Thứ nhất nổ ra, các nước Đồng Minh tuyên bố bao vây nước Đức. Để trả đũa, Đức tuyên bố bao vây nước Anh. Các tàu ngầm Đức hoành hành trên biển, bắn chìm nhiều tàu buôn và tàu khách. Dư luận thế giới rất phẫn nộ khi ngày 7

tháng 6 năm 1915 tàu ngầm Đức “U-20” đánh chìm con tàu xuyên Đại Tây Dương của Anh “Lusitania”, giết chết một ngàn một trăm chín mươi tám người, trong đó có một trăm mười lăm người Mỹ.

Để chống lại tàu ngầm người ta chế ra bom nước sâu. Tại những khu vực nguy hiểm người ta dùng tàu chiến hoặc tàu buôn đi hộ tống. Đã xuất hiện các loại “thợ săn biển”, tàu đánh cá vũ trang, các thiết bị thủy âm để theo dõi hoạt động tàu ngầm, các thủy phi cơ để phát hiện tàu ngầm địch ẩn náu dưới nước. Đã có những dự án độc đáo để phát hiện tàu ngầm và chống lại chúng. Một nhà động vật học Mỹ đề nghị huấn luyện sư tử biển để theo dõi tàu ngầm, một người khác thì đề nghị huấn luyện hải âu.

* Những con “tàu mồi” của hải quân Anh

Trong tất cả các dự án đó người ta đã thông qua dự án “tàu mồi”. Nó giống như “tàu lừa” thời Trung thế kỷ. Khi đó các “nhà buôn” bình thường cũng giả danh chiến hạm, họ đặt trên boong những khẩu pháo bằng gỗ để dọa cướp biển. Bây giờ



*Vết dầu loang,
tàu ngầm đã bị tiêu diệt*

người ta làm ngược lại - những tàu buôn trông rất bình thường lại trang bị đại bác bắn nhanh và có thủy thủ đoàn là quân nhân tinh nhuệ. Nhìn thấy con tàu này, tàu ngầm Đức bắn lên một quả thủy lôi rồi nổi lên để dùng đại bác bắn hạ (thủy lôi cần được tiết kiệm). Trên tàu bắt đầu “hoảng loạn”, một phần

ban chỉ huy xuống xuống cứu hộ, một số người nhảy xuống biển. Để tấn công, tàu ngầm tiến đến gần. Các pháo thủ “tàu mồi” chỉ chờ có thể. Họ tức tốc tháo lớp nguy trang và nã xuống ròn rã. Tàu ngầm chìm nghiêng, bỏ lại những vệt dầu loang to lớn. Chúng tôi xin nói ngay rằng trong số 145 tàu bị người Anh đánh chìm thì có 11 chiếc bị tiêu diệt bằng “tàu mồi” từ tháng 7 năm 1915 đến tháng 11 năm 1918. Xin hãy chú ý đến những con số đó. Trước tháng 7 năm 1915 thành tích của người Anh rất hạn chế. Vấn đề là ở chỗ tàu ngầm Đức thường đột ngột xuất hiện ở những chỗ bất ngờ nhất, chúng hoàn thành nhiệm vụ rồi lại thần tốc biến đi để rồi xuất hiện ở một chỗ khác.

* Người đầu tiên tìm hiểu tàu ngầm Đức

Tháng 6 năm 1915, tại bờ biển lãnh địa Kent có một chiếc tàu ngầm Đức bị chìm. Người ta tìm được nhờ một quả phao tiêu. Một thợ lặn được đưa xuống. Anh ta phải xác định trạng thái và



Tàu ngầm U16 của Đức

nghiên cứu cấu trúc bên trong, và điều quan trọng là phải làm quen với các thiết bị kỹ thuật. Trước đó chưa có một thợ lặn nào của Anh có điều kiện làm. Người thực hiện là Edvard S. Miller.

Suốt mấy ngày ông phải học một lớp của kỹ sư tàu ngầm, nghiên cứu các nguyên tắc cấu tạo, bố trí các khoang và các

thiết bị khác. Ông được giải thích rằng chính ông phải tìm hiểu những nguy hiểm và khó khăn gặp phải.

Ngày xuống nước đã đến. Thời tiết lý tưởng. Khi Miller xuống tới đáy ông không thấy một tàu ngầm nào cả. Ông dùng đèn soi vào lớp bùn và đi tiếp. Đằng trước có một vật gì to lớn như một tảng đá. Khi tới gần ông thấy vỏ một con tàu có lẽ đã chìm đến một thế kỷ trước... Ngày hôm đó không tìm thấy tàu ngầm. Mãi đến ngày thứ ba Miller mới tìm thấy, nhưng ông chỉ xem được bên ngoài vì thời gian không cho phép. Tuy nhiên ông đã thấy một chỗ vỡ có thể chui vào được.

Đến ngày thứ tư thời tiết xấu. Khi ông xem xét chỗ vỡ ông thấy không ổn vì mép vỡ rất sắc có thể làm thủng đường ống dẫn khí thở. Nhưng vì thời tiết được dự báo là xấu đi, có bão biển kéo dài mấy ngày, nên phải làm vội. Miller quyết định mạo hiểm. Ông thận trọng chui vào, đi suốt chiều dài, cố gắng không nhìn vào những xác chết vì khi động nước thì quần áo, chân tay, tóc tai họ động đậy.

*** ... và thành công ngoài sức tưởng tượng**

Trong buồng lái ông tìm thấy một hộp kim loại. Ông biết rằng đó là chiến lợi phẩm chính. Ông muốn mang ngay lên bờ. Ra khỏi tàu ông buộc chiếc hộp vào dây rồi đánh tín hiệu kéo lên. Ông báo cáo những gì nhìn thấy, nhưng bị buộc phải viết thành văn bản. Trong lúc đó người ta hết sức thận trọng mở cái hộp sắt. Trong đó có những thứ quý như bản đồ các bãi mìn của Đức, hai bản mật mã mới của hải quân Đức và một bản mật mã quý nhất chỉ được dùng để liên lạc với Đại hạm đội. Đại diện của Bộ tư lệnh Hải quân thận trọng cất vào cặp. "Những thứ này cần phải gửi ngay về London, - ông ra lệnh

cho chỉ huy tàu lặn - Thả phao tiêu đánh dấu! Chạy ngay, hết tốc lực!”.

Các bộ mật mã được đưa ngay đến “Phòng 40 O.B.” nổi tiếng của Bộ tư lệnh Hải quân Anh, nơi lưu giữ các bộ mật mã Anh và giải các mã của quân địch.

Bây giờ ông đã nằm trong biên chế của tình báo hải quân Anh. Đã thành lập một đơn vị đặc nhiệm chuyên đưa Miller và các thiết bị lặn đến những chỗ nào có tàu ngầm Đức bị chìm. Chẳng bao lâu ông thông thạo tàu ngầm Đức hơn bất cứ một chuyên gia nào. Mặc dù Bộ Hải quân Đức luôn luôn thay đổi mật mã, nhưng quân Anh vẫn biết. Những mật mã này là vũ khí sắc bén trong tay quân Đồng minh. Các bức mật điện của Đức bị tóm và bị giải mã. Tàu của chúng cứ đi vào chỗ chết tại những điểm chúng đã sẵn sàng chờ tàu của quân Đồng minh. Tất cả chỉ nhờ một người thợ lặn vốn là một anh thợ mộc.

ĐÀO PHÚC LỘC

NHÀ TÌNH BÁO NỔI TIẾNG QUA HAI CUỘC TRƯỜNG CHINH LỊCH SỬ

Cuộc hành trình tìm chồng, tìm cha của vợ con liệt sĩ Đào Phúc Lộc (1923 - 1969) phải mất tới gần 30 năm. Ba mươi năm, những nghi ngờ ông là một kẻ "phản bội Tổ quốc" mới được gột rửa. Trong khi vợ và các con đi tìm thì ông lại nằm lặng lẽ trong lòng đất trên triền sông Vàm Cỏ Đông ở ấp An Thới, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh với ngôi mộ vô danh và những tấm lòng nhân ái người Việt.



*** Biến cố gia đình: từ cậu ấm giàu có thành phố cảng trở thành một thanh niên thường dân và trợ học**

Ít ai biết rằng, đại gia Đào Ngọc Khanh, một thương nhân giàu có và nổi tiếng ở đất Quảng Ninh - Hải Phòng, người đã dựng nên Nhà máy điện Uông Bí, Nhà máy xi măng Hải Phòng, Chợ Sắt và một số công trình xây dựng trên đất Cảng, người "khét tiếng" trong giới về sự "ăn chơi" - lại là cha đẻ của một nhà tình báo nổi tiếng qua hai cuộc trường chinh lịch sử - nhà tình báo Đào Phúc Lộc.

Đào Phúc Lộc sinh ra trong một dòng họ nổi tiếng về

truyền thống yêu nước, dòng họ vinh dự được nhà chí sĩ Phan Bội Châu tặng đôi câu đối, đại ý: *“Lòng yêu nước thương dân của họ Đào như viên ngọc quý giữa đời thường. Phật ngồi trên tòa sen sẽ phù hộ cho cả gia tộc”*. Cha ông - Đào Ngọc Khanh là cháu của cụ Đào Đức Điển, làm Tri phủ dưới triều Nguyễn kiêm Phó lãnh binh phụ trách quân sự từ Móng Cái đến Uông Bí. Nhiều năm trước khi Đào Phúc Lộc ra đời, tên tuổi của người cha đã vang xa khắp nơi với những công trình xây dựng của thành phố Cẩm. Trong khi đó, người vợ xinh đẹp và hiền thực đã có với ông 5 mặt con. Một ngày định mệnh, khi vừa sinh, được tin báo chồng mình có “vợ bé”. Không chịu nổi cú sốc, bà đã mất ngay trong đêm đó. Khi đó Đào Phúc Lộc 6 tuổi, cậu bé út mới tròn 20 tháng. Ít lâu sau, Đào Ngọc Khanh đưa “vợ bé” về nhà. Nhân lúc chồng đi vắng, bà ta đã đuổi 4 đứa con của chồng (Kim Liên đã mất từ nhỏ) ra khỏi nhà. Khi Đào Ngọc Khanh trở về thì sự thể đã rồi, ông đành đưa hai con nhỏ cho một người bà con trông giùm. Còn ông thuê nhà ở hẻm cô Ba Chìa cho hai chị em Hải và Lộc trọ học.

*** “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ...”**

Những năm tháng ở Hải Phòng, số phận đã dun dủi cho hai chị em được làm quen với đồng chí Tô Hiệu - người đã dìu dắt hai chị em vào con đường cách mạng. Chị gái là Đào Hải - cô giao liên ZT của Khu ủy với phong trào vùng mỏ bị đánh phá dữ dội nhất, đã làm cho cậu bé Lộc sớm giác ngộ Cách mạng, đi theo Cách mạng từ năm 13 tuổi. Sớm phát hiện ra tư chất thông minh của Đào Phúc Lộc, Tô Hiệu đã giác ngộ và kết nạp anh, chỉ mới 16 tuổi, vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Và ít ai ngờ rằng, căn nhà trọ của hai chị em Hải, Lộc

lại trở thành điểm công tác tạm thời của cơ quan bí mật Khu ủy lúc này.

Năm 1940, trong một chuyến đi công tác, Đào Phúc Lộc bị bắt. Anh bị kết án tù 2 năm, bị dẫn giải qua nhiều nhà tù, song bọn chúng đã không khai thác được gì. Bất lực, chúng đưa anh về quản thúc tại Móng Cái trong 5 năm. Chính trong thời gian bị quản thúc và theo dõi gắt gao, Đào Phúc Lộc đã bộc lộ những năng khiếu thiên bẩm của một nhà tình báo tài giỏi. Anh đã khôn khéo đánh lừa bọn mật thám, vượt biên sang Trung Quốc để bắt liên lạc với Đảng và được đồng chí Trường Chinh giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở Móng Cái, thành lập đường dây liên lạc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Móng Cái - Quảng Tây để đưa cán bộ ra nước ngoài hoạt động.

*** Trưởng phòng tình báo Quân ủy Hội**

Cách mạng Tháng Tám thành công, Đào Phúc Lộc về Hà Nội, được cử làm Trưởng phòng Tình báo Quân ủy Hội (Bộ Quốc phòng) dưới sự chỉ đạo của Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp và Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Anh đã tuyển chọn 50 cán bộ Việt Minh ở Móng Cái về Hà Nội làm công tác tình báo. Với cương vị ấy, Đào Phúc Lộc phân công công việc cụ thể cho từng anh em phụ trách tình báo của các Liên khu. Chỉ trong vòng 2 năm (1945 - 1947), anh đã nắm được các cơ sở tình báo quân đội ở miền Bắc, Khu IV, Khu V, Khu VI. Anh đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an (do ông Lê Giản phụ trách) và sử dụng nguồn tin quân chúng để thu thập tin tức hàng ngày phục vụ cấp trên. Phòng Tình báo - Bộ Tổng tham mưu lúc này đã có tổ chức đặt ở 23 thành phố, tỉnh lỵ thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đến Thừa Thiên.

Đào Phúc Lộc chính là người đã mở các lớp đào tạo cán bộ tình báo đầu tiên của ngành tình báo quân sự Bắc - Nam trong những ngày đầu kháng chiến. Năm 1946, anh đã hướng dẫn đội quyết tử tham gia đánh sân bay Gia Lâm. Đêm 19-12-1946, ta phá hủy hoàn toàn 2 máy bay của giặc, gây tiếng vang lớn, góp công đầu trong đêm Toàn quốc kháng chiến.

Năm 1948, Hoàng Minh Đạo (Đào Phúc Lộc) nhận lệnh điều động của đại tướng Võ Nguyên Giáp cử vào tăng cường cho chiến trường miền Nam đảm trách Trưởng ban Quân báo Nam Bộ với nhiệm vụ là Đặc phái viên của Bộ Tổng tham mưu đi kiểm tra tình hình công tác phản gián, tình báo, quân báo ở Khu IV vào đến tận Nam Bộ. Mục đích là để kiện toàn thống nhất lại tổ chức của ngành tình báo từ Trung ương đến địa phương, để giúp Cục có điều kiện chỉ đạo tình báo toàn quốc. Trong thời gian này, Đào Phúc Lộc đã từng sống ngay trong lòng Sài Gòn cùng với Phan Văn Đáng (Hai Văn), Phó bí thư Trung ương Cục miền Nam trong một gia đình thuộc chính quyền Sài Gòn.

*** Người thủ trưởng can trường và nhân hậu**

Đến bây giờ, những người trong cuộc từng chứng kiến việc xử *Vụ án gián điệp miền Đông năm 1950* đều thấy nhẹ nhõm bởi kết thúc vụ án: Nếu như không có Đào Phúc Lộc, liệu vụ án ấy có làm nên một câu chuyện bi thương trong lịch sử, hậu thế sẽ mãi còn đón đau về số phận oan khiên của 34 đồng chí mình không? Năm 1949-1950, chiến trường Nam Bộ được chia ra làm hai Phân liên khu miền Tây và Phân liên khu Miền Đông. Riêng Phân liên khu miền Đông, ban lãnh đạo của Đảng có trách nhiệm với phong trào cách mạng ở Đông Campuchia

nên ngành tình báo của ta cũng đặt ở đấy. Trong thời gian đó, có một đồng chí (xin được giấu tên) nhiệt tình trong công tác, nhưng không biết do từ một nguồn tin nào, có thể là ấu trĩ, có thể do cung cấp sai, có thể quá cảnh giác mà địch, ta lẫn lộn, cũng có thể do địch thực hiện thủ đoạn phản gián... đã báo cáo phát hiện ra một tổ chức gồm số đông cán bộ, trong đó có nhiều đảng viên của ta từ cấp huyện ủy đến tỉnh ủy gồm 34 người bị kết tội là gián điệp.

Đứng trước vụ án do cơ sở báo cáo lên đề nghị cấp trên xử lý, Đào Phúc Lộc hết sức phân vân. Trước những chứng cứ, chứng lý chưa rõ ràng, chưa có sức thuyết phục, trong thâm tâm, Đào Phúc Lộc không tin 34 đồng chí mình là gián điệp. Yêu cầu của Bộ Tư lệnh là phải xử lý ngay, nếu không làm ngay thì không chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, nếu xử lý vội sợ rằng sẽ có nhiều oan ức. Sau nhiều đêm suy nghĩ, anh quyết định báo cáo với Bộ Tư lệnh xin được chịu trách nhiệm về vụ án này và xin gia hạn thêm. Để làm rõ vụ án, anh đã rút đồng chí Sáu Ninh (Phó ban tình báo Khu VIII) về để trực tiếp điều tra lại vụ án. Về mặt nghiệp vụ đã vô cùng nặng nề, lại điều tra chính các đồng chí ngày đêm đồng cam cộng khổ với mình trên một chiến tuyến, áp lực tinh thần ấy quá lớn. Phải mất tới 6, 7 tháng trời điều tra từng hồ sơ, thẩm vấn và minh xét từng người trong điều kiện giặc ruồng bố liên miên và bằng mọi giá phải bảo vệ được tính mạng cho 34 người, cuối cùng Sáu Ninh đã có bản kết luận. Đào Phúc Lộc đã không kìm nén được sự xúc động. Anh nói với Sáu Ninh: “Cậu đã làm được điều mình suy nghĩ và mong đợi. Các anh em đồng chí của mình không có ai làm gián điệp tay sai cho giặc cả mà chỉ là do hiểu lầm”. Ngay lập tức, Đào

Phúc Lộc báo cáo lên cấp trên. Chưa hết hoài nghi, phân liên khu ủy quyết định tiến hành một cuộc họp. Nhờ sự kiên định lập trường của anh ngay trong cuộc họp về “*vụ án gián điệp*” miền Đông ấy, 34 người được trắng án. Các đồng chí này sau được điều động đi tập kết và đều có những đóng góp và vị trí xứng đáng trong tổ chức Đảng. Nếu không có một người thủ trưởng thông minh, can trường, sáng suốt và có tấm lòng nhân hậu, dám chịu trách nhiệm trước ngành, trước sinh mệnh chính trị của đồng chí, đồng đội mình, chắc sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường.

*** Mỗi tình đầu với con gái vị quan phủ giàu có và thế lực**

Thời gian bị quản thúc ở Móng Cái, trong số những thanh niên tiến bộ yêu nước do Đào Phúc Lộc tập hợp có một thiếu nữ đã để lại trong ông nhiều ấn tượng nhất. Đó là Hoàng Minh Phụng, con gái của một vị quan trong phủ nổi tiếng giàu có và thế lực. Phụng thường trốn gia đình lén đi theo nhóm thanh niên tham gia Việt Minh, cô rất nhiệt tình đi quyên góp tiền bạc, gạo thóc, thực phẩm để cứu đói cho những người nghèo. Bản thân cô cũng đã đem hết nữ trang, tiền bạc dành dụm của riêng mình ủng hộ cách mạng. Dẫu chưa một lần nói ra, song cả Phụng và Lộc đều dành cho nhau những tình cảm riêng. Một lần, Lộc đi công tác ở Hải Phòng đem tài liệu mật về Móng Cái. Khi đi ngang qua nhà Phụng thì bất ngờ bị tên mật thám dẫn bọn lính rượt theo rầm rập từ phía sau lưng. Anh chưa biết phải xử trí sao, thì bất ngờ gặp Phụng. Cô kéo tay anh rẽ vào một ngõ rồi chạy thẳng về nhà phía cửa sau đẩy anh vào, đóng cửa lại, dắt anh qua một khoảnh vườn nhỏ vào phòng của

cô, lấy ra một bộ đồ con gái bắt anh mặc vào, rồi lấy chiếc khăn màu nâu cột lên đầu anh. Cô lại đem một rổ rau ra nhà sau, bắt ông ngồi nhặt rau như hai chị em gái. Khi bọn mật thám tới, nhìn vào thấy con gái ông quan phủ ngồi với một người bạn gái nên chúng bỏ đi. Từ đó, cái tên Minh Phụng đã in sâu trong tâm trí ông. Khi chi bộ Đảng đầu tiên ở Móng Cái được thành lập, Đào Phúc Lộc làm bí thư đã lấy bí danh là Minh Phụng.

Tháng 12-1945, đôi trai tài gái sắc ấy đã trình báo cơ quan tổ chức lễ cưới. Một năm sau, con gái đầu lòng là Minh Vân ra đời. Bé Minh Vân mới được mấy ngày tuổi thì Hà Nội bị Pháp chiếm đóng. Đào Phúc Lộc đành gửi hai mẹ con lên an toàn khu ở Thái Nguyên. Năm 1947, anh nhận nhiệm vụ vào chiến trường miền Nam. Khi về đến trạm quân y an toàn khu Việt Bắc thì vợ ông đã mất do bệnh sốt rét ác tính. Sau đám tang của vợ, Đào Phúc Lộc phải hành quân vào Nam gấp. Ba năm sau, có một người con gái muốn chia sẻ cuộc đời mình với cuộc đời vất vả, gian truân và nhiều hy sinh của ông. Đó là chị Bùi Ngọc Hường, một đồng chí ở Liên khu miền Đông Nam Bộ, liên lạc viên của Cục Tình báo Trung ương. Được bạn bè đồng chí vun vén, đặc biệt là anh Ba Lê Duẩn, tháng 4-1951, đám cưới được tổ chức ở chiến khu Đ. Được vài tháng, Đào Phúc Lộc lại đi hoạt động và một năm sau, con trai Minh Ngọc ra đời. Năm 1954, con gái Minh Thu chào đời tại Viện Dân y Nam Bộ. Ông chỉ kịp đặt tên cho con, rồi tiếp tục nhận nhiệm vụ về hoạt động tại thành phố Sài Gòn với bí danh là Minh Thu. Bốn năm sau, khi chị Hường hay tin chồng bị bắt, rồi lại nghe báo ông đã vượt ngục trở lại cơ quan công tác, chị lặn lội vào Sài Gòn tìm ông. Chuyển đi mất tới

120 ngày mới gặp được ông tại Nam Vang. Chị được bố trí chuyển công tác từ Nam Vang lên Ban Công vận thành phố Sài Gòn. Lần gặp cuối cùng vào năm 1962, chị theo đoàn giao liên tới rừng Sác huyện Nhà Bè để gặp chồng. Không ngờ, đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng. Chị Hương đã bùi ngùi nhớ lại: “Tôi với anh có với nhau 3 mặt con nhưng sống với nhau tính cặn kẽ cũng chưa đầy 3 năm. Ba đứa con của tôi sinh ở ba chiến trường khác nhau. Sau lần gặp năm 1962 ở rừng Sác ít lâu thì tôi bị bắt. Phải mất tới 12 năm bị đày trong nhà tù Côn Đảo, năm 1974 khi trao trả tù binh, tôi đã nóng lòng mong gặp lại anh. Vậy mà...”.

* Nằm xuống trên đất thép Củ Chi

Năm 1969, Đào Phúc Lộc được Trung ương Cục điều động từ Phân khu V về làm Chính ủy Phân khu I. Đất thép Củ Chi lúc này có thể ví như một trảng lớn, không có một bóng cây. Địch quyết tâm chà xát suốt ngày đêm. Cuối năm 1969, ông nhận được lệnh mời về họp và báo cáo công tác của Bộ Tư lệnh Phân khu I với Trung ương Cục. Chuyển đi công tác này được ấn định khởi hành đúng vào đêm 24-12-1969. Cùng đi có đồng chí Tám Lê Thanh, Phó tư lệnh Phân khu I cùng nhiều đồng chí khác. Để tránh thương vong có thể xảy ra, đoàn đã chia làm hai nhóm do Đào Phúc Lộc và Tám Lê Thanh dẫn



*Bến sông Tha La xuôi ra Vàm Trăng, nơi
Đào Phúc Lộc hy sinh năm 1969*

dầu xuống. Khoảng 8 giờ đêm ngày 24-12-1969, đoàn quân bắt đầu xuất phát, Đào Phúc Lộc đã nói đùa cùng anh em: “Kể ra chúng ta sáng kiến tổ chức đi trong đêm Noel thật là hay. Giờ này hẳn bọn giặc đang say sưa với cái thứ bánh trái rượu ngon bên cây thông mừng Giáng sinh. Trong đêm Chúa giáng thế, có lẽ bọn mình sẽ đi trót lọt, bởi có thể chúng sẽ vì Chúa mà bớt đi sự giết chóc”. Hai chiếc ghe khá lớn ngự trang cẩn thận đã đậu sẵn. Theo sự phân công từ trước, ghe của anh Tám Lê Thanh bắt đầu qua sông. Khi ghe của Tám Thanh sắp sửa cập bến thì ghe của Đào Phúc Lộc bắt đầu rời chỗ trú ẩn để xuất phát. Thật bất ngờ, khi chiếc ghe của Đào Phúc Lộc qua được một phần hai quãng đường thì đụng phải một chiếc giang thuyền của Mỹ ngự trang như một chiếc bè thả trôi sông. Năm Thu chỉ phát hiện ra chiếc giang thuyền ấy khi nó theo dòng nước vượt qua khúc quanh. Chưa kịp ra lệnh thì những ngọn đèn pha trên giang thuyền đồng loạt bật sáng, soi rõ mồn một chiếc ghe của ông với những người lính theo phản xạ đang đưa tay lên cò súng. Chỉ trong một tích tắc, một trận mưa đạn phủ xuống chiếc ghe. Tất cả hỏa lực trên ba chiếc tàu Mỹ đồng loạt nhả đạn. Lửa cháy rừng rực một khúc sông. Chiếc ghe của Năm Thu như một chiếc lá rơi vào biển lửa. Anh Tám Lê Thanh cùng đoàn quân núp trong bụi cây ven bờ chỉ cách chiếc ghe Năm Thu chừng hơn 50m. Chỉ độ vài phút sau, một đoàn trực thăng với những ngọn đèn pha rực sáng đã liên tục bắn rốc két và đạn đại liên dài theo hai bên bờ. Tiếp theo là những cụm pháp tử Gò Dầu, Tây Ninh, Trảng Bàng chụp tới.

Sau đêm bão lửa ấy, Trung ương Cục triển khai một lực lượng lớn tìm kiếm bên hai bờ sông hy vọng cứu được những

đồng chí may mắn sống sót. Nhưng liên tiếp nhiều ngày, không một ai tìm được dù một vết tích nhỏ của 14 người trên chiếc ghe định mệnh ấy. Và từ đó, tin Năm Thu (Đào Phúc Lộc) hy sinh được giấu kín trong một thời gian dài.

*** Hành trình tìm lại thanh danh nhà tình báo quân sự Đào Phúc Lộc**

Bà Bùi Ngọc Hường trở về sau 12 năm ở nhà tù Côn Đảo cùng với 4 đứa con sinh ra ở 4 chiến trường. Những đứa trẻ lớn lên không biết mặt cha, thiếu bàn tay chăm bẵm của mẹ vẫn đau đáu một hoài vọng mơ hồ biết đâu một ngày nào đó cha sẽ trở về. Tờ giấy chứng nhận liệt sĩ của chồng và cha không đủ sức để bà con nhân dân nơi quê hương ông hiểu và tin rằng Đào Phúc Lộc đã hy sinh anh dũng. Chiến tranh, mọi sự xảy ra đều là lẽ thường, ngay cả chuyện người dân quê ông vẫn đồn rằng, Đào Phúc Lộc là gián điệp, là phản gián v.v...

Đau đớn vì mất chồng, cha, càng đau đớn hơn khi thanh danh của ông chưa được làm rõ, bà Hường cùng với các con đã ngược dòng lịch sử tìm lại thời gian đã mất của liệt sĩ Đào Phúc Lộc.

Vào đầu tháng 4 năm 1998, Minh Vân cùng với các em và những đồng đội cũ của cha mình đã lần tìm được dấu tích xưa qua râu chuỗi của những nhân chứng sống của lịch sử. Khi ngôi mộ được khai quật, một đặc điểm khiến cho mọi người nhận ra ngay đó chính là Đào Phúc Lộc bởi hàm răng dưới có hai chiếc bít bạc vẫn còn nguyên vẹn.

Ngày 8 tháng 4 năm 1998, lễ truy điệu long trọng cho liệt sĩ Đào Phúc Lộc được tổ chức tại Nghĩa trang liệt sĩ thành phố

Hồ Chí Minh. Ngày 10 tháng 8 năm 1998, tại Hà Nội, Bộ Quốc phòng đã tổ chức lễ truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ Đào Phúc Lộc. Đây là Huân chương cao quý đầu tiên được trao cho ông trong số gần 2000 Anh hùng lực lượng vũ trang của nước ta. Hiện nay, bà Bùi Ngọc Hường đang sống ở thành phố Hồ Chí Minh cùng với các con của ông họ đều thành đạt trong cuộc sống và có nhiều đóng góp cho đất nước.

NHƯ BÌNH

(Theo ANTG, số 305; 306)

KIM SƠN

NHỮNG VAI KỊCH CỦA ĐIỆP VIÊN A14

Tháng 9-1950, hạm đồ số Amyot D'Inville của Pháp đã bị đánh nổ tung trên biển Sầm Sơn (Thanh Hóa). Chiến công vang dội này là đoạn kết của một điệp vụ lừng lẫy mà lực lượng công an Việt Nam đã dày công thực hiện trong 14 tháng trời (7/1949 - 9/1950).

Sau nửa thế kỷ, nhân vật và tình tiết của câu chuyện đã trở thành đề tài và chất liệu cho ra đời hàng chục bài báo và ít nhất 3 bộ tiểu thuyết lớn, khắc họa khá đầy đủ chiến công của các chiến sĩ Hoàng Đạo, Kim Sơn, Chu Duy Kinh và Nguyễn Thị Lợi, tức các điệp viên A13, A14, A15, A16 trong điệp vụ này.

Tuy nhiên, theo dòng thời gian, nhiều bí mật vẫn tiếp tục được vén lên và công bố. Trong bài này xin nói về một vai kịch táo bạo của điệp viên A14.

*** Mạo hiểm cứu một cán bộ cao cấp của Campuchia**

Nguyễn Kim Sơn là con trai một nhà buôn lớn, sinh tại Sài Gòn năm 1928. Do công việc làm ăn buôn bán của cha mẹ nên hầu hết tuổi thơ của anh đều trôi qua trên đất Campuchia. Tháng 3-1945, anh vừa tốt nghiệp trung học tại Trường Lycée Sisowath (Phnôm Pênh) thì Nhật đảo chính Pháp. Biết anh giỏi cả tiếng Nhật lẫn tiếng Pháp, đích thân viên lãnh sự Nhật tại Phnôm Pênh là Takashima đã tìm đến tận nhà anh nhờ Kim Sơn ra làm phiên dịch cho một đơn vị

hiến binh Nhật tại xứ sở này. Vốn hiếu động, thích phiêu lưu, lại đang rảnh rỗi, Kim Sơn gật đầu. Ba tháng trời sau đó, anh đã cùng với chuẩn úy Nishi chỉ huy một đồn hiến binh đóng tại Kôngpông Thom để lùng bắt những người Pháp thực dân đang lẩn trốn trong rừng sau đảo chính. Hoàn toàn mơ hồ về ý thức chính trị, Kim Sơn không hề cảm thấy áy náy gì trong việc ủng hộ những người Nhật “cùng giống da vàng mũi tẹt” trong cuộc đối đầu với những người Pháp mắt xanh mũi lõ. Nhưng, chỉ sau một thời gian ngắn, khi đã hiểu biết đôi chút về nghiệp vụ công an, tâm hồn phóng khoáng, chuộng tự do của Kim Sơn đã bắt đầu cảm thấy “không ưa nổi” cả đám hiến binh của Nishi lẫn những tên mật vụ người Campuchia dưới quyền sếp cảnh sát Phnôm Pênh Sam Sary mà anh đang cộng tác. Vì vậy, lợi dụng việc Nishi không biết tiếng Pháp, Kim Sơn đã khôn khéo lừa, dịch sai hồ sơ, cáo trạng để y ký lệnh tha cho một tù an trí người Campuchia được cảnh sát liệt vào hàng “đặc biệt nguy hiểm” mà anh biết rõ là một cán bộ Cộng sản Campuchia cao cấp. Trước khi Sam Sary sang và Nishi kịp phản phui ra vụ việc, Kim Sơn đã nhanh chóng rời Phnôm Pênh về Sài Gòn, đúng vào lúc khí thế cách mạng ở quê nhà đang hừng hực. Nhiệt tình tuổi trẻ nhanh chóng được thời cuộc cuốn theo. Kim Sơn gia nhập Thanh niên tiên phong của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch và hăng hái tham gia cướp chính quyền Đakao, Sài Gòn, sau đó về công tác tại Quốc gia tự vệ cuộc quận Phú Nhuận.

*** Trở về nước và nhận những nhiệm vụ mới**

Kim Sơn nhận công tác chưa được bao lâu, Pháp tái chiếm Nam Bộ. Là người có bằng cấp, anh được công an Nam

Bộ cử ra Nha Công an theo học lớp công an trung cấp Liên khu III tại Chợ Dầu (Phủ Lý, Hà Nam), nhằm chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Tháng 11-1948, khóa học kết thúc. Lễ bế mạc có tổ chức cả biểu diễn văn nghệ để góp vui. Món này, Kim Sơn tỏ ra rất có năng khiếu. Anh đã tự viết kịch bản và đạo diễn một vở kịch ngắn, sau đó tự mình đóng luôn cả ba vai ông già, cô gái, đứa trẻ, diễn luôn trong đêm vui. Vở diễn thành công quá mức tưởng tượng, được người xem hoan hô nhiệt liệt. Trong số khán giả đêm ấy có cả ông Nguyễn Phú Doãn, tức Nguyễn Tạo, tức Trần Châu Phong, thường gọi là Tạo Doãn, một cán bộ dày dạn kinh nghiệm đấu tranh từ những năm 1930-1931 lúc đó đang giữ chức Trưởng ty điệp báo thuộc Nha Công an Trung ương, được gọi dưới cái tên “Ty tập trung tài liệu”. Khả năng xử lý tình huống và nhập vai của Kim Sơn đã khiến ông Tạo Doãn chú ý. Ông yêu cầu đưa Kim Sơn về Ty mình thực tập. Nghĩ rằng làm một điệp viên để tha hồ hoạt động, Kim Sơn nhận lời ngay. Anh được đưa về một tổ công tác chuyên diệt ác phá tề của chi Lam Điền, hoạt động ở vùng giáp ranh dọc theo đường số 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng. Công việc trôi chảy, được cấp trên đánh giá cao, nhưng Kim Sơn chưa hài lòng. Óc tưởng tượng phong phú và máu phiêu lưu thôi thúc Kim Sơn hướng về những trận đánh lớn... Dự định của anh được ông Lê Văn Lăng, Trưởng chi Lam Điền ủng hộ.

Nguyên trước đó, ông Lê Văn Lăng đã cấy được một người tên là Thái vào “lót ổ” trong Phòng nhì Pháp. Khá tháo vát, Thái đã nhanh chóng chiếm được lòng tin của Phòng nhì, được chúng tăng cường bồi dưỡng để sau này sử dụng anh như một nhân mối đánh ra vùng tự do, phá hoại kháng chiến. Sau

nhiều lần “thâm nhập” vùng tự do, Thái đã báo cáo với Phòng nhì: Trong hàng ngũ Việt Minh có nhiều người quốc gia không Cộng sản. Họ muốn về hợp tác cùng Quốc trưởng Bảo Đại và Chính phủ quốc gia nhưng còn nghi ngại thái độ của người Pháp. Đặc biệt, họ không muốn một mình rời Việt Minh về thành để mang tiếng đầu hàng, bị coi khinh. Nếu người Pháp có thiện chí, họ sẽ rủ nhau về theo từng đơn vị. Trước mắt, Thái có thể lôi kéo được một đại đội độc lập thuộc Trung đoàn 48 của Đại đội trưởng Hồng Quân, một người Nam Bộ thân quen với anh. Thông tin này khiến Phòng nhì Pháp như mở cờ trong bụng, hy vọng sẽ lập lại được một chiến tích tầm cỡ như việc dụ hàng Bảy Viễn ở Nam Bộ. Vì vậy, chúng ra sức thúc ép Thái. Nghe báo cáo, ông Lê Văn Lăng nảy ra dự định bố trí trá hàng để đưa một đơn vị của chi Lam Điền công khai kéo về đánh bốt Chùa Thông trên đường 5, một cứ điểm quan trọng có nhiều vũ khí của Pháp. Ông Lăng quyết định cho Kim Sơn sắm vai một y tá, cộng sự đắc lực và đồng hương Nam Bộ của Hồng Quân vào thành liên lạc với Phòng nhì bàn bạc kế hoạch đưa đại đội về “hợp tác”. Vai trò một kịch sĩ đã được Kim Sơn đảm nhận trọn vẹn. Dupra, Barberit, Jacquemin và những tay trùm sỏ Phòng nhì tỏ ra rất vô vấp với sự xuất hiện của anh. Cả thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Xuân cũng nhiệt liệt hoan hô việc “đầu hàng” của Kim Sơn, mời anh hội kiến và góp ý. Mọi việc đang thuận buồm xuôi gió bỗng nhiên bị đảo lộn toàn bộ. Trên đường ra chiến khu, Kim Sơn bị tự vệ Cách mạng bắt vì tội... buôn lậu. Nguyên do là trước khi anh rời thành, tay trùm sỏ Phòng nhì Dupra muốn tỏ ra ưu ái, đã tặng Kim Sơn khá nhiều những thứ xa xỉ phẩm như đồng hồ, bút máy, thuốc lá v.v... những chứng cứ không thể chối cãi về tội buôn lậu! Không còn cách nào khác, Trưởng chi Lam Điền Lê Văn Lăng

đành phải ôm toàn bộ hồ sơ vụ việc báo cáo với ông Tào Doãn để xin ý kiến. Tuy phê phán cấp dưới gay gắt vì “phiêu lưu, manh động”, song, trong bộ óc tổ chức tài ba của ông Tào Doãn, một kế hoạch lớn, đã hình thành, trong đó Kim Sơn vẫn đóng vai trò một nhân vật chính.

*** Thành lập đảng “ma” lừa tình báo Pháp**

Sau thất bại của Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, quân đội Pháp ở Bắc Bộ đã gấp rút ý đồ tấn công Khu IV, vùng tự do, cái nôi hậu cần cung cấp cả lương thực và nhân lực cho đầu não kháng chiến của Việt Minh ở Chiến khu Việt Bắc. Nắm rõ ý đồ của địch, ta cũng tìm mọi cách để giữ an toàn cho Khu IV. Xét về thực lực quân sự, nếu chiến sự xảy ra ở vùng Thanh - Nghệ, ưu thế sẽ nghiêng về phía quân đội Pháp. Vì vậy, Trưởng ty điệp báo Tào Doãn đã nghĩ đến kế hoạch bảo vệ Khu IV bằng cách đánh lừa tình báo Pháp, sao cho chúng tin chắc Việt Minh ở Khu IV còn gồm cả nhiều thành phần quốc gia không Cộng sản, sẵn sàng hợp tác với Chính phủ quốc gia của Bảo Đại và quân đội Pháp, nếu các điều kiện đưa ra được thỏa thuận. Vì vậy, một đảng “ma” được dựng lên, mang tên Phục Việt, có điều lệ, cương lĩnh hần hoi, và có cấu trúc tổ chức từ địa phương lên đến trung ương. Vai trò lãnh đạo cao cấp của Phục Việt sẽ do Hoàng Đạo, nguyên Trưởng ty Công an Thanh Hóa, đảm nhận. Kim Sơn vẫn tiếp tục tham gia vở kịch với vai trò con thoi giữa lãnh đạo Phục Việt và Phòng nhì Pháp.

Về phía địch, không cam chịu để cho kế hoạch lôi kéo các đảng phái về “hợp tác” gây đổ vỡ chừng chỉ vì việc Kim Sơn bị bắt nên Dupra và Phòng nhì đã tìm đủ mọi cách để cứu anh

ra. Trong khi Kim Sơn hoàn toàn tự do và đang vật vã trong một trận sốt rét thập tử nhất sinh thì Dupra đã đưa cho Thái 2 vạn bạc Đông Dương để Thái giao cho bà Kiểm - một điệp báo viên của ta cấy vào Phòng nhì, đưa vào vùng tự do tìm cách lo lót cứu Kim Sơn. Lúc này, Khu IV đang đối nặng, cán bộ chiến sĩ ngành Công an đang phải bữa rau, bữa cháo cầm hơi, 2 vạn bạc Đông Dương của Phòng nhì đã thật sự đắc dụng góp phần vào việc... cứu đói. Còn Kim Sơn, sau nhiều lần từ chối Phòng nhì vì đã để “vuột” mất đại đội Hồng Quân, đã đồng ý quay lại hợp tác làm con thoi để đưa người của đảng Phục Việt về hợp tác. Với nước da xanh lét vì sốt rét, vai kịch “ngồi tù Việt Minh” của anh đã khiến đám Phòng nhì tin sái cổ và... chảy nước mắt. Kim Sơn lại bắt đầu diễn tiếp vai kịch lớn nhất của đời mình trong vai trò điệp viên A14, người liên lạc kiêm thông ngôn của đảng trưởng Phục Việt Hoàng Đạo, tức điệp viên A13, một người hơn anh 19 tuổi.

Vai diễn của hai thầy trò Hoàng Đạo - Kim Sơn khiến trùm Phòng nhì Dupra không mấy may nghi ngờ. Sau nhiều lần tiếp xúc và hàng loạt những lần kiểm tra gắt gao, Dupra bắt đầu nghĩ đến việc dùng đảng Phục Việt làm bàn đạp để đánh vào Khu IV. Để chắc ăn, y cho kiểm tra lại lần cuối. Đầu năm 1949, y thông báo cho Hoàng Đạo và Kim Sơn biết: “Tôi tin các ông nhưng cấp trên không tin. Tôi vừa được lệnh từ Sài Gòn phải “câu lưu” các ông, vì cấp trên nghi hai ông là Cộng sản trá hình”. Nói vậy, nhưng Dupra vẫn hứa sẽ “chạy” để lo “gỡ” vụ này. Cả đêm, hai thầy trò Hoàng Đạo - Kim Sơn đều không chợp mắt. Muốn chạy cũng không kịp, chỉ tổ thừa nhận vai trò điệp viên. Đêm đó Hoàng Đạo và Kim Sơn đã cấp tốc tổ chức lại gọn ghẽ toàn bộ giấy tờ, tài liệu liên quan đến Phục

Việt, kể cả thư tuyệt mệnh gửi “các đồng chí Phục Việt” khuyên “không nên tin tưởng, người Pháp chỉ là những kẻ tráo trở”. Riêng Kim Sơn, vốn lo xa và ưa sạch sẽ, đã chuẩn bị tắm rửa kỹ lưỡng, xúc dầu thơm, và trông vào người mỗi thứ 2 bộ từ quần đùi đến áo lót vì e “vào tù không có cái thay”.

Không “hù” được “hai ông Phục Việt cứng cựa”, Dupra quyết định đưa họ đến tiếp kiến tướng Alexandri, Tư lệnh quân viễn chinh Pháp tại Bắc Bộ. Là một nhà hùng biện qua thông ngôn Kim Sơn, Hoàng Đạo đã khiến viên tướng Pháp cáo già khâm phục thực lực mạnh mẽ và hoài bão lớn lao của đảng Phục Việt trong chiến khu Việt Minh. Viên tư lệnh đồng ý hết những điều kiện mà “ngài đảng trưởng Hoàng Đạo” đưa ra. Vậy là, Kim Sơn và Hoàng Đạo lại gấp rút chuẩn bị để vào Sài Gòn, sau đó lên Đà Lạt tiếp kiến và bàn luận với Quốc trưởng Bảo Đại. Mọi cuộc tiếp xúc, bàn bạc đều diễn ra suôn sẻ và có kết quả. Để hợp thức hóa vai trò, danh nghĩa của hai người và để tương xứng với địa vị của họ trong đảng Phục Việt, Bảo Đại đã phong cho Hoàng Đạo chức Quốc vụ khanh, có quyền thay Quốc trưởng đi tiếp xúc, thảo luận chuyện đại sự với các đảng phái, lực lượng quốc gia khác ở trong nước. Còn Kim Sơn, dù mới 21 tuổi, Phòng nhì Pháp cũng gấn cho anh cái lon đại úy Hộ phòng Ngự lâm quân, được quyền theo chuyên cơ cùng Hoàng Đạo tháp tùng Quốc trưởng Bảo Đại và Nội các vào Nam ra Bắc bàn bạc mưu đồ đại sự. Vai diễn của hai điệp viên A13, A14 đã thành công ngoài mức tưởng tượng.

* Bất ngờ hạnh phúc

Trong chuyến về Sài Gòn trước khi lên Đà Lạt gặp Bảo Đại, Kim Sơn đã thông báo cho Dupra biết, anh sẽ đi tìm lại



Quốc trưởng Bảo Đại

gia đình và ngỏ ý nhờ y tìm giúp. Tay Phòng nhì trao cho anh một địa chỉ trên đường Phan Thanh Giản, bảo: “Hình như đó là nơi ở của gia đình anh”, kèm theo nụ cười úp mở: “Về đó, sẽ có nhiều điều thú vị bất ngờ chờ anh. Nhưng có gặp người em của anh thì phải coi chừng, anh ta là Cộng sản thứ thiệt đấy”. Vừa bước vào căn nhà số 90-92-94 đường Phan Thanh Giản (nay là Lê Thị Riêng, quận 1) Kim

Sơn đã hết sức ngạc nhiên khi biết rằng mình đã... có vợ, trong khi chân dung của anh lại đang đặt trên bàn thờ gia đình, dưới khói hương leo lét. Câu chuyện này cũng là kết quả tốt đẹp sau một vai kịch mà anh từng đóng. Số là năm 1944, trước lúc ra trường, học sinh trường Lycée Sisowath và Trung học nữ Phnôm Pênh đã cùng nhau công diễn một vở kịch. Viết kịch bản xong, tác giả kiêm đạo diễn Huỳnh Trung Nhì quyết định chọn cô Nguyễn Thị Nho - hoa khôi trường trung học nữ vào vai chính - một cô gái nghèo phải đi làm vợ bé một kẻ nhà giàu. Còn Kim Sơn, vai diễn đảm nhận khiếm tốn hơn nhiều: anh sắm vai gã đầy tớ của nhà giàu nọ. Với Kim Sơn như vậy là quá đủ. Từ lâu, anh đã thầm yêu trộm nhớ “chị” Nho (hai người bằng tuổi) nhưng chưa một lần dám ngỏ lời. Với vai đầy tớ, anh sẽ có cơ hội (dù chỉ là trên sân khấu) bùng nước, pha trà và chăm sóc “bà chúa” của lòng mình. Dùng một cái, cách hôm công diễn chỉ 2 ngày, cô Nho xin trả vai vì “bố em hồng chịu”. Ông Minh, bố cô Nho, là một viên chức của Ty Công chánh Phnôm Pênh không chịu nổi việc con gái cưng độc nhất của mình phải vào một vai khốn khổ nên nhất quyết phản đối.

Không dám cãi lời cha, cô diễn viên chính đành trả vai. Đạo diễn tái mặt: Lấy ai thay bây giờ? Trời xui đất khiến, Kim Sơn xung phong: “Kiếm người khác vào vai đây tớ, tôi đóng vai cô Ngọc vợ bé, với điều kiện cô Nho phải tự tay hóa trang cho tôi”. Bí quá, đạo diễn đành gật. Không ngờ, Kim Sơn nhập vai quá tốt. Sân khấu vừa hạ màn, giáo sư Xuân, người phụ trách môn Việt văn ở trường Sisowath đã kêu lên với đạo diễn: “Anh thuê cô nào đóng vai cô Ngọc vừa đẹp vừa diễn hay quá vậy?!”. Sau vở diễn, tình cảm của hai người đã bắt đầu quyến luyến. Thu hết can đảm, Kim Sơn chỉ dám gửi cho người mình yêu ba chữ “Anh yêu em” bằng tiếng Pháp rồi trốn biệt, ốm tương tư suốt cả tháng trời. Cô Nho cũng viết cho anh một lá thư dài 5 trang, nêu rõ hàng loạt lý do, nào không môn đăng hộ đối (nhà Kim Sơn rất giàu), nào cả hai còn nhỏ, chưa có tương lai (mới 17 tuổi) nên chưa thể trả lời v.v... Cuộc tình mới nhen lên, dùng dằng chưa dứt thì Cách mạng Tháng Tám nổ ra. Mang theo cơn ốm tương tư, Kim Sơn đi biệt theo kháng chiến. Trong khi đó, cô Nho cũng hồi hương về Trà Ôn, Vĩnh Long, sau đó lên Sài Gòn tiếp tục học. Là hoa khôi, hàng loạt thầy thông, thầy ký, cậu ấm đã liên tục đến “thư chuyện” cùng cha mẹ cô xin cưới. Thấy cô Nho đã lớn, cha mẹ cô cũng có ý thúc giục. Bí quá, cô Nho lên Sài Gòn, kể hết cho em ruột của Kim Sơn là Nguyễn Ngọc Hà nghe, nhờ Hà nhắn hỏi anh Sơn một câu dứt khoát để còn yên tâm chờ đợi. Nghe Hà kể, gia đình Kim Sơn vốn cũng quý mến cô Nho nên đồng ý. Cha mẹ cô Nho đưa điều kiện phải làm đám hỏi trước cho chắc ăn. Mẹ Kim Sơn quyết định: “Đã vậy thì cho cưới luôn”. Vậy là trong khi Kim Sơn đang ngang dọc tung hoành với chi Lam Điền ở đường số 5 ngoài Bắc thì tại Sài Gòn, đám cưới linh đình của anh đã được

tổ chức, chỉ vắng mỗi mình... chú rể. Cô Nho về nhà chồng, trở thành người giữ tay hòm chìa khóa của gia đình anh chưa bao lâu thì có tin Kim Sơn đã chết ở chiến khu Việt Bắc. Vậy là bàn thờ anh được lập, cô để tang anh. Giữa năm 1949, khi Kim Sơn trở lại, thấy ông chồng kháng chiến thoát cái trở thành một tên Việt gian, mang hàm đại úy ngự lâm quân, cô Nho giận lắm, khóc rưng rức. Gia đình Kim Sơn cũng nhìn anh bằng cặp mắt tức giận. Hoảng quá, Kim Sơn chỉ dám ở nhà vài ngày rồi lặn luôn, sau khi thể sống thể chết với cô vợ trẻ là mình không hề thay lòng đổi dạ, cả với kháng chiến lẫn với... vợ hiền. Hoàng Đạo cũng phải vận hết tài hùng biện mới giúp gia đình Sơn giải tỏa hết những mối nghi ngờ.

*** Lập mưu bắt cóc toàn bộ nội các cùng Quốc trưởng**

Tại Sài Gòn, trong vai diễn hai tên Việt gian cỡ bự, cả Hoàng Đạo lẫn Kim Sơn đã bị công an Nam Bộ tóm cổ. Phải mất hơn nửa tháng, cả hai mới chứng minh được tư cách kháng chiến của mình mà vẫn không làm lộ vai diễn đặc biệt, nhờ đó mới được thả. Một tháng sau khi Kim Sơn tự do, từ Hà Nội, thư của Ty Điệp báo và Nha Công an Trung ương yêu cầu thả hai anh mới vào đến công an Nam Bộ! Những cuộc bàn bạc thương thuyết giữa Phục Việt và Phòng nhì đã đi đến một kế hoạch quan trọng: Phục Việt sẽ khởi nghĩa ở Khu IV cướp chính quyền từ tay Việt Minh, sau đó Pháp sẽ nhanh chóng đổ quân vào hỗ trợ chính quyền do Phục Việt nắm, tiến tới khởi nghĩa toàn quốc chống Việt Minh của các đảng phái. Kế hoạch được trù liệu sẽ tiến hành vào khoảng tháng 10-1949, ngay sau đại hội đảng Phục Việt. Trước khi vào trận cuối cùng, Ty Điệp báo đã đem toàn bộ kế hoạch và

điệp vụ báo cáo lên Nha Công an Trung ương. Thấy nước cờ “lấy chính trị phục vụ chuyên môn” này có phần quá phiêu lưu, Trung ương đã không duyệt. Hoàng Đạo, Kim Sơn và đảng Phục Việt “ma” được cấp trên yêu cầu chấm dứt vai trò. Trước khi rút, Hoàng Đạo và Kim Sơn được lệnh tìm mục tiêu đánh một trận thật lớn để gây tiếng vang cho cuộc kháng chiến.

Là một đại úy ngự lâm quân, thường được hộ tống Hoàng Đạo cùng Quốc trưởng Bảo Đại và Thủ tướng Trần Văn Hữu vào Nam ra Bắc bằng máy bay Dakota, óc phiêu lưu của Kim Sơn lại nhanh chóng hình thành một kịch bản táo bạo, theo mô hình của đảo chính Galvao ở Bồ Đào Nha trước đó. Nhờ hỏi chuyện phi hành đoàn, Kim Sơn biết sân bay Thanh Hóa do Nhật xây dựng từ thời Chiến tranh Thế giới Thứ hai vẫn có thể đáp được Dakota, nếu được dọn dẹp, phát quang lại. Theo kịch bản, trong chuyến bay đưa cả Bảo Đại và nội các của Thủ tướng bù nhìn Trần Văn Hữu ra Hà Nội họp bàn kế hoạch cho khởi nghĩa của Phục Việt ở Thanh Hóa, Hoàng Đạo và Kim Sơn sẽ tiến hành bắt cóc toàn bộ nội các này. Là sĩ quan ngự lâm quân, việc Kim Sơn đưa vũ khí lên máy bay sẽ không ai ngăn cản. Khi máy bay sắp ra đến xứ Thanh, Kim Sơn sẽ “nháy” Hoàng Đạo ra và trao khẩu Thomson vào tay anh. Trong khi Kim Sơn dùng súng Côn bặt khống chế phi hành đoàn thì Hoàng Đạo sẽ chia súng vào ngực Bảo Đại và toàn bộ nội các, bắt máy bay phải đáp xuống sân bay Thanh Hóa. Kế hoạch gần như chắc chắn thành công. Trường hợp xấu nhất, Kim Sơn và Hoàng Đạo sẽ cho nổ máy bay, tiêu diệt toàn bộ nội các lẫn Quốc trưởng, gây tiếng vang thật lớn.

Quá phấn khởi với vở diễn táo bạo và chắc ăn này, Hoàng Đạo đã nhanh chóng báo cáo với cấp trên xin chỉ thị. Phấn khích vì kế hoạch thỏa mãn cả óc tưởng tượng lẫn máu phiêu lưu, cả Hoàng Đạo lẫn Kim Sơn đều không tính đến hậu quả của cú “bắt cóc” động trời này. Lẽ tất nhiên, ngay khi Bảo Đại và toàn bộ nội các Trần Văn Hữu bị bắt sống, Pháp sẽ tung quân nhảy dù vào Thanh Hóa để giải cứu, đồng thời toàn bộ vùng biển Khu IV cũng sẽ bị tàu chiến Pháp vây chặt. Lực lượng quân sự của ta ở Thanh Hóa lúc này chỉ chủ yếu là dân quân tự vệ, còn quân chính quy đã tăng cường gần hết cho các chiến trường khác, e không thể cố thủ nổi trước 3 gọng kìm không - thủy - lục quân của quân đội Pháp. Vì vậy, Hoàng Đạo và Kim Sơn nhận được chỉ thị: “Bãi bỏ kế hoạch, tuyệt đối không được phiêu lưu”. Rất buồn vì kế hoạch không được chấp thuận, không có cơ hội “đánh một trận kinh thiên động địa” như ao ước, nhưng Kim Sơn vẫn không nản. Anh lại nhanh chóng cùng Hoàng Đạo vạch kế hoạch bắt sống đại diện những đảng phái phản động và đánh chiến hạm Pháp đang lớn vồn ngoài khơi biển Sầm Sơn.

*** Chuyển hướng, bắt sống ba tên phản động và làm nổ tung tàu địch**

Theo đúng kế hoạch, ngày 15-9-1949, 3 tên phản động là Đinh Xuân Cầu - một tai mắt của tình báo Pháp, Lê Quang Thiện (tức Minh), đại biểu Quốc dân Đảng và Nguyễn Văn Hương, nguyên là Tổng bí thư Đảng Đại Việt từ vĩ tuyến 16 trở vào, được tuần dương hạm Annamite đưa vào bờ biển Sầm Sơn. 11 giờ đêm, Hoàng Đạo và Cao Nguyên Bình đứng ở mép nước bấm đèn pin ra hiệu. Lập tức thuyền phó tàu Annamite

cùng đội lính bảo vệ cho hạ thủy canô xuống đưa Cầu, Hương, Minh vào bờ. Riêng Kim Sơn, anh phải tránh mặt vì trong chuyến đưa Đinh Xuân Cầu vào thăm chiến khu Phục Việt trước đó, anh đã được cấp trên ra lệnh “chết” để chấm dứt vai kịch đang thủ diễn. Khi ba tên phản động được đưa đến nơi an toàn, Kim Sơn mới xuất hiện. Trông thấy anh, Đinh Xuân Cầu tái mặt ngạc nhiên. Đến lúc đó, y mới được Kim Sơn và Hoàng Đạo “vui vẻ” thông báo cho biết toàn bộ sự thật. Để giữ mạng sống và chuộc tội với cách mạng, Đinh Xuân Cầu đã ngoan ngoãn viết thư cho trùm Phòng nhì Dupra thông báo “thắng lợi”, đồng thời xin thêm điện đài, đồ đạc và gấp rút chuẩn bị để “đón ông bà Hoàng Đạo cùng vào”.

Kế hoạch đánh tàu được bàn bạc đến từng chi tiết nhỏ nhất, được Nha Công an Trung ương duyệt và chỉ đạo chặt chẽ. Dích thân đồng chí Nguyễn Duy Soạn, Phó giám đốc Ty Công an Hà Nội được Nha cử vào trực tiếp chỉ huy vụ đánh tàu này. Đêm 19 rạng ngày 20-9, Kim Sơn đã một mình ra tàu chiến địch để liên lạc hẹn ngày đón. Lẽ ra, việc này phải giao cho người khác vì Kim Sơn được coi là đã chết, lỡ lên tàu gặp lại người quen thì anh chắc chết. Nhưng, ngoài Kim Sơn, không ai thuộc đường đi nước bước trên tàu địch, cũng không ai thạo tiếng Pháp hơn anh nên Kim Sơn lại đành liều mình. Dù đã cải trang thật kỹ, song từ lúc bước chân xuống thuyền đến lúc cập mạn tàu, Kim Sơn cũng cứ ngay ngáy lo lỗ đứng đón anh trên boong là Dupra, Barberit hay Jacquemin thì hồng lét. Rất may, chuyến cải trang cho vai diễn cuối cùng đã không hề gặp sự cố nhỏ nào. Đúng hẹn, ngày 26-9-1950, thông báo hạm Amyot D’Inville, dài 150m, rộng 15m đã tiến vào cửa biển Sầm Sơn. Đây là chiếc tàu lớn nhất, giàu chiến tích nhất trong

Chiến tranh Thế giới Thứ II của hạm đội tuần dương Pháp, nay được điều sang biển Đông và đang trên đường sang chi viện cho chiến tranh Triều Tiên. Tổ công tác gấp rút chuẩn bị cho “ông bà Hoàng Đạo” xuống tàu. Thuốc nổ được nhét trong va li quần áo của bà Hoàng Đạo, lẫn giữa những bánh thuốc phiện được đem ra bán lo kinh tài cho Đảng Phục Việt. Ba ống kíp nổ do Chu Duy Kính, tức Mai, tức điệp viên A15 giữ. Người thủ vai “bà Hoàng Đạo” là điệp viên A16, chị Nguyễn Thị Lợi, một phụ nữ Nam Bộ bất hạnh được công an Thanh Hóa cứu sống và được Hoàng Đạo cứu mang. Khi được nhận vào tổ điệp báo với bí danh A16, chị đã tình nguyện làm người xách va li xuống tàu và ở lại, chấp nhận hy sinh để đánh tàu, còn Hoàng Đạo sẽ viện cớ đang bận việc và quay lại.

Đêm ấy, biển động dữ dội, nhưng sợ chờ lâu không thấy người ra, tàu địch sẽ chạy mất lỡ cơ hội, cả tổ quyết định vẫn xuống thuyền ra biển. Để phòng bất trắc, Hoàng Đạo đã nhờ các đồng chí địa phương chặt luồng ghép làm mảng chắp thành cánh hai bên be xuống cho sóng khỏi đánh lật. 2 giờ sáng thuyền rời xa bờ biển Sầm Sơn. Gần 6 giờ sáng, thuyền mới xa bờ được chừng 8km. Cả đoàn đều ướt đầm và say sóng như tử. Đúng lúc đó thì thuyền cập mạn tàu Amyot D’Inville. Sau khi đưa “ông bà Hoàng Đạo” lên tàu xong, Kim Sơn cúi xuống mạn tàu bảo “người đẩy tở”: “Anh Mai đưa hành lý của bà lên”.

Chiếc va li thuốc nổ to đùng, lúc ở trên bờ Kim Sơn và Mai phải lặc lè khiêng mới đưa được xuống thuyền. Còn ở đây, thuyền tròn trĩnh, đường lên tàu chỉ là một chiếc thang dây chao lắc, Kim Sơn vã mồ hôi. Không thể để hai người thông dây xuống kéo, khối thuốc nổ bị va đập chắc chắn sẽ nổ tung... Đúng lúc nan giải ấy, điệp viên A15 (Mai) chứng tỏ một nỗ lực

phi thường. Buộc quai vào va li thuốc nổ, một mình Mai đã công nó trên lưng lần từng bước trên bậc gỗ thang dây và đưa nó lên trên boong tàu cao ngất không một lần va đập.

Trong khi Hoàng Đạo, Kim Sơn ngồi nói chuyện với viên thuyền trưởng thì Mai tiếp tục đưa va li quần áo vào cabin cho “bà Hoàng Đạo” thay. Được một lát, theo lệnh Hoàng Đạo, Kim Sơn cũng xin phép thuyền trưởng để tới cabin trông chừng sức khỏe “bà Hoàng Đạo”. Vào đến nơi, anh đứng gác cửa để cho Mai cần kíp gắn vào va li thuốc nổ. Khi mọi việc đã hoàn tất, những màn chào hỏi, từ biệt cũng đã diễn xong, cả tổ - trừ chị Lợi ở lại - xuống thuyền để vào bờ thì một tình huống mới nảy sinh. Vào thời điểm đó, trình độ của ngành quân giới còn rất thô sơ, non yếu. Kíp nổ hẹn 4 giờ, có lúc mới 2 giờ đã nổ, có lúc... tịt luôn, không thể chủ động được. Để chắc ăn, bộ phận quân giới đã chuẩn bị cho tổ điệp báo 3 kíp nổ một lúc. Khi gắn kíp, do quá hồi hộp, Mai chỉ cần vớ lọ acid của 1 kíp rồi trở ra nhưng Kim Sơn không biết. Khi xuống quay mũi vào bờ, anh mới nói. Kim Sơn tức điên lên, đòi “đưa 2 chiếc kia đây, tao liều mạng lên cắm lại”. Khổ thay, 2 kíp thừa, Mai đã quăng xuống biển ngay khi vừa trở lại thuyền. Việc Kim Sơn liều mạng quay lại tàu, chấp nhận hy sinh để kích nổ va li thuốc cũng không thể thực hiện vì sự trở lại của anh sẽ báo động cho địch, chúng sẽ tiêu diệt cả đoàn và vô hiệu khối thuốc nổ ngay. Không ngờ vai diễn cuối cùng lại có nguy cơ trở thành vai diễn tồi tệ và vô ích nhất, Kim Sơn, Hoàng Đạo và tất cả mọi người đều lặng câm không nói một câu, chỉ gò lưng trên tay chèo nặng trĩu.

Hơn 10 giờ trưa ngày 27-9-1950, thuyền về đến bờ. Cả tổ trèo lên núi Độc Cước chờ đợi. Tàu Amyot D'Inville quay mũi

về hướng đảo Người (Home) và mất hút. 10 giờ 30 phút... 11 giờ... 11 giờ 30 phút, khi tất cả định quay về thì “âm”, một tiếng nổ long trời bùng lên trên mặt biển, kéo theo hàng loạt tiếng nổ dây chuyền khác, dội rền ngoài khơi. Cả tổ nhảy ào lên, ôm nhau sung sướng. Sau phút hân hoan là nước mắt lặng thầm. Hoàng Đạo, Kim Sơn chia nhau bó hương đốt cắm dọc mép bờ nước biển. Cả tổ im lặng dần hàng ngang trông ra phía biển, cúi đầu tưởng nhớ điệp viên A16 - chị Nguyễn Thị Lợi đã vĩnh viễn không còn quay trở lại. Dù mất mát, đau thương nhưng điệp vụ của họ đã kết thúc toàn thắng. Với Kim Sơn, vai diễn lớn nhất đời anh cuối cùng cũng đã thành công mỹ mãn.

VŨ NGỌC NHẠ

CỐ VẤN BA ĐỜI TỔNG THỐNG NGUYỄN SÀI GÒN

Ở Việt Nam, rất nhiều người đã từng say mê với tiểu thuyết Ông cố vấn của nhà văn Hữu Mai (và sau đó là bộ phim cùng tên chuyển thể từ tiểu thuyết), viết về chiến công của một nhà tình báo lỗi lạc hoạt động trong lòng chế độ Mỹ - nguy ở Sài Gòn. Nhân vật chính trong bộ phim và tiểu thuyết là thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ, bí danh Hai Long, nguyên cố vấn cho ba đời tổng thống ngụy Sài Gòn.



* Đường tới Dinh Độc Lập

Vũ Ngọc Nhạ sinh ngày 30 tháng 3 năm 1928, tại làng Cối Khê, xã Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình, tham gia Mặt trận Việt Minh sau ngày Toàn quốc kháng chiến, vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1947. Bốn năm sau, anh trở thành Thị ủy viên của thị xã Thái Bình. Anh đã từng là một trong 300 đại biểu kháng chiến được mời về dự Hội nghị chiến tranh du kích đồng bằng Bắc Bộ (1952). Tại đó, sau vài lần gặp gỡ, biết anh có ít nhiều kinh nghiệm làm công tác địch vận ở vùng địch tạm chiếm ở Thái Bình, chính Hồ Chủ Tịch đã chọn anh vào hàng ngũ những người tiên phong làm công tác tình báo của Quân đội nhân dân Việt Nam để chuẩn bị cho

cuộc đấu tranh lâu dài với Mỹ - ngụy. Anh được đích thân Bác Hồ căn dặn: “Nhiệm vụ của chú là vào Nam tìm cách nắm bằng được Mỹ - ngụy đã làm gì, chúng đang làm gì và sẽ làm gì...”. Để tạo vỏ bọc an toàn, người cán bộ Cộng sản Vũ Ngọc Nhạ đã thâm nhập vào quân đội Liên hiệp Pháp và có cơ hội chụp ảnh chung với cha Lê Hữu Từ, cha Cassaigne tại Hải Phòng vào cuối năm 1954 trước khi lên tàu di cư vào Nam không lâu lắm.

Năm 1954, hòa bình lập lại ở miền Bắc, với tờ căn cước hợp pháp, Vũ Ngọc Nhạ đưa vợ con từ làng Cối Khê, xã Vũ Hội, Vũ Thư, Thái Bình theo quân đội Pháp xuống tàu Hải Phòng di cư vào Nam. Anh tìm cách “bọc mình” thật kín và âm thầm làm nhiệm vụ.

Có thể nói, trận chiến đấu thật sự của nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ bắt đầu vào một buổi sáng tháng 12-1958. Do Tá Đen, một tên chiêu hồi chỉ điểm, bọn mật vụ thuộc đoàn công tác đặc biệt của Ngô Đình Cẩn do Dương Văn Hiếu cầm đầu đã bắt cóc anh. Sau hơn một tháng giam giữ tại địa điểm bí mật ở đường Bến Vân Đồn, Quận 4, Vũ Ngọc Nhạ bị bọn mật vụ chuyển ra trại Tòa Khâm (Huế).

Suốt 8 tháng trời, bằng các thủ đoạn và mọi ngón nghề khai thác, lừa bịp, mị dân, kẻ địch vẫn không phát hiện được con người thật của Vũ Ngọc Nhạ. Trước sau, chúng chỉ biết về anh như tất cả “sự thật” mà tổ chức đã chuẩn bị sẵn khi đưa anh vào sống trong lòng địch. Trong trại Tòa Khâm, Vũ Ngọc Nhạ bắt được liên lạc và được “anh



Gia đình Vũ Ngọc Nhạ lúc xuống tàu đi di cư tại Hải phòng tháng 12 năm 1955

Mười” - tức đồng chí Trần Quốc Hương - và được giao nhiệm vụ treo cao, chui sâu vào trong lòng địch để hoạt động.

Từ cái “vỏ bọc” của tổ chức trao cho, dựa vào ảnh hưởng của cha Lê Hữu Từ, cha Hoàng Quỳnh ở nhà thờ Bình An và Phát Diệm mà anh đã có dịp biết, anh bắt đầu hành động. Lúc này, chế độ Ngô Đình Diệm rất cần sự ủng hộ của các linh mục có tiếng chống Cộng quyết liệt này. Vũ Ngọc Nha đã khéo léo biến mình thành “cầu nối” cho hai bên kết gắn với nhau. Từ đó, dần dần anh chiếm được lòng tin của Ngô Đình Cẩn - Cố vấn miền Trung của chế độ Ngô Đình Diệm. Cẩn đã “bắt cầu” cho anh sang cha Thực, Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Diệm. Bản tường trình phân tích kỹ bốn nguy cơ “đe dọa chế độ mà Ngô tổng thống đã dày công vun đắp”, mà anh trình lên họ Ngô đã khiến Ngô Đình Cẩn, sau đó là cả Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm quan tâm chú ý. Khi được hỏi, Vũ Ngọc Nha đã khéo léo hé cho anh em họ Ngô biết rằng tất cả những ý kiến trong tờ trình đều là của giám mục Lê Hữu Từ, anh chỉ là người linh hội và được thừa nhiệm báo nguy chế độ. Đánh giá rất cao “trách nhiệm” và sự sâu sắc của “bản tường trình”, đồng thời tưởng nắm được cơ hội tìm sự ủng hộ của khối công giáo di cư do giám mục Lê Hữu Từ và linh mục Hoàng Quỳnh lãnh đạo, anh em Diệm - Nhu đã tỏ ra khá vồ vập, mời Vũ Ngọc Nha về làm cố vấn. Đồng thời cho rằng nhờ anh mà mối bất hòa giữa Phát Diệm với anh em Ngô tổng thống cũng được dỡ bỏ, nên cha Lê, cha Hoàng cũng hỏi lòng, coi Vũ Ngọc Nha như người thân tín. Linh mục Hoàng Quỳnh còn lấy họ của mình đặt cho anh tên mới là Hoàng Đức Nhã.

* Những chiến tích có một không hai

Tại Dinh Độc Lập, với những ý kiến sâu sắc về sách lược, chiến lược và chiến thuật đối phó với thời cuộc sâu sắc, Vũ Ngọc Nhạ đã khiến anh em Diệm - Nhu vì nể. Vì thế, chẳng bao lâu, anh đã trở thành một người tâm phúc, thường xuyên được cùng bàn bạc những vấn đề cơ mật, sinh tử với anh em họ Ngô. Một hôm họp gia đình có đầy đủ anh em họ Ngô và Vũ Ngọc Nhạ, Ngô Đình Diệm đã tự đặt biệt danh 5 con rồng cho 5 anh em. Diệm bảo: "Từ nay Ngô Đình Thục là Hồng Long, Ngô Đình Diệm là Bạch Long, chú Nhu là Thanh Long, chú Cẩn là Hắc Long, thầy Hai (tức Vũ Ngọc Nhạ) là Hoàng Long. Đã là anh em trong nhà, thầy Hai không cần phải ý tứ gì". Mở được cánh cửa quyền lực của anh em họ Ngô, Vũ Ngọc Nhạ đã nhanh chóng liên kết với các đồng chí của mình như Lê Hữu Thúy (ủy viên phụ tá Thông tin chiêu hồi), Vũ Hữu Ruật (ở Tổng nha Cảnh sát sau là ủy viên tuyên huấn trung ương lực lượng tự do và phó tổng thư ký thường trực đảng Liên minh dân chủ), Nguyễn Xuân Hòe (ủy viên Văn phòng tổng thống), hình thành nên một mạng lưới tình báo (lưới A22) nắm giữ các vị trí chủ chốt trong ngục quyền Sài Gòn để khai thác tin tức chiến lược phục vụ đấu tranh cách mạng.

Làm cố vấn cho Diệm, Vũ Ngọc Nhạ có điều kiện tiếp cận với các quan chức cấp cao trong chính phủ ngục quyền, với Tòa thánh Vatican, Giáo chủ Pie XI, Khâm sứ Tòa thánh Sài Gòn, Đức hồng y Xpenman Mỹ... để nắm tình hình, tìm kiếm tin tức.

Tình hình ở miền Nam ngày càng trở nên phức tạp khi chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng tay đàn áp các giáo phái vũ

trang Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo. Mỹ buộc phải thực hiện kế hoạch “thay ngựa giữa dòng”. Sau cuộc đảo chính nhằm thăm dò thái độ trung thành của các tướng lĩnh ngụy quân Sài Gòn với chế độ nhà Ngô vào tháng 11-1960 bất thành, việc thực hiện các mưu đồ chính trị của bọn chúng được điều hành thận trọng hơn. Ngày 1-11-1963, cuộc đảo chính do Dương Văn Minh cầm đầu diễn ra thành công, anh em Ngô Đình Diệm bị giết, chế độ chính trị Việt Nam Cộng hòa lung lay. Lúc này, người Mỹ đang ra sức chọn đối tượng lên thay Diệm, tướng Nguyễn Văn Thiệu một giáo dân ngoan đạo, được các cha cố, linh mục có cảm tình là một trong những con bài lọt vào mắt họ. Vũ Ngọc Nha được ủy quyền đại diện cho khối công giáo tổ chức ủng hộ Nguyễn Văn Thiệu lên làm tổng thống. Cuộc vận động thành công, Thiệu tha thiết mời ông vào Dinh Độc Lập làm cố vấn đặc biệt. Ngay sau ngày lễ nhậm chức tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu sang phòng làm việc của Vũ Ngọc Nha bảo: “Thầy Hai dàn xếp cùng người Mỹ đưa tôi lên làm tổng thống, tôi

4/7/68
Anh Nha Khoa,
Thầy Hai này là người có sự giúp đỡ
- là anh đã giúp tôi cái à
Chưa rõ một người bạn Mỹ là
người đã giúp ta rất nhiều
Mười hai giờ của Cha ra
cái bạn Khoa của anh ta rất
phải là tôi về tôi về là Đại
Việt Nam

Bút tích được cho là của Tổng thống
Nguyễn Văn Thiệu viết cho Vũ Ngọc Nha

rất biết ơn thầy. Nhưng khi thầy muốn hạ tôi xuống, thầy phải “xi nhan” trước cho tôi nghe, đừng để tôi phải chết nhục như anh em Ngô Đình Diệm!”. Từ đó Vũ Ngọc Nhạ được Nguyễn Văn Thiệu tin cậy hoàn toàn và coi ông như là một chiến hữu “tử vì đạo”. Không chỉ có Thiệu mà người Mỹ cũng rất cần ông, vì ông làm cố vấn cho Thiệu nên Mỹ muốn qua ông để thăm dò Nguyễn Văn Thiệu, và Thiệu cũng dựa vào ông để biết “ý tứ” người Mỹ. Vì vậy, ông càng có điều kiện nắm bắt tình hình của cả hai bên. Thành công quan trọng của lưới tình báo A22 là lôi kéo được Huỳnh Văn Trọng, từng là một bộ trưởng dưới thời Bảo Đại, nhưng bị Ngô Đình Diệm bỏ rơi hoàn toàn nên tỏ ra bất mãn. Vũ Ngọc Nhạ đã cố vấn cho Huỳnh Văn Trọng tạo dần thanh thế rồi dùng uy tín của mình trợ giúp Nguyễn Văn Thiệu trở thành tổng thống, được Thiệu vừa hàm ơn, vừa sủng ái đặt vào ghế cố vấn ngoại giao Phủ tổng thống (tương đương bộ trưởng). Ở vị trí này, Huỳnh Văn Trọng có điều kiện tiếp xúc và lấy được hàng loạt văn kiện, chính sách tối mật của Mỹ - ngụy, giao lại cho Vũ Ngọc Nhạ để Trung ương Cục miền Nam kịp thời có đối sách đấu tranh. Tháng 6-1968, dưới sự dàn xếp và tham mưu của Vũ Ngọc Nhạ, Nguyễn Văn Thiệu đã cử Huỳnh Văn Trọng cầm đầu phái đoàn Việt Nam Cộng hòa sang Hoa Kỳ tiếp xúc, gặp gỡ với hàng loạt tổ chức, cá nhân trong chính phủ và chính giới Hoa Kỳ. Chính những thông tin thu lượm được qua người này đã góp phần vô giá cho lãnh đạo của ta trước khi mở ra cửa đàm phán tại Paris với Mỹ.

Với vẻ bề ngoài là một con chiên ngoan đạo kính Chúa, luôn sẵn sàng tử vì đạo, nhưng Vũ Ngọc Nhạ, con người có công với mọi chế độ quyền lực ở miền Nam này vẫn không hề

nhận bất kỳ một ân sủng, chức tước, bổng lộc nào của những kẻ đứng đầu chế độ mong muốn ban tặng, trả ơn. Cũng chính điều đó đã gây ra quanh ông không ít dư luận. Chẳng hạn, một lần, ông cùng Ngô Đình Nhu và Lê Xuân lên Đà Lạt, sau khi trao đổi một số công việc, Lê Xuân hỏi:

- Anh là Cộng sản à?

- Sao bà nghĩ vậy?

- Anh không cần tiền, không cần tình, chỉ có Cộng sản mới thế.

- Tôi cũng từng là Cộng sản. Nhưng tôi đã “từ bỏ” Cộng sản lâu rồi.

Lê Xuân lắc đầu:

- Tôi thấy anh lạ thật. Làm việc cho chính phủ mà không nhận phụ cấp. Gia đình anh thì nghèo xác. Sáng nào trước khi vào phủ tổng thống anh chả đèo rau ra chợ cho bà vợ anh bán, tôi biết chứ...

Làm cố vấn cho mấy đời tổng thống ngụy, mọi phụ cấp anh đều cúng cho nhà thờ. Bù lại, sự tin cậy của chế độ đã giúp anh lấy được hàng loạt tài liệu chiến lược, sách lược tuyệt mật, từ kế hoạch xây dựng ấp chiến lược, kế hoạch Stanley Taylor thời Diệm đến kế hoạch “bình định” nông thôn, kế hoạch Phụng Hoàng, sách lược chiến tranh đặc biệt, cục bộ thời Thiệu v.v.. để Đảng kịp thời có đối sách lãnh đạo đường lối đấu tranh.

Thêm một điều thú vị nữa, là cố vấn của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nhưng trong trận Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, theo kế hoạch, chính Vũ Ngọc Nha sẽ là người chỉ huy biệt động thành tấn công Dinh Độc Lập, bắt hoặc tiêu diệt Nguyễn Văn Thiệu. May cho viên tổng thống

Việt Nam Cộng hòa, trước giao thừa đã cùng vợ con về quê ngoại (Tiền Giang) ăn Tết nên không có mặt. Đêm trước giao thừa, khi tiếng súng tổng tấn công nổi lên khắp nơi, Vũ Ngọc Nhạ - lúc đó đang thay Thiệu “trực” tại Dinh Độc Lập - đã chủ động mở hầm rượu của tổng thống để “úy lạo anh em binh sĩ”, khiến lực lượng phòng vệ trong Dinh Độc Lập say bò lăn bò càng, tạo điều kiện cho cuộc tấn công của quân ta. Tuy nhiên, do kế hoạch có sự thay đổi nên cuộc tấn công vào Dinh đã không nổ ra, để kết quả là sau Tết, Nguyễn Văn Thiệu hết lời khen ngợi và cảm ơn “ông Cố vấn” với sáng kiến mở hầm rượu “lên dây cót anh em” cho nên Dinh Độc Lập đã được giữ nguyên, trong khi Tòa Đại sứ Mỹ cách đó chỉ 300m thì bị quân giải phóng giã nát.

*** Từ “nhiệm vụ bất khả thi” đến “Vụ án chính trị lớn nhất thời đại”**

Trong lúc Nguyễn Văn Thiệu đang tin dùng Vũ Ngọc Nhạ, thì Cục Tình báo CIA Mỹ đã bắt đầu ngờ vực anh. CIA và mật vụ Mỹ nghi ngờ rằng có một nhóm Cộng sản đang “thao túng” Dinh Độc Lập nên đã theo dõi sát sao và giăng bẫy khắp nơi. Chúng đã gặp Nguyễn Văn Thiệu và cảnh báo ông ta rằng: một lưới tình báo Bắc Việt trong Dinh tổng thống đang ngầm phá Mỹ và Chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Cầm đầu lưới này là Vũ Ngọc Nhạ, người mà ông ta tin cẩn nhất. Nhưng Thiệu vẫn không tin Vũ Ngọc Nhạ là Việt Cộng nằm vùng mà cho rằng đấy chỉ là mưu đồ của người Mỹ muốn hạ uy tín của anh. Nhưng rồi, do những sơ hở trong khâu lấy tin, CIA đã có được bằng chứng về hoạt động của Vũ Ngọc Nhạ và ngày 16-7-1969 cả lưới tình báo A22 sa vào tay giặc (trừ Trần Quốc Hương,

người chỉ huy cao nhất đã kịp thời rút lui an toàn). Sau hơn một tháng giam giữ, bện mật vụ và CIA đã dùng mọi cực hình đánh đập, tra khảo, nhưng anh vẫn không nói một câu. Đau đớn về thể xác, Vũ Ngọc Nhạ còn chịu đựng được, nhưng nỗi vò xé về tinh thần thì không chịu nổi: toàn bộ hoạt động của mạng lưới tình báo đã bị kẻ địch nắm được đầy đủ. Để cứu những người bị bắt oan, đồng thời để có cơ hội tiếp tục đấu tranh công khai khi phiên tòa được mở, Vũ Ngọc Nhạ quyết định thừa nhận những gì mà kẻ địch đã có đủ bằng chứng. Hy vọng Vũ Ngọc Nhạ chịu hợp tác, CIA đã cử người đến gặp và đề nghị anh nhận mình là người của CIA. Lời đề nghị này tưởng chừng là một nước cờ cao: vừa nâng uy tín cho CIA (vì lúc này cái tên Vũ Ngọc Nhạ và lưới tình báo A22 đã nổi tiếng), vừa có cơ may tháo gỡ bòng bong chính trị đang ngày càng rối tung lên do vụ bê bối đưa đến. Nước cờ cao nên cái giá không thể thấp: khởi điểm CIA sẽ trả cho Vũ Ngọc Nhạ 2 triệu đôla, tương đương mở vào bất kỳ ngân hàng nào do anh yêu cầu, cộng với khoản lương tháng cực cao. Thế nhưng Vũ Ngọc Nhạ đã không đồng ý. Anh cũng từ chối mọi thiện chí giúp đỡ của các luật sư, từ chối biện hộ trước tòa để biến phiên tòa xử anh thành vô giá trị. Vậy là, từ thắng lợi vì phá được một “vụ gián điệp lớn nhất mọi thời đại”, CIA và ngục quyền Sài Gòn lại rơi tõm vào sự thảm bại của một vụ bê bối chính trị không lối gỡ. Mọi công việc của bị cáo đều do... tổng thống hợp hiến ủy thác hoặc ra lệnh. Nhân chứng quan trọng nhất của “vụ án” chắc chắn tòa sẽ không triệu tập được vì đó chính là... tổng thống. Tất cả mọi vụ việc, tình tiết có thể nêu lên đều hoàn toàn là chính sách, chủ trương công việc của chính phủ và đều dính tới các chóp bu chính quyền từ tổng thống, bộ trưởng đến dân

biểu, CIA, thậm chí dính đến cả... tổng thống Mỹ. Mặt khác, Nguyễn Văn Thiệu cũng phản ứng: chính CIA cố tình dàn cảnh để chặt tay, chặt chân Thiệu. Chưa hết, Tòa thánh Vatican và cộng đồng Thiên Chúa giáo di cư cũng cho rằng đây là âm mưu của CIA và chính quyền Thiệu nhằm làm cho Thiên Chúa giáo Việt Nam suy yếu. Sự việc xảy ra đã khiến những kẻ ngồi ghế quan tòa lúng túng, không dám tuyên bố một án tử hình nào. Cả 4 người chủ chốt, gồm: Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, Lê Hữu Thúy, Nguyễn Xuân Hòa, đều bị kết án chung thân khổ sai và đày ra Côn Đảo. Oái oăm hơn nữa, ngày 23-6-1971, tại Roma diễn ra một đại lễ cầu nguyện cho những ân nhân của Giáo hoàng, Phêrô Vũ Ngọc Nhạ đã được ghi nhận là “người con hiếu thảo của Chúa, vệ sĩ nhiều công đức của Giáo hội, ân nhân của Giáo hoàng Paul VI”, được Đức Thánh Cha ban ơn, tặng bằng khen và huy chương của Giáo hoàng. Hai ngày sau, 25-6, một linh mục khâm sai của Vatican đã vào tận khám Chí Hòa trao tặng các phần thưởng cho Vũ Ngọc Nhạ.

Thái độ ủng hộ của Giáo hoàng Paul VI đã giúp Vũ Ngọc Nhạ, dù đang ngồi tù, uy tín vẫn tăng vùn vụt. Suốt những năm ông bị lưu đày tại Côn Đảo, hàng loạt dân biểu, chính khách, chức sắc tôn giáo và cả cha tuyên úy trong quân đội Mỹ đều viết thư, nhắn hoặc ra tận nơi để thăm hỏi và xin Vũ Ngọc Nhạ cho ý kiến. Năm 1973, thi hành những điều khoản của Hiệp định Paris, chiều 23-7-1973, Vũ Ngọc Nhạ được trao trả tại Lộc Ninh, với danh xưng là “linh mục Giải phóng”. Vì thế, cho đến lúc này, khắp miền Nam vẫn không một kẻ nào nghi ngờ vị trí, ảnh hưởng của anh trong chính trường miền Nam. Linh mục Hoàng Quỳnh và nhiều vị chức sắc khác của Tòa

thánh Vatican vẫn đều đặn từ Sài Gòn liên lạc với anh ở vùng giải phóng. Uy tín của anh ngày càng lên cao; ngày 12-11-1974, cha Hoàng còn sẵn sàng theo chân Liên - con gái lớn của Vũ Ngọc Nhạ - ra vùng căn cứ của ta ở Đồng Lớn (Trung Lập Thượng, Củ Chi) để cùng anh bàn bạc về lực lượng thứ 3 và chính phủ ba thành phần ở miền Nam theo Hiệp định Paris. Và, chính với tư cách của một người thuộc lực lượng thứ 3, trưa ngày 30-4-1975, Vũ Ngọc Nhạ đã đứng bên cạnh Dương Văn Minh khi viên tổng thống cuối cùng của chế độ Sài Gòn tuyên bố đầu hàng Cách mạng vô điều kiện. Vào giờ phút đó, với tâm trạng rối bời, tổng thống Việt Nam Cộng hoà cuối cùng đã không để ý thấy một chi tiết: Con người nhỏ bé đứng bên cạnh ông ta đang nở một nụ cười, nhẹ nhàng nhưng tươi tắn và mãn nguyện.

Sau ngày giải phóng, trong bộ hồ sơ ta thu được tại Tổng Nha Cảnh sát ngụy quyền có đoạn viết: “Từ trước đến nay, ngoại trừ những giai thoại giả tưởng trong tiểu thuyết trinh thám, chưa bao giờ có những tổ điệp báo thành công như thế. Cụm A22 hoạt động do ông Vũ Ngọc Nhạ cầm đầu phát triển đều đặn và thi thố nhiều thủ đoạn mà chúng ta phải nhìn nhận là huyền diệu và sâu sắc... Cụm đã phát triển một hệ thống điệp vụ vô cùng quan trọng và đã len lỏi vào nhiều cơ quan đầu não của Việt Nam Cộng hòa. Những tin tức chiến lược họ cung cấp đều có giá trị, giúp cho Hà Nội có những dữ kiện chắc chắn khi ấn định chính sách của họ đối với cuộc chiến tranh”.

Thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ, thầy Bốn, anh Hai Long, ông Cố vấn... đã lập nên những chiến công khiến cả kẻ thù cũng phải khâm phục, trở thành một mẫu chiến sĩ tình báo độc đáo, tạo ra một triết lý hoạt động phản gián có một không hai từ trước tới nay. Ông mất ngày 7 tháng 8 năm 2002.

OLDRICH AIMS

CIA LÀM VIỆC CHO NGÀ

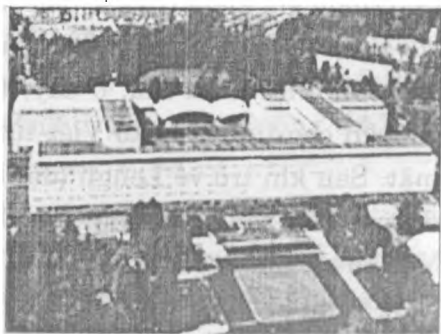
Một ngày xuân tháng 4-1985 có một người lạ mặt gõ cửa Đại sứ quán Liên Xô ở Washington. Anh ta đưa cho người thường trực một cái túi, trong đó lại có một cái túi nữa có đóng dấu gửi cho một công dân Xô Viết, trong đó người lạ mặt thông báo họ tên của mình, đồng thời cung cấp một số thông tin về hai sĩ quan Mỹ hoạt động cho KGB, kèm theo một bức thư nhỏ có ghi: "5.000 USD", tức là cái giá quy định để từ nay anh sẽ cung cấp những thông tin bí mật.

Oldrich Aims sinh năm 1941 ở một thị trấn nhỏ bang Viskonsin. Cha anh, Carlton Aims, năm 1951 là nhân viên CIA, và cả gia đình chuyển sang Miến Điện, lúc đó Miến Điện là trung tâm chú ý của CIA. Học xong phổ thông Rik (tên anh ở nhà) vào Đại học Tổng hợp Chicago, nhưng bị đuổi học vì tội thường xuyên bỏ học, lang thang với bọn digan quanh nhà hát mong làm nghệ sĩ. Gần một năm anh không làm gì cả. Theo yêu cầu của cha, anh làm đơn xin vào CIA. Vì không có trình độ đại học nên anh chỉ được làm việc văn phòng, mỗi một năm sau, học xong lớp buổi tối của Tổng hợp, anh mới được đi học lớp đào tạo của đội nhân viên tác nghiệp. Tại lớp này anh gặp cô gái Nensi, cũng là nhân viên CIA. Họ quyết định lấy nhau, nhưng sau đám cưới cô phải rời bỏ CIA theo luật định. Năm

1980, anh được cử sang Mexico, cô đã từ chối theo anh. Họ sống ly thân. Tại Mexico, Rik quen một cô gái rất xinh đẹp là Rosario, làm tùy viên văn hoá ở Đại sứ quán Columbia. Là người có học vấn cao, duyên dáng và rất văn hoá, cô gái đã chinh phục trái tim người đàn ông bốn mươi tuổi này. Cô cũng là điệp viên ăn lương của CIA. Cô cũng ngạc nhiên thấy Aims là người có trình độ văn hoá cao, am hiểu văn học cổ điển, là điều khác với đa số người Mỹ. Họ yêu nhau, quyết định sống chung, nhưng đó lại là một vấn đề nan giải đối với Aims: sắp tới vụ giải quyết ly hôn và quyết định vấn đề tài sản. Tình hình tài chính của anh thật thảm hại, nợ như chúa Chổm, và đã nhiều khi anh có ý định phải sở hữu một nguồn thu nhập phong phú để có cuộc sống cao. Anh đã cố xua đuổi ý nghĩ đó mà không được.

* CIA làm tình báo cho Nga

Làm việc cho CIA, anh luôn luôn có cảm giác là mình thiếu khả năng thực tế, thường xuyên bị người ta đánh giá chưa đúng trong công việc. Anh là một nhà phân tích mạch lạc, nhưng người ta lại muốn sử dụng anh như một người chiêu mộ tác nghiệp ít tác dụng. Anh bị giáng một đòn mạnh khi anh nhìn thấy trong hồ sơ của cha anh, một người quá cố mà anh rất yêu mến và kính trọng: “Ông Carlton Aims không có giá



*Trụ sở của CIA tại Langley,
bang Virginia, Mỹ*

trị gì trong ngành tình báo và hoàn toàn không có khả năng". Anh không thể tha thứ cho sự xúc phạm này được. Và thế là Oldrich Aims đi đến một sự lựa chọn. Về lý thì có thể xuất hiện một vấn đề là làm sao anh có thể tự do, không sợ bị theo dõi mà lai vãng đến đại sứ quán Xô Viết và rất nhiều lần gặp gỡ các nhà tình báo Xô Viết? Vấn đề là ở chỗ những cuộc tới thăm và gặp gỡ đó là hợp pháp vì anh là người lãnh đạo một đơn vị phản gián chống Xô Viết của CIA! Oldrich Aims đã có một thời kỳ làm việc "dưới trướng" của đại sứ quán Mỹ ở Ancara, sau đó trong bộ máy trung tâm của CIA ở Washington. Là cộng sự của Ban Xô Viết, anh đã học tiếng Nga thành thạo, có uy tín cao. Anh đã sống mấy năm ở New York, được giao trách nhiệm làm việc với các nhà ngoại giao Xô Viết, đặc biệt là với phó tổng thư ký Liên hiệp quốc Sevrenco, chính ông này đã đề nghị được phục vụ cho CIA.

Năm 1985, khi Oldrich Aims đã là tình báo Xô Viết anh lại đến Washington và nhờ chức vụ của mình mà biết được mọi hoạt động chống Liên Xô và chống tình báo Xô Viết đang được tiến hành ở bất kỳ nước nào trên thế giới. Anh cũng được trực tiếp tham gia kiểm tra các điệp viên bị nghi ngờ là có quan hệ với tình báo nước ngoài. Từ tháng 6-1986 đến tháng 7-1989 anh làm việc ở La Mã, ở đây, theo anh thừa nhận, anh đã chuyển cho tình báo Xô Viết từng túi nguyên các tài liệu cơ mật. Sau khi trở về Lengli (đại bản doanh của CIA) Aims lại được cử vào ban phản gián của CIA. Anh nhận việc tại Ban Xô Viết thuộc nhóm phân tích của Trung tâm. Anh đã viết những công trình khoa học về các hoạt động của KGB, và bây giờ tình báo Xô Viết đã có được khả năng không những đọc được các báo cáo của CIA, mà còn có thể tác động đến nội dung và

những kết luận trong các báo cáo của CIA về KGB. Anh có thể thâm nhập vào các cơ sở dữ liệu bí mật, tại đây, ngoài những điều nói trên còn có những thông tin về các điệp viên nhitrùng, có thể đọc được những tệp điện thoại bí mật. Một tác giả người Mỹ đã viết: *“Đối với KGB thì việc đặt mua tin tức tại một cơ sở dữ liệu bí mật hoàn toàn mới mang tên là “CIA trực tuyến” cũng chẳng có gì là khó khăn cả”*.

Tất cả những chi tiết trong hoạt động tác nghiệp của Oldrich Aims với tư cách là điệp viên Xô Viết chắc gì đã được công bố trong một tương lai gần. Tuy nhiên, các nguồn tin của Mỹ đã khẳng định rằng Aims có thể đã phá vỡ hàng loạt những chiến dịch lớn của các cơ quan đặc vụ Mỹ chống Liên Xô và nước Nga trong giai đoạn từ 1985 đến cuối 1992. Một trong những điều buộc tội Aims là anh đã “khai báo” hơn mười điệp viên giá trị của CIA.

* Những tổn thất của CIA

Là Sergei Motorin, tình báo của KGB, là bí thư thứ ba phòng lãnh sự đại sứ quán Liên Xô ở Washington. Ông này bị chiêu mộ qua con đường quan hệ với gái điếm, buôn bán và ông đã chuyển cho người Mỹ những tin tức về các cộng sự và tình báo KGB trong đại sứ quán. Cuối năm 1984 Motorin về Moscva, nửa năm sau Aims tố cáo ông và ông đã bị vô hiệu hoá.

Là Adolf Tolcatrev, cán bộ một viện nghiên cứu tuyệt mật, anh này đã chuyển cho người Mỹ những thông tin về hệ thống “ta - địch”. Anh bị mua chuộc ở Moscva “bằng tiền” và cũng vì anh không hài lòng với cương vị công tác. Anh bị xử tử ngày 24-9-1986.

Là Valeri Martunov, cộng sự của KGB, bí thư thứ ba đại sứ quán Xô Viết ở Washington. Bị mua chuộc bởi cả FBI và CIA. Bị triệu hồi về Moscva, bị ra toà và xử bắn ngày 28-5-1987.

Là Vladimir Potasev, chuyên gia về các vấn đề giải trừ quân bị, đã cung cấp cho CIA nhiều thông tin, khi làm việc tại Viện Nghiên cứu Mỹ và Canada. Bị bắt ngày 1-7-1986, bị xử án 13 năm tù. Năm 1992 Elsin ân xá cho Potasev, anh này đã sang Mỹ và sống tại đó.

Là Boris Yuzhin, sĩ quan KGB, làm việc “dưới trướng” hãng thông tấn TASS ở San-Fransisko. Bị mua chuộc năm 1978. Năm 1986 bị bắt ở Moscva, bị kết án 15 năm tù. Năm 1992 được Elsin ân xá và hiện sống ở Mỹ.

Cuối cùng là Dmitri Poliacov, một trong những điệp viên giá trị nhất của CIA. Tự nguyện liên hệ với người Mỹ năm 1961. Trong nhiều năm cung cấp cho CIA những số liệu về tên lửa chiến lược Xô Viết. Trong thời gian làm việc cho Mỹ đã tố giác mười chín tình báo Xô Viết, hơn một trăm năm mươi tình báo là người nước ngoài, gần một ngàn rưỡi sĩ quan có liên quan đến Cục Tình báo Trung ương, đã trao cho Mỹ bản chụp các tài liệu về bất đồng sâu sắc giữa Trung Quốc và Liên Xô, giúp cho Nixon dàn hoà được quan hệ với Trung Quốc năm 1972. Năm 1971, Poliakov nhận quân hàm thiếu tướng. Cuối năm 1986 bị bắt, bị tịch thu các thiết bị gián điệp. Đầu năm



*Biểu tượng và khẩu hiệu
của KGB - Thanh kiếm
và lá chắn*

1988 bị kết án tử hình. Bản án được thi hành ngày 15-3-1988, việc xử bắn được thông báo chính thức năm 1990. Theo lời giám đốc CIA James Volsi, trong số các điệp viên Xô Viết được chiêu mộ trong thời kỳ “chiến tranh lạnh” thì Poliacov là “một viên kim cương thật sự”.

Bản thân Oldrich Aims, theo nguồn tin của Mỹ, bị phát hiện là vì mức chi tiêu của anh cao hơn nhiều so với nguồn thu nhập chính. Chẳng hạn anh đã mua 3 chiếc xe ô tô “jaguar” v.v... Anh bị theo dõi từ năm 1990 và bị bắt ngày 21 tháng 2 năm 1994. Tòa án đưa ra phán quyết ngày 28-4 năm đó. Các tài liệu đều cho thấy rằng anh nhận được của tình báo Xô Viết ít nhất là một triệu rưỡi đô la; nhiều khoản lớn còn nằm trong các tài khoản của anh ở các ngân hàng.

Rosario, vợ anh, bị kết án sáu mươi ba tháng tù vì tội “không chịu tố giác”.

NGUYỄN THÀNH TRUNG

ĐIỆP BÁO VIÊN SAU 20 NĂM ẨN TÍCH

NÉM BOM DINH ĐỘC LẬP

Nguyễn Thành Trung nhận được một lời trách cứ đến mức phần nộ của một nhà chuyên môn người Mỹ - thầy dạy lái máy bay của anh trong Không lực Hoa Kỳ. Ông ta không trách vì người học trò cứng của mình là một điệp viên Cộng sản; cũng không phản đối gì việc Nguyễn Thành Trung đã trút bom xuống Dinh Độc Lập - đầu não của một lực lượng đồng minh với quân đội Hoa Kỳ. Thậm chí, việc suýt nữa Nguyễn Thành Trung dội bom xuống Tòa Đại sứ Mỹ, ông thầy Mỹ cũng bỏ qua nốt. Điều khiến "ông thầy" "nổi giận" là việc cậu "học trò" dám cho F5E dừng ở mức chỉ sau 900m trên đường băng. Trong thư, ông ta gào lên: "Anh là một thằng điên, một thằng vô kỷ luật. Tôi dạy anh đáp an toàn chứ không dạy anh tự sát. Tôi chưa bao giờ thấy kẻ nào liều lĩnh như anh. Thật không hiểu nổi".



*** Những đau thương mất mát của một con người**

Qua bao nhiêu lần kiểm tra, cả an ninh quân. đội nguy lẫn CIA (Mỹ) vẫn không hề phát hiện ra rằng, Nguyễn Thành

Trung chỉ là một cái tên giả, mang một lý lịch giả. Kỳ thực, viên trung úy phi công hạng ưu ấy có cái tên khai sinh hoàn toàn khác: Đinh Khắc Chung, sinh năm 1947. Cha của anh, ông Đinh Văn Dậu, nguyên là Bí thư huyện ủy Châu Thành, Bến Tre. Mẹ và ba người anh ruột của Chung cũng tham gia Cách mạng suốt hai mùa kháng chiến. Vì vậy, Đinh Khắc Chung được Tỉnh ủy Bến Tre xếp vào danh sách những hạt giống của Cách mạng cần được bảo vệ và phát triển.

Năm 1956, Tỉnh ủy Bến Tre quyết định thay đổi lý lịch để tạo điều kiện cho Đinh Khắc Chung ăn học đến nơi đến chốn, sau này phục vụ Cách mạng công khai và lâu dài. Ra trước tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ - mẹ anh - một mực khai rằng bà chỉ có một mẹ một con. Với đầy đủ người làm chứng - do Tỉnh ủy Bến Tre chỉ đạo - tòa án ngụ ý đã phán quyết cho cậu bé được mang họ mẹ với cái tên Nguyễn Thành Trung, mục người cha trong lý lịch được ghi: vô danh.

Ngày 2-3-1963, một biến cố đau thương đã đẩy lệch những giấc mơ trong suy nghĩ của Nguyễn Thành Trung: Ông Đinh Văn Dậu lọt vào ổ phục kích, bị biệt kích ngụ ý bắn chết. Chúng kéo lê xác ông đi khắp làng để khủng bố bà con. Chưa đủ, bọn ác ôn còn vứt xác ông xuống sông, không cho chôn cất. Ngay sau đó, mẹ Trung cũng bị địch bắt, bị tra tấn, đánh đập. Không còn nước mắt để khóc cha và lo lắng cho mẹ, Nguyễn Thành Trung nghiêng rằng thế sẽ trả thù. Đầu năm 1964, Nguyễn Thành Trung trở thành nhân viên Ban Dân vận Trung ương Cục, sau đó trở thành điệp báo viên trong mạng tình báo của An ninh Trung ương Cục miền Nam do đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục trực tiếp lãnh đạo.

* Thế với cha mẹ con sẽ trả thù

Học rất giỏi, Nguyễn Thành Trung dễ dàng tìm được một chỗ cho mình trong khoa Toán - Lý - Hóa của Đại học Khoa học Sài Gòn. Khi tiếng súng Tết Mậu Thân nổ ran thì Nguyễn Thành Trung biến mất. AK 47 trên tay, lựu đạn giắt bên người, anh đang cùng một tổ vũ trang 8 người của Thành đoàn tấn công vào cánh Nam Sài Gòn, quần thảo hơn 10 ngày liền với địch ở khu vực cư xá Minh Mạng, vòng qua chợ Thiếc, đường Vĩnh Viễn... Đến mừng 10 Tết, tổ 9 người đã hy sinh hết 6, Trung và 2 đồng đội còn lại đành rút lui tìm đường ra cứu. Được xác định là chưa bị lộ, tháng 5-1968, Nguyễn Thành Trung lại theo những mũi tấn công đợt 2 của quân giải phóng tiến vào Sài Gòn. Nhưng, lần này anh không tham gia chiến đấu. Trung được đồng chí Phạm Hùng chỉ đạo: bỏ Đại học Khoa học, thi vào Không quân ngay năm vùng. Anh đậu xuất sắc. Tháng 6-1969, Nguyễn Thành Trung vác ba lô vào quân trường, tạm khoác lên người bộ đồ rằn ri mà anh ghét cay ghét đắng. Vào không quân, nhiệm vụ mà Nguyễn Thành Trung được giao hết sức nặng nề: bằng mọi giá, phải được chọn lái máy bay chiến đấu. Tuy nhỏ con, nhưng với một ý chí quyết tâm cao, Nguyễn Thành Trung luôn lọt vào tốp xuất sắc nhất trong tất cả các kỳ sát hạch chuyên môn, bỏ xa điểm số của lớp đồng ngũ. Vì vậy, sau 6 tháng quân trường Nha Trang và 6 tháng huấn luyện tại Tân Sơn Nhất, Nguyễn Thành Trung đã được gửi sang Mỹ học lái máy bay. Sang Mỹ, lại một thách thức mới nảy sinh: Các thực tập sinh phi công gồm đủ quốc tịch phải chen nhau để được chọn loại máy bay. Nếu đỗ thấp, họ chỉ được học lái trực thăng, cao hơn mới được lái máy bay trinh sát, đạt điểm giỏi kèm sức khỏe "tuyệt vời" mới được lái

máy bay vận tải. Còn lái phản lực cơ phải là hạng “top” ưu hạng, mọi yêu cầu đều phải đạt ở mức “không chê vào đâu được”. Vượt lên trên hàng trăm thực tập sinh khác, Nguyễn Thành Trung đã giành được quyền ngồi vào cabin phản lực cơ chiến đấu. Trong hai năm rưỡi (1970-1972), Trung đã được đào tạo kỹ lưỡng qua 4 trường: Lackland và Randolph (bang Tezcat), Kessler (Mississippi) và England (Lusiana). Kết quả tốt nghiệp ở bất kỳ hạng mục nào, Trung cũng đạt “hạng top” (hạng ưu), trong đó có hai lần giành ngôi vị thủ khoa về bom và rốcét. Năm 1972, Nguyễn Thành Trung về nước, được đánh giá là một phi công loại “cửa hiếm”, một “chuyên gia” thành thạo cả hai loại máy bay tiêm kích tối tân: A37 và F5.

Phần thưởng đầu tiên mà không quân ngụy dành cho viên phi công hạng ưu là cho phép anh chọn đơn vị công tác. Không ngần ngại, Trung chọn đồng bằng sông Cửu Long và xin về Phi đoàn 526, Sư đoàn 4 Không quân đóng tại Cần Thơ. Dù rất sốt ruột, song giai đoạn này Nguyễn Thành Trung vẫn kiên nhẫn chờ đợi. Đồng chí Phạm Hùng chỉ đạo anh: nằm yên, tạo vỏ bọc tốt, chờ nhận một nhiệm vụ chiến lược - dùng máy bay đánh vào đầu não Mỹ - ngụy. Thời gian này, viên trung úy phi công lại xuất sắc giành thêm một bằng hạng ưu trong khóa huấn luyện lái F5E - loại phản lực cơ chiến đấu tối tân nhất Mỹ mới trang bị cho không quân ngụy. Sau khóa huấn luyện anh được điều về Không đoàn 63 chiến thuật thuộc Sư đoàn 3 Không quân đóng tại Biên Hòa. Lúc đó là đầu năm 1975.

*** Nguy cơ bị lộ**

Chưa kịp được giao nhiệm vụ cụ thể, Nguyễn Thành Trung đã được cấp trên thông báo: anh đã bị lộ trong diện rộng, tuy

địch chưa phát hiện được đúng người, song tình thế rất nguy hiểm. Vào thời điểm đó, nguy quân có bao nhiêu quân binh chủng thì Trung ương Cục miền Nam cũng tổ chức bấy nhiêu lưới điệp báo để thu thập tin tức của chúng. Tháng 1-1975, một điệp báo viên của lưới phụ trách pháo binh bị địch bắt. Không chịu nổi đòn tra, anh ta đã khai báo. Kết quả: địch bắt hết cả lưới điệp báo bộ phận này. Không những thế, anh ta còn khai rằng: “Trong không quân có một điệp báo viên người gốc Bến Tre, còn tên họ, cấp bậc, thì không biết”. Ngay lập tức, an ninh quân đội nguy lần lượt đòi từng sĩ quan không quân lên thẩm vấn. Cùng đơn vị với Trung còn có đại úy Nguyễn Văn Thu, vừa là người cùng làng ở Bến Tre, lại chung trường thuở nhỏ, anh ta thừa biết Trung khai man lý lịch, thừa biết gia đình Trung là Cách mạng “gốc”. Chỉ cần Thu lộ ra một tí, Nguyễn Thành Trung sẽ bị công tay tức khắc. Quả nhiên, suốt cả tháng trời, đại úy Thu bị đình chỉ bay để liên tục khai báo lý lịch với đám an ninh quân đội. Mỗi lần gặp Trung, anh ta lại nhắc nhó: “Tao khai thế nào chúng cũng bảo không đúng”. Trung trấn an: “Chắc tại hồi trước bà chị anh có tham gia phong trào sinh viên, bị bắt giam 2 tháng nên họ nghi bóng gió thôi?”. Đại úy Thu gật đầu. Trung hỏi dò: “Họ có hỏi gì tôi không?”. “Không, nhưng mày yên tâm, có hỏi tao cũng “ba không” (không nghe, không thấy, không biết)”. Đại úy Thu đã giữ lời. Lúc này, xã An Khánh và cả huyện Châu Thành quê Trung đều do Cách mạng kiểm soát nên muốn thẩm tra lý lịch anh, địch cũng không thể thực hiện được. Tạm thời, anh vẫn an toàn, dù hết sức lo lắng. Cấp trên chỉ đạo: Trường hợp xấu nhất thì cướp máy bay bay ra Lộc Ninh rồi nhảy dù, sẽ có người đón.

* Cuộc thử nghiệm với F5E

Cuộc điều tra của địch chưa kết thúc thì tỉnh Phước Long giải phóng. Biết rõ nguy quyền đã quyết định không tái chiếm Phước Long, Nguyễn Thành Trung đề xuất: cho sửa lại sân bay Phước Long, anh sẽ cướp máy bay và đáp xuống đó. Trung ương Cục chuẩn y. Bom pháo tới bởi của hai bên đã khiến sân bay này gần như nát nát. Mất đúng 2 tháng, công binh ta mới tạm hoàn tất việc tu bổ sân bay, nhưng nhiều đoạn phải lót tạm bằng vữa sắt. Chưa hết, sân bay này lại nằm trên đỉnh núi, đường băng chỉ dài 1.000m, trong khi tiêu chuẩn an toàn để đáp máy bay F5E là đường băng phải dài đúng 3.000m. Trung ương Cục lệnh cho Nguyễn Thành Trung: “Không được liều!”. Đồng chí Phạm Hùng liên tục hỏi: “Có đáp được không?”. Tình thế quá gấp, không còn thời gian để chọn lựa, Nguyễn Thành Trung quyết định: Vẫn cứ đáp. Để được chuẩn y, anh phải thực nghiệm. Các chuyến bay đầu năm 1975, khi trở về căn cứ, Nguyễn Thành Trung đều cố tình giảm bớt độ dài đường đáp của F5E. Lần thứ nhất: máy bay nổ lốp, lần thứ hai: máy bay gãy càng, lần thứ ba: cháy phanh. Một loạt máy bay bị Trung phá hỏng liên tục đã khiến cả binh chủng ngạc nhiên. Đích thân trung tướng Trần Văn Minh, Tư lệnh Không quân ngụy phải vội vã bay ra Biên Hòa, triệu Nguyễn Thành Trung đến hỏi: “Tại



Nguyễn Thành Trung đứng bên máy bay F5

sao vậy?”. Trung đáp: “Tôi cũng không biết. Mọi thứ đều bình thường, có lẽ mấy chuyến vừa rồi tôi bay dở”. Không có bằng chứng gì khác để kết tội anh, tướng Minh đành ra lệnh: trừ Nguyễn Thành Trung 30 điểm tiêu cực, trong khi chỉ có 50 điểm cộng là đủ để lên lon trước niên hạn. Vì vậy, khi đảm đồng ngũ cùng niên hạn đã đeo lon đại úy hết thì Nguyễn Thành Trung - viên phi công thuộc hàng giỏi nhất - vẫn chỉ là một trung úy tếp riu. Chậm lên lon, song anh vẫn toại nguyện: Chiếc F5E đã ngoan ngoãn dừng lại sau đúng 1.000m mà không còn bộ phận nào bị hư hại nữa. Trung báo cáo lên đồng chí Phạm Hùng: “Đã sẵn sàng”. Trung ương Cục trả lời: “Thời gian cướp máy bay: từ ngày 1 đến ngày 10-4-1975. Mục tiêu tấn công trước khi rút: Dinh Độc Lập và Tòa Đại sứ Mỹ”.

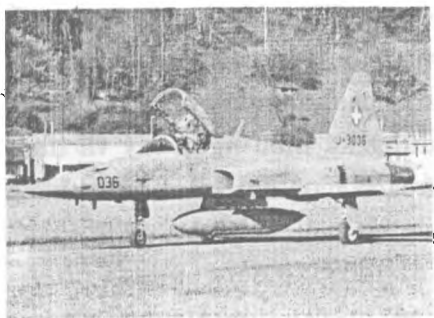
* Nhiệm vụ vẻ vang

Nhưng, cướp máy bay là việc gần như không thể thực hiện được. Dưới mặt đất, không có lệnh điều động, anh không thể tiến đến gần buồng lái, nếu không muốn bị an ninh, quân cảnh bắn hạ. Khi đã cất cánh, anh không thể tự ý tách khỏi phi đội. Nếu gặp trục trặc, ngay lập tức cả phi đội sẽ “áp tải” anh về đến căn cứ. Nếu tự động bay chệch hướng, dứt khoát anh sẽ bị chính các máy bay khác cùng phi đội tiêu diệt. Suy nghĩ nát óc, Trung mới tìm được một kế hở duy nhất, nằm ngay trong khâu xuất phát. Việc của anh là phải lừa được cả hai, sao cho đài kiểm soát ngỡ là anh sẽ bay, trong khi chỉ huy và các thành viên khác trong phi đội lại tưởng anh ở lại. Để thực hiện, anh chỉ có thấy 10 giây đồng hồ. Nhanh hơn hay chậm hơn, anh cũng chỉ có chung một kết cục: bị tiêu diệt! Theo quy định, toàn bộ máy bay chiến đấu của Mỹ - ngụy trên vùng trời Nam

Việt Nam chỉ được liên lạc với mặt đất trên cùng một tần số. Vì vậy, sóng vô tuyến luôn trong tình trạng quá tải, rất ồn. Để khắc phục, các phi công được dạy cách liên lạc với nhau trong cùng một phi đội bằng cách dùng ký hiệu ngón tay và nhìn qua... cửa kính. Trao đổi bằng cách này, đài kiểm soát không lưu... chịu cứng, không tài nào phát hiện được. Và đó là cơ hội của Nguyễn Thành Trung.

8 giờ sáng ngày 8-4-1975, Trung được lệnh xuất phát, vị trí số 2. Bởi ở vị trí số 1 là một thiếu tá chỉ huy và ở vị trí số 3 là một đại úy khác. Khi đã ngồi vào buồng lái, anh báo bằng sóng vô tuyến cho đài kiểm soát sân bay Biên Hòa: “Đã sẵn sàng”. Trong khi đó, ngón tay Trung lại cong lên báo cho viên thiếu tá chỉ huy phi đội: “Số 2 gặp trục trặc, không xuất phát”. Viên thiếu tá cũng cong ngón tay trả lời: “Số 2 trục trặc thì cứ ở nhà, số 1 và số 3 sẽ bay”. Anh lại ra hiệu cho số 3 và nhận được dấu hiệu đồng ý. Vậy là, cho máy bay nổ máy nhưng Trung vẫn giữ chặt phanh. 5 giây sau khi chiếc số 1 xuất phát (theo quy định), anh nhìn thấy chiếc số 3 vút lên. Chờ thêm chừng 5 giây, anh nhả phanh cho chiếc F5E lao theo lên trời. Hoàn toàn yên tâm, đài kiểm soát không lưu không hề phát hiện ra rằng chiếc F5E do Trung úy Nguyễn Thành Trung điều khiển đã không hề quay vòng lại để nhập đội hình mà cứ tách đoàn bay thẳng. Anh bay về hướng Trung tâm Sài Gòn.

Chỉ sau ít phút, Nguyễn Thành Trung đã tiếp cận mục tiêu. Theo tính toán, anh sẽ bay từ hướng chợ Bến Thành vào Dinh Độc Lập cất bom, sau đó vòng lại thả tiếp hai quả còn lại vào Tòa Đại sứ Mỹ. Rất bình tĩnh và tự tin vào trình độ thao tác của mình, song anh vẫn thấy lo lo: lỡ bom rơi không đúng



Chiếc F5E ném 4 quả bom vào Dinh Độc Lập do Nguyễn Thành Trung điều khiển hiện ở Bảo tàng Cách mạng TPHCM

mục tiêu thì sẽ không ít người vô tội thiệt mạng. Mọi suy nghĩ chỉ diễn ra trong tích tắc, hai quả bom đã rời máy bay rơi thẳng xuống Dinh Độc Lập. Hai tiếng nổ từ dưới đất dội lên. Súng phòng không từ phía Dinh vãi đạn lên như mưa ngược. Kệ, Nguyễn Thành Trung vẫn cẩn thận vòng

máy bay lại kiểm tra. Trật. Hai quả bom đã rơi về phía cửa Đông của Dinh. Anh quyết định đánh tiếp và lập tức thả nốt hai quả bom còn lại xuống nóc Dinh. Sau đó, anh vòng lại lần nữa để kiểm tra, bất chấp đạn phòng không bắn như vãi trấu. Thành công! Anh hét thầm khi nhìn rõ những cột khói đen đang tuôn ra từ các cửa sổ của Dinh Độc Lập, tại hai vị trí bị trúng bom. Lập tức, anh cho máy bay vòng ra hướng Đông, nhằm thẳng kho xăng Nhà Bè bắn liên tục gần 200 phát đạn. Số đạn còn lại, Trung dành để phòng bị, nếu bị máy bay khác tấn công. Khi vòng trở lại để đưa chiếc F5E trở về sân bay Phước Long, anh nghe trên sóng vô tuyến nhốn nháo đủ thứ tiếng hỏi han quát tháo. Liền đó là một mệnh lệnh khẩn được phát đi từ Bộ Tổng tham mưu ngụy: "Tất cả phi cơ đang hoạt động trên không phải lập tức trở về căn cứ. Tất cả phi cơ ở các căn cứ phải nằm yên tại chỗ, không được xuất phát!". Nghe lệnh, anh cười thầm: Địch vẫn cứ tưởng Nguyễn Cao Kỳ làm đảo chính, cho máy bay oanh tạc Dinh Độc Lập để giết Nguyễn Văn Thiệu. Mặc kệ cho bọn chúng nhầm, Trung vội cho máy

bay hạ độ cao tối thiểu để tránh radar và nhằm hướng Phước Long bay thẳng.

Khi cấp những tấm bằng hạng ưu cho Nguyễn Thành Trung, các giáo viên Mỹ dạy lái máy bay quả đã không hề đánh giá sai năng lực ưu việt của tay phi công trẻ tuổi. Khi đáp xuống sân bay Phước Long - còn khá tạm bợ - anh đã cho chiếc F5E dừng lại ở sau chỉ... 900m. Một kỷ lục thế giới! Trước và sau Nguyễn Thành Trung, không thể một viên phi công nào dám thực hiện lại cú đáp liều lĩnh ấy với loại máy bay F5E, dù chỉ là thực hiện trong... ý nghĩ! Phần Nguyễn Thành Trung, nếu chiếc F5E của anh lao thêm chỉ 100m nữa - điều này rất dễ xảy ra - nó sẽ rơi cắm đầu từ đỉnh núi xuống. Nhưng, nó đã đáp xuống nguyên vẹn, hoàn hảo, dù không hề có bất cứ một sự hướng dẫn nào từ dưới mặt đất.

Vậy là, sau gần 20 năm chuẩn bị, một chiến công tình báo chiến lược đã được thực hiện mỹ mãn đến 98%. Nhưng vẫn còn một điểm chưa trọn vẹn: vợ và hai con của Nguyễn Thành Trung bị an ninh không quân ngục bắt ngay sau khi những trái bom phát nổ chỉ 15 phút. Chi tiết này, tổ chức đã tính đến, bố trí người đón vợ và hai con anh trước khi Trung ngồi vào buồng lái, song, thực hiện không kịp! Chị Cẩm vợ anh và hai con gái bị chúng giam ở căn cứ không quân Biên Hòa. Đủ kiểu tra tấn đánh đập, chị chỉ lắc đầu: “Tôi không biết. Việc đang làm, ảnh đâu có cho tôi hay”.

*** Những con người bình thường làm những việc phi thường**

Dù hết sức lo lắng cho tính mạng vợ con đang nằm trong tay địch, song Nguyễn Thành Trung vẫn phải tiếp tục bắt

tay vào công việc. Những ngày đó, đại quân ta đã áp sát cửa ngõ Sài Gòn. Sau 10 ngày ở Phước Long, Trung được Trung ương Cục đưa ra Đà Nẵng bằng đường bộ. Đi mất gần 10 ngày, anh có mặt tại căn cứ không quân Chu Lai. Nhiệm vụ mới của anh là gấp rút huấn luyện một phi đội lái



*Nguyễn Thành Trung
sau trận ném bom*

A37 ném bom Tân Sơn Nhất. Thời gian huấn luyện: không quá... 1 tuần. Nếu là lúc khác, chắc chắn không ai dám đưa ra một yêu cầu gấp rút như vậy. Nhưng, Trung và những đồng đội mới - các anh Lục, Quang, Vương, Để, đều là phi công lái Mig-17 - không còn thời gian để chọn lựa. Họ bắt tay ngay vào việc. Và, thêm một kỷ lục tâm... thế giới nữa ngành Không quân Việt Nam đã lập được. Chỉ năm ngày sau, phi đội 5 người đã báo cáo: "Sẵn sàng nhận nhiệm vụ oanh kích Tân Sơn Nhất bằng A37". Ngay lập tức, họ được điều vào sân bay Thánh Sơn (Phan Rang - Ninh Thuận), chuẩn bị xuất kích.

18 giờ chiều ngày 28-4-1975, cả phi đội lên đường. Trời mưa tầm tã, lại không hề có sự hướng dẫn nào từ dưới mặt đất; sợ lộ, 5 chiếc A37 cũng không dám sử dụng sóng vô tuyến. Nguyễn Thành Trung phải bay trước dẫn đội hình 4 chiếc bay sau cứ bám đuôi anh mà tiến (quan sát bằng mắt). Sợ đồng đội lạc đường, anh không dám bay cao hơn mây, đành dắt cả phi đội bay là là mặt đất. Phía dưới, bộ đội đang

hành quân phát hiện ra “máy bay địch”, vãi đạn đỏ trời. Vào đến Tân Sơn Nhất, Nguyễn Thành Trung bật vô tuyến ra lệnh cho cả phi đội: “Đánh!”. Đúng 19 giờ tối, cả 5 chiếc phản lực cơ đều bổ nhào xuống sân bay Tân Sơn Nhất, đồng loạt cất bom. Khói lửa mù trời, bom nổ dậy đất. Trong sóng vô tuyến, tiếng đài không lưu ngượng ngùng hét lên thất thanh: “A37 của phi đoàn nào? Phi đoàn nào? Phi đoàn nào?”. Trên trời, cả 5 phi công Cách mạng đều gần như hét lên cùng lúc: “Cộng sản đẩy con ạ!”.

Lại bay thấp để tránh radar, lại tắt vô tuyến điện, lại căng mắt để né tránh đạn phòng không của bộ đội từ mặt đất vãi lên, 5 chiếc A37 nối đuôi nhau về đến Phan Rang lúc gần 20 giờ và hạ cánh an toàn - liên tục liệng vòng vòng vèo vèo để tránh đạn nên đường bay bị kéo dài. Đến lúc đó, Trung và 4 chiến sĩ cùng phi đội mới nhận ra một điều: ngoài cái tên, họ hoàn toàn chưa biết gì về cuộc đời của người đối diện. Nhiệm vụ được thực hiện thành công bởi một phi đội có một không hai, với vồn vện một câu nói của đồng đội dành cho người phi đội trưởng lúc lên đường “Chúng tôi tin tưởng anh! Chúng ta sẽ thắng!”.

Sau ngày giải phóng Nguyễn Thành Trung được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Khá nhiều thư từ, điện... đã gửi đến chúc mừng anh. Lần trong số thư từ đó, Trung nhận được một lời trách cứ đến mức phẫn nộ của một nhà chuyên môn người Mỹ - thầy dạy lái máy bay của anh trong Không lực Hoa Kỳ. Ông ta không trách vì người học trò cưng của mình là một điệp viên Cộng sản; cũng không phản đối gì việc Nguyễn Thành Trung đã trút bom xuống Dinh Độc Lập - đầu não của một lực lượng

đồng minh với quân đội Hoa Kỳ. Thậm chí, việc suýt nữa Nguyễn Thành Trung dội bom xuống Tòa Đại sứ Mỹ, ông thầy Mỹ cũng bỏ qua nốt. Điều khiến “ông thầy” “nổi giận” là việc cậu “học trò” dám cho F5E dừng ở mức chỉ sau 900m trên đường băng. Trong thư, ông ta gào lên: “Anh là một thằng điên, một thằng vô kỷ luật. Tôi dạy anh đáp an toàn chứ không dạy anh tự sát. Tôi chưa bao giờ thấy kẻ nào liều lĩnh như anh. Thật không hiểu nổi”.

ALI MOHAMED

ĐIỆP VIÊN HAI MANG CỦA BIN LADEN XỎ MŨI CIA VÀ FBI

20 năm đã qua, vụ việc của Ali Mohamed có lẽ đã trở thành một ví dụ thuyết phục nhất về những khó khăn mà Mỹ đang phải đương đầu trong cuộc chiến chống khủng bố nói chung, và với mạng lưới của Osama Bin Laden nói riêng.



* “Chơi” cả CIA và FBI

Lần tiếp xúc đầu tiên giữa Ali Mohamed với CIA diễn ra vào năm 1984. Khi đó, chàng thanh niên Ai Cập sau khi vừa xuất ngũ khỏi quân đội nước mình, đã tìm ngay tới văn phòng của cơ quan tình báo Mỹ tại Cairo để bày tỏ nguyện vọng muốn trở thành “điệp viên”. Anh ta tiết lộ là hiện nay đang có quan hệ với một bộ phận của tổ chức Hezbollah tại Đức. Các quan chức CIA nhanh chóng tiếp nhận anh ta vào làm việc. Tuy nhiên, chỉ sau vài tuần, CIA khẳng định là Mohamed đã cố tình che giấu hoạt động của mình tại Hezbollah. Họ cắt đứt quan hệ và đưa anh ta vào danh sách tình nghi được coi là “những tên khủng bố có khả năng”.

Cho dù CIA đã cảnh báo, ngay từ đầu những năm 90, Ali Mohamed đã trở thành người cung cấp thông tin chính cho FBI về hoạt động đáng ngờ của nhà triệu phú Ả Rập Xêút là Osama Bin Laden. Trong khi tiến hành hoàn hảo trò chơi hai mặt với Mỹ, Mohamed đồng thời cũng là một trung sĩ phục vụ trong quân đội nước này. Là thành viên của tổ chức Hồi giáo cực đoan Jihad ở Ai Cập và Al Qaeda, Mohamed từng huấn luyện nhiều tên khủng bố - một vài tên trong số này đã từng đặt bom tại WTC vào năm 1993 và tham gia tấn công các đại sứ quán Mỹ tại Nairobi (Kenya) và Dar - es Salam (Tanzania). Tất cả những hoạt động này của Mohamed được thực hiện ngay trước mũi cơ quan mật vụ Mỹ khi đó mà người Mỹ vẫn hoàn toàn mù tịt. Mãi đến tháng 9-1998, tên gián điệp hai mang này mới bị bắt sau khi chính quyền Mỹ cuối cùng cũng nhận thức được con người này nguy hiểm như thế nào.

Từ thời điểm này, Mohamed bị giam giữ rất nghiêm ngặt trong tình trạng cách ly hoàn toàn tại một nhà tù ở New York. Anh ta đã thú nhận việc tham gia tổ chức âm mưu khủng bố và những chi tiết về cuộc đời mình trước Tòa án Liên bang Manhattan. Luật sư tham gia vụ xét xử Mohamed nói: "Chỉ một mình anh ta cũng có thể cho thấy sự yếu kém của Mỹ trong hoạt động chống khủng bố, không chỉ trong quá khứ mà còn cả sau ngày 11 tháng 9. Anh ta đã đánh lừa cả thế giới và cho phép Bin Laden ung dung chuẩn bị hoạt động khủng bố ngay trước mũi các cơ quan mật vụ Mỹ". Vụ việc của Ali Mohamed nhạy cảm đến nỗi không một cơ quan nào muốn công khai nói về nó. Theo tờ Libération thì cả FBI, quân đội Mỹ cũng như luật sư của anh ta là James Roth đều khước từ trả lời các câu hỏi của phóng viên của tờ báo Pháp

này. Một nguồn tin thân cận chịu trách nhiệm điều tra các hoạt động khủng bố ngày 11-9 cho biết: “Mohamed vẫn là một câu đố hoàn toàn bí ẩn do không ai có thể biết rõ, anh ta đã đi sâu vào hợp tác với Mỹ đến mức độ nào”. Chí ít, người ta có thể hiểu rõ hơn về bí ẩn này nếu xem xét lại quá khứ của Ali Mohamed.

*** Quá khứ của con người bí ẩn**

Mohamed sinh năm 1952, trong gia đình một quân nhân tại Alexandria và cũng nhanh chóng nối gót cha trên đường binh nghiệp. Thừa hưởng từ cha một sức khỏe và khả năng ngoại ngữ tốt, anh ta nhanh chóng thăng tiến trong sự nghiệp và trở thành thiếu tá quân đội Ai Cập trước khi bị thải hồi vào năm 1984 vì có những biểu hiện quan điểm tôn giáo cuồng tín. Thực tế là Ali Mohamed đã bí mật gia nhập vào tổ chức Jihad của những phần tử Hồi giáo cực đoan từ trước đó. Sau khi rời khỏi quân đội Ai Cập, Mohamed bắt đầu “cuộc phiêu lưu tại Mỹ” của mình. Cho dù không thành công trong việc cộng tác với CIA, anh ta vẫn nhận được thị thực của Mỹ và nhanh chóng biết tận dụng thời gian. Ngay trên chuyến bay tới California, Mohamed đã kịp làm quen với một nữ y tá tên là Linda Sanchez và cưới cô này chỉ vài tuần sau đó. Hai vợ chồng chuyển đến sống tại San Jose và từ đây Mohamed trở thành một công dân Mỹ. Rất nhanh chóng tận dụng kinh nghiệm nhà binh của mình, anh ta trở thành trung sĩ dự bị của quân đội Mỹ tại vùng Forte Bregg, Bắc California. Do từng có cả chục năm quân ngũ, Mohamed được giao nhiệm vụ đào tạo một số đơn vị nhỏ để hoạt động tại vùng Trung Đông. Trong một cuốn băng ghi âm giới thiệu trước những người lính,

Mohamed đã từng giải thích: Từ quan điểm của đạo Hồi, Israel không có quyền tồn tại do họ đã chiếm đất của người Hồi giáo.

Trong 3 năm tại Forte Bregg, Ali Mohamed đã khiến các đồng nghiệp chú ý bởi các “hành vi hay thay đổi và khó đoán trước” của mình. Năm 1988, anh ta biến mất đi đâu vài tuần, khi trở về tuyên bố “được cử



*Những chiến binh
của tổ chức Hồi giáo Al Qaeda*

đến chiến đấu bên cạnh những chiến sĩ Mujaheddeen Afghanistan để chống lại quân Liên Xô”. Anh ta còn mang về 2 dây lưng nói là của những kẻ bị mình giết trong cuộc chiến. Cấp trên đã nhận được báo cáo về vụ việc này, tuy nhiên họ lại không hề xử lý. Sau lần này, Mohamed lại tìm cách gặp đại diện CIA tại Forte Bregg để nghị được làm việc cho Cơ quan Mật vụ Mỹ, nhưng anh ta không được để mắt tới. Tuy vậy, Cơ quan Tình báo Mỹ cũng biết được tương đối nhiều về hoạt động của Ali Mohamed. Anh ta thường đến New York vào cuối tuần để tiếp xúc với một nhóm bảo thủ cực đoan sống trong Trung tâm tị nạn Kifa ở Brooklyn. Theo các chuyên gia đánh giá, đây có thể là hạt nhân đầu tiên của Al Qaeda được Bin Laden tổ chức tại Mỹ. Camera của FBI còn quay được cảnh Mohamed huấn luyện cho 5 chiến binh Hồi giáo, những kẻ sau này bị buộc tội khủng bố tại WTC năm 1993. Viên trung sĩ quân đội

Mỹ này còn làm việc cùng với thủ lĩnh Omar Abdel Rahman, kẻ được coi là đầu não của chiến dịch trên. Tuy nhiên, FBI vẫn không hề động đậy. Ngay đến bây giờ, họ vẫn biện luận rằng, “không có đủ thông tin về những tên cực đoan để can thiệp khi đó”. Mùa xuân năm 1993, FBI đã có thể tận dụng cơ hội bắt Ali Mohamed. Một kẻ tình nghi vì có quan hệ với Osama Bin Laden bị bắt tại Canada đã khai ra Mohamed. Đến khi bị gọi đến tra hỏi, Mohamed đã thẳng thừng đề nghị được làm người báo tin cho FBI. Anh ta tuyên bố: Bin Laden đã xây dựng mạng lưới Al Qaeda để tấn công người Mỹ trên khắp thế giới và các điệp viên của Osama hiện vẫn đang ẩn mình chờ thời cơ tại Mỹ. Anh ta còn nói mình đã từng có mặt tại các trại huấn luyện của Osama tại Afghanistan và Sudan.

Trước những tiết lộ này, FBI vẫn quyết định trả tự do cho Mohamed với mục đích sử dụng anh ta làm gián điệp cho mình. Một luật sư tham gia vụ án bình luận: “Chính quyền khi đó đã rất mừng vì cho rằng đã tìm được người có thể cung cấp thông tin quan trọng về Bin Laden. Tuy nhiên, họ không biết cách kiểm soát anh ta”. Tất nhiên là Mohamed đã không kể cho FBI tất cả. Ví dụ như anh ta đã nín thinh về việc đã giúp Bin Laden đến được Sudan vào năm 1991 hay đã vài lần huấn luyện các thành viên của Al Qaeda. Anh ta cũng



Osama Bin Laden

không nói gì về hoạt động của mình tại Trung tâm ở Brooklyn. Điều quan trọng nhất mà Mohamed đã giấu kín là Bin Laden đã đề nghị anh ta điều tra về các đại sứ quán nước ngoài tại Nairobi (Kenya). Trong một lần gặp gỡ, Osama đã trao cho Mohamed tám ảnh chụp mặt tiền Sứ quán Mỹ và giải thích có thể tấn công bằng một chiếc xe tải chở đầy thuốc nổ. Ngày 7 tháng 8 năm 1998, những vụ khủng bố tại Kenya và Tanzania đã diễn ra. Tháng 9 năm đó, FBI yêu cầu Ali Mohamed ra làm chứng tại một phiên tòa lớn và sau đó bắt giữ anh ta khi đã khẳng định được chắc chắn "điệp viên" của mình có tham gia tổ chức khủng bố.

*** Hình phạt cho kẻ xỏ mũi**

Tháng 5 năm 1999, Chính phủ Mỹ chính thức buộc tội cựu trung sĩ Mohamed về việc tổ chức âm mưu khủng bố. Tháng 10 năm 2000, Mohamed đã thú nhận và nói sẵn sàng làm chứng chống lại 4 phần tử Hồi giáo bị buộc tội khủng bố tại Kenya và Tanzania để đổi lấy việc được giảm án. Tuy nhiên, trong phiên tòa kéo dài suốt 6 tháng này, Mohamed không thấy xuất hiện. Nhân vật đã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động khủng bố của Al Qaeda đang chờ đợi một bản án tại nhà tù Manhattan. Chính phủ Mỹ cũng từ chối tiết lộ hình phạt nào sẽ dành cho công dân Mỹ gốc Ai Cập đã xỏ mũi cả CIA lẫn FBI này.

GRUYTER GUYON

ĐIỆP VIÊN ĐÔNG ĐỨC LÀM CỔ VẤN THỦ TƯỚNG TÂY ĐỨC

Gruyter Guyon bước vào lịch sử là một điệp viên suốt mấy năm liền ở ngay bên cạnh thủ lĩnh một trong những cường quốc mạnh nhất thế giới - Thủ tướng Cộng hoà Liên bang Đức Willy Brandt. Sự thất bại của Guyter Guyon là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến việc thủ tướng rời ghế. Vì thế không thể không nhắc đến nhà hoạt động chính trị kiệt xuất này.

Trong hồi ký của mình *Những điều đáng nhớ*, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.A. Gromúco đã dành riêng cho ông cả một chương mang tựa đề “Ông Brandt đã viết cả một trang sử”. Sau đây là một vài đoạn (nói về năm 1970, khi chuẩn bị ký kết Hiệp ước Moscva giữa Liên Xô và Cộng hoà Liên bang Đức, trong đó công nhận Cộng hoà Dân chủ Đức là một quốc gia độc lập): “Ông Brandt đã được nổi tiếng ở Moscva. Những cuộc gặp gỡ giữa tôi với ông là cơ sở để nói rằng đó là một trong những nhà hoạt động kiệt xuất của Cộng hoà Liên bang Đức. Trong thời gian chiến tranh ông sống ở Thụy Điển. Ông tha xa rời đất nước của mình, còn hơn cúi đầu trước dấu thập ngoặc. Đó chính là danh dự của ông...”

Trước khi đạt tới đỉnh quyền lực quốc gia cao nhất ở Bonn, trong suốt mấy năm liền Brandt là thị trưởng Tây Berlin. Tất nhiên, làm thị trưởng thì có dịp tiếp xúc nhiều không những với các đại diện của Đông Đức, mà còn với cả đại sứ quán Liên Xô nữa... Ngay từ khi đó Brandt đã cảm thấy có cơ sở có thể xây dựng quan hệ giữa Liên Xô và Cộng hoà Liên bang Đức. Ông cho rằng luận đề về sự chung sống hoà bình... là nền tảng của mọi quan hệ. Và như vậy ông xây dựng một đường lối chính trị theo hướng đó”.

Qua đoạn trích dẫn khá dài này ta thấy rằng cả Liên Xô, cả Đông Đức đều không hề có ý định phủ định hoặc bôi nhọ thanh danh ông Willy Brandt. Nhưng làm sao ở bên ông lại là một sĩ quan tình báo Đông Đức?

Gruyter Guyon cùng với vợ là Kristel được đưa sang Tây Đức vào giữa năm 1950. Việc này không khó vì bên đó đã có mẹ của Kristel, họ không bị thẩm vấn và kiểm tra ở các trại tị nạn. Những người làm nghề tình báo không thể ngờ được rằng Guyter lại có thể leo cao được đến thế. Họ không đánh giá hết những năng lực phi thường và sự nỗ lực của Guyter.



Thủ tướng Tây Đức
Willy Brandt
(1913-1992)

*** Trợ thủ tin cậy của thủ tướng Tây Đức là gián điệp**

Hai vợ chồng bắt đầu từ việc mở một cửa hàng photocopy ở Frankfurt, Guyter còn làm thêm nghề nhiếp ảnh tự do. Cả hai người đều tham gia hoạt động chính trị, theo cánh tả của Đảng Dân chủ xã hội. Năm 1964 Guyon trở thành bí thư đảng

này ở Frankfurt, năm 1968 anh trở thành nghị viên của thành phố và là bí thư của đảng đoàn này trong nghị viện. Gruyter đảm bảo cho George Leber giành thắng lợi trong cuộc bầu cử, ông này đã tìm cho anh việc làm tại Bonn. Tổ chức tình báo giao cho anh nhiệm vụ thông báo kịp thời tình hình thế giới căng thẳng một cách nguy hiểm. Đồng thời cũng rất cần thông tin về những thế lực trong chính phủ quan tâm đến việc làm dịu tình hình thế giới. Gruyter Guyon cho rằng anh có thể kiếm được những thông tin như vậy nếu được ở cạnh “các nhà chớp bu”, tuy nhiên giới lãnh đạo tình báo lại kìm hãm bầu nhiệt huyết ấy.

Ngày 21-10-1969, Guyter Guyon được giới thiệu với sếp của văn phòng thủ tướng. Anh phải qua một kỳ thẩm tra chính trị và anh đã thể hiện mình tuyệt vời. Người ta soi mói quá khứ và hành vi của anh, nhưng không tìm thấy gì đáng ngờ cả. Anh lại còn được khen là thông minh và cần cù.

Trước khi bắt đầu công việc tham vấn cho Willy Brandt, Guyon đã được nhận vào nhóm thân cận của ông. Ít lâu sau anh đã chuyển về những thông tin giá trị. Chẳng hạn, trước cuộc hội đàm của Willy Brandt với Thủ tướng Đông Đức Willy Shtof, các cơ quan mật vụ Xô Viết và Đông Đức đã có được bản trình bày đầy đủ về các ý đồ của chính phủ Liên bang Đức. Năm 1970, văn phòng thủ tướng giao cho Guyon tổ chức Tiểu ban của chính phủ tiến hành đại hội Đảng Dân chủ xã hội Đức ở Saabryukken. Trong dịp này anh thiết lập được quan hệ với cơ quan nội vụ. Họ cho rằng anh đã được chính phủ tin cậy nên cho anh được tiếp cận với những tài liệu tuyệt mật. Sau đó anh trở thành người lãnh đạo ban tham mưu bầu cử và là người tham vấn cho Đảng trong văn phòng thủ tướng. Bây giờ anh thường xuyên ở bên cạnh Willy Brandt, điều đó cho phép anh

biết cả những mặt yếu của thủ tướng, đặc biệt trong chuyện yêu đương.

Cuộc bầu cử năm 1972 đã mang lại thắng lợi đáng khích lệ cho liên minh Đảng Dân chủ xã hội và Đảng Dân chủ tự do. Cùng với Willy Brandt, Guyon cũng được hưởng lợi. Từ ngày 1 tháng 1 năm 1973, anh trở thành cố vấn riêng của thủ tướng về các vấn đề đảng phái. Từ đây anh được tham gia vào các phiên họp của ban lãnh đạo đảng và đảng đoàn, vào các cuộc hội ý của các trưởng ban của Đảng. Anh có điều kiện để suy xét lập trường của các chính khách và những quyết định không những qua những dòng văn bản khô khan mà còn biết tường tận từ những phát ngôn đầu tiên. Đặc biệt có giá trị trong những điều kiện ấy là khả năng phân tích và trí tuệ sắc sảo của Guyon, khiến anh hiểu được các sự kiện và rút ra được những kết luận đúng đắn. Chính nhờ có Guyon mà các nhà lãnh đạo Đông Đức và chính phủ Liên Xô biết được rằng “đường lối phương Đông mới” của Brandt không phải chỉ là những lời hùng biện, mà là sự thay đổi đáng kể đường lối đối ngoại của Cộng hoà Liên bang Đức. Bằng hoạt động ủng hộ đường lối này, Guyon đã có tác động riêng vào tính chất của chính sách mà Brandt tiến hành. Nhưng một mối hiểm họa vẫn treo lơ lửng trên con đường sự nghiệp thành đạt của Guyter Guyon và trên chính số phận của anh. Nó đến từ nơi anh ít để phòng nhất.

*** Hiểm họa đến từ nơi ít để phòng nhất**

Mùa thu 1972, trong một cuộc gặp mặt ở Tây Berlin người ta bắt được điệp viên Wilhelm Gronau là nhân viên điệp vụ Đông Đức và tìm thấy một mẫu giấy có tên Guyon. Ngoài ra phản gián Tây Đức cũng đã biết được những quan hệ công việc



Cựu Tổng thống Mỹ Richard Nixon

giữa Guyon và Gronau, nhưng những quan hệ này vẫn là vô tình, người này không biết rằng người kia là điệp viên. Vì thế nhân viên mật vụ mới ghi tên Guyon để báo cho Gronau rằng không nên có quan hệ với

nhân vật này. Tuy nhiên cơ quan phản gián cũng bắt đầu theo dõi Guyon, nhưng anh không những không bị cách ly khỏi những hoạt động bí mật trọng đại, mà ngược lại, lại còn gần với Brandt hơn. Mặc dầu đến cuối tháng 5 Bộ trưởng Nội vụ Hensher đã cảnh báo cho Brandt (không biết là dưới hình thức nào) về những điều đáng ngờ đối với Guyon, nhưng thủ tướng vẫn mời Guyter cùng đi nghỉ với ông ở Na Uy. Mấy tuần liền ở đó anh thực hiện trách nhiệm là cố vấn riêng và chánh văn phòng. Mọi thư từ của thủ tướng đều qua tay anh. Lúc này cũng là lúc chuẩn bị cho Hội nghị An ninh và hợp tác Châu Âu, sẽ được tiến hành ở Helsinki. Đức là đối tác chính, và Nixon có cuộc mật đàm với Brandt, còn Ngoại trưởng Kissinger - với Bộ trưởng Ngoại giao Sheel. Nixon muốn hối thúc các đồng minh Châu Âu ký kết bản Hiến chương Đại Tây Dương, theo đó các quốc gia thành viên NATO phải công nhận quyền chủ đạo của Mỹ. Guyon nắm vững tình hình hội đàm và những mâu thuẫn giữa các đồng minh NATO. Để thông báo về ban chỉ huy anh đã sao chép các văn bản hệ trọng nhất về những bất đồng ý kiến sâu sắc giữa các thành viên NATO và qua vợ anh gửi đến nơi quy định. Nhưng do trực trặc mà chúng

không đến được địa chỉ. Trong một quán cà phê, khi Kristel gặp cô liên lạc Anita, họ phát hiện rằng bị chụp ảnh lén. Anita vẫn cứ nhận tài liệu, nhưng một lát sau, trên cầu qua sông Reyn, cô phát hiện thấy mình bị theo dõi dày đặc, cô bèn rút cái túi xuống sông và dòng sông đã vĩnh viễn chôn vùi bí mật của những tài liệu đó.

Việc theo dõi Guyon vẫn được tiếp tục. Đã có thêm những bằng chứng nghiêm trọng. Ngay từ những năm 50, các cơ quan mật vụ Cộng hòa Liên bang Đức đã có thể giải mã các bức điện của Trung tâm. Biết thế, tình báo đã chuyển sang hệ mã khác, nhưng các bức điện cũ thì vẫn được lưu trong cơ quan mật vụ Tây Đức. Một nhân viên phản gián kỹ tính quyết định kiểm tra xem trong số các điệp viên có những ai được mừng sinh nhật trong những năm đó. Hoá ra trong đó có Guyter Guyon. Bây giờ bọn phản gián không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng cần phải có chứng lý. Hơn nữa còn một tình huống không nói ra được buộc không thể vội vàng về việc bắt giữ Guyon. Vấn đề là thủ tướng Willy Brandt có nhiều kẻ thù và đối thủ, nói một cách đơn giản là họ muốn ông ta dấn sâu vào các mối quan hệ với Guyon. Bọn do thám rình mò thủ tướng liên tục xem cổ phải đây là một mục tiêu xứng đáng hay không? Các sự kiện về sau đúng như vậy: việc phanh phui Guyter Guyon đã làm thủ tướng mất chức.

Cuộc theo dõi Kristel và Anita đã làm tình báo Đông Đức hoảng sợ. Guyon được lệnh ngừng hoạt động tình báo và chuẩn bị về Đông Đức, đúng lúc vợ chồng anh cảm thấy nguy hiểm. Nhưng tất cả đều yên ắng. Đến tháng 2 năm 1974 quan hệ giữa họ lại được khôi phục. Tháng 4 năm đó Guyter đi nghỉ ở miền Nam nước Pháp, ở đây anh thấy mình bị theo dõi. Việc này diễn ra trên khắp đất Pháp, đến Bỉ mới thôi. Anh có thể

trốn được, nhưng anh không trốn. Ngày 24 tháng 4 năm 1974, ngay sau khi trở về vợ chồng anh bị bắt. Khi bị bắt Guyter hốt hoảng, trước hết anh nghĩ đến con trai, anh kêu lên: “Tôi là công dân và sĩ quan Đông Đức, hãy nhớ lấy!”. Điều đó còn mạnh hơn là thú nhận, và việc điều tra chỉ còn là củng cố thêm sự thật mà thôi.

*** Một vụ án kỳ lạ ẩn chứa một âm mưu**

Trong các cuộc hỏi cung Guyter khẳng định rằng anh có làm tình báo, nhưng từ chối không cung khai anh đã biết gì về đời tư của ông Willy Brandt. Anh hoàn toàn từ chối không nói gì về công việc của mình cả. Mọi việc điều tra và xử án Guyon đều lạ lùng. Không ai trả lời được câu hỏi chính: vì sao tổ chức phản gián biết rằng Guyter Guyon là điệp viên nước ngoài, mà vẫn để yên cho anh ở gần Brandt lâu đến như thế, để yên cho anh nắm được mọi bí mật quốc gia. Trong hồi ký của mình Brandt viết: *“Nếu có một sự nghi ngờ nặng nề thì không bao giờ lại để cho một điệp viên nước ngoài ở ngay cạnh mình, phải đưa anh ta đi ngay vị trí khác, để có thể quan sát được tốt hơn, thậm chí còn thăng chức nữa là khác. Đáng lẽ phải bảo vệ thủ tướng thì người ta lại biến thủ tướng thành điệp viên - con mối trong cơ quan mật vụ của chính nước mình”*. Willy Brandt đã trở thành nạn nhân của những mâu thuẫn bên trong đảng của ông và đến ngày 6 tháng 5 năm 1974 ông phải thôi chức.

Guyter Guyon bị kết án 13 năm tù, còn Kristel 8 năm. Tháng 3 năm 1981 là Kristel, và đến ngày 1 tháng 10 là Guyter Guyon được đánh đổi. Nhưng cuộc sống gia đình của họ không tồn tại lâu nữa, mọi người đều đã lập gia đình mới.

Giữa năm 1995 sau một thời gian dài bệnh tật, Guyter Guyon qua đời.

MỤC LỤC

❖	<i>Lời giới thiệu</i>	5
❖	PIOT'R TOLSTOI	
	Điệp viên quý tộc của Piot'r Đại đế	7
❖	ANDRE TIMOTE D'EON DE BOMON	
	Hiệp sĩ D'Eon bí ẩn - đàn ông hay đàn bà?	14
❖	CARL SULMASTER	
	Điệp viên - gián điệp vĩ đại của Napoleon	22
❖	ALEXANDR CHERNUSEV	
	Con đường dẫn đến vinh quang	35
❖	LINH MỤC LEKLERK	
	Điệp viên đảng sau bọc xưng tội	42
❖	VILHELM STIEBER	
	Điệp viên cao thủ bị khinh rẻ	50
❖	ALFRED REDL	
	Bí mật sau vụ tự sát	59
❖	SIDNEY REILLY	
	"Khôn ngoan vẫn sa bẫy"	65
❖	TREBITSCH-LINCOLN	
	Kẻ đại bại chính trị	76
❖	FRANS FON PAPEN	
	Điệp viên "may mắn"	84

✧ VASMUS	
Điệp viên ngoại giao ở xứ Ba Tư	92
✧ WILHELM LEHMANN	
Nguyên mẫu của “17 khoảnh khắc mùa xuân”	99
✧ WILLIAM VARVIC CORCORAN	
Người cứu London khỏi tên lửa Đức Quốc xã	108
✧ LAURENCE XỨ AVARIA	
Gương mặt “điệp viên thơ mộng”	116
✧ “ROBIN”	
Một cái tên vẫn còn là ẩn số	126
✧ DIÊM BẢO HÀNG	
Nhà tình báo lỗi lạc của Trung Quốc	135
✧ HENRI ROBINSON	
Tài năng và lòng quả cảm	143
✧ SANDOR RADO	
Từ “Dora” đến “Bộ ba đỏ”	152
✧ NAUM EITINGON	
Những tấm huân chương	171
✧ WILLIAM FISHER-RUDOLF ABEL	
Những hoạt động sống sau tên một người chết	180
✧ LEOPOLD TREPPER	
“Sếp lớn” của “Dàn đồng ca đỏ”	191
✧ ARNOLD DEITCH-STEPHAN LANG	
Người tạo dựng “Bộ ngũ Cambridge”	200
✧ OTTO SCORSENI	
Điệp viên SS khát máu	209
✧ ALEXANDR COROTCOV	
Người tổ chức các điệp vụ ở Đức của tình báo Nga	223

✧ HARRO SCHULZE-BOYSEN	
Anh cả trong “Dàn đồng ca đỏ”	234
✧ NICOLAI CUZNESOV	
Điệp viên hành động	242
✧ KLAUSE FUCHS	
Khi bác học nguyên tử làm điệp viên	255
✧ HEINZ FELFE	
Những bước ngoặt gian truân	263
✧ FRANZ VON RINTELEN	
Điệp viên biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất	275
✧ EDVARD MILLER	
Người thợ mộc hải quân tình cờ làm điệp viên	285
✧ ĐÀO PHÚC LỘC	
Nhà tình báo nổi tiếng qua hai cuộc trường chinh lịch sử	290
✧ KIM SƠN	
Những vai kịch của điệp viên A14	301
✧ VŨ NGỌC NHA	
Cố vấn ba đời Tổng thống Ngụy Sài Gòn	317
✧ OLDRICH AIMS	
CIA làm việc cho Nga	328
✧ NGUYỄN THÀNH TRUNG	
Điệp báo viên sau 20 năm ẩn tích ném bom Dinh Độc Lập	334
✧ ALI MOHAMED	
Điệp viên hai mang của Bin Laden xỏ mũi CIA và FBI	347
✧ GRUYTER GUYON	
Điệp viên Đông Đức làm cố vấn thủ tướng Tây Đức	353

Tìm đọc

- Đoàn Tử Huyền (chủ biên), *Nguyễn Công Trứ trong dòng thời đại*, Nxb Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây.
- Đoàn Tử Huyền (chủ biên), *Bùi Giáng trong cõi người ta*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2008.
- Huyền Li sưu tầm và biên soạn, *Bùi Giáng qua 99 giai thoại*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2008.
- Ban Mai, *Trịnh Công Sơn - vết chân dã tràng*, Nxb Lao động - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2008.
- Quang Khải, *Bùi Viện - Sứ giả Việt Nam đầu tiên đến Hoa Kỳ*, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2008.
- *Hoàng Đế nội kinh*, Nguyễn Tử Siêu dịch, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây.
- *Chàng Tadeush*, Adam Mickiêvich, Nguyễn Văn Thái dịch, Nxb Hội Nhà văn - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2008.
- Hữu Ngọc, *Từ điển giản lược tác phẩm văn học*.